

TỶ NẠI DA
Hán dịch: Sa-môn Trúc Phật Niệm,
ở Lương Châu, đời Diêu Tần.
Việt Dịch: Thích Tâm Tịnh
Chứng nghĩa: Tỷ kheo Thích Đồng Minh,
--- o0o ---

Nguồn

www.quangduc.com

Chuyển sang ebook 18 – 8 - 2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website <http://www.phatphaponline.org>

Mục Lục

BÀI TỰA TỶ-NẠI-DA

Quyển thứ nhất

Quyển thứ hai

Quyển thứ ba

Pháp TĂNG-TÀN thứ nhất

Quyển thứ tư

TĂNG-TÀN GIỚI LÀM MAI MỚI

Quyển thứ năm

Nói về giới PHÁ TĂNG

Quyển thứ sáu

Hai pháp BẤT ĐỊNH VÀ Ba Mươi Pháp XẢ ĐỌA

Quyển thứ bảy

Phần một: pháp BA-DẬT-ĐỀ

Quyển thứ tám

Quyển thứ chín

Pháp BA-LA-ĐỀ-ĐỀ-XÁ-NI

Pháp XOA-KẾ-LẠI-NI (Pháp Chúng học)

--- o0o ---

BÀI TỰA TỶ-NẠI-DA

(THÍCH ĐẠO AN thuật)

A-Nan nói kinh vâng theo Thánh chỉ, năm trăm La-hán cùng nhau giám định, phân làm mười hai bộ, đầy đủ lời dạy trong bốn mươi chín năm của Thế Tôn. Nay mười hai bộ ấy được viết lại thành bốn bộ A-Hàm, A-tỳ-đàm, Tỳ-nại-da, đầy đủ ba tạng.

Người học Phật ở Thiên Trúc tôn trọng, đọc tụng, học hỏi luôn và an trí nơi cao quý.

Những Sa-môn bậc cao thì thông suốt ba tạng.

Những Sa-môn bậc vừa và thấp thì thông một hoặc hai tạng mà thôi.

Kinh được lưu hành đến đất Tần, có loại tự đến, là kinh do Sa-môn Thiên Trúc đem sang và tạo thành mười hai bộ, trong đó bộ Tỳ Viêt La là nhiều nhất. Do ở nước này có đạo học của Lão, Trang lưu hành, tương tự với kinh Phương đẳng, cho nên dân chúng ở đây dễ thực hành theo kinh Phật.

Đạo-An tôi ân hận ba tạng không đủ và cho đó là sự thiếu sót.

Năm Nhâm Ngọ, Cru-ma-la Phật-đề mang A-tỳ-đàm sao và Tứ A-hàm sao đến Trường An. Với lòng khát ngưỡng đã lâu, ngay trong mùa Hạ ấy đã phiên dịch bộ A-tỳ-đàm sao, gồm bốn quyển. Mùa Đông lại phiên dịch bộ Tứ A-hàm sao, gồm bốn quyển.

Lại nữa, Luật sư ở nước Kế-Tân - bạn của Phật-đề - tên là Da-xá tụng luật rất thông suốt. Đạo An tôi liền mời vị ấy dịch ra. Phật-đề đọc tiếng Phạm, Phật-niệm dịch, Đàm-cảnh ghi chép. Ngày 12 tháng 1 bắt đầu, đến ngày 25 tháng 3 hoàn tất, gồm bốn quyển, tương đương với bản giới kinh mà Đàm-ma-thi dịch khi xưa. Hai bản rất phù hợp với nhau. Trong 260 việc, có việc nào còn nghi ngờ thì chúng tôi đều hỏi kỹ càng. Xin xét rõ những điểm khác nhau chủ yếu thì mới hiểu rõ được. Trong hai năm ở nước Tần đã đầy đủ ba tạng.

Thế Tôn chế giới ắt có nguyên nhân của nó. Nhóm sáu Tỳ-kheo sanh trong dòng quý tộc, vụn rỗng, dựa phượng, tuy thích xuất gia nhưng chưa dứt trừ tâm tánh của người quyền quý, thường làm việc sai trái nên giới này phát sanh. Một người đắc đạo, hai người sanh thiên, hai người làm rỗng, một người đọa địa ngục vô gián. Ý vào sự quý phái, không biết kèm chế nên tự đánh mất sự thân thích ấy. Giả sử họ là con nhà trung lưu, gặp Phật xuất gia

thì tuy không thể ngồi một lần là thành đạo, nhưng chắc không đến nỗi bị khốn khổ như vậy.

Khi Phật chưa chế giới, con người vi phạm những việc ô uế rất nhiều. Sau khi đã chế giới thì tình hình thay đổi tốt đẹp hơn. Việc trì luật của người Thiên Trúc không hoàn toàn thông suốt. Chỉ có người nào nắm đủ mười hai pháp và định lực kiên cường thì mới được khai thị và trao truyền cho. Khi trao truyền, người ấy được dặn đi dặn lại rằng: “Thầy phải thực hành, không được chỉ biết suông”. Lời ấy hết sức thiết thật.

Từ nay về sau, nước Tần có bộ luật này rồi, xin những người cùng chí hướng với tôi cẩn thận trong việc trao truyền. Xin chớ truyền cho những người chưa đủ năm hạ và chẳng trì luật.

--- o0o ---

Quyển thứ nhất

Có ba loại giới là:

- Giới Vô thượng giới.
- Giới Vô thượng ý.
- Giới Vô thượng trí.

Thế nào là giới Vô thượng giới? - Ở đây Tỳ-kheo trì giới dùng giới giải thoát để tự trang sức, tu tập thuần thực, lo sợ với cả những việc nhỏ, tương ưng với giới ở trong giới. Đó là giới Vô thượng giới.

Thế nào là giới Vô thượng ý? - Ở đây Tỳ-kheo trừ bỏ dâm dục, đạt đến bốn thiền, chánh định tư duy. Đó là giới Vô thượng ý.

Thế nào là giới Vô thượng trí? - Ở đây Tỳ-kheo biết đây là khổ đế, biết đây là nguyên nhân của khổ, biết đây là nơi chấm dứt khổ, biết đây là con đường chấm dứt khổ. Đó là giới Vô thượng trí.

Do ba loại giới này mà có bậc Thuận chơn và hằng sa chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đã xuất hiện. Đó là kho tàng, vật báu, sự bí yếu của Phật để giáo huấn ba thừa: Thanh văn, Duyên giác và Chánh đẳng giác.

Phật Thế Tôn ở tại vườn Thạch Đài, cạnh sông Di Hâu, thuộc thành Bỉ-thế-la (Tần dịch Quảng Bác). Cách thành Bỉ-thế-la không xa có dòng họ Ca-lan-đà-kiềm-ba sanh sống. Gia đình này có người con tên Tu-đạt-đa. Gia đình ấy giàu có vô hạn, ruộng vườn rất nhiều, nhà cửa rộng rãi, voi, ngựa, lạc đà, tiền, thóc lúa, châu báu, vàng bạc, trân châu, lưu ly, ngọc báu, hồ phách, mã não, xa cừ, san hô... nhiều vô số.

Tu-đạt-đa xả bỏ gia đình giàu có ấy, đến gặp Như Lai nghe pháp, đạt được niềm an lạc và tin tưởng. Nhờ lòng tin và sự an lạc này, vị ấy đạt được chánh định, liền cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo. Vị ấy cùng vô số Tỳ-kheo đến vườn Trúc, thuộc thành Câu-tát-la để kiết hạ.

Bấy giờ, gặp lúc đói kém, thóc lúa đất đỏ, cây lúa bị sương và mưa đá làm chết gần hết. Số ít còn sống sót lại bị sâu ăn hết. Vì thế khát thực rất khó được.

Lúc ấy, Tu-đạt-đa, con của Ca-lan-đà suy nghĩ: “Nay gặp lúc đói kém, thóc lúa đất đỏ, cây lúa bị mưa đá làm chết gần hết. Số ít còn sống sót lại bị sâu ăn. Vì thế khát thực khó được”. Suy nghĩ xong, Tu-đạt-đa bảo với các Tỳ-kheo rằng:

- Các vị hãy nghe đây! Tôi có một gia đình thân quen ở nước Bỉ-thế-la, giàu có vô hạn; tiền của, ruộng vườn rất nhiều; châu báu và các đồ đạc khác rất sung túc. Chúng ta hãy cùng nhau đến đó để độ cho người thân làm phước, mà các Tỳ-kheo cũng được yên ổn. Đã đúng thời, chúng ta nên đến nước Bỉ-thế-la. Khi đã đến nước ấy, các Tỳ-kheo sẽ được cúng dường đồ ăn uống, thuốc men và y áo.

Lúc ấy, Tu-đạt-đa - con của Ca-lan-đà - kiết hạ an cư ở Câu-tát-la. Sau ba tháng kiết hạ an cư, các vị ấy may vá y phục. Vào ngày y phục đã được chuẩn bị xong, Tu-đạt-đa liền đắp y, mang bát, dẫn đại chúng đi dần đến Bỉ-thế-la và dừng chân ở vườn Thạch-đài, cạnh sông Di Hâu, thuộc nước Bỉ-thế-la để tìm thức ăn và chia thức ăn cho các Tỳ-kheo.

Khi đến giờ, Tu-đạt-đa - con của Ca-lan-đà - đắp y mang bát đến nhà người thân ở nước Bỉ-thế-la khát thực. Sau khi khát thực xong, vị ấy vội vàng ra đi.

Lúc ấy, nàng hầu của gia đình Ca-lan-đa trông thấy Tu-đạt-đa, con của Ca-lan-đa, đi vào nhà người thân và vợ vàng trở ra, liền đến gặp mẹ của Ca-lan-đa, quỳ xuống thưa rằng:

- Hồi nãy quý tử Tu-đạt-đa, con của Ca-lan-đa, đi vào nhà người thân và vợ vàng trở ra, không biết vị ấy có bệnh tật hay buồn rầu gì không. Hay là không thích phạm hạnh và đã phạm giới, muốn bỏ đạo hoàn tục?

Nghe xong, mẹ Tu-đạt-đa rất vui mừng, không thể kèm chế được, liền đến chỗ Tu-đạt-đa, bảo với Tu-đạt-đa rằng:

- Thân thể ông có được khỏe không? Có ý tưởng gì khác không? Có ý phạm phạm-hạnh không? Có ý muốn phạm giới, bỏ đạo hoàn tục không? Nếu có tâm ấy thì hãy mau trở về. Này Tu-đạt-đa! Hãy xả giới hoàn tục, mặc sức bố thí và tạo các công đức. Vì sao vậy? - Ở trong chúng của Phật thì giữ gìn giới luật rất khó, học đạo cũng rất khó.

Nghe vậy, Tu-đạt-đa liền bảo với mẹ rằng:

- Tôi không có tật bệnh, cũng không có ý tưởng gì khác, không có phạm phạm-hạnh, ý không muốn phạm giới, bỏ đạo hoàn tục.

Người mẹ lại nói:

- Tu-đạt-đa! Ông nên biết rằng: vợ của ông trước đây xinh đẹp không ai sánh bằng. Nếu không muốn bỏ đạo hoàn tục thì hãy để lại hạt giống để kế tục, làm phát triển dòng tộc của ta. Một mai nếu không có người kế tục thì tiền của, châu báu sẽ bị vua Câu-tát-la đoạt hết.

Tu-đạt-đa đáp:

- Nếu để tôi tiếp tục tu đạo thì tôi có thể làm việc ấy.

Lúc ấy, mẹ Tu-đạt-đa bảo với vợ Tu-đạt-đa rằng:

- Sau nguyệt kỳ ba ngày, hãy mặc y phục khi mới cưới, trang điểm cho đẹp rồi đến báo ta.

Theo lời bà ấy bảo, sau nguyệt kỳ ba ngày, vợ Tu-đạt-đa mặc y phục mà trước đây chồng mình thích, đến chỗ mẹ của Tu-đạt-đa và thưa rằng:

- Nay chính là ngày thứ ba sau nguyệt kỳ.

Sau đó, mẹ Tu-đạt-đa dẫn người vợ ấy đến chỗ Tu-đạt-đa bảo với Tu-đạt-đa rằng:

- Nên biết người vợ này xinh đẹp không ai sánh bằng. Hãy để lại hạt giống nói dối, đừng để dòng họ ta bị tuyệt tự, tiền của châu báu bị vua Câu-tát-la đoạt hết.

Nói xong, bà ta để người vợ ở lại và lập tức tránh đi.

Lúc ấy, Tu-đạt-đa dẫn người vợ đến chỗ kín và làm việc bất tịnh. Trong chốc lát mà họ làm đến ba lần.

Lúc đó, Đê Thích giáng thân vào thai ấy. Sau tám chín tháng, vợ Tu-đạt-đa sanh con trai, mặt mày xinh đẹp không ai sánh bằng. Vì trước đây đã nói là để kế tục dòng giống nên người mẹ liền đặt tên cậu ấy là Tục-chủng (kế tục dòng giống)

Sau khi làm việc xấu xa ấy, Tu-đạt-đa xấu hổ và rất nhục nhã đối với người khác. Lúc ấy, Tu-đạt-đa cùng các Tỳ-kheo đồng học kiết hạ an cư xong, mọi người đến thăm hỏi nhau:

- Tâm ý thầy có ổn định không? Sức khỏe có dồi dào không? Trong khi an cư, đồ cúng dường có đầy đủ không? Có phải đi khát thực không? Có bệnh tật và có ý tưởng gì khác không?

Tu-đạt-đa đáp:

- Các thầy nên biết, tâm ý tôi vẫn ổn định. Trong khi kiết hạ vẫn được no đủ. Cũng không phải ra ngoài khát thực. Không có bệnh tật nhưng lại có ý tưởng khác.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Nếu thầy có tâm ổn định an lạc, trong khi kiết hạ hoàn toàn no đủ, lại không có bệnh tật thì vì sao lại có ý tưởng khác?

Tu-đạt-đa liền đem việc mình đã vi phạm trước đây kể hết cho các Tỳ-kheo. Lập tức, các Tỳ-kheo hết sức quở trách Tu-đạt-đa:

- Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói sự xấu xa của dâm dục, của việc hưởng về dâm dục, niệm dâm dục, ý dâm dục mạnh mẽ. Thế Tôn đã nói về sự xấu xa của dâm dục, của việc hưởng về dâm dục, niệm dâm dục, ý dâm dục mạnh mẽ.

Sau khi liên tục quở trách, các Tỳ-kheo liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát đất, ngồi qua một phía, đem việc đã vi phạm bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật biết nhưng vẫn hỏi Tu-đạt-đa:

- Có thật ông đã phạm việc ấy không?

Đáp:

- Thật sự con có phạm, thưa Thế Tôn.

Thế Tôn nói:

- Ta đã dùng vô số phương tiện nói với người ngu về sự xấu xa của dâm dục, của việc hưởng về dâm dục, niệm dâm dục, ý dâm dục mạnh mẽ. Sự xấu xa của dâm dục là như vậy.

Phật dùng nhiều phương tiện kết giới cho Sa-môn. Ngài quán thấy mười đức của Tỳ-kheo khi họ giữ giới. Mười đức ấy là gì?

1- Giữ gìn, nuôi dưỡng đạo đức và giúp đại chúng hành đạo.

2- Làm cho người chưa tin giới phát sanh lòng tin.

3- Thường làm cho người biết thẹn, thức tỉnh về lỗi lầm của mình.

4- Làm cho người mắc tà kiến đi vào đường chánh.

5- Làm cho người đã chơn chánh càng chơn chánh hơn.

6- Hiện đời học đạo, diệt hết phiền não và làm cho tương lai không còn kiết sử.

7- Phiền não ở tương lai bị diệt trừ, không còn phát sanh.

8- Tích tụ các hạnh lành.

9- Không đánh mất phạm hạnh.

10- Làm cho phạm hạnh tồn tại lâu dài.

Sa-môn đều phải biết điều ấy.

Nhân sự việc ấy, Thế Tôn liền tập hợp chúng Tăng, kiết giới này:

- Tỳ-kheo nào phạm giới, không xả giới, giới sút kém, không tự hồi cải, làm việc bất tịnh, phạm pháp dâm dục thì Tỳ-kheo ấy phạm Ba-la-di bồ-đề-a-tát-bà-tứ.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc.

Lúc ấy có Tỳ-kheo khác kiết hạ an cư trong một khu vườn cách thành Câu-tát-la không xa. Gần khu vườn ấy có một con vượn cái sinh sống. Con vượn cái thường đến chỗ thầy Tỳ-kheo, thầy Tỳ-kheo thường cho con vượn ấy ăn. Vì thế, con vượn không sợ Tỳ-kheo ấy và cùng nhau làm hạnh bất tịnh.

Trong đại chúng Tỳ-kheo có người đồng học với Tỳ-kheo ấy, cũng kiết hạ an cư ở nước Câu-tát-la. Sau khi đã mãn hạ, vào ngày y phục đã được may vá hoàn tất, họ đáp y, mang bát đến chỗ Tỳ-kheo nọ, bảo với Tỳ-kheo ấy rằng:

- Từ ngày nhập hạ đến giờ, thầy có bệnh hoạn gì không? Có đi ra ngoài khát thực không? Có ý tưởng gì khác không?

Tỳ-kheo ấy đáp:

- Thưa các vị, trong khi nhập hạ tôi không bị bệnh hoạn, cũng không có loạn tưởng.

Lúc ấy, con vượn từ bên ngoài đi vào, đến thẳng chỗ Tỳ-kheo ấy ngồi ở phía trước, nó chăm chú Tỳ-kheo nọ. Thấy Tỳ-kheo ấy quay mặt đi, nó lại ngó các Tỳ-kheo khác rồi quay lại ngó Tỳ-kheo ấy, rồi đưa lưng hướng về Tỳ-

kheo đó. Tỳ-kheo ấy xấu hổ với các Tỳ-kheo nên không theo con vượn, cũng không liếc nhìn nó.

Thấy Tỳ-kheo ấy không nhìn mình, con vượn phát sanh ý ác, quay mình nắm kéo, cào cấu làm đau mặt thầy Tỳ-kheo bị thương rồi bỏ đi.

Các Tỳ-kheo lớn tuổi bảo Tỳ-kheo ấy rằng:

- Lúc nãy con vượn đến đây, trước tiên đưa mắt nhìn thầy, rồi quay lại nhìn chúng tôi, rồi lập tức quay lưng về phía thầy. Thấy thầy không nói, không nhìn nó liền nổi giận níu kéo, cào cấu làm đau mặt thầy bị thương rồi bỏ đi. Như thế là thế nào?

Các Tỳ-kheo gạn hỏi Tỳ-kheo ấy nhiều lần. Bị các Tỳ-kheo gạn hỏi mãi, Tỳ-kheo ấy liền tự thú. Các Tỳ-kheo nói:

- Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói về sự xấu xa của dâm dục, của sự hưởng về dâm dục, niệm dâm, sự thiêu đốt của dâm, sự dơ bẩn của dâm, vì sao thầy không chịu quán sát sự dâm dục này, lại đi làm việc ác đó?

Sau nhiều lần quở trách Tỳ-kheo ấy, các Tỳ-kheo liền đến chỗ Phật, đánh lễ sát đất rồi ngồi qua một phía, bạch với Phật tất cả những việc mà họ vừa thấy, nghe.

Nghe xong, Phật bảo Tỳ-kheo ấy:

- Có thật vậy không?

Tỳ-kheo ấy xấu hổ, mặt mày thất sắc như dính bụi đất, quỳ gối phải sát đất, sửa y, bày vai phải, chấp tay bạch Thế Tôn:

- Đúng vậy, thưa Thế Tôn!

Thế Tôn bảo Tỳ-kheo ấy:

- Ta há đã không dùng nhiều phương tiện nói cho người ngu biết sự xấu xa của dâm dục, của sự hưởng dâm, niệm dâm, sự thiêu đốt của dâm. Ta đã nói tất cả lỗi lầm của dâm dục.

Sau khi dùng vô số phương tiện nói về dâm dục, nhân việc ấy, Phật tập hợp chúng Tăng, quán sát mười đức phát sanh khi Tỳ-kheo giữ giới hạnh, cho đến phạm hạnh tồn tại lâu dài. Kế đó, Phật kiết giới cho các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo nào phạm giới, tâm dâm dục phát sanh, không xả giới, giới sút kém, không tự sám hối mà làm hạnh bất tịnh, cho đến cùng loài súc sanh thì bị vứt bỏ, không còn ở trong hàng ngũ Tỳ-kheo.

Thế nào là giới? - Hai trăm năm mươi giới mà Tỳ-kheo phải giữ và giới Vô thượng giới gọi là giới trong giới.

Thế nào là không xả giới?

- Không xả giới là xả giới khi ngu si, loạn ý, khổ não.

- Hướng về người cầm đũa xả giới, là không xả giới.

- Xả giới với người không cùng ngôn ngữ là không xả giới.

- Nếu xả giới một mình cũng không thành xả giới.

- Đối trước tháp Phật, tháp Sa-môn xả giới, cũng không thành xả giới.

Nếu lìa bỏ, không y chỉ Phật, Hòa thượng, bạn của Hòa thượng, A-xà-lê, bạn A-xà-lê và nói với các Tỳ-kheo rằng: “Tôi không sống ở trong Phật pháp, tôi đã từ bỏ không hành đạo nữa”. Các Tỳ-kheo hỏi: “Thầy không hành đạo nữa sao?”. Tỳ-kheo ấy nói: “Không hành đạo nữa”. Thì đó là xả giới.

Hành dâm ba chỗ của người nữ thì bị vứt bỏ. Ba chỗ ấy là:

- Tiếp xúc với đường sanh sản và sự vứt bỏ thứ nhất.

- Tiếp xúc đường đại tiện là sự vứt bỏ thứ hai.

- Tiếp xúc miệng là sự vứt bỏ thứ ba.

Tiếp xúc người nam ở hai chỗ cũng bị vứt bỏ. Đó là: Tiếp xúc hậu môn và miệng.

Tiếp xúc kẻ bất thành nam ở hai chỗ thì bị vứt bỏ.

Tiếp xúc với kẻ nhĩ hình vừa có nam căn vừa có nữ căn ở ba chỗ thì bị vứt bỏ, như xúc chạm với người nữ.

Tiếp xúc với súc sanh cái ở hai chỗ thì bị vứt bỏ.

Tiếp xúc với súc sanh đực ở một chỗ thì bị vứt bỏ.

Tiếp xúc với súc sanh chưa rõ đực cái cũng vậy.

Tiếp xúc với súc sanh có hai căn thì có hai chỗ, thì bị vứt bỏ.

Tiếp xúc với gà, chim ở một chỗ thì bị vứt bỏ.

Tiếp xúc với phi nhơn nữ ở ba chỗ thì cũng giống như tiếp xúc với người nữ.

Đó là tội Ba-la-di làm hạnh bất tịnh.

Lúc ấy, Phật cùng đại chúng đệ tử gồm một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo trụ tại núi Thuru, ở La-duyệt-kỳ.

Khi ấy các Tỳ-kheo gom góp cây và cỏ để làm tịnh thất. Khi các Tỳ-kheo vào thành La-duyệt-kỳ khát thực thì các nam nữ lớn nhỏ ở thành La-duyệt-kỳ đi ra khỏi thành, phá hoại các tịnh thất đem cây về dùng.

Sau khi khát thực xong, các Tỳ-kheo trở về thấy các tịnh thất của mình đã bị phá hoại. Các Tỳ-kheo lại thu lượm cây và cỏ làm tịnh thất mới để ở. Khi họ vào thành La-duyệt-kỳ khát thực, các nam nữ lớn nhỏ trong thành La-duyệt-kỳ lại phá các tịnh thất và mang đi.

Ba lần như vậy, các Tỳ-kheo thấy vậy liền suy nghĩ: “Các nam nữ lớn nhỏ trong thành La-duyệt-kỳ thường đi ra phá tịnh thất”.

Trong chúng ấy có một Tỳ-kheo tên Đản-nị-ca - con của người thợ gốm - suy nghĩ như vậy: “Chúng ta lấy cây và cỏ làm tịnh thất. Khi chúng ta đi vào thành khát thực thì các nam nữ trong thành đi ra phá hoại tịnh thất của chúng ta. Ở trong thành này có người thợ xẻ cây gỗ là bà con của ta. Ta phải đến đó xin gỗ ván để làm tịnh thất”.

Khi đã đến giờ thích hợp, Đàn-nị-ca đắp y, mang bát vào thành La-duyệt-kỳ, đến nhà người thợ xẻ gỗ, bảo với ông ta rằng:

- Anh nên biết, vua A-xà-thế đã ban tặng gỗ cho tôi, anh hãy giao cho tôi.

Thợ xẻ gỗ đáp:

- Nếu vua đã cho thì thầy hãy lấy tùy ý.

Tỳ-kheo Đàn-nị-ca tự ý lấy hết gỗ tốt - loại tài sản quan trọng của nhà nước - của xẻ và chất ở một nơi để giữ.

Lúc ấy, quan giữ thành La-duyệt-kỳ đi tuần trong thành La-duyệt-kỳ, đến chỗ cất chứa gỗ, thấy loại gỗ cấm của nhà nước bị cưa thành từng đoạn và chất ở một chỗ, liền đến chỗ người thợ xẻ gỗ hỏi rằng:

- Nay anh thợ xẻ gỗ! Ai đã cắt gỗ của vua thành nhiều khúc chất ở một chỗ?

Người thợ xẻ gỗ đáp:

- Tỳ-kheo Đàn-nị-ca đến bảo tôi rằng: “Vua cho tôi gỗ ván, anh hãy giao cho tôi”. Tỳ-kheo ấy lấy gỗ ván cắt thành nhiều khúc rồi chất ở một chỗ.

Lúc ấy người giữ thành giận vua A-xà-thế, liền đến chỗ vua A-xà-thế tâu rằng:

- Loại gỗ xấu không cần dùng rất nhiều, sao không đem cho, lại lấy loại gỗ tốt cho Tỳ-kheo?

Vua nói:

- Ta đâu có cho!

Lúc ấy, vua A-xà-thế bảo sứ giả mời người thợ xẻ gỗ đến. Vâng lệnh, vua, sứ giả liền đến nói với người thợ xẻ gỗ:

- Vua A-xà-thế bảo mời anh.

Người thợ xẻ gỗ liền đến chỗ vua. Trên đường đi, gặp Tỳ-kheo Đàn-nị-ca, thợ xẻ gỗ liền làm lễ và nói:

- Xin tôn giả hãy cùng tôi đến gặp vua.

Tỳ-kheo đáp:

- Anh hãy đi trước, tôi sẽ đến sau.

Lúc ấy, người thợ xẻ gỗ liền đến chỗ vua. Thấy anh ta, vua liền hỏi:

- Người chẳng phải là người. Vì sao người tự tiện lấy gỗ tốt của vua đem cho Tỳ-kheo?

Người thợ xẻ gỗ đáp:

- Đại vương nên biết, Tỳ-kheo Đản-nị-ca đến chỗ chứa gỗ nói rằng: “Vua đã cho tôi gỗ, anh hãy giao cho tôi”. Tôi liền nói với Tỳ-kheo rằng: “Nếu thật là vua cho thì thầy cứ tùy ý lấy”.

Vua chưa hỏi thợ xẻ gỗ xong thì Tỳ-kheo Đản-nị-ca đến chỗ vua. Trông thấy Tỳ-kheo đến, vua bảo bề tôi dẫn thợ xẻ gỗ tạm lánh qua phòng sau và đưa Tỳ-kheo đến gặp vua. Nghe lệnh vua, bề tôi liền đưa thợ xẻ gỗ đi và dẫn Tỳ-kheo đến. Vua hỏi Tỳ-kheo:

- Vì sao ngài tự ý lấy gỗ tốt của vua cắt thành nhiều khúc rồi chôn ở một chỗ?

Tỳ-kheo đáp:

- Vua đã cho tôi gỗ.

Vua nói:

- Ta nhớ ta không hề cho.

Tỳ-kheo đáp:

- Vua không nhớ khi mới lên ngôi, vua đã đem ba thứ là: cây, cỏ, nước cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn hay sao?

Nghe Tỳ-kheo nói lời ngụy biện này, vua đáp:

- Nay Tỳ-kheo! Những vật mà ta ban cho là vật không có chủ, không phải là vật có chủ. Tỳ-kheo hãy đến nhận pháp vua.

Lúc ấy, vua A-xà-thế bưng bưng nổi giận, nhớ đến công đức của Thế Tôn, im lặng không nói trong giây lát rồi bảo Tỳ-kheo hãy về đi và đừng tái phạm việc ấy nữa.

Lúc ấy, bá quan cận thân của vua A-xà-thế đều lớn tiếng nói:

- Lạ quá! Tỳ-kheo này vừa được thoát chết!

Tỳ-kheo Đản-nị-ca trở về chỗ đại chúng, nói với đại chúng rằng:

- Các thầy nên biết, vừa rồi nhà vua muốn bắt tôi định giết, rồi lại thả.

Các Tỳ-kheo hỏi:

- Có việc gì vậy?

Tỳ-kheo Đản-nị-ca nói với đại chúng toàn bộ sự việc trên.

Trong chúng có các Tỳ-kheo hành đầu-đà, nghe việc ấy liền hổ thẹn, đến chỗ Thế Tôn bạch lại việc Tỳ-kheo ấy đã nói.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-Nan:

- Nay A-Nan! Hãy mau đi vào thành La-duyệt, đứng ở ngã tư đường hỏi mọi người rằng: “Nếu Tỳ-kheo ăn trộm năm tiền trở lên, hoặc tám vải trị giá năm tiền thì vua A-xà-thế dùng hình phạt gì đối với Tỳ-kheo ăn trộm ấy?”.

Vâng lệnh Thế Tôn, A-Nan đánh lễ Ngài sát đất, nhiễu ba vòng rồi cùng hai Tỳ-kheo vào thành La-duyệt-kỳ, đứng ở ngã tư đường, hỏi người đi đường rằng:

- Nếu Tỳ-kheo ăn trộm năm tiền, hoặc tám vải trị giá năm tiền thì vua A-xà-thế dùng hình phạt gì?

Lúc ấy, những người đi đường nói rằng:

- Tỳ-kheo nào ăn trộm năm tiền, hoặc tẩm vải trị giá năm tiền thì vua A-xà-thế nói rằng đó chẳng phải là Sa-môn.

A-Nan liền ra khỏi thành La-duyệt-kỳ, trở về chỗ Thế Tôn bạch rằng:

- Chúng con vào thành La-duyệt-kỳ, hỏi những người đi đường và họ trả lời là: Nếu Tỳ-kheo trộm năm tiền hoặc tẩm vải trị giá năm tiền thì vua A-xà-thế bảo rằng đó chẳng phải là Sa-môn.

Lúc ấy, nhân việc này, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng quan sát mười đức nên Ngài đã kiết giới cho Sa-môn để phạm hạnh được tồn tại lâu dài. Sa-môn phải biết việc này:

- Tỳ-kheo nào ở trong xóm làng, thành quách lấy vật không cho với tâm trộm cắp; do việc lấy vật không cho này, Tỳ-kheo ấy bị vua hoặc đại thần bắt, hoặc đánh, hoặc trói, hoặc đuổi khỏi nước, hoặc nói rằng: “Này Tỳ-kheo! Ông chẳng phải là giặc, chẳng phải là trẻ con, chẳng phải mất trí, mà sao lại lấy vật không cho như thế?” thì mắc tội Ba-la-di.

Tỳ-kheo Đa-xá cư trú ở Câu-tát-la. Nơi ấy gần cửa ải, có lái buôn đến bảo với Tỳ-kheo ấy:

- Tôi gởi ngài ít vật. Hãy giúp tôi đem qua cửa ải, tôi sẽ chia cho ngài một nửa.

Sau khi nhận vật ấy, Tỳ-kheo hỏi hận, suy nghĩ: “Không biết mình có phạm tội Ba-la-di không?”, liền đem việc ấy bạch với Thế Tôn. Thế Tôn bảo Tỳ-kheo ấy:

- Tỳ-kheo nào mang đồ vật qua ải giúp lái buôn rồi nhận của lái buôn năm tiền, hoặc vật trị giá năm tiền thì mắc tội Ba-la-di. Trừ ở nơi có giặc cướp, nơi đói khát và đường hiểm.

Lúc ấy, trong làng làm hàng rào, đào hào và xây tường vách để nuôi voi, ngựa, lạc đà, bò, lừa,... dùng dây buộc chúng với nhau. Tỳ-kheo nào lên vào giữa đàn gia súc lén tháo dây dẫn chúng ra khỏi rào đậu thì phạm Ba-la-di, dẫn chúng qua hào thì phạm khí tổn, dẫn chúng qua đường hoặc ra bên ngoài thì thành tội Ba-la-di.

Nếu gia súc ở ngoài đất trống mà lùa nó vào trong tường, hoặc vào hào, hoặc vào hàng rào thì cũng phạm Ba-la-di.

Nước của riêng từng nhà, nếu Tỳ-kheo tháo nước với tâm trộm cướp và làm chảy đi một lượng nước đáng giá năm tiền thì mắc tội Ba-la-di. Nếu dùng tay, hoặc dùng chân, hoặc dùng gậy, hoặc dùng mai tháo trộm nước thì mắc tội Ba-la-di.

Tỳ-kheo tắm trong nước, chưa tắm xong thì tháo cho nước chảy, cư sĩ nổi giận nói: “Tỳ-kheo này giả tắm để tháo cho nước chảy”.

Các Tỳ-kheo phân vân không biết mình có mắc tội Ba-la-di không, liền đem việc ấy bạch với Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Nếu đem tâm trộm mà tháo nước, khi nước chảy một lượng trị giá năm tiền thì phạm tội Ba-la-di.

Ao có chủ, hoặc không chủ, trong ao có chim, người ta giăng lưới để bắt chim. Tỳ-kheo nào bắt trộm chim ở trong hoặc ngoài lưới trị giá năm tiền với tâm trộm cướp thì phạm Ba-la-di. (Bên trong lưới có chủ, bên ngoài lưới nằm trong ao có chủ. Cả hai trường hợp đều có chủ).

Chim hoặc có chủ, hoặc không chủ, nếu Tỳ-kheo đem tâm trộm bắt chim thì phạm tội Ba-la-di.

Cư sĩ đem chuỗi anh lạc phơi nắng trên mái nhà. Có các con chim có chủ hoặc không chủ tha các chuỗi anh lạc đó mang đi và Tỳ-kheo đoạt lấy chuỗi ngọc đó. Nếu Tỳ-kheo đoạt lấy chuỗi ngọc trị giá năm tiền từ chim có chủ với tâm trộm cướp thì phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo đem y mới nhuộm phơi trên nóc nhà và y bị gió cuốn rơi xuống đất. Tỳ-kheo ấy lượm đem vào phòng rồi hối hận nghĩ rằng: “Không biết mình có mắc tội Ba-la-di vì trộm cướp không?”. Tỳ-kheo ấy liền bạch với Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Nếu lấy với tâm trộm thì phạm Ba-la-di. Nếu không có tâm trộm thì không phạm.

Nếu y từ tầng giữa rơi xuống đất, hoặc từ dưới đất bay lên tầng giữa, hoặc từ tầng giữa bay lên tầng trên. Nếu Tỳ-kheo lấy y với tâm trộm thì mắc tội Ba-la-di.

Các loại vật khác như hạt mè, gạo, đậu, tiền, đại mạch, tiểu mạch, đậu đen, hạt cải, nếu lấy một số lượng trị giá năm tiền với tâm trộm thì phạm Ba-la-di.

Trong vườn cây ăn quả, có các loại quả như: hồ-đào, nài tử, bì đào, lê,... Có Tỳ-kheo hái ăn rồi sanh phân vân không biết mình có xâm phạm của chúng Tăng không? Có lấy của không cho và mắc tội Ba-la-di không? Vị ấy liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Không phạm Ba-la-di. Nếu chẳng phải đất đã được Tăng kiệt giới và có Sa-di hái quả thì không phạm.

Sư tử giết nai ở bên ngoài vườn Trúc, ăn thịt uống máu rồi ngủ, để thừa thức ăn. Có Tỳ-kheo đến lấy thức ăn thừa đó. Sư tử tỉnh dậy, tìm không thấy, liền gầm rống. Phật biết được liền hỏi A-Nan:

- Vì sao sư tử đi quanh khu vườn mà gầm rống?

A-Nan đem việc ấy bạch đầy đủ với Phật. Phật nói:

- Tỳ-kheo nào lấy thức ăn thừa của sư tử có giá trị năm tiền để ăn thì phạm Ba-la-di. Thức ăn dư của hổ, gấu, đười ươi, báo, súc sanh các loài hai chân như chim cắt, diều hâu, ngỗng trời, chim ưng, chim diều mà Tỳ-kheo lấy thì cũng như vậy.

Thế Tôn bảo:

- Nếu đoạt lấy thức ăn mà chim đang chiếm giữ thì mắc Ba-la-di. Nếu chim kinh sợ bỏ chạy thoát thân, không giữ nữa thì không phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo đến nhà người thợ mổ bà con, tự động lấy thịt không được cho, rồi sanh phân vân không biết mình có phạm Ba-la-di hay không, liền bạch với Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Nếu lấy với ý trộm cắp thì phạm Ba-la-di. Nếu do chỗ thân quen mà lấy thì không phạm Ba-la-di.

Phật ở tại nước Xá-Vệ cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Khi các Tỳ-kheo đi từ Câu-tát-la đến vườn Tát-la-bàn ở nước Xá-Vệ thì bị ăn cướp chặn lấy hết y bát. Vua hoặc xóm làng hay tin liền đuổi bắt bọn cướp lấy y bát trả lại cho Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo phân vân không biết có phạm Ba-la-di không, liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào dùng sức đoạt lại y của giặc cướp thì phạm Ba-la-di. Nếu vua hoặc thôn xóm đoạt cho thì không phạm Ba-la-di.

Có một Tỳ-kheo trên đường đi đến Câu-tát-la bị giặc cướp y bát. Tỳ-kheo ấy nhờ bà con đoạt lại y bát của bọn cướp. Đoạt xong, Tỳ-kheo ấy phân vân không biết mình có phạm Ba-la-di không, liền đến bạch Phật, Phật bảo:

- Ăn cướp đã lấy, không được dùng sức đoạt lại. Nếu dùng sức hoặc bảo người khác đoạt lại thì phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo đem tiền chuộc lại thì được lấy.

Lúc ấy, tôn giả Ưu-ba-ly bạch Thế Tôn:

- Tỳ-kheo lấy tài sản gì của chúng Tăng thì gọi là lấy vật không cho?

Thế Tôn bảo:

- Tài sản đã được đem tới cửa chùa mà Tỳ-kheo lấy trộm mang đi thì phạm Ba-la-di. Tỳ-kheo nào lấy của cải đang được phân chia cũng phạm Ba-la-di.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

- Nếu Tỳ-kheo tự ý lấy đồ vật và những thứ chúng Tăng dùng hàng ngày thì có phạm Ba-la-di không?

Thế Tôn đáp:

- Đồ vật của chúng Tăng khó có thể lường được. Nếu bị lấy trộm thì công đức của người cúng dường của cái ấy sẽ sút giảm. Vì vậy Tỳ-kheo nào lấy thì phạm Ba-la-di.

Ưu-ba-ly bạch Thế Tôn:

- Tỳ-kheo nào lấy trộm cờ, lọng trên chùa và tháp Phật có phạm Ba-la-di không?

Thế Tôn nói:

- Tỳ-kheo nào lấy đồ vật ở chùa tháp Phật thì phạm Ba-la-di. Tháp Thanh văn cũng vậy. Nếu lấy các vật trong chùa tháp thì làm mất phước của thí chủ đã cúng các vật ấy nên phạm Ba-la-di. Ai lấy trộm các vật ở chùa tháp sẽ đọa địa ngục.

Phật Thế Tôn ở nước Na-kiệt, tại vườn Kiền-đê-việt. Có Ưu-bà-tắc tin tưởng thương mến, tự ý cất một giảng đường cúng dường cho tôn giả La-Vân.

Sau khi nhận giảng đường ấy, tôn giả La-Vân ra đi hai tháng. Nghe tin tôn giả La-Vân nhận giảng đường xong đã ra đi đến hai tháng, Ưu-bà-tắc ấy liền đem giảng đường đó cúng cho Tăng bốn phương.

Sau đó hai tháng, tôn giả La-Vân trở về Na-kiệt và nghe tin đàn-việt đã đem giảng đường ấy cúng cho chúng Tăng bốn phương. Tôn giả La-Vân liền đến chỗ Phật, lễ Phật sát đất, ngồi lui qua một phía rồi bạch với Phật về việc đó. Phật bảo:

- Này La-Vân! Ông hãy đến chỗ Ưu-bà-tắc ấy nói với ông ta rằng: “Đối với ông, tôi có làm việc gì không đúng, xấu xa, sai trái, bất tịnh, trái với việc của Sa-môn và không thể tùy thuận hay không?”.

Nghe Thế Tôn dạy, tôn giả La-Vân ghi nhớ kỹ, rời khỏi chỗ ngồi, nhiễu Phật rồi đi.

Trời vừa sáng, tôn giả La-Vân đã đắp y mang bát vào thành Na-kiệt khát thực. Sau khi đã khát thực xong, La-vân đến nhà Ưu-bà-tắc ấy. Trông thấy La-Vân đến, ông ta liền đứng dậy, sửa y phục, chấp tay, đến chỗ La-Vân bạch rằng:

- Lành thay, thưa thầy La-Vân! Lâu quá thầy mới đến. Xin mời thầy ngồi.

La-Vân ngồi lên chỗ mà ông ấy mời, rồi bảo với ông ta rằng:

- Này Ưu-bà-tắc! Đối với ông, tôi có làm việc gì không đúng, xấu xa, sai trái, bất tịnh, trái với việc của Sa-môn và không thể tùy thuận hay không?

Ưu-bà-tắc nói:

- Đối với tôi, ngài chẳng có làm việc gì sai trái, cho đến không thể tùy thuận.

Nghe xong La-Vân đứng dậy, trở về chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng qua một phía, đem việc ấy bạch Phật. Do việc ấy, Thế Tôn cho tập hợp chúng Tăng và dạy họ rằng:

- Có mười sự cúng dường phi pháp, thọ nhận phi pháp và dùng phi pháp:

Cúng dường cho một Tỳ-kheo rồi đoạt lại đem cúng cho hai Tỳ-kheo. Đó là cúng phi pháp, nhận phi pháp và dùng phi pháp.

Cúng dường cho hai Tỳ-kheo rồi lấy lại đem cúng cho ba Tỳ-kheo, là cúng phi pháp, nhận phi pháp và dùng phi pháp.

Cúng dường cho ba Tỳ-kheo rồi lấy lại đem cúng cho nhiều Tỳ-kheo, là cúng phi pháp, nhận phi pháp và dùng phi pháp.

Cúng cho nhiều người rồi lấy lại đem cúng cho một người, là cúng phi pháp, nhận phi pháp và dùng phi pháp.

Cúng cho một người rồi lấy lại đem cho hai người. Lấy của nhiều người đem cúng cho chúng Tăng. Cúng cho Tăng rồi lấy lại đem cúng chúng Tăng khác. Cúng cho hai nhóm Tăng rồi lấy lại đem cúng cho Tỳ-kheo ni tăng. Lấy của Tỳ-kheo ni tăng đem cúng cho Tỳ-kheo ni tăng khác. Tăng chia thành hai nhóm, chưa hòa hợp lại lấy của một nhóm cho nhóm còn lại; hoặc giúp một nhóm, không giúp nhóm kia. Đó là cúng dường phi pháp, nhận phi pháp và dùng phi pháp.

Sự cúng dường trước là cúng dường, sự cúng dường sau chẳng phải là cúng dường.

Nếu đàn-việt tự ý cúng dường thì có thể nhận dùng. Vua là thí chủ cúng dường giường nằm, y bát cho Tỳ-kheo thì cũng được dùng. Phật nói không kết giới cho Sa-môn là như vậy.

Trong vườn nho có chủ, Tỳ-kheo nào trèo lên cây hái trộm quả, vừa hái thì phạm Ba-dật-đề. Nếu hái lượng quả trị giá năm tiền thì phạm Ba-la-di. Tất cả quả sống và hoa tươi cũng vậy.

Ở trong vườn mía có chủ, Tỳ-kheo nào chặt mía đem đi thì phạm Ba-dật-đề. Nếu đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di.

Ngó sen có chủ, hoặc không có chủ, Tỳ-kheo đào đất để lấy ngó sen có chủ thì phạm Ba-dật-đề. Nếu cắt ngó sen thì phạm Ba-dật-đề. Cắt một lượng có giá đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di.

Tất cả các loại rễ, củ khác cũng vậy.

Tại nơi ăn, Tỳ-kheo nhận đến hai phần mà giá đủ năm tiền thì cũng phạm Ba-la-di. Nếu xin đến phần thứ hai của cơm được thỉnh cũng vậy.

Tỳ-kheo nào dạy vua ở hai nước giáp giới đánh nhau thì phạm Ba-la-di. Nếu tự dẫn đường thì phạm Ba-la-di. Khi hai nước phát binh thì phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo kiếm được năm tiền do việc ấy thì phạm Ba-la-di.

Thế Tôn cùng đại chúng Tỳ-kheo ở tại bờ sông Bạt-cừ-mạc, thuộc thôn Bạt-thụ. Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy quán sát sự xấu xa này. Hãy nỗ lực quán sát đừng có lười biếng. Hãy không ngừng quán thân bất tịnh. Vì sao vậy? - Vì quán sự xấu xa bất tịnh ấy sẽ được công đức và phước báo lớn.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo suy nghĩ: “Thế Tôn dạy về sự xấu xa, bất tịnh của thân này cho đến ngồi quán sát sự bất tịnh ấy. Ai quán sát sự bất tịnh này sẽ được quả báo và công đức lớn. Các thầy phải cùng nỗ lực quán sát sự bất tịnh, cho đến ngồi quán sát sự bất tịnh. Quán sát việc ấy xong, chúng ta sẽ được quả báo và công đức lớn”.

Các Tỳ-kheo ấy liền nỗ lực quán sát sự bất tịnh, cho đến ngồi quán sự bất tịnh. Sau khi quán sát, họ nhàm chán thân hôi thối, là đồng phiền não và cảm thấy xấu hổ, không biết dùng thân này làm gì, khi nào mới thoát được nỗi khổ này?

Giống như có tráng sĩ hết sức xinh đẹp, đeo các chuỗi châu báu anh lạc, tắm rửa, xông ướp hương thơm, đầu đội mũ báu, mang vòng hoa, thân mặc thiên

y không có dính bụi, tay chân mịn màng, tóc màu xanh biếc, râu tóc rất mượt, đứng đầu loài người. Có xác rắn, xác chó và xác người chết có màu xanh, trương sinh, chảy mủ, hôi thối, bị chim thú rĩa ăn, mỗi phần thân ở một nơi, dính máu hôi thối dơ bẩn... Nếu đem ba xác chết này đeo lên cổ người kia thì người ấy sẽ rất nhèm gớm, rất khổ não, xấu hổ và luôn mong sớm thoát khỏi tai họa đó.

Các Tỳ-kheo quán sát các việc bất tịnh cho đến ngôi quán sự bất tịnh nên nhàm chán thân hôi thối này, tự nghĩ rằng: “Lúc nào mới được chết?!”.

Lúc ấy, trong chúng có một Tỳ-kheo quán sát sự bất tịnh của thân, cho đến tự nhàm chán, liền rời khỏi chỗ, đi tìm Tỳ-kheo Sa-môn-quật, vốn thuộc dòng thợ săn, hỏi rằng:

- Tỳ-kheo Hiền-nghiêm có thể giết tôi không? Tôi sẽ trả công bằng ba y.

Lúc ấy, Tỳ-kheo Sa-môn-quật liền dùng dao bén giết Tỳ-kheo ấy. Sau khi giết xong, ông ta cầm dao đến sông Bạt-cừ-mạc để rửa máu dính trên dao. Lúc đó có một thiên ma đứng trên sông khen Tỳ-kheo Sa-môn-quật rằng:

- Lành thay! Lành thay! Ngài đã thành tựu công đức lớn, đã độ cho Tỳ-kheo tinh tấn nhưng chưa được độ, đã giải thoát cho người chưa giải thoát, đã giúp người chưa nhập Niết-bàn được nhập Niết-bàn.

Lúc ấy, Tỳ-kheo Sa-môn-quật suy nghĩ: “Đúng như lời vị thiên ấy nói, ta có công đức lớn là độ cho các Tỳ-kheo chưa được độ, giải thoát cho những người chưa giải thoát, giúp những người chưa nhập Niết-bàn được nhập Niết-bàn. Đã độ thoát cho Sa-môn, lại có được ba y, thật đáng vui mừng”.

Lúc ấy, Tỳ-kheo Sa-môn-quật tin vào tà kiến này nên cầm dao trở vào trong chúng, đến từng phòng bảo rằng:

- Tôi có thể độ cho người chưa được độ, giải thoát cho người chưa giải thoát và giúp cho người chưa nhập Niết-bàn được nhập Niết-bàn. Lúc đó, các Tỳ-kheo quán thân bất tịnh cho đến nhàm chán thân dơ bẩn, hôi hám này, vì thế các Tỳ-kheo trong phòng đều đi ra đến chỗ Tỳ-kheo Sa-môn-quật nói rằng:

- Nếu có thể giết chúng tôi thì chúng tôi sẽ giao cho thầy ba y.

Tỳ-kheo Sa-môn-quật liền cầm dao bén giết một, hai, ba, bốn, năm, cho đến sáu mươi Tỳ-kheo.

Lúc ấy, vào ngày rằm, Thế Tôn thuyết giới. Ngài trải tọa cụ trên tòa cao, ngồi giữa đại chúng. Khi đã ngồi yên, Ngài quán sát chúng Tỳ-kheo thì thấy số lượng Tỳ-kheo đến dự rất ít. Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi A-Nan:

- Này A-Nan! Vì sao hôm nay chúng Tăng đến nghe thuyết giới thưa thớt vậy?

Nghe Thế Tôn hỏi, A-Nan liền quỳ gối phải sát đất, sửa y bày vai phải, chấp tay hướng về đức Phật, bạch Thế Tôn rằng:

- Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo quán thân bất tịnh cho đến nhàm chán thân hôi thối. Thực hành quán bất tịnh sẽ được quả báo và công đức lớn. Lúc ấy các Tỳ-kheo đều tự nói với nhau: “Các thầy nên biết, Thế Tôn bảo quán thân bất tịnh sẽ được quả báo và công đức lớn. Chúng ta hãy cùng nhau quán sát sự bất tịnh để được quả báo và công đức lớn”.

Thế là các Tỳ-kheo quán thân bất tịnh và nhàm chán thân hôi thối này. Giống như người tráng sĩ hết sức khôi ngô, đeo chuỗi châu báu anh lạc trên thân, tắm rửa xông ướp hương thơm, đầu đội mũ báu và vòng hoa, thân mang thiên y không bị dính bụi, tay chân mịn màng, tóc màu xanh biếc, râu tóc mượt mà, đứng đầu loài người. Có xác rắn, xác chó và xác người chết bầm xanh, trương sinh, chảy mủ, thối rửa, bị chim thú cắn rìa, mỗi bộ phận ở một nơi, dính máu dơ bẩn, hôi thối bất tịnh. Nếu đem ba xác chết này đeo vào cổ người ấy thì người ấy sẽ rất nhèm gớm, rất khổ não và tự xấu hổ nghĩ rằng: “Lúc nào ta mới được thoát khỏi tai nạn này?”.

Các Tỳ-kheo quán thân bất tịnh cho đến ngồi quán sát sự bất tịnh nên nhàm chán thân này, tự suy nghĩ rằng: “Khi nào ta mới chết?”.

Lúc ấy, trong chúng có một Tỳ-kheo quán thân bất tịnh cho đến tự nhàm chán, liền rời khỏi chỗ, đến chỗ Tỳ-kheo Sa-môn-quật, con người thợ săn, nói với ông ấy rằng:

“Tỳ-kheo Hiền-nghiêm có thể giết tôi không? Tôi sẽ giao cho thầy ba y”.

Lúc ấy, Tỳ-kheo Sa-môn-quật cầm dao bén giết Tỳ-kheo nọ. Giết xong, ông ta cầm dao đến sông Bạt-cừ-mạc ngồi rửa dao dính máu. Lúc đó có thiên ma đứng trên sông khen ngợi Tỳ-kheo Sa-môn-quật rằng:

“Lành thay! Lành thay! Thầy đã đạt được công đức lớn, có thể độ Tỳ-kheo tinh tấn chưa được độ, giải thoát cho Tỳ-kheo chưa được giải thoát, giúp người chưa nhập Niết-bàn được nhập Niết-bàn”.

Lúc ấy, Tỳ-kheo Sa-môn-quật suy nghĩ: “Đúng như lời vị thiên ấy nói, ta đã đạt được công đức lớn: độ cho các Tỳ-kheo chưa được độ, giải thoát cho các Tỳ-kheo chưa giải thoát, giúp cho người chưa nhập Niết-bàn được nhập Niết-bàn. Đã độ Sa-môn, lại được ba y, thật đáng vui mừng”.

Khi ấy, Tỳ-kheo Sa-môn-quật tin vào tà kiến đó, cầm dao trở về trong chúng, đến từng phòng bảo rằng:

“Tôi có thể độ cho người chưa được độ, giải thoát cho người chưa được giải thoát, giúp người chưa nhập Niết-bàn được nhập Niết-bàn”. Lúc ấy, các Tỳ-kheo quán thân bất tịnh cho đến tự nhàm chán thân ô uế. Các Tỳ-kheo trong các phòng liền đến chỗ Tỳ-kheo Sa-môn-quật nói rằng:

“Thầy có thể giết chúng tôi không? Chúng tôi sẽ giao cho thầy ba y”.

Lúc ấy, Tỳ-kheo Sa-môn-quật cầm dao bén giết một, hai, ba, bốn, năm, cho đến sáu mươi Tỳ-kheo.

Vì lý do đó, số lượng Tỳ-kheo đến nghe thuyết giới rất ít. Kính thưa Thế Tôn, xin Ngài hãy nói các phương tiện giúp các Tỳ-kheo chúng đắc vô lượng trí tuệ.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo phải học niệm hơi thở và tu pháp môn này một cách rộng rãi, đừng lơ đãng pháp tu này ngay cả khi ăn và nghỉ ngơi. Vì sao vậy? - Vì tu pháp niệm hơi thở một cách rộng rãi, sau này sẽ được quả báo công đức lớn so với các Tỳ-kheo.

Tỳ-kheo nào cư trú ở xóm làng hoặc thành ấp, khi đến giờ, đắp y mang bát vào làng khát thực thì phải hộ trì thân, giữ gìn sáu căn đừng cho buông lung. Nếu mắt thấy sắc thì không được phát sanh ý tưởng đắm nhiễm. Nếu được như vậy thì thành tựu nhãn căn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không phát

sanh ý tưởng đăm nhiễm đối với pháp trần... Nếu ý không theo pháp trần thì ý căn được thành tựu.

Sau khi đã khát thực xong, hãy mang y bát cất trong phòng, rửa chân, vắt tọa cụ lên vai, tìm đến nơi không người, gốc cây yên tĩnh, lều cỏ trống, nơi bằng phẳng, ngoài vườn, gò mả, hang núi... để cư trú ở đó, hoặc đến nơi yên tĩnh, hoặc đến gốc cây trải tọa cụ, ngồi kiết-già ngay thẳng, không nghiêng ngã, không dựa, chú tâm vào chót mũi.

Khi Tỳ-kheo niệm hơi thở, thở ra cũng niệm, thở vào cũng niệm. Hơi thở ra dài thì biết dài. Hơi thở vào dài thì biết dài. Hơi thở ra ngắn thì biết ngắn. Hơi thở vào ngắn thì biết ngắn. Hơi thở ra ở các lỗ chân lông cũng đều biết. Hơi thở vào ở các lỗ chân lông cũng đều biết. Thở ra với ý an định, tỉnh giác. Hít vào với ý tỉnh giác. Thở ra với sự tỉnh giác nơi thân, miệng, ý. Hít vào với sự tỉnh giác nơi thân, miệng, ý...

Giống như người thợ cưa và đệ tử ông ta kéo đường cưa dài thì biết dài, kéo đường cưa ngắn thì biết ngắn; Tỳ-kheo học quán niệm hơi thở cũng như vậy, cho đến thở ra hít vào với ý an định, tỉnh giác. Tu hành quán niệm hơi thở như vậy sẽ được công đức và quả báo lớn.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo nhắc nhở nhau: “Thế Tôn thương xót chúng ta nên nói pháp quán niệm hơi thở để chúng ta tu tập. Sau khi tu hành pháp quán niệm hơi thở, chúng ta sẽ được quả báo và công đức lớn. Chúng ta hãy lập tức cùng nhau tu tập pháp quán niệm hơi thở thật chuyên cần để được quả báo và công đức lớn”.

Khi ấy, các Tỳ-kheo chuyên cần tu tập pháp quán niệm hơi thở, đạt được trí tuệ vô lượng và chứng đạo A-la-hán.

Tôn giả A-Nan đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân Phật, quỳ gối phải sát đất, chấp tay bạch Phật:

- Thế Tôn đã giảng rộng pháp niệm hơi thở, cho đến tu tập pháp ấy một cách rộng rãi. Vâng lời Phật dạy, các Tỳ-kheo thực hành niệm hơi thở và đều đạt được vô lượng trí tuệ, chứng đắc quả A-la-hán.

Lúc ấy, do nhân duyên này, Thế Tôn dùng phương tiện thiện xảo tập hợp chúng Tăng hòa hợp với đầy đủ mười công đức. Thế Tôn kiết giới cho các Tỳ-kheo:

- Các Tỳ-kheo phải đề phòng việc này: Đối với người, hoặc loài có hình người, Tỳ-kheo nào muốn giết họ nên tự tay cầm dao, hoặc sai người khác cầm dao, khuyên người khác chết, hoặc khen ngợi sự chết, hoặc nói rằng: “Này cậu, sống khổ sở làm gì, cậu sống không bằng chết”. Người nọ nghe ý nghĩ ấy, dùng vô số phương tiện khuyên người khác chết, hoặc khen ngợi sự chết. Giả sử người kia tìm đến cái chết thì Tỳ-kheo ấy mắc tội Ba-la-di.

Tại nơi vắng, Tỳ-kheo nào dùng cung, dao, nỏ, súng và cạm bẫy để giết người thì phạm tội Ba-la-di.

Tỳ-kheo nào đến gặp quan, nói dèm pha và dùng thế lực của quan để giết người thì phạm Ba-la-di.

Tỳ-kheo nào dùng chú thuật hoặc thuốc để khiến quỷ tử thi đi giết người thì phạm Ba-la-di.

Tỳ-kheo nào giảng bẫy xiết cổ người khác cho chết thì phạm Ba-la-di.

Tỳ-kheo nào pha trộn thuốc gây thổ tả hoặc rót vào mũi, từ bên dưới ngấm lên, hoặc chích chảy máu, hoặc nhỏ vào mắt để giết người thì phạm Ba-la-di.

Người nữ mang thai, Tỳ-kheo nào muốn giết nên tự tay hoặc bảo người khác dùng tay đè vào bụng cô ấy làm thai nhi và người nữ chết thì phạm Ba-la-di. Dù một người chết hay cả hai mẹ con chết đều phạm Ba-la-di.

Tỳ-kheo nào muốn giết người nên dạy họ gieo mình vào lửa, vào nước, hoặc nhảy từ vách núi xuống vực thì phạm Ba-la-di.

Tỳ-kheo nào muốn giết người nên lén viết thư nói dối rằng: “Người mang thư mắc tội nặng, hãy giết anh ta đi”. Nếu người ấy bị giết thì phạm Ba-la-di.

Bào thai trong bụng mẹ đã có hai căn là thân căn và mạng căn, Tỳ-kheo nào muốn giết thai nhi ấy nên đọc chú làm sảy thai, chết thai nhi thì phạm Ba-la-di.

Phật Thế Tôn ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-Vệ. Lúc ấy, tôn giả Bạc-khư-la mắc bệnh nặng, nằm nghỉ trong phòng ở vườn Đoán-tác (người Đoán-tác lập vườn này nên lấy đó làm tên gọi). Tôn giả Phần Ni chăm sóc và cung cấp nước uống.

Lúc ấy, Bạc-khur-la bảo Phần Ni:

- Hãy đến chỗ Phật, xưng danh tôi rồi đánh lễ đức Thế Tôn, hỏi thăm Thế Tôn có mạnh khỏe an lạc không? Có sức lực hành đạo không? Hãy đến đó mà nói rằng: “Gần đây Tỳ-kheo Bạc-khur-la bị mắc bệnh nặng, nghỉ trong phòng ở vườn Đoán-tác. Tỳ-kheo ấy từ xa kính lạy Thế Tôn, hỏi thăm Thế Tôn có mạnh khỏe an lạc không? Có sức lực để hành đạo không? Tỳ-kheo Bạc-khur-la muốn đến chiêm ngưỡng Thế Tôn nhưng vì không có sức khỏe”. Hãy đến chỗ Thế Tôn, hỏi thăm sức khỏe Thế Tôn và thỉnh Thế Tôn hạ cố đến vườn Đoán-tác vì Tỳ-kheo Bạc-khur-la.

Khi ấy, Tỳ-kheo Phần Ni nhận lời Tỳ-kheo Bạc-khur-la, vội vàng đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát đất, bạch đầy đủ như trên rồi thưa:

- Cúi xin Thế Tôn hãy vì Tỳ-kheo Bạc-khur-la mà hạ cố đến chỗ Tỳ-kheo ấy ở vườn Đoán-tác.

Thế Tôn im lặng không đáp.

Thấy Thế Tôn im lặng chấp nhận, Phần Ni liền rời khỏi chỗ ngồi, đánh lễ sát đất, nhiễu Phật ba vòng rồi ra đi.

Khi Phần Ni đi chưa được bao xa, Thế Tôn liền thọ thực. Vào buổi chiều, sau khi xuất thiền, Ngài rời khỏi chỗ ngồi, đến chỗ Tỳ-kheo Bạc-khur-la ở vườn Đoán-tác.

Trông thấy Phật đến, Tỳ-kheo Bạc-khur-la muốn đứng dậy, nhưng vì quá yếu nên không đứng được. Lúc ấy, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Bạc-khur-la rằng:

- Không cần phải đứng dậy, cứ nằm nghỉ đi, Ta sẽ ngồi vào chỗ khác.

Sau khi đã an tọa, Thế Tôn hỏi Tỳ-kheo Bạc-khur-la:

- Ăn cháo có tiêu hóa không? Thân thể có bớt đau nhức không? Đau đớn tăng hay giảm?

Tỳ-kheo Bạc-khur-la bạch Phật:

- Thừa Thế Tôn! Con không thể ăn cháo, vì ăn vào không tiêu được. Sự đau đớn chỉ tăng chứ không giảm.

Giống như có người bị một lực sĩ dùng dây siết chặt đầu thì đầu người ấy rất đau đớn. Bạch Thế Tôn! Đầu con cũng đau đớn y như người ấy. Vì thế, con không thể ăn cháo, ăn không tiêu được và đau đớn ngày càng tăng thêm.

Bạch Thế Tôn! Giống như có người bị lực sĩ dùng dao nhọn đâm lên đỉnh đầu thì đỉnh đầu người ấy rất đau đớn. Đầu con đang đau đớn cũng giống như vậy. Sự đau đớn chỉ tăng chứ không có giảm.

Giống như có người lực sĩ cầm dao mổ bụng trâu thì bụng nó sẽ rất đau đớn, không thể nói được. Bụng con đang đau đớn cũng giống như vậy.

Giống như có hai người khỏe mạnh tóm lấy một người ốm yếu, nắm giữ tay chân của người ấy mà nướng trên hố lửa. Người ấy đau đớn không thể tả. Bạch Thế Tôn! Thân con cũng đang đau đớn như vậy. Vì thế con không thể ăn cháo và sự đau đớn chỉ tăng chứ không giảm. Con chỉ muốn cầm dao tự sát chứ không muốn sống nữa.

Phật nói:

- Ta hỏi ông, ông hãy trả lời. Này Bạc-khư-la! Sắc là thường hay vô thường?

Đáp:

- Vô thường.

Hỏi:

- Vô thường là khổ hay vui?

Đáp:

- Khổ, thưa Thế Tôn.

Hỏi:

- Đối với pháp vô thường, khổ, biến đổi mà có người đã được học đạo, chứng đạo lại nói rằng đó là của ta, hoặc chẳng phải của ta, thì có lý không?

Đáp:

- Không, thưa Thế Tôn.

Hỏi:

- Nay Bạc-khư-la! Thọ, tướng, hành, thức là thường hay vô thường?

Đáp:

- Vô thường, thưa Thế Tôn.

Hỏi:

- Nếu là vô thường thì khổ hay vui?

Đáp:

- Khổ, thưa Thế Tôn.

Hỏi:

- Nếu là pháp vô thường, khổ, biến đổi mà lại có người đã học đạo, chứng đạo lại nói rằng đó là của ta, chẳng phải của ta, thì có tin được hay không?

Đáp:

- Không, thưa Thế Tôn.

- Vì thế, nay Bạc-khư-la! Tất cả sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, lớn nhỏ, thiện ác, hoặc xa hoặc gần... Tất cả những sắc của ta và chẳng phải của ta đều là không và quán thấy các pháp đều như thế.

Nay Bạc-khư-la! Thọ, tướng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại cho đến quán các pháp đều như thế.

Nghe Phật giảng về sự chứng đắc, Bạc-khư-la hiểu rõ sắc là rỗng không, không hề có sở hữu, liền được giải thoát. Sau khi được giải thoát, trí tuệ liền phát sanh, chấm dứt sanh tử, tịnh hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn

tái sanh vào bào thai nữa. Thọ, tướng, hành, thức cũng lại như vậy, cho đến không còn tái sanh.

Vì thế, này Bạc-khư-la! Ông chớ có lo, chớ có sợ. Ông không còn bị trở vào đường ác nữa, không còn sanh trong đường ác nữa, không còn gặp nơi ác nữa.

Giảng xong, Thế Tôn trở về tinh xá.

Giữa đêm hôm ấy, có hai vị thiên vô cùng xinh đẹp, đến chỗ Phật, đánh lễ sát đất, rồi đứng qua một phía.

Một vị thiên bạch Phật rằng:

- Tôn giả Bạc-khư-la đã quyết định được giải thoát.

Vị thiên thứ hai bạch Phật rằng:

- Tôn giả Bạc-khư-la đã được giải thoát, ở nơi giải thoát.

Nói lời ấy xong, chư thiên lễ Phật mà ra đi.

TỶ NẠI DA

Hết quyển một
--- o0o ---

Quyển thứ hai

Ngay đêm ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Vừa rồi, có hai vị thiên đến nói rằng: “Tôn giả Bạc-khư-la đạt được quyết định giải thoát. Vị thiên thứ hai nói: “Vị ấy được giải thoát ở nơi giải thoát”. Sau khi nghe giải thích xong, họ mới ra đi.

Phật bảo một Tỳ-kheo đến chỗ Tỳ-kheo Bạc-khư-la ở vườn Đoán-tác (một trong sáu tinh xá ở thành Kỳ-Hoàn) và nói rằng:

“Thầy đã nghe Thế Tôn dạy và nghe chư thiên nói, chớ có lo sợ nữa. Thầy sẽ không sanh vào nơi ác, không sống ở nơi ác. Nơi thầy sanh ra không có việc ác. Đó là lời dạy của Thế Tôn. Đêm qua có hai vị thiên đến chỗ Thế Tôn, một vị thiên hỏi rằng: “Tôn giả Bạc-khư-la được quyết định giải thoát phải không?”. Vị thiên thứ hai hỏi: “Tôn giả bạc-khư-la đã được giải thoát ở nơi giải thoát phải không?”. Nay Bạc-khư-la, đó là lời chư thiên nói”.

Sau khi nghe Phật dạy, Tỳ-kheo ấy đến vườn Đoán-tác.

Bạc-khư-la bảo Tỳ-kheo chăm nom bệnh nhân rằng:

- Các thầy hãy đặt tôi lên giường và khiêng ra ngoài cổng. Tôi không thể sống nữa, tôi muốn dùng dao tự tử.

Các Tỳ-kheo liền đặt vị ấy lên giường và khiêng ra khỏi cổng.

Lúc ấy, nhiều Tỳ-kheo kinh hành ở ngoài cổng. Tỳ-kheo được sai đi, liền đến chỗ các Tỳ-kheo kinh hành hỏi rằng:

- Tỳ-kheo Bạc-khư-la ở chỗ nào vậy? Tôi muốn đến hỏi thăm.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Tỳ-kheo Bạc-khư-la đang được khiêng ra ngoài cổng, định dùng dao tự tử. Nếu muốn thăm hỏi thì hãy đến ngay.

Tỳ-kheo ấy liền đến chỗ Bạc-khư-la.

Trông thấy một Tỳ-kheo đang đi đến, Bạc-khư-la liền bảo Tỳ-kheo nuôi bệnh rằng:

- Hãy đặt giường xuống một lát để đợi Tỳ-kheo ấy đến.

Các Tỳ-kheo liền đặt giường xuống. Tỳ-kheo ấy đến, nói với Bạc-khư-la đầy đủ như Thế Tôn dạy, cho đến đây là lời Phật dạy, đây là lời chư thiên nói.

Bạc-khư-la đáp:

- Pháp ta chứng đắc, Thế Tôn cũng biết. Pháp ta thấy, Thế Tôn cũng biết. Vì thế, ta không còn nghi ngờ nữa.

Đôi với sắc là thường hoặc vô thường, cho đến thọ, tướng, hành, thức là thường hoặc vô thường; pháp khô, không, biến đổi cùng các pháp mà Sa-môn chứng đắc; pháp của ta, chẳng phải của ta, tất cả đều rỗng không.

Thật sự pháp ta biết, chư tiên cũng biết. Pháp ta thấy, chư thiên cũng thấy. Vì thế ta không còn nghi ngờ có thường hay vô thường, cho đến thấy hết không còn nghi ngờ gì nữa. Do nghiệp chướng đời trước bức bách nên tôi chỉ muốn cầm dao tự sát.

Nói xong, vị ấy liền cầm dao tự vẫn. Những Tỳ-kheo trông coi bệnh đều tự phân vân không biết mình có phạm Ba-la-di hay không, liền bảo nhau cùng đến hỏi Phật. Phật đáp:

- Nếu chán ghét, có ý giết nên đưa dao cho; hoặc có ý giết nên dạy người ấy chết rồi khiêng ra thì phạm ba-la-di. Nếu có tâm thương xót, bảo bọc, không muốn nghịch ý bệnh nhân thì không mắc Ba-la-di.

Có các Tỳ-kheo cư trú ở biên giới nước Câu-tác-la thường tranh cãi nhau. Nếu Tỳ-kheo gửi thư cho vua hai nước dẫn quân giết người hoặc dạy người giết thì phạm Ba-la-di.

Bấy giờ, Phật ở tại vườn Trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Khi ấy, Điều-bà-đạt-đâu tụng kinh học đạo suốt mười hai năm không hề nghỉ ngơi. Trong thời gian ấy, ông ta đọc tụng tất cả các kinh đã được nghe Phật giảng nói, ông ta thường ở hang núi, gốc cây yên tĩnh, gò mã vắng vẻ. Các Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la... là bạn của ông ấy.

Khi Điều-đạt chưa phát sanh ác ý đối với Thế Tôn, ông ấy không hề phạm một giới nhỏ. Về sau, khi ông ta đã phát sanh ác tâm đối với Thế Tôn, ông ta liền phạm giới.

Nên các giảng đường đều trải tọa cụ. Thế Tôn đã kiết giới: - Không rửa chân thì không được vào thiền đường.

Lúc ấy, Điều-đạt không rửa chân mà bước vào, Tỳ-kheo ni Ưu-bát-sắc liền bảo Điều-đạt:

- Này Điều-đạt! Thế Tôn đã chế giới không rửa chân thì không được vào kia mà!

Điều-đạt đáp:

- Đồ Tỳ-kheo ni xấu tệ kia! Người biết giữ giới thì có thể hơn được ta sao?

Nói xong, ông ta dùng nắm đấm của lực sĩ đánh lên đầu Tỳ-kheo ni ấy. Tỳ-kheo ni liền qua đời. Các Tỳ-kheo nói với Thế Tôn việc ấy. Thế Tôn bảo:

- Hãy thương xót kẻ ác này đã mắc tội rất nặng. Tỳ-kheo ni ấy đã đắc đạo A-la-hán.

Do việc ấy, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng hòa hợp để kiết giới:

- Tỳ-kheo nào tự tay giết chết người nam hoặc người nữ thì phạm Ba-la-di.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc. Lúc ấy, tôn giả Mục-kiền-liên bị bọn Phạm chí cầm gậy đánh như đập cỏ lau cho đến chết. Nhân dân trong nước ấy liền biết tôn giả Mục-kiền-liên bị bọn Phạm chí cầm gậy giết, thân thể nát như cỏ lau bị đập.

Nghe tin thầy mình bị giết, hai người: Mã-sư, Phát-na-bạt ùng ùng nổi giận dựng ngược lông tóc, dùng sức mạnh của đại lực sĩ bắt giết hết bọn Phạm chí cầm gậy.

Phật quán sát việc ấy, biết nhưng vẫn hỏi:

- Tỳ-kheo Mã-sư và Phát-na-bạt! Ta nói cho các thầy nghe bốn câu pháp nhé! (Tứ đế)

Mã-sư và Phát-na-bạt vô cùng xấu hổ, liền quỳ gối phải sát đất, chấp tay bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tội chúng con nặng lắm, không dám nghe pháp sâu xa ấy.

Thế Tôn ân cần hỏi đến ba lần. Vì thương xót kẻ ác này đã xa lìa mình và xa lìa pháp sâu xa nên Thế Tôn liền kiết giới này cho các Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào tự tay giết người hoặc dạy người khác giết thì phạm Ba-la-di.

(Hai người này đọa làm rồng ở sông Đâu-son, thuộc xứ Tây-thất-lợi, nước Kiền-đà-việt. Giận Phật ngày xưa không nói pháp nên muốn ra khỏi sông phá hoại Phật pháp. Chợt có vị hóa Phật xuất hiện trước mặt chúng và nói rằng: “Các người có muốn nghe bốn pháp sâu xa không?”. Sự sân hận liền chấm dứt. Những việc như vậy chẳng phải chỉ có một. Hai người này là đệ tử của Phật)

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-Vệ.

Bấy giờ, tôn giả Da-xá dẫn theo hai trăm năm mươi đệ tử. Tôn giả Bạc-đà-tiên - con của Bạc-đàn-đà - cũng dẫn theo hai trăm năm mươi đệ tử, từ nước Câu-tát-la đến nước Xá-vệ để thăm hỏi Thế Tôn. Các Tỳ-kheo ấy nói chuyện ở bên ngoài cổng tinh xá Kỳ-hoàn, tiếng ồn vang thấu bên trong.

Nghe tiếng ồn, Thế Tôn biết mà vẫn hỏi A-Nan:

- Ai nói chuyện ngoài cổng mà tiếng ồn vang đến tận trong này vậy?

A-Nan bạch đầy đủ với Thế Tôn:

- Đó là các Tỳ-kheo bàn luận. Do nhiều người tụ họp nên phát ra âm thanh lớn.

Thế Tôn liền bảo A-Nan:

- Hãy nói với đồ chúng của Da-xá và Bạc-đà-tiên rằng: “Thế Tôn bảo các thầy không được kiết hạ ở nước Xá-Vệ”.

Vâng lời Phật dạy, A-Nan liền đến chỗ đồ chúng của Da-xá và Bạc-đà-tiên nói rằng:

- Thế Tôn bảo các thầy không được kiết hạ ở Xá-vệ.

Khi ấy, đồ chúng của tôn giả Da-xá và Bạc-đà-tiên liền đến cạnh sông Bạc-cừ-mạc cát lều tranh để kiết hạ.

Năm ấy nhân dân đói kém; sương, mưa đá, sâu bọ ăn hại lúa, khát thực khó được. Lúc ấy các Tỳ-kheo suy nghĩ và nói với nhau:

- Các thầy biết không? Hiện nay thóc lúa đất đỏ; sương, mưa đá, sâu bọ làm hại thóc lúa, khát thực khó được. Chúng ta nên đến nhà các trưởng giả ở nước Tỳ-xá-ly khen ngợi lẫn nhau: “Trưởng giả biết không? Tỳ-kheo tên ấy, họ ấy đã được sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên và cũng đạt đến từ - bi - hỷ - xả, đạt được bốn định vô sắc, tu chỉ quán, quán hơi thở, đạt được quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm- A-na-hàm và A-la-hán”. Chúng ta dùng lời ấy để ca ngợi lẫn nhau. Sau đó, ở nước ấy chúng ta sẽ được cúng dường. Chúng ta sẽ có được y phục, đồ ăn, giường nằm và thuốc thang từ quốc vương, đại thần, trưởng giả, Bà-la-môn hành đạo và dân thường.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đó vào nước Tỳ-xá-ly, đến gặp các trưởng giả và khen ngợi lẫn nhau:

- Trưởng giả nên biết, Tỳ-kheo tên ấy họ ấy đã đắc quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán.

Các trưởng giả đều tin lời ấy, cho rằng họ đã đắc đạo nên tùy thời mà cúng dường y áo, thức ăn.

Thường pháp của chư Phật là có hai thời gian để chúng Tăng tập hợp. Đó là: một tháng sau cùng của mùa Xuân (ở Ấn-độ một năm chia thành ba mùa). Sau khi tự tu ba tháng mùa Xuân, tháng cuối phải đến gặp Phật và thầy tổ. Mùa Hạ cũng vậy, phải đến gặp Phật đánh lễ, nghe Phật thuyết pháp.

Trong ba tháng hạ, chúng ta phải học tập, tụng kinh. Sau khi giải hạ, phải may vá lại y áo đã mặc trong ba tháng vừa qua. Vào ngày đã may vá xong, họ mang bát đến chỗ Phật. Đó là thời gian chúng Tăng hội họp.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo kiết hạ ở sông Bạc-cừ-mạc, may vá y đã mặc ba tháng qua. Vào ngày đã hoàn tất, họ đến chỗ Phật ở vườn Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Thường pháp của chư Phật là khi có Tỳ-kheo ở xa đến, trước hết Ngài hỏi thăm họ trong mùa hạ việc tụng kinh hành đạo có được tốt đẹp, có bị mệt hay không?

Khi ấy, đức Thế Tôn như thường lệ hỏi các Tỳ-kheo:

- Các Tỳ-kheo tụng kinh hành đạo có bị mệt mỏi không?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con không hề mệt mỏi.

Các Sa-môn an cư ở sông Bạc-cừ-mạc, có thân thể mập mạp, máu huyết sung mãn. Các Sa-môn kiết hạ ở nước Xá-vệ có thân thể gầy ốm, mất hết nhan sắc, khí lực yếu ớt. Các Sa-môn ở cạnh sông hỏi các Tỳ-kheo ở nước Xá-vệ:

- Vì sao các thầy gầy ốm, mất hết nhan sắc vậy?

Đáp:

- Các thầy không biết sao! Ở nước này thóc lúa quý hiếm, khát thực khó khăn. Do đó thân thể chúng tôi gầy ốm, mất hết nhan sắc. Còn các thầy vì sao lại mập mạp, nhan sắc tốt tươi?

Các Tỳ-kheo ấy liền kể lại đầy đủ mọi việc. Nghe xong, các Tỳ-kheo gầy ốm rất kinh ngạc và nói rằng:

- Vì sao chỉ vì chút ít đồ ăn thôi tha ấy mà các thầy nói dối đã chứng pháp thượng hơn?

Các Tỳ-kheo hết sức trách mắng các Tỳ-kheo ấy:

- Vì sao các thầy lại làm thế? Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói về tội nói dối và ca tụng công đức không nói dối.

Các Tỳ-kheo đều đến chỗ Phật, đánh lễ sát đất, ngòai qua một phía rồi đem việc ấy bạch đầy đủ với Phật.

Thế Tôn biết mà vẫn hỏi:

- Các Tỳ-kheo có thật sự làm việc ấy không?

Các Tỳ-kheo xấu hổ, quỳ hai gối sát đất, chắp tay bạch Phật:

- Đúng vậy, thưa Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Nay các Tỳ-kheo, trước đây Ta đã vì người ngu dumber vô số phương tiện nói về tội nói dối và ca ngợi công đức của việc không nói dối. Vì sao các thầy lại gây ra lỗi này?

Phật dùng vô số phương tiện để quở trách, sau đó vì việc này, Phật cho tập hợp chúng Tăng, vì muốn đủ mười công đức nên kết giới cho Sa-môn và làm cho các Sa-môn biết được ý nghĩa này:

- Tỳ-kheo nào không biết, không thấy pháp thượng non mà nói tôi có các đức, tôi biết tôi thấy thiện xứ, vô vi; tôi biết pháp ấy. Vào lúc khác, nếu có người hỏi: “Thầy có phải A-la-hán không?”. Tỳ-kheo ấy đáp: “Tôi chẳng phải là A-la-hán”. Vì muốn làm sạch lỗi lầm của mình, nhớ lại việc đã làm, vị ấy nói: “Tôi đã không biết nói biết, không thấy nói thấy. Đó là lời nói hư dối, trống rỗng, không trong sạch”. Trừ khi chưa chứng mà tưởng đã chứng, nếu không thì Tỳ-kheo ấy phạm Ba-la-di.

Phật Thế Tôn ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo nhỏ tuổi, mới học đạo chưa lâu, chưa thông hiểu pháp, ý niệm chưa định, đi lại không có tiết độ. Khi đến nhà người thì tự xưng là đã đắc pháp thượng non.

Lúc ấy, chúng đại Tỳ-kheo đắp y mang bát vào nước Xá-vệ khát thực thì nghe Tỳ-kheo trẻ tuổi tự xưng mình đã chứng pháp thượng non. Nghe vậy, sau khi xin được thức ăn, các Tỳ-kheo ra khỏi thành, đến chỗ Tỳ-kheo trẻ tuổi, nói rằng:

- Ông chớ có thường xuyên đến nhà người, chớ có tự xưng đắc pháp thượng non.

Tỳ-kheo trẻ tuổi đáp:

- Các Tỳ-kheo trưởng lão thường đến nhà người, còn tôi vì sao lại không được đến?

Các Tỳ-kheo can gián như vậy nhưng Tỳ-kheo ấy không nghe.

Tỳ-kheo trưởng lão bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy đến chỗ Phật bạch đầy đủ việc này.

Thế Tôn nói:

- Nay các Tỳ-kheo! Giống như ở trong rừng sâu hoang vắng, có một dòng sông, có các con voi lớn xuống sông, lựa chọn ngó sen, rửa sạch bùn đất rồi lấy ăn. Các con voi lớn đó đều ăn no, sức khỏe dồi dào, vui vẻ, không hung bạo, không giết hại lẫn nhau, không bị chết chóc khổ sở. Các con voi nhỏ trong bầy voi nếu lội xuống sông lấy ngó sen thì không chịu rửa sạch, ăn luôn cả bùn đất. Ăn xong, sức khỏe yếu ớt, không được an vui, do vậy chúng giết hại lẫn nhau nên bị chết chóc khổ sở.

Cũng vậy, Tỳ-kheo trưởng lão đã lìa tham, sân, si, đã tu tịnh hạnh từ lâu, lại không thường xuyên đến nhà các đàn-việt. Do không thường đến nhà các đàn-việt nên khi đến, các vị ấy gây lòng tin cho những người không tin; những người đã tin lại càng thêm tin tưởng. Nếu nhận được đồ vật thì không sanh tham đắm, không có ganh ghét. Nếu nhận của tín thí thì tiêu hóa hết, không có phỉ báng lẫn nhau, không có ý tà ngụy.

Trong chúng Tỳ-kheo trưởng lão có các Tỳ-kheo trẻ tuổi, học đạo mới được ít ngày, chưa hiểu pháp, tự ca ngợi bằng pháp thượng hơn. Đến nơi nào thì làm cho người không tin pháp ở nơi đó càng thêm không tin; người đã tin thì lòng tin bị giảm. Nhận được đồ cúng dường liền sanh tâm tham đắm, ganh ghét với bạn bè. Không hiểu vô thường. Nhận thức ăn mà ăn xong thì nhan sắc tiêu tụy, không có sức khỏe. Vì thế mà bị khổ muốn chết.

Vì thế, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng, kiết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào đến nhà trưởng giả, tự khen ngợi bằng pháp thượng hơn thì phạm Ba-la-di.

Phật ở tại vườn Trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt. Lúc mới xin làm Sa-môn, Điều-đạt mang theo ba trăm ngàn lượng vàng, con voi ông ta cỡi trị giá trăm ngàn lượng vàng, đồ đạc con voi mang trên mình cũng trị giá trăm ngàn lượng vàng. Y phục mà Điều-đạt mặc trên người cũng trị giá trăm ngàn lượng vàng. Sau khi xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc cà-sa, vị ấy rời bỏ phố phường, vào núi hành đạo, tụng kinh đã học. Vị ấy tụng hết tất cả các kinh mà Thế Tôn đã giảng dạy.

Trong kinh có kể chuyện các vị Tỳ-kheo có đại thần thông đến cõi Diêm Phù Đề (do ở đó có loại cây tên Diêm-phù nên vùng ấy tên Diêm Phù Đề). Các Tỳ-kheo có thần thông đến nơi ấy hái quả Diêm-phù đem về ăn. Cách cây Diêm-phù không xa có vườn Ha-lê-lặc lớn, vườn A-ma-lặc lớn (mỗi vườn cách nhau năm mươi do-tuần). Các vị còn đến Uất-đan-việt lấy loại lúa mọc tự nhiên đem về dùng; hoặc đến cõi trời Đâu-thuật lấy cam-lồ của chư thiên đem về dùng; hoặc đến các phương Đông, Nam, tây, Bắc, bay vọt trên không, biến hóa đủ cách.

Thấy các việc như vậy, Điều-đạt sanh tâm ganh ghét và nghĩ rằng: “Lúc nào ta mới có được thần thông to lớn này để bay đến gốc cây Diêm-phù hái quả ngọt về ăn, cho đến bay vọt trên không một cách tự do?!”.

Vị ấy suy nghĩ tiếp: “Ta phải đến gặp Phật để hỏi cách luyện thần thông”. Vị ấy liền đến chỗ Phật hỏi về pháp thần thông.

Biết Điều-đạt sẽ gây ra tội, không thể cứu được và sẽ gây việc vô ích cho Phật pháp, Thế Tôn liền bảo Điều-đạt:

- Hãy đi đi! Không nên hỏi pháp thần túc. Chỉ cần suy nghĩ về pháp vô thường, khổ, không, vô ngã.

Nghe Thế Tôn dạy như vậy, Điều-đạt không bằng lòng và chỉ nghĩ đến thần thông. Vị ấy lại nghĩ: “Xá-lợi-phất là người có trí tuệ lớn, ta phải đến đó hỏi pháp thần thông. Vị ấy sẽ chịu ý ta”.

Ông ta liền đến hỏi Xá-lợi-phất đạo thần thông, nhưng vì biết Phật không dạy nên Xá-lợi-phất cũng không dạy.

Điều-đạt lại suy nghĩ: “Mục-kiền-liên là bậc có thần thông lớn nhất trong các Thanh văn. Ta phải đến hỏi vị ấy pháp thần thông”.

Ông ta liền đến đó hỏi pháp thần thông, nhưng Mục-kiền-liên cũng không nói.

Điều-đạt lại nghĩ: “A-Nan là em út của ta. Thế Tôn cũng từng khen vị ấy là người đa-văn bậc nhất trong số các Thanh-văn. Ta phải đến hỏi vị ấy pháp thần thông, chắc chắn vị ấy sẽ giảng pháp thần thông cho ta nghe”.

Khi ấy, A-Nan chưa đắc thần thông, không lường được việc này, lại chưa sạch hết trần cấu nên liền nói hết pháp thần thông mà mình đã nghe cho Điều-đạt.

Điều-đạt ghi nhớ hết pháp thần thông mà A-Nan đã truyền đạt, rồi lập tức đến nơi vắng vẻ, yên tĩnh, rừng cây trong núi sâu để tu tập pháp ấy suốt ngày đêm không nghỉ và đạt được bốn thiền sắc giới. Nương thiền định này, vị ấy liền đạt được thần thông.

Do trước đây đã thề, vị ấy liền đến cây Diêm-phù hái quả đem về ăn, cho đến lên cõi trời Đâu-thuật lấy cam-lộ của cõi trời và biến hóa vô số cách. Bấy giờ, Điều-đạt phát sanh tâm ganh ghét, hướng về Như Lai mà suy nghĩ rằng: “Dòng họ và nơi sanh của Sa-môn Cù-Đàm không thể hơn ta, ông ấy họ Thích, ta cũng họ Thích, có gì thua kém! Sở dĩ mọi người đến cúng dường là do thần thông của ông ấy. Nay ta cũng sẽ dùng thần thông giáo hóa thật nhiều người”.

Điều-đạt lại suy nghĩ: “Vua Tần-bà-sa-la đã chứng quả bất thối chuyển ở trong đạo của Sa-môn Cù-đàm. Ta không thể dùng thần thông giáo hóa ông ấy”.

Vốn thông minh lanh lợi, thông đạt thiên văn địa lý và tinh tú trên hư không, Điều-đạt quán sát hết mọi người và thấy chỉ có thái-tử A-xà-thế là đầy đủ tướng làm vua. Thái-tử này chắc chắn sẽ làm vua không còn nghi ngờ.

Điều-đạt suy nghĩ: “Ta phải đến dùng thần thông để giáo hóa thái-tử, để những người ở nước này đều phải nhận sự dạy dỗ của ta”.

Lúc ấy, Điều-đạt hóa thân làm voi, đến chỗ thái-tử A-xà-thế, đi vào xuyên qua vách tường rồi đi ra cửa, biến hóa đủ cách để thái-tử A-xà-thế biết là Điều-đạt. Ông ta lại hóa thân làm ngựa, ra vào không bị ngăn ngại, hoặc theo cửa vào và ra nơi không có cửa; hoặc hóa ra các loại châu báu để làm mũ báu đặt trên đầu gối thái-tử A-xà-thế. Thái-tử liền lấy đội nhưng cũng biết đó là vật do Điều-đạt biến hóa ra.

Điều-đạt lại hóa làm đứa bé được trang sức bằng râu chuỗi vàng bạc, ngồi trên đùi thái-tử. Thái-tử liền ôm, đùa giỡn, nhỏ nước miếng vào miệng làm rơi miếng đứa bé và cũng biết đó là do Điều-đạt biến hóa ra.

Khi ấy, thái-tử A-xà-thế liền phát sanh tâm điên đảo, cho rằng thần thông của Điều-đạt hơn Phật, liền cúng dường cho ông ta y phục, đồ ăn, giường nằm, thuốc chữa bệnh. Mỗi ngày, thái-tử mang năm trăm nôi cơm đến chỗ Điều-đạt. Thái tử đem năm trăm cỗ xe (chở hàng hóa) đến chỗ Điều-đạt. Cũng có năm trăm Tỳ-kheo ngồi ăn ở chỗ Điều-đạt.

Đến giờ, đại chúng Tỳ-kheo đắp y mang bát vào thành La-duyệt khát thực. Các Tỳ-kheo nghe tin thái-tử A-xà-thế cúng dường Điều-đạt rất nhiều thứ, cho đến mang theo năm trăm cỗ xe đến chỗ Điều-đạt, có năm trăm Tỳ-kheo đi theo và ngồi ăn chung với Điều-đạt.

Nghe tin ấy, các Tỳ-kheo liền đến chỗ Phật, bạch đầy đủ việc này. Thế Tôn bảo:

- Các vị chớ có đến chỗ Điều-đạt nhận sự cúng dường, chớ có phát sanh lòng tham. Vì sao vậy? - Như uống thuốc độc, há có ai không chết? Đã tự uống thuốc độc, lại cho người khác uống.

Này các Tỳ-kheo! Ví như cây Kiền-đà-lợi (chuối) sanh quả thì thân bị gãy, cây bông lau sanh hạt thì chết. Con la mang thai thì mẹ con đều chết. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Điều-đạt mà cúng dường là tự uống thuốc độc, lại cho người khác uống thuốc độc.

Này Tỳ-kheo! Ví như có người rất mạnh, cầm gậy đánh con chó dữ sút đầu gãy mũi, chó còn hung dữ không?

Tỳ-kheo đáp:

- Vẫn còn, thưa Thế Tôn.

Phật nói:

- Cũng vậy, Điều-đạt được cúng dường càng thêm táo bạo. Thật đáng thương cho kẻ ngu si này sẽ phải chịu tội nặng như núi trong một thời gian dài.

Bấy giờ, Điều-đạt liền phát sanh ý nghĩ: “Nay ta được cúng dường nhiều hơn Như Lai. Vì sao Như Lai lại cấm chúng Tăng không cho họ đến nhận cúng dường?”.

Điều-đạt vừa phát sanh ý nghĩ đó, liền bị mất thần túc.

Bấy giờ, tôn giả Mục-kiền-liên đang ở hang Ca-lăng-già, thuộc thành La-duyệt. Lúc ấy Tỳ-kheo đồng học của Mục-kiền-liên tên Xiêm-phù-đà - con của trưởng giả Câu-lợi - tu tứ vô lượng tâm, sanh lên cõi trời Phạm thiên. Phạm thiên Xiêm-phù-đà liền dùng thiên nhãn quán thấy Điều-đạt mất thần túc. Trong thời gian con người co duỗi cánh tay, Phạm thiên Xiêm-phù-đà từ cõi trời Phạm thiên hạ xuống chỗ Mục-kiền-liên ở hang Ca-lăng-già, bạch với vị ấy rằng:

- Tôn giả biết không? Điều-đạt đã mất thần túc. Mục-kiền-liên! Thầy hãy đến bạch với Thế Tôn Điều-đạt đã mất thần túc.

Mục-kiền-liên liền sanh ý nghĩ muốn nhập thiền định để quán sát tâm của Điều-đạt. Mục-kiền-liên liền nhập thiền định và biết Điều-đạt đã mất thần túc thông.

Lúc ấy, Mục-kiền-liên liền im lặng nhận lời vị thiên. Vị thiên liền trở về trời.

Khi vị thiên ấy ra đi không bao lâu, Mục-kiền-liên nhập vào tam muội, đến vườn Trúc, rồi ra khỏi tam muội. Ở cách Phật không xa, sửa y phục, rồi đến chỗ Phật đánh lễ sát đất, đứng qua một phía, bạch Thế Tôn rằng:

- Theo Phạm thiên Xiêm-phù-đà nói thì Điều-đạt đã mất thần túc.

Trong khi Mục-kiền-liên đang nói thì Điều-đạt dẫn theo năm người là: Cù-bà-ly, Khiên-đà-la, Bà-bà-ca-lưu-đà, Đái-tam-văn-đà, La-hệ-đầu. Trông thấy Điều-đạt dẫn theo năm người đến, Thế Tôn quay lại bảo Mục-kiền-liên:

- Hãy thôi, đừng nói nữa. Kẻ ngu si ấy đến đây sẽ tự nói.

Mục-kiền-liên liền suy nghĩ: “Ta phải nhập vào chánh định ngay tại đây để Điều-đạt không thấy ta”.

Khi ấy, Điều-đạt đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát đất rồi ngồi qua một phía, bạch Thế Tôn rằng:

- Thế Tôn đã già, sức khỏe yếu kém, thời đã qua. Xin Thế Tôn hãy bảo chúng Tăng nhận sự chăm nom của tôi.

Thế Tôn đáp:

- Những người có thần túc lớn như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đến xin chăm nom chúng Tăng, ta còn không cho, huống gì kẻ còn được cho bú mớm, bỗng bẻ như người mà ta giao chúng Tăng cho được sao?

Điều-đạt liền suy nghĩ: “Vì sao Thế Tôn chỉ khen Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên mà chê đức độ của ta?!”. Điều-đạt liền phát sanh ác ý đối với Phật, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, không từ giã mà đứng dậy bỏ đi.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Vật tín thí rất nặng, làm Tỳ-kheo rơi vào chỗ tối tăm, không được nói được, kinh trước đây thường tụng nay lười biếng không tụng, không chứng đắc nói chứng đắc. Ví như người lực sĩ cắt gân làm dây quấn chặt cẳng chân, bấp tay, rồi kéo hai đầu dây, sợi dây ấy làm tổn thương da, thịt, gân. Gân đứt thì nó tiếp tục làm tổn thương xương, rồi đến tủy. Cũng vậy, các Tỳ-kheo nên biết, tín thí làm con người đọa vào chỗ tối tăm, không được nói được, kinh trước đây thường tụng nay lười biếng không tụng, không chứng đắc nói chứng đắc. Tỳ-kheo nào nhận của tín thí mà tham đắm cho là vật của mình thì làm tổn thương da, cho đến xương tủy.

Này các Tỳ-kheo! Từ nay trở đi phải học, không được tham đắm vật tín thí cho là vật của mình, chỉ thọ những thứ cần thiết với tâm không phân biệt mà thôi. Tỳ-kheo phải học như vậy.

Nhân việc ấy cho đến đủ mười công đức, Thế Tôn kiết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào dựa vào thiên thể tục làm phát sanh thần túc và tự ca ngợi bằng pháp thượng hơn thì phạm Ba-la-di.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nên biết, có Tỳ-kheo vì y áo, đồ ăn uống, giường nằm, thuốc trị bệnh, chẳng phải A-la-hán mà xưng là A-la-hán; lại có Tỳ-kheo cầm đầu bọn cướp, dẫn theo một trăm người, hai trăm, ba trăm, cho đến một ngàn người thì hai tên giặc lớn này có gì thua kém nhau?

Tỳ-kheo đáp:

- Người dẫn theo một trăm người, cho đến một ngàn người cũng chỉ là hạng giặc nhỏ, bình thường. Hạng giặc thứ hai đối với chúng, Phạm, ma, Sa-môn, Bà-la-môn ở trong trời người, chỉ vì y áo, cơm ăn, giường nằm, thuốc thang, chẳng phải A-la-hán mà xưng là A-la-hán, đó chính là hạng giặc lớn ở trong các giặc.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Thế Tôn:

- Ba-la-di nghĩa là gì?

Thế Tôn đáp:

- Tất cả các pháp như căn, lực, giác, đạo, chứng đạo, đắc quả dưới gốc cây, dứt sạch kiết sử... đều bị vứt bỏ. Vì thế gọi là vứt bỏ.

Này các Tỳ-kheo! Thí như có người mắc lỗi với nhà vua, bị vua đoạt hết các dụng cụ sinh hoạt, bị mất hết nhà cửa; cũng vậy, người nào phạm một trong bốn Ba-la-di thì mất hết tất cả các công đức.

Thế nào là bất thọ? - Đó là ở nơi nói giới, tự tứ và yết-ma, Tỳ-kheo này không được tham dự. Tỳ-kheo này cũng không được biết các việc bí mật của chúng Tăng.

Bất thọ nghĩa là chẳng phải Sa-môn, chẳng phải con dòng họ Thích.

TỶ NẠI DA

Hết quyền hai

--- o0o ---

Quyền thứ ba

Pháp TĂNG-TÀN thứ nhất

Phật du hành đến vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ tôn giả Ca-lưu-đà-di (Ca-lưu-đà-di có nước da đen, là em họ của A-Nan) kiết hạ ở Kỳ-hoàn, giữ việc quét dọn phòng ốc. Ở trong phòng đặt giường, phía trước đặt bình tắm, bên ngoài lại có bình tắm. Đến giờ, vị ấy đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực rồi trở về, cất y bát, nghỉ ngơi.

Ca-lưu-đà-di có tâm dâm dục rất mạnh, nhớ đến người phụ nữ ở gia đình vừa cúng thức ăn, ý dâm của vị ấy càng thêm mạnh mẽ. Vị ấy liền dùng tay thủ dâm làm xuất tinh và lập tức rửa tay, tắm rửa, quét dọn phòng. Cho đến khi mãn hạ thì việc ấy xảy ra đến ba lần.

Khi ấy, các Tỳ-kheo bạn của Ca-lưu-đà-di kiết hạ ở Câu-tát-la. Sau khi mãn hạ, vào ngày y phục đã được may vá xong, họ đắp y mang bát đến vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Các Tỳ-kheo đến chỗ Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di lễ bái, hỏi thăm nhau rồi ngồi qua một phía. Các vị ấy hỏi Ca-lưu-đà-di:

- Thế nào, Ca-lưu-đà-di! Sức khỏe có dồi dào không? Trong mùa hạ có bị khổ nhọc không? Khát thực có dễ dàng không?

Ca-lưu-đà-di đáp:

- Ở đây tôi phải quét dọn phòng ốc,... (cho đến kể đầy đủ việc thủ dâm).

Các Tỳ-kheo đáp:

- Nay Ca-lưu-đà-di! Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói sự bất tịnh của dâm, của việc hướng về dâm dục, nghĩ đến dâm dục và sự thiêu đốt của dâm, nói về sự dơ bẩn của dâm dục... Vậy mà vì sao thầy lại phát sanh ý dâm dục?

Các Tỳ-kheo hết sức quở trách, can gián. Sau khi quở trách, khuyên răn xong, họ đến chỗ Thế Tôn, bạch với Thế Tôn đầy đủ việc ấy. Thế Tôn biết mà vẫn hỏi Ca-lưu-đà-di:

- Việc ấy có thật không?

Ca-lưu-đà-di bên trong thì hổ thẹn, bên ngoài thì ngượng ngùng, rời khỏi chỗ ngồi, sửa áo bày vai phải, quỳ gối sát đất, chắp tay bạch với Thế Tôn rằng:

- Đúng vậy, thưa Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Này kẻ ngu! Ta đã dùng vô số phương tiện nói về sự bất tịnh của dâm dục, của sự hưởng về dâm dục, nghĩ đến dâm dục, sự thiêu đốt của dâm, nói về sự dơ bẩn của dâm dục, vậy mà vì sao kẻ ngu như ngươi lại dùng tay này nhận sự cúng dường của trưởng giả, rồi lại dùng tay này để thủ dâm?!

Phật dùng vô số phương tiện để quở trách, dạy dỗ ông ta và nhân việc ấy Ngài tập hợp chúng Tăng, vì muốn đầy đủ mười công đức nên kiết giới cho Sa-môn:

- Các Sa-môn nên đề phòng việc này: Tỳ-kheo nào nhớ nghĩ và thủ dâm, xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Thế Tôn du hành đến vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy, có một Tỳ-kheo kiết hạ ở Kỳ-hoàn nằm mộng bị xuất tinh. Sau khi thức giấc, vị ấy phân vân không biết mình có bị phạm Tăng-già-bà-thi-sa không, liền hỏi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không biết, liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Xuất tinh trong mộng không có tội. Tỳ-kheo nào thủ dâm xuất tinh - trừ chiêm bao - Tăng-già-bà-thi-sa.

Khi ấy, tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Thế Tôn:

- Có mấy trường hợp xuất tinh phạm Tăng-già-bà-thi-sa?

Thế Tôn đáp:

- Dùng tay trái, tay phải thủ dâm, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Bao người khác dùng tay thủ dâm cũng vậy. Dùng chỗ cong giữa hai khuỷu tay của người khác để thủ dâm, hoặc khoảng giữa khi co đầu gối, khoảng giữa hai nách, hai bên rốn, khoảng giữa háng và khoảng giữa hai hông, khoảng giữa cổ và hai vai, trong y ở những chỗ co duỗi trên thân, nằm sấp trên giường nệm để thủ dâm, vẽ người nữ, tạc tượng người nữ bằng gỗ làm chỗ để thủ dâm xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc thành Xá-vệ.

Lúc ấy, tôn giả Nan-đà đi vào thành Xá-vệ với ý dâm rất mạnh. Có người vợ của một trưởng giả dùng tay vịn chân Nan-đà đánh lễ. Tay người nữ mềm mại làm Nan-đà bị xuất tinh rơi trên tay cô ấy. Người nữ liền đưa tay xoa lên đánh và nghĩ: “Ta đã được lợi ích lớn mới làm cho tôn giả Nan-đà phát sanh ý dâm mạnh mẽ đến như vậy”.

Vốn có phạm hạnh đầy đủ, không có ý phạm giới, Nan-đà liền phân vân không biết mình có phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không, liền hỏi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không biết, liền đến bạch đầy đủ với Thế Tôn. Nhân việc ấy, Thế Tôn liền tập hợp chúng tăng. Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi Nan-đà:

- Việc ấy có thật không?

Tôn giả Nan-đà bên trong hổ thẹn, bên ngoài ngượng ngùng, liền sửa áo, bày vai phải, quỳ gối phải sát đất, chấp tay bạch Thế Tôn rằng:

- Đúng vậy, thưa Thế Tôn.

Khi ấy ở trước mọi người, Thế Tôn khen Nan-đà rằng:

- Lành thay! Nan-đà mới có thể đầy đủ phạm hạnh như vậy. Người thực hành phạm hạnh được quả báo, được công đức lớn.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các tộc tánh tử, trông thấy Nan-đà có ai có thể chê là không khôi ngô không? Thầy ấy có thân thể mềm mịn, sức khỏe hơn người, ý dâm rất mạnh, ai có thể hơn Nan-đà được?

Này các Tỳ-kheo, tộc tánh tử Nan-đà đóng kín các căn, ăn uống biết đủ, ban đêm không để mắt thời khóa, tâm định bất loạn. Nan-đà có thể tu phạm hạnh thanh tịnh suốt đời.

Tộc tánh tử Nan-đà làm sao có thể đóng kín các căn? Đối với tộc tánh tử Nan-đà, khi mắt thấy sắc thì ý không tham đắm. Giả sử thấy sắc thì vị ấy như người không đủ nhãn căn, sẽ nghĩ đến pháp ác, bất thiện, vô minh, lo buồn, ý không hướng đến nên phòng hộ được nhãn căn.

Tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc chạm với pháp, biết rồi không sanh đắm nhiễm. Giả sử ý căn phát sanh nhiễm trước, vị ấy sẽ nghĩ đến pháp ác, bất thiện, vô minh, lo buồn, ý không hướng đến thì phòng hộ được ý căn.

Đó là cách tộc tánh tử Nan-đà đóng kín các căn.

Tộc tánh tử Nan-đà làm cách nào để biết đủ trong việc ăn uống?

- Tộc tánh tử Nan-đà biết đủ khi ăn thức ăn, không có tâm tham ăn, không cầu có nhan sắc và sức mạnh, không có ý mong mềm mại. Lý do ăn là vì muốn thân thể tồn tại lâu dài, để diệt bệnh cũ và không sanh bệnh mới, và việc hành đạo được an vui.

Giống như có người bị lở loét phải dùng dầu để bôi lên. Lý do bôi dầu là muốn cho vết loét được lành. Cũng vậy, tộc tánh tử Nan-đà biết đủ trong ăn uống, không có tham ăn, cho đến thích được hành đạo.

Ví như có người bôi mỡ vào cột bánh xe, lý do bôi mỡ là vì chở nặng. Cũng vậy, tộc tánh tử Nan-đà ăn uống biết đủ, không có tham ăn cho đến thích được hành đạo. Đó là cách tộc tánh tử Nan-đà biết đủ trong ăn uống.

Tộc tánh tử Nan-đà không để mất thời khóa vào ban đêm bằng cách nào? - Ban ngày tộc tánh tử Nan-đà đi kinh hành, tọa thiền. Ban đêm cũng kinh hành, tọa thiền. Đầu đêm vị ấy kinh hành, tọa thiền, chế phục tâm không cho ngủ. Giữa đêm vị ấy xếp y thượng thành bốn lớp trải trên ghế, gói đầu bằng Tăng-già-lê, hông phải sát đất, hai bàn chân gác lên nhau, căng chân duỗi thẳng, giữ ý nghĩ nơi ánh sáng. Đến khi nào mới sáng? Cuối đêm vị ấy liền dậy kinh hành, tọa thiền, chế phục tâm. Đó là cách tộc tánh tử Nan-đà không để mất thời khóa vào đầu đêm, cuối đêm.

Tộc tánh tử Nan-đà làm sao để niệm định không loạn? - Tộc tánh tử Nan-đà nếu muốn nhìn phía Đông thì giữ thân ngay thẳng, vừa tư duy vừa nhìn về phía Đông, không có ý loạn động. Nếu muốn nhìn phía Nam, Tây, Bắc thì cũng giữ thân ngay thẳng, vừa tư duy vừa nhìn, không có ý loạn động.

Tộc tánh tử Nan-đà nếu có thọ, tướng xuất hiện thì luôn tỉnh thức theo dõi; hành, thức cũng vậy. Thọ, tướng... chưa phát sanh thì không cho phát sanh. Thọ, tướng... đã phát sanh thì lần lượt diệt trừ. Đó là cách tộc tánh tử Nan-đà niệm định không loạn.

Vì vậy, Nan-đà xuất tinh không có tội. Nếu ai lại xuất tinh như vậy thì cũng không có tội. Từ nay về sau, các Tỳ-kheo phải mặc y lót bên dưới.

Thủ dâm nghĩa là một mình phát sanh ý tưởng, hoặc tự mình, hoặc xúc chạm thân thể kia để thủ dâm. Đó là thủ dâm.

Phật ở tại vườn Na-câu-đà, thuộc thành Ca-duy-la-việt, nước Thích-ky-sáu.

Vào ngày thứ năm, tôn giả Ca-lưu-đà-di đang trực nhật, chợt có các nữ trưởng giả vào vườn để tham quan các phòng ốc. Tôn giả Ca-lưu-đà-di cầm chìa khóa đứng ở ngoài cửa, nói rằng:

- Các chị hãy đến đây, vào trong vườn này mà tham quan. Bên trong có ao tắm, suối...

Các phụ nữ liền vào vườn tham quan và mở cửa các phòng để vào xem. Khi đến phòng tối, Ca-lưu-đà-di liền ôm chầm các phụ nữ, tán tỉnh, hôn hít, sờ râm thân thể. Các phụ nữ ấy có người thuận theo, có người không thuận. Người không thuận theo, đi ra nói với các Tỳ-kheo:

- Ở nơi an ổn thường không có lo sợ mà lại có nỗi lo sợ lớn.

Các Tỳ-kheo hỏi:

- Có lo sợ gì?

Các cô ấy liền đem sự việc trình bày đầy đủ với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không biết phải trả lời làm sao, liền đến bạch đầy đủ việc ấy với Thế Tôn. Thế Tôn biết mà vẫn hỏi Ưu-đà-di (tức Ca-lưu-đà-di) rằng:

- Việc ấy có thật không?

Ưu-đà-di bên trong thì hổ thẹn, bên ngoài thì ngại ngùng, liền sửa áo bày vai phải, quỳ gối phải sát đất, chấp tay bạch Thế Tôn rằng:

- Thật vậy, thưa Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Trước đây Ta đã vì người ngu mà dùng vô số phương tiện nói về sự bất tịnh của dâm dục, của việc hưởng về dâm dục, niệm dâm, sự bùng cháy và đơ bản của dâm dục. Vậy vì sao ông lại làm thế?

Này Ưu-đà-di! Trước đây Ta chưa từng nói với vua Ưu-điền về sự bất tịnh của dâm dục hay sao? Vua Ưu-điền hỏi Ta:

“Thưa Cù-đàm, các Tỳ-kheo trẻ tuổi xinh đẹp vừa mới vào pháp luật, đầy đủ các căn, mắt mũi tinh anh, da mềm mại như hoa đào, làm sao có thể tịnh tu phạm hạnh, trọn đời không phạm đến các phụ nữ khác?”.

Khi ấy, Ta bảo vua: “Đối với các Tỳ-kheo, ai giống mẹ thì sẽ gọi là mẹ, giống chị em thì gọi là chị em, ai giống con gái thì gọi là con gái. Vì lý do đó, các Tỳ-kheo trẻ tuổi xinh đẹp cho đến tu phạm hạnh trọn đời không phạm nữ sắc”.

Vua lại hỏi: “Thế Tôn! Tâm con người rất giàu vọng tưởng. Giả sử người giống mẹ chúng ta gọi là mẹ, cho đến giống con thì gọi là con, nhưng tâm vẫn chạy theo thế gian thì sao? Còn có cách gì khác giúp các Tỳ-kheo trẻ tuổi xinh đẹp tịnh tu phạm hạnh suốt đời không?”

Thế Tôn đáp: “Này đại vương! Ta đã bảo các Tỳ-kheo hãy quán sát thân này, từ ngón chân cho đến mí tóc, quán sát đủ thứ bất tịnh đang phơi bày trên thân. Trong thân này có: tóc, lông, móng, răng, cấu bẩn, da, thịt, máu, gân, mạch, xương, tủy, tim, gan, lá lách, thận, phổi, ruột, bao tử, bụng, phân, nước tiểu, mỡ, lá mỡ, mật, nước mắt, nước miếng, nước dãi, não, màng bọc... Này đại vương! Vì lý do này các Tỳ-kheo trẻ tuổi có thể tu phạm hạnh trọn đời”.

Vua lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn! Tâm này rất giàu vọng tưởng. Giả sử chúng ta quán sát sự cấu bẩn này mà vẫn cho là sạch thì còn có cách gì khác để các Tỳ-kheo trẻ tuổi tu phạm hạnh trọn đời không?”

Thế Tôn nói:

“Này đại vương! Các Tỳ-kheo phải đóng kín các căn, giữ niệm không cho vọng động, ý không tán loạn. Giả sử mắt thấy sắc thì không cho tham đắm.

Nếu mắt thấy sắc mà có tham đắm thì phải nghĩ đó là pháp bất thiện, vô minh, buồn rầu, khổ não... để mắt không thân cận thì giữ gìn được nhãn căn.

Tai, mũi, lưỡi, thân, ý khi tiếp xúc với pháp cũng không có đắm nhiễm như vậy. Giả sử có ý tham đắm thì hãy nghĩ đó là pháp bất thiện, vô minh, buồn rầu,... để ý không thân cận nên giữ gìn được ý căn.

Này đại vương! Đó là cách các Tỳ-kheo trẻ tuổi tu phạm hạnh trọn đời”.

Vua bạch Thế Tôn:

“Nếu có pháp này thì các Tỳ-kheo trẻ tuổi có thể tu phạm hạnh trọn đời. Khi vào trong cung, nếu con không hộ trì thân, các căn không chánh niệm, ý không chuyên nhất, tâm sẽ chạy theo pháp dâm dục của thế gian. Nếu con hộ trì thân, các căn chánh niệm, ý chuyên nhất, tâm không tán loạn, không hướng về pháp dâm dục của thế gian. Vì thế việc này rất kỳ lạ, đặc biệt. Thưa Thế Tôn! Ai nghe lời này của Sa-môn Cù-đàm mà lại không bảo hộ các căn? Nay con quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo Tăng. Xin Thế Tôn cho phép con làm Ưu-bà-tắc, trọn đời không sát sanh và thọ ba quy y”.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo Ưu-đà-di:

- Người đời còn có thể như vậy, chỉ có kẻ ngu mới không giữ gìn được việc ấy. Người giống như mẹ thì ta gọi là mẹ, cho đến người giống con gái cũng như vậy.

Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách, dạy dỗ Ưu-đà-di, tập hợp chúng Tăng, vì muốn đầy đủ mười công đức nên kiết giới cho các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo nào với ý dâm mạnh mẽ, dùng tay sờ mó người nữ, hoặc cầm bàn tay, nắm cánh tay, nắm tóc và xoa, vuốt, nắm các phần khác của cơ thể như cổ tay... thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Khi ấy, tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật:

- Ôm người nữ đi đến mấy chỗ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa?

Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào với ý dâm mạnh mẽ, bỗng người nữ từ trong nhà đặt lên mình voi thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; hoặc bỗng từ lưng voi đặt xuống lưng ngựa, từ trên lưng ngựa bỗng đặt xuống xe, từ trên xe bỗng đặt xuống kiệu, từ trên kiệu bỗng đặt lên giường, từ trên giường bỗng đặt lên giường dây, từ giường dây bỗng đặt xuống ghé dựa, từ trên ghé dựa bỗng đặt xuống đất, từ dưới đất lần lượt bỗng ngược trở lại, cho đến đặt vào trong nhà thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Trừ khi đó là mẹ, chị em ruột, bệnh nhân và không có ý đấm nhiễm thì không phạm.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có các Tỳ-kheo kiết hạ ở nước Câu-tát-la. Mãn hạ, sau khi khâu vá y phục xong, họ đắp y mang bát đến thành Xá-vệ. Cách Xá-vệ không xa, có con sông tên A-chỉ-lại-bạt-dề. Họ dùng chân ở bờ phía Nam sông ấy. Nước sông chảy rất xiết.

Lúc ấy có các phụ nữ thưa các Tỳ-kheo rằng:

- Xin các thầy hãy đưa giúp chúng con qua sông.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Các chị nên biết, Thế Tôn không cho phép đưa người nữ qua sông.

Các người nữ liền nắm tay nhau đi xuống sông và bị nước cuốn trôi, liền oán trách nói:

- Nay các thầy! Ai có lòng từ hơn những Thích tử? Chúng tôi đang bị chìm, xin hãy đến cứu giúp!

Các Tỳ-kheo thương xót, liền đến nắm tay cứu vớt. Các Tỳ-kheo đều hoài nghi, không biết mình có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không. Họ liền hỏi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không biết nên đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Không có ý đấm nhiễm thì không phạm tội, vì dùng tâm từ đến cứu. Nếu lại có người bị chìm thì hoặc nắm tóc, hoặc nắm y, không được cầm nắm thân thể. Khi gặp nạn lửa cũng vậy.

Có một người nữ đi cạnh khe núi hiểm trở, có Tỳ-kheo nắm tay dẫn qua, Tỳ-kheo liền sanh nghi, không biết mình có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không, liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Không có ý đăm nhiễm thì không phạm tội. Nếu lại gặp trường hợp như vậy thì lấy y bao tay lại rồi nắm cánh tay dẫn qua.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, tôn giả Ca-lưu-đà-di cư trú ở Kỳ-hoàn. Có các nữ trưởng giả đến tham quan vườn tược, phòng ốc, ao tắm. Ca-lưu-đà-di cầm chìa khóa mở các cửa phòng và nói:

- Các chị hãy vào xem ao tắm,

Các phụ nữ liền đến xem vườn tược, ao tắm. Ưu-đà-di cùng các phụ nữ nói chuyện một hồi về sự khoái lạc của dâm dục và việc vui thích với nhau. Trong số các phụ nữ ấy có người bằng lòng, có người không bằng lòng. Những người không bằng lòng liền ra thưa với các Tỳ-kheo:

- Tôi thường nghe nói đây là nơi an ổn, không lo sợ, mà sao thật đáng sợ.

Các Tỳ-kheo hỏi:

- Có gì đáng sợ?

Các phụ nữ bạch với các Tỳ-kheo đầy đủ việc trên. Lúc ấy, Ưu-đà-di đi ra và cũng nói với các Tỳ-kheo như vậy. Các Tỳ-kheo liền quở trách Ưu-đà-di:

- Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói về sự hưởng về dâm dục, niệm dâm, sự bùng cháy của dâm, sự dơ bẩn của dâm...

Sau khi quở trách xong, các Tỳ-kheo đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi tôn giả Ưu-đà-di:

- Việc ấy có đúng như các Tỳ-kheo đã bạch không?

Ưu-đà-di bên trong hổ thẹn, bên ngoài thì ngượng ngùng, sửa áo bày vai phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay bạch Thế Tôn rằng:

- Đúng vậy, thưa Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Ta đã dùng vô số phương tiện nói về sự bất tịnh của dâm dục, của sự hướng về dâm dục, niệm dâm, sự thiêu đốt, sự dơ bẩn của dâm. Vì sao thầy lại ca ngợi dâm dục và sự vui thích với nhau?

Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách, dạy dỗ Ưu-đà-di, rồi tập hợp chúng Tăng vì muốn đầy đủ mười công đức nên kiết giới cho các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo nào với ý dâm dục mạnh mẽ, hướng về người nữ ca ngợi việc dâm dục và sự vui thích với nhau, dùng lời xấu xa nói với nhau và nhìn nhau bằng ánh mắt lẳng lơ, dù người đó lớn hay nhỏ thì Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy, các Tỳ-kheo đều đến thôn Yùét-nhị-ca (làng dâm) khát thực. Thấy họ đến đó, các trưởng giả đều chê trách:

- Các Thích tử này thật sai sót, đã tự xưng là tốt mà lại vào làng dâm này, như người dâm dục vào đó vì dâm, cũng như vào nhà các người phụ nữ, các thiếu nữ là vì muốn lấy vợ.

Các Tỳ-kheo đem việc ấy bạch đầy đủ với Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Có năm chỗ Tỳ-kheo không nên đến. Năm chỗ ấy là:

1- Nhà bán dâm.

2- Nhà thiếu nữ.

3- Nhà quả phụ không đứng đắn.

4- Quán rượu.

5- Nhà trộm cướp.

Đó là những nơi Tỳ-kheo không nên đến, không được vào. Tỳ-kheo nào vào những nơi đó thì phạm tội.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-đôi, thuộc nước Xá-vệ. Nơi ấy có một Bà-la-môn sanh một cô con gái nhan sắc xinh đẹp không ai sánh bằng. Do bé gái ấy xinh đẹp nên mẹ đặt tên là Thiện Quang.

Lúc mới sanh, thầy tướng Bà-la-môn xem tướng và tiên đoán rằng: “Cô gái này sẽ giao thông với năm trăm người”.

Khi cô ấy lên mười sáu tuổi, mọi người nghe lời tiên đoán là cô ấy sẽ giao hội với năm trăm người nên không ai dám cưới. Có một người vượt biển, vào buôn bán ở thôn ấy. Trông thấy cô ấy xinh đẹp, liền phát sanh ý dâm, mới hỏi đó là con gái nhà ai.

Đáp:

- Đó là con gái của Bà-la-môn.

Lại hỏi:

- Đã có chồng chưa?

Đáp:

- Chưa.

Lái buôn nói:

- Nếu vậy, tôi sẽ cưới làm vợ.

Đáp:

- Cô gái này mọi thứ đều tốt, chỉ có một việc không tốt.

Hỏi:

- Đó là việc gì?

Đáp:

- Lúc mới sanh, thầy tướng Phạm chí tiên đoán rằng: cô ấy sẽ giao hội với năm trăm người.

Người lái buôn nghĩ: “Nhà ta không có ai vào, chỉ có các Thích tử, nhưng các Thích tử không có ý này”.

Người lái buôn liền cưới cô ấy làm vợ. Chưa được bao lâu, có thương nhân muốn vào biển tìm châu báu. Thường pháp của nước ấy là thương nhân nào đã vào biển nhiều lần thì được cử làm người dẫn đường. Nếu người ấy không chịu thì sẽ bị vua ép buộc.

Lúc ấy, thương nhân kia đến bảo thương nhân ấy:

- Anh hãy dẫn chúng tôi đi tìm châu báu.

Thương nhân ấy liền bảo người giữ cửa rằng:

- Tôi phải vào biển tìm châu báu, đừng cho người khác nghỉ đêm ở đây, trừ các Thích tử, bởi vì các Thích tử không có ý dâm dục.

Ngay ngày hôm đó họ đi vào biển. Có Sa-môn, Bà-la-môn nào vào nhà ấy khát thực, cô vợ liền đưa cọt, nói sự vui thích của dâm dục và bảo hãy đến cùng cô ta làm việc bất tịnh.

Các Tỳ-kheo không biết phải làm sao và đều phân vân nên đến bạch với Thế Tôn đầy đủ việc ấy. Thế Tôn đáp:

- Các Tỳ-kheo không nên vào khát thực ở nhà như vậy. Nếu vào khát thực thì không được ngồi, không được nói chuyện. Vì sao vậy? - Nhà như vậy sẽ làm hư hoại phạm hạnh. Nếu ai ngồi chung nói chuyện dâm thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Vì ý dâm quá mạnh, ngay ngày hôm ấy, vào lúc chiều tối, người nữ ấy bị chết. Thi thể cô ta được trang điểm rồi khiêng bỏ ngoài gò mã. Có năm trăm tên cướp đi qua gò mã, thấy thi thể của người nữ này liền phát sanh ý dâm và cùng nhau làm việc bất tịnh, đúng như trước đây người Bà-la-môn đã tiên đoán. Do đã đùa cợt với Sa-môn, Bà-la-môn nên cô ấy sanh vào ba đường

ác, làm vợ các con rồng ở sông Tỳ-đát-thổ, phía Bắc nước Thiên Trúc và thường giao hội với năm trăm con rồng.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ có các nữ trưởng giả đến xem phòng ốc, vườn cây. Nhóm sáu Tỳ-kheo bảo các nữ trưởng giả:

- Chúng tôi là con của quốc vương, xinh đẹp không ai bằng. Thân thể thơm tho, tinh tấn vô hạn, là người đứng đầu ở trong pháp. Các cô hãy cùng chúng tôi vui đùa thỏa thích với nhau. Cúng dường thân là pháp đứng đầu trong pháp bố thí cúng dường.

Trong số các phụ nữ ấy có người bằng lòng, có người không bằng lòng. Người không bằng lòng đi ra nói với các Tỳ-kheo:

- Ở nơi thường an ổn, không lo sợ mà lại rất đáng sợ.

Các Tỳ-kheo hỏi:

- Có việc gì vậy?

Các phụ nữ thưa đầy đủ việc ấy với Tỳ-kheo. Tỳ-kheo không biết làm sao, liền đến bạch với Thế Tôn. Thế Tôn biết mà vẫn hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo:

Việc ấy có đúng vậy không?

Các Tỳ-kheo bên trong thì hổ thẹn, bên ngoài thì ngượng ngùng, liền sửa áo bày vai phải, quỳ gối phải sát đất, chấp tay bạch Phật rằng:

- Đúng vậy, thưa Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Sao vậy kẻ ngu kia! Ta đã nói dâm như rắn độc cắn người. Thà bị rắn độc, rắn hổ mang độc, trăn đen độc cắn, chứ không giao hội với các phụ nữ dòng Sát-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả. Tuy họ rất xinh đẹp và ăn mặc rất đẹp, nhưng thà gieo mình vào lửa chứ không giao hội với họ.

Ta chẳng đã nói dâm như đồng củi lớn, phóng lửa đốt đồng củi lớn thì ngọn lửa sẽ rất mạnh mẽ. Thà gieo mình vào trong đồng lửa ấy chứ không giao hoan với các phụ nữ Bà-la-môn, trưởng giả, Sát-lợi.

Ta chẳng đã nói dâm dục như hồ lửa sâu, như hồ rất sâu đựng đầy lửa, chỉ có than hồng, không có khói. Thà gieo mình vào hồ ấy chứ không giao hoan với phụ nữ Sát-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả.

Dâm dục như con chó gặm xương, như con chim giành miếng thịt (miếng thịt nhỏ xíu nhưng chim phải chịu khổ rất nhiều), như mật dính trên lưỡi dao, dâm dục cũng như vậy.

Như vua ra lệnh bắt người bị tội tra khảo mỗi ngày ba lần thì người ấy bị thương hàng trăm vết, dâm dục cũng như vậy. Dâm dục cũng như chiếc bình, bên ngoài được sơn vẽ rất đẹp, bên trong đựng đồ hôi thối bất tịnh, như hương hoa độc, ngửi vào mũi thì chết.

Thà uống thuốc độc chứ không hướng về dâm dục. Như người chơi đàn, chỉ có âm thanh rỗng không. Cũng như đại thọ gắn kiếm, lên xuống đều bị đâm như kẻ thù, giặc cướp không có ý tốt, như nước phẫn sôi ở địa ngục Khôi-hà, dâm dục cũng như vậy.

Ta chẳng đã nói dâm dục là đầu mối của sự đấu tranh, đưa đến quan huyện, nịnh hót, gièm pha, mê hoặc, lừa dối, làm vô số việc ác, tất cả các việc ấy đều do dâm sanh ra.

Ta đã dùng vô số phương tiện nói về sự bất tịnh của dâm, của việc hướng về dâm, nghĩ về dâm, sự thiêu đốt và sự dơ bẩn của dâm. Vì sao các thầy tạo việc ác ở trong đó?

Thế Tôn dùng vô số phương tiện dạy dỗ, quở trách nhóm sáu Tỳ-kheo và nhân việc ấy Ngài tập hợp chúng Tăng, vì muốn đủ mười công đức nên kiết giới cho các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo nào với ý dâm mạnh mẽ, ở trước người nữ tự khen thân xinh đẹp, lại nói mình là Tỳ-kheo tinh tấn, là bậc tối thượng tịnh hạnh trong pháp,... Tỳ-kheo nào làm như vậy phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

(Một là Bạt-nan-đà, hai là Nan-đà, được sanh thiên. Ca-lưu-đà-di, Xiển-nộ - tức Xa-nặc - khi Phật đã nhập diệt, nghe theo A-Nan nên đăc đạo và nhập Niết-bàn. Mã-sur, Phất-na-bạt sanh vào loài rồng)

Phật Thế Tôn ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc.

Lúc ấy, vào sáng sớm, tôn giả A-Nan đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khất thực xong, vị ấy ra khỏi thành. Lúc ấy là tháng cuối mùa Hạ, trời rất nóng. Tôn giả A-Nan đi trên đường thì khát nước. Giữa đường có con gái Chiên-trà-la tên Bát-kiết-đề đang múc nước giếng. A-Nan liền đến giếng xin nước và nói:

- Này chị, tôi cần nước, hãy cho tôi ít nước.

Cô ấy bảo A-Nan:

- Tôi thuộc họ Ma-đăng -già.

A-Nan nói:

- Tôi không hỏi giai cấp Chiên-trà-la hay chẳng phải Chiên-trà-la. Tôi đang cần nước, hãy cho tôi xin nước.

Cô gái đáp:

- Thầy thuộc dòng họ cao quý, là đệ tử đứng đầu của Sa-môn Cù-đàm, được vua Ba-tư-nặc kính trọng, là thầy của Mạc-lợi phu nhân. Còn tôi thuộc dòng họ Chiên-trà-la nên không dám mang nước cho ngài.

A-Nan bảo cô ấy:

- Tôi không hỏi cô thuộc họ Chiên-trà-la hay chẳng phải Chiên-trà-la. Tôi đang cần nước, hãy mau đem nước cho tôi.

Cô ấy đáp:

- Nếu cần nước thì sẽ có ngay.

Lúc ấy, người nữ lấy tay bụm nước rưới lên chân A-Nan, rồi lại bưng nước rưới tay A-Nan. Sau khi rưới tay chân A-Nan, cô ấy liền sanh ý dâm dục.

Tôn giả A-Nan uống nước xong liền lên đường.

Khi A-Nan đã đi không bao xa, Bát-kiết-đề liền mang bình nước trở về nhà thưa với cha mẹ:

- Xin cha mẹ hãy cho con lấy Sa-môn A-Nan làm chồng.

Người mẹ nói:

- A-Nan là con nhà vua Chuyên-luân, dòng Sát-lợi, Thích chủng. họ Cù-đàm; quốc vương, đại thần đều biết, là đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, được vua Ba-tu-nặc kính trọng, là thầy của Mạc-lợi phu nhân. Còn chúng ta là dòng Chiên-trà-la thấp hèn, làm sao có thể lấy A-Nan làm chồng được?!

Cô gái bảo mẹ:

- Nếu không lấy được A-Nan làm chồng thì con sẽ uống thuốc độc, hoặc dùng dao tự sát, hoặc thắt cổ tự tử.

Người mẹ bảo con gái rằng:

- Ở đây cũng có thần chú Ma-đăng-già, có thể dời mặt trời, mặt trăng xuống đất, cũng có thể gọi vua trời Phạm thiên xuống, huống gì là Sa-môn A-Nan mà không làm cho đến đây được sao?! Việc gì thần chú này cũng làm được, trừ khi A-Nan bị chết, hoặc sống mà bất lực, hoặc được Sa-môn Cù-đàm bảo hộ thì ta không thể làm gì được.

Nghe xong, cô gái hết sức vui mừng, liền đứng dậy tắm rửa, trang điểm thân thể, mặc y phục trắng, trải ngọa cụ... trông mong A-Nan đến.

Lúc ấy người mẹ cũng tắm rửa, mặc y phục trắng, lấy phân bò trét lên đất, lấy chỉ ngũ sắc kết thành sợi dây, đổ nước đầy bốn bình, đựng đầy bốn chén máu, chứa đầy chén bốn loại nước thơm, đựng đầy bốn chén mật, dựng đứng bốn cây đao lớn trên nền phân bò, ở bốn góc nền dựng bốn mũi tên, đốt tám ngọn đèn sáng, lấy bốn đầu lâu của người chết thoa lên đó các loại hương, lấy hoa rải lên đất, cầm cái lư đốt hương, nhiễu ba vòng rồi hương về phương Đông, quỳ xuống, tụng chú thuật Ma-đăng-già.

Khi ấy, ở Kỳ-hoàn, A-Nan chợt hoảng hốt, bị chú thuật trói như cá mắc câu, như voi đi theo cái móc. Tôn giả A-Nan bị chú thuật dẫn đến nhà Chiên-trà-la.

Người mẹ bảo con gái:

- A-Nan đã đến. Con muốn làm gì thì sẽ tuân theo ý con.

Trông thấy A-Nan đến, Bát-kiết-đề hết sức vui mừng, liền đến ôm A-Nan đặt ngồi trên giường, vén y, rờ mó, vuốt ve A-Nan giống như lực sĩ dùng tay nắm con dê nhỏ lông dài, con dê phải đi theo tay người ấy.

Bấy giờ tôn giả A-Nan thấy mười phương đều tối tăm như thể mặt trời mặt trăng bị tay của A-tu-luân La-hầu che kín, không còn phát sáng. A-Nan bị chú thuật không chế, không cử động được. Mặc dù A-Nan có sức mạnh của đại lực sĩ (sức mạnh bằng sức mạnh của mười lực sĩ, sức mạnh của Câu-di cũng như A-Nan) nhưng vì bị chú thuật không chế nên không thể cử động được.

Lúc ấy, tôn giả A-Nan niệm năng lực Thánh đạo để nên tỉnh trở lại. A-Nan suy nghĩ: “Con bị nguy khốn, sao Thế Tôn không thương xót con?!”.
Biết A-Nan bị chú thuật Chiên-trà-la không chế, Phật liền nói kệ:

Biết A-Nan bị chú thuật Chiên-trà-la không chế, Phật liền nói kệ:

- Phật là bậc tôn quý nhất thế gian

Chắc chắn không ai có thể hơn Phật

Phật là bậc đứng đầu trong trời người

Vua các pháp, là ruộng phước tốt nhất.

Nếu nghĩa bài kệ này là đúng thì A-Nan được giải thoát khỏi nhà Chiên-trà-la.

Pháp là cao quý nhất ở thế gian

Chắc chắn không gì có thể hơn pháp.

Pháp đáng tôn trọng nhất trong trời người

Dứt hết trói buộc, mãi mãi yên vui.

Nếu nghĩa bài kệ này là đúng thì xin cho A-Nan được thoát khỏi nhà Chiên-trà-la.

Tăng là bậc cao quý nhất thế gian

Chắc chắn không ai có thể hơn Tăng

Tăng là bậc đứng đầu trong trời người

Là ruộng phước tốt đẹp hơn tất cả.

Nếu nghĩa bài kệ này là đúng thì xin cho A-Nan được thoát khỏi nhà Chiên-trà-la.

Khi Phật tụng kệ xong, các dụng cụ được bày ra trong đàn tràng trì chú ở nhà Chiên-trà-la như: dao, mũi tên bị gãy nát, bình hủ bị vỡ, đèn tắt, đầu lâu vỡ tung, gió lốc thổi xoay vần làm mọi người không thấy nhau. Chú thuật Chiên-trà-la mất tác dụng.

Người mẹ bảo con gái:

- Đây chắc là do thần lực của Sa-môn Cù-đàm gây nên. Mọi thứ đều vỡ tung, chú thuật mất tác dụng.

Lúc ấy A-Nan suy nghĩ: “Đây chắc là do năng lực ân đức của Thế Tôn”.

Tôn giả A-Nan được giải thoát, giống như con voi lớn sáu mươi tuổi say rượu, hung bạo, thân lớn, ngà dài, được thoát khỏi cái cùm chân bằng sắt, từ thành chạy về núi rừng hoang vắng; A-Nan cũng vậy, nhờ Thế Tôn tụng Phật ngữ mà vị ấy được giải thoát khỏi nhà Chiên-trà-la và chạy về Kỳ-hoàn.

Cô gái nọ đuổi theo A-Nan, đến cửa cổng tịnh xá Kỳ-hoàn và nói rằng:

- A-Nan là chồng tôi! A-Nan là chồng tôi!

Như trâu nghe theo mẹ không rời nửa bước, cũng vậy, cô gái này theo sát A-Nan không lia một phút giây nào.

Tôn giả A-Nan đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát đất, bạch đầy đủ với Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Trong các pháp, Ta thấy không gì gây mê hoặc, dối trá bằng người nữ. Người nữ này cũng vậy. Vì sao vậy? - Do tâm dâm dục trói buộc tâm ý. Vì thế, này A-Nan! Ông cần phải hết sức tỉnh giác, đừng để bị lục dục lôi kéo.

Lúc ấy, vào sáng sớm, tôn giả A-Nan đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khát thực. Cô gái ấy cũng đuổi theo sau và nói với các trưởng giả rằng:

- A-Nan là chồng tôi. A-Nan là chồng tôi.

Khất thực xong, A-Nan trở về chỗ Phật, bạch với Phật rằng:

- Đến đâu cô ấy cũng nói với các trưởng giả để bôi nhọ con. Con không biết phải làm sao?!

Thế Tôn bảo:

- Ông hãy đến cùng nói chuyện, giống như nói chuyện với chị em ruột vậy. Vì sao thế? - Vì người nữ ấy sẽ là Tỳ-kheo ni.

Lúc ấy, người nữ đó đến chỗ Phật, bạch Thế Tôn rằng:

- Xin Thế Tôn trả Sa-môn A-Nan cho con để con lấy làm chồng.

Thế Tôn đáp:

- Nếu muốn A-Nan thì hãy làm Tỳ-kheo ni trong pháp của Ta, Ta sẽ gả A-Nan cho.

Nghe vậy, cô ấy hết sức vui mừng, nói rằng:

- Thế Tôn đúng là đạo sư. Thế Tôn đúng là đạo sư.

Thế Tôn hỏi:

- Cô có cha mẹ không? Đã từ giã cha mẹ chưa?

Cô ấy đáp:

- Có cha mẹ nhưng chưa từ giã cha mẹ.

Thế Tôn bảo:

- Cô hãy đi từ giã cha mẹ rồi trở lại đây.

Cô ấy liền đứng dậy, đến chỗ cha mẹ, thưa với cha mẹ hết thấy mọi việc. Nghe xong, cha mẹ cô ấy hết sức vui mừng. Vốn đã trông căn lành và sắp đăc đạo nên người mẹ bảo con gái:

- Con muốn theo đạo thì cứ theo. Cha mẹ cũng muốn cùng đến để gặp Thế Tôn.

Cha mẹ và cô ấy đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát đất rồi đứng qua một phía. Lúc ấy vì cô gái này, Thế Tôn thuyết pháp cho đại chúng nghe, dùng vô số phương tiện để thể hiện ý nghĩa các pháp như nghĩa mềm mại, nghĩa bố thí, nghĩa trì giới, nghĩa sanh thiên, nghĩa bất tịnh của dâm dục, nghĩa các kiết sử làm phát sanh các căn, nghĩa xuất gia, nghĩa các đạo phẩm. Thế Tôn giảng pháp bốn Thánh đế: khổ, tập, diệt, đạo. Ngay tại chỗ ngồi, cô gái ấy hiểu được pháp bốn Thánh đế. Cha mẹ cô ta đăc đạo A-na-hàm, cô ấy đăc đạo Tu-đà-hoàn.

Giống như tấm vải trắng dễ nhuộm màu, khi nghe pháp họ cũng vậy.

Khi ấy, cha mẹ cô ta chấp tay bạch Phật:

- Từ nay trở đi, con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng. Xin hãy cho con làm Ưu-bà-tắc, trọn đời không sát sanh.

Bát-kiết-đề hiện đời đăc quả, cô ấy đánh lễ sát chân Phật, chấp tay bạch Thế Tôn rằng:

- Xin Thế Tôn tha thứ cho những lỗi lầm của con. Xin Như Lai đừng quở trách con. Con như trẻ con, như người ngu si, người không biết thiện ác, đã có ý không tốt đối với A-Nan. Xin hãy tha thứ và cho con nhập đạo làm Tỳ-kheo ni để được nương tựa Thế Tôn, tu hành phạm hạnh.

Thế Tôn bảo A-Nan:

- Ông hãy cùng hai Tỳ-kheo ni đưa cô gái này đến chỗ các Tỳ-kheo ni kiết hạ, bảo với Ma-ha-bát-chá-bát-đề Cồ-đàm-di rằng: “Thế Tôn bảo cho cô gái này xuất gia thọ giới Cụ-túc”.

Vâng lời Thế Tôn, A-Nan dẫn hai Tỳ-kheo ni và cô gái ấy đến chỗ Bát-chá-bát-đề Cồ-đàm-di và nói rằng:

- Thế Tôn dạy cho cô gái này xuất gia thọ giới Cụ-túc.

Đại Ái Đạo hỏi A-Nan:

- Sao vậy A-Nan?! Thế Tôn cho phép cô gái Chiên-trà-la theo đạo hay sao?

A-Nan đáp:

- Cồ-đàm-di, cô gái này đã đắc quả, vì sao không hành đạo được?

Đại Ái Đạo liền cạo tóc cho cô ấy xuất gia, thọ giới Cụ-túc, dạy oai nghi phép tắc. Cô ấy đắc tám giải thoát và đắc đạo A-la-hán.

Lúc ấy, Đại Ái Đạo dẫn cô ấy và năm trăm Tỳ-kheo ni đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một phía. Thế Tôn quán sát tâm ý của cô Bát-kiết-đề rồi hỏi:

- Cô còn muốn lấy A-Nan làm chồng không?

Tỳ-kheo ni ấy xấu hổ, quỳ xuống bạch Phật rằng:

- Tôn giả A-Nan là anh con, cùng học một pháp, cũng như nước hợp với sữa.

A-Nan phân vân không biết mình có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không, liền hỏi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo cũng không biết nên đến hỏi Phật. Thế Tôn đáp:

- A-Nan không phạm tội. Đó là do chú Ma-đăng-già làm mê hoặc. Nếu có ai bị chú thuật mê hoặc nữa thì cũng không có tội.

TỶ NẠI DA

Hết quyển ba

--- o0o ---

Quyển thứ tư

Phần thứ hai của pháp:

TẶNG-TÀN GIỚI LÀM MAI MỐI

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo tên Ca-lưu, con của Lộc Viên (tên mẹ) cư trú ở đó; có nhiều bạn bè như: quốc vương, đại thần, trưởng giả, Phạm chí và theo họ xin y phục, đồ ăn, ngọa cụ, thuốc trị bệnh.

Lúc ấy có nhiều phụ nữ trưởng giả suy nghĩ: “Tỳ-kheo Ca-lưu quen biết rất nhiều quốc vương, đại thần, trưởng giả, Phạm chí... Bất cứ ai vị ấy cũng đều quen cả và xin gì cũng đều được. Chúng ta hãy cùng đến thuyết phục Tỳ-kheo Ca-lưu vì chúng ta mà đến nhà người khác”.

Lúc ấy, các phụ nữ liền đến chỗ Tỳ-kheo Ca-lưu, bạch với Tỳ-kheo ấy rằng:

- Tôn giả có nhiều bạn bè như: quốc vương, đại thần... xin gì cũng đều được. Xin ngài hãy chịu khó đến nhà ấy làm mai giúp chúng tôi. Đến đó, ngài hãy thay tôi mà nói rằng: “Nghe nói con gái ông xinh đẹp. Con trai tôi cũng tuấn tú. Hãy gả con gái của ông cho làm vợ con tôi. Như vậy dòng giống không bị giảm”. Xong việc, chúng tôi sẽ hậu tạ. Xin thầy hãy giúp chúng tôi.

Tỳ-kheo ấy liền nhận lời và lập tức đi đến nhà người nữ ấy để làm mai mối.

Lại có một quả phụ nhờ Tỳ-kheo rằng:

- Hãy đến nhà trưởng giả ấy nói rằng: “Quả phụ nọ xinh đẹp không ai bằng. Ông có thể làm chồng bà ấy không? Nếu không thể làm vợ chồng thì hãy cùng nhau tư thông”.

Tỳ-kheo ấy liền đến đó để làm mối lái. Lại có một trưởng giả bảo Tỳ-kheo rằng:

- Tôn giả có nhiều bạn bè như: quốc vương, đại thần, trưởng giả, Phạm chí. Xin hãy giúp tôi đến nhà phụ nữ ấy nói với cô ấy rằng: “Cô không có chồng, tôi không có vợ. Tôi là đại trưởng giả, cô có thể làm vợ tôi không?”.

Các trưởng giả nhờ Tỳ-kheo ấy làm vậy chẳng phải một lần.

Tỳ-kheo ấy liền đến nhà các phụ nữ truyền đạt lại đầy đủ việc ấy. Các phụ nữ ấy có người đồng ý, có người không đồng ý. Người không đồng ý lần lượt nói lại với các người thân quen. Nghe nói việc ấy, các trưởng giả đều oán trách rằng:

- Sa-môn Thích tử này tự xưng là tinh tấn, lại giống như lái buôn, làm mai mối mua bán nam nữ.

Các trưởng giả nghe lời ấy, liền nói lại với các Tỳ-kheo thực hành mười hai pháp. Các Tỳ-kheo nghe xong buồn rầu không biết đối đáp làm sao, liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi Tỳ-kheo Ca-lưu:

- Việc ấy có thật không?

Đáp:

- Đúng vậy, thưa Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Ông đã làm trái với hạnh của Tỳ-kheo. Ông xuất gia học đạo mà đi làm mai mối cho nam nữ và lấy đó làm vui. Khi có đám tang ông cũng có mặt, khi họ vui đùa ông cũng có mặt. Ông chẳng có thực hành hạnh Sa-môn. Ông là Sa-môn mà lại đi làm tội tởm cho người.

Sau khi dùng vô số phương tiện quở trách, dạy dỗ xong, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng, vì muốn đủ mười công đức nên kết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào cố tâm làm mai mối người nữ với người nam, mai mối người nam với người nữ, mai mối quả phụ với đàn ông góa vợ... thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vê.

Tỳ-kheo Ca-lưu quen biết rộng rãi với các trưởng giả, hướng dẫn các trưởng giả làm việc phước. Vợ chồng các trưởng giả gây lộn với nhau, Tỳ-kheo ấy đến khuyên răn, hòa giải, lôi kéo lên giường cho ngủ chung. Các trưởng giả thân quen khác cười chê việc làm của Tỳ-kheo ấy và nói:

- Đáng lẽ chúng tôi làm việc hòa giải ấy, vậy mà Tỳ-kheo lại làm.

Các trưởng giả sanh tâm chán ghét, liền đến nói với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không biết trả lời ra sao, liền đến chỗ Phật, bạch đầy đủ với Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Các Tỳ-kheo không được đến nhà cư sĩ để hòa giải và tái hợp cho họ.

Do việc ấy, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng, vì muốn đủ mười công đức nên kiết giới cho các Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào cố tâm mai mối người nữ với người nam, mai mối người nam với người nữ, hoặc mai mối quả phụ với đàn ông góa vợ, cho đến hòa giải tái hợp thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Người nam có ba vợ: một người do cướp được, người thứ hai do mua được, người thứ ba do kết duyên. Trong số ba người vợ ấy, nếu Tỳ-kheo nói với người chồng hãy nằm ngủ cùng với người vợ này, hoặc hòa giải khi vợ chồng họ gây lộn thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo nào thả súc sanh và cho con đực con cái hợp đôi thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Phật ở tại vườn Trúc Ca-lan-đà, thuộc La-duyệt-kỳ.

Lúc ấy, Tỳ-kheo Đạt-ni-ca - con của người thợ gốm - suy nghĩ: “Nghề gốm của ta không có ai sánh kịp. Ta lại mạnh khỏe. Trước đây ta làm nhà gỗ, vua A-xà-thế định bắt giết ta, ta sẽ làm nhà gốm và ở trong đó”.

Ông ta liền trộn bùn làm căn nhà lớn với các thứ như: cửa, khung cửa, xà ngang, cửa sổ, cột chống, giá phơi y... đều bằng gốm. Tỳ-kheo ấy gom góp củi, cỏ, cành, lá, cỏ tranh, cỏ lau, nôi lửa nung căn nhà bằng đất. Ngọn lửa rất mạnh, người trong nước không ai không thấy.

Nung căn nhà gốm xong, ông ấy đi du hành, khát thực trong sáu mươi ngày để có đồ đãi khi mời các Tỳ-kheo tập hợp vào nhà mới.

Thấy việc ấy, Phật biết nhưng vẫn bảo A-Nan:

- Ông hãy đem y đến đây. Ta muốn đến nơi ấy xem xét.

Lúc ấy, Thế Tôn dẫn A-Nan đến căn nhà gốm của Tỳ-kheo Đạt-nị-ca. Trông thấy căn nhà có màu đỏ rực rỡ như lửa, Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi A-Nan:

- Vật gì đỏ như đồng lửa thế kia?

Tôn giả A-Nan liền bạch với Thế Tôn đầy đủ việc ấy. Thế Tôn bảo:

- A-Nan! Ông hãy đến phá căn nhà gốm ấy. Vì sao vậy? - Để người đời sau thấy ở trong pháp của Ta, lúc đầu không có ai làm nhà gốm.

A-Nan liền đến phá căn nhà gốm ấy.

Sau hai tháng du hành, Tỳ-kheo Đạt-nị trở về thành La-duyệt. Trông thấy căn nhà gốm bị phá, Đạt-nị liền nổi giận, hỏi Tỳ-kheo ở cạnh đó:

- Ai đến phá căn nhà gốm này vậy?

Đáp:

- Thế Tôn đến phá.

Đạt-nị nói:

- Nếu đúng là Thế Tôn phá thì đành chịu vậy.

Phật ở tại vườn Ni-câu-đà, thuộc Ca-duy-la-việt, nước Thích-ky-sáu.

Khi ấy dòng họ Thích ở Ca-duy-la-việt vừa mới cất tòa nhà lớn. Tòa nhà ấy vừa cất xong không bao lâu, có kích thước không sai pháp, cửa hướng về phía Đông. Nghe tin Phật đã đến vườn Ni-câu-đà, những người dòng họ Thích ở Ca-duy-la-việt liền suy nghĩ: “Chúng ta vừa cất xong tòa nhà này cách đây không lâu, kích thước không sai pháp, cửa hướng về phía Đông, chưa có người ở. Sa-môn, Bà-la-môn và những người dòng họ Thích phải thỉnh Phật và chúng Tăng vào nhà đó trước, cúng dường đồ ăn uống và giữ Phật cùng Tăng nghỉ lại đó một đêm để được phước đức, lợi ích lớn”.

Khi ấy, những người dòng họ Thích ra cửa phía Đông của thành Ca-tỳ-la-việt, đến vườn Ni-câu-đà. Lúc đó Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số người đang vây quanh nghe. Trông thấy Thế Tôn đang ngồi dưới gốc cây, xinh đẹp không ai bằng, thân như núi vàng, là vị thầy đứng đầu trời người, đủ ba mươi hai tướng trang nghiêm thân, những người dòng họ Thích đều xuống xe, xuống ngựa, tiến đến chỗ Phật đánh lễ sát đất rồi ngồi qua một phía.

Thế Tôn thuyết pháp cho những người dòng họ Thích, làm cho họ hoan hỷ. Sau khi thuyết pháp xong, Thế Tôn im lặng. Những người dòng họ Thích đứng dậy, sửa áo bày vai phải, quỳ gối phải sát đất, chấp tay bạch Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con đã xây một tòa nhà lớn ở Ca-duy-la-việt. Tòa nhà ấy vừa xây xong không bao lâu, có kích thước hợp pháp, cửa hướng về phương Đông nhưng chưa có người ở. Sa-môn, Bà-la-môn và những người dòng họ Thích cúi xin Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đến đó xem để chúng con được lợi ích lớn.

Thế Tôn im lặng chấp nhận.

Thấy Thế Tôn đã im lặng chấp nhận, những người họ Thích liền rời khỏi chỗ ngồi, đánh lễ sát đất, nhiều Phật ba vòng rồi đi đến tòa nhà mới cất, quét dọn, trải tọa cụ, dùng các thứ như đệm dệt bằng lông, thảm lông, vải bông - được trang sức bằng lông chim - trải lên đất, múc nước trong đồ đầy bình, lấy vải bông tẩm dầu sạch và tốt làm đuốc, đốt ngọn đèn rất sáng... Những việc cúng dường như vậy không thể kể hết.

Họ lại đến chỗ Thế Tôn đánh lễ, chấp tay bạch Thế Tôn rằng:

- Đồ cúng dường đã được sắp đặt xong. Đã đến giờ, xin Thế Tôn thọ nhận.

Sau khi thọ thực xong, Thế Tôn đắp y mang bát cùng chúng Tăng đến tòa nhà mới cất, rửa chân ở bên ngoài rồi vào trong giảng đường, quan sát khắp giảng đường và đến ngồi trên tòa cao với dáng vẻ rất vui tươi.

Chúng Tăng cũng rửa chân rồi vào trong giảng đường, tuần tự ngồi ở vách phía Tây và xoay mặt về phía Đông.

Lúc ấy, những người dòng họ Thích cũng rửa chân ở bên ngoài, vào giảng đường, ngồi ở vách tường phía Đông và xoay mặt về phía Tây.

Ngay đêm ấy, khi thấy hội chúng đã ổn định, đức Thế Tôn liền nói pháp cho những người dòng họ Thích. Sau khi dùng vô số phương tiện để nói pháp, Thế Tôn bảo:

- Đã quá nửa đêm, các vị hãy nghỉ ngơi.

Những người họ Thích liền rời khỏi chỗ ngồi, lạy Phật rồi ra đi.

Khi những người họ Thích đi được một lát, Thế Tôn quán sát tâm các Tỳ-kheo và thấy cần phải bảo họ hãy giữ yên tĩnh, hãy giữ yên tĩnh để nhập vào các loại tam muội sâu xa vi diệu.

Thế Tôn bảo Mục-kiền-liên:

- Hãy bảo các Tỳ-kheo giữ yên tĩnh để Ta nhập vào các loại tam muội sâu xa vi diệu. Thầy hãy nói pháp cho các Tỳ-kheo. Ta đang bị đau lưng, không thể nói pháp.

Vâng lời Phật dạy, Mục-kiền-liên nói:

- Hãy giữ yên lặng để tĩnh tâm.

Lúc ấy, Thế Tôn xếp tư y thượng, trải lên giường, gối đầu trên Tăng-già-lê, nằm nghiêng qua hông phải như sư tử, hai đầu gối chồng lên nhau, chân duỗi thẳng, chú tâm nghĩ đến ánh sáng cho đến khi nào trời sáng.

Tôn giả Mục-kiền-liên bảo các Tỳ-kheo:

- Tôi sẽ giảng lại cho các thầy nghe pháp mà trước đây tôi đã từng được nghe Thế Tôn giảng dạy. Đó là pháp không nghe và nghe, như là việc thực

hành của Tỳ-kheo không nghe pháp; hặc việc có thể thực hành của Tỳ-kheo có nghe pháp.

Tỳ-kheo không nghe pháp thực hành như thế nào?

- Tỳ-kheo nào nếu mắt thấy sắc, suy nghĩ về sắc thì liền dính mắc trong sắc, không nghĩ cách thoát ly sắc, ý không chuyên nhất, không chứng được trí tuệ giải thoát và như thật giải thoát, không hiểu rõ nơi phát sanh ra các pháp ác nên chúng tồn tại không bị diệt, không thể đắc được quả Hữu-dur và Vô-dur Niết-bàn. Đó là việc niệm sắc, dính mắc sắc của Tỳ-kheo không nghe pháp.

Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm sự trơn láng, tâm xúc chạm pháp, hoặc nghĩ về các sắc pháp... thì bị dính mắc pháp, không nghĩ cách thoát ly sắc pháp, ý không chuyên nhất, không chứng được như thật giải thoát và trí tuệ giải thoát, không hiểu như thật nơi phát sanh các pháp ác, nên chúng không được diệt trừ, không đạt được Niết-bàn Hữu-dur và Vô-dur. Đó là việc dính mắc vào các pháp của Tỳ-kheo không nghe pháp.

Tỳ-kheo không nghe pháp mà thực hành như vậy sẽ bị ma tìm được sơ hở và làm hư hoại tâm ý. Nếu mắt thấy ma thì ma liền thấy được lỗi của mắt. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý thấy ma thì liền bị ma làm hại.

Này các Tỳ-kheo! Giống như có rừng tre, cỏ lau khô, nếu đập nát ra, dồn đóng lại, rồi lấy lửa đốt bốn phía thì có thể cháy được không? - Cũng vậy, Tỳ-kheo ấy nếu mắt thấy ma thì liền bị ma phát hiện thấy lỗi của mắt và làm hư hoại tâm ý. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng bị ma làm hại như vậy.

Tỳ-kheo này bị sắc chế phục, không thể chế phục sắc, âm thanh, hương thơm, vị, sự trơn láng và pháp. Tỳ-kheo ấy bị pháp ấy chế phục, không thể chế phục pháp. Do bị sắc chế phục, bị pháp chế phục nên không thể chế phục pháp ác. Do không thể chế phục pháp ác nên làm các kiết sử phát sanh và lớn mạnh, phải chịu khổ sanh - già - bệnh - chết ở đời sau.

Đó là sự thực hành của Tỳ-kheo không nghe pháp.

Sự thực hành của Tỳ-kheo có nghe pháp xảy ra thế nào?

- Tỳ-kheo này mắt thấy sắc, nghĩ về sắc, không đắm trước sắc. Không nghĩ đến sắc thì sắc lìa khỏi tâm, ý được chuyên nhất, được ý giải thoát (chi) và

trí tuệ giải thoát (quán), biết như thật nơi phát sanh của các pháp ác nên chúng bị diệt mất, không phát sanh, đạt được Niết-bàn Hữu-dur và Vô-dur. Đó là sự thực hành của Tỳ-kheo có nghe pháp.

Mắt thấy sắc không bị đắm trước, không bị dính mắc vào âm thanh, hương thơm, vị ngon, sự trơn láng và pháp; nghĩ về sắc pháp không bị dính mắc; không nghĩ về sắc pháp thì lìa sắc pháp, tâm được chuyên nhất, đạt được ý giải thoát, trí tuệ giải thoát, biết như thật nơi pháp ác phát sanh nên chúng liền diệt mất, không phát sanh, đạt được Niết-bàn Hữu-dur và Vô dur. Đó là sự thực hành của Tỳ-kheo có nghe pháp.

Tỳ-kheo nào thực hành như vậy thì ở bất cứ nơi đâu cũng không bị ma khống chế và không hủy hoại được.

Giống như có người cất nhà bằng đá, lại lấy bùn trét khắp bốn phía, nếu cầm ngọn đuốc để thiêu đốt thì không thể thiêu đốt được. Cũng vậy, Tỳ-kheo này ở bất cứ nơi nào, khi mắt thấy ma, ma không thể làm hại. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với ma cũng không bị ma làm hại. Tỳ-kheo này có thể chế phục sắc, không bị sắc chế phục. Cũng vậy, đối với âm thanh, hương thơm, vị ngon, sự trơn láng và pháp, Tỳ-kheo này có thể chế phục pháp, không bị pháp chế phục, không tạo ra pháp ác ở đời sau, các kiết sử bị tan rã, sanh lão bệnh tử bị dứt trừ. Đó là sự thực hành của Tỳ-kheo có nghe pháp.

Lúc ấy, từ trong trạng thái nằm, Thế Tôn nhôm dậy, ngồi kiết-già, lưng đã bớt đau. Thế Tôn bảo tôn giả Mục-kiền-liên:

- Vừa rồi ông đã nói cho các Tỳ-kheo nghe pháp không nghe và nghe, phải không?

Đáp:

- Đúng vậy, thưa Thế Tôn.

Thế Tôn khen Mục-kiền-liên:

- Lành thay! Lành thay Mục-liên! Ông phải thường thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, đừng để gián đoạn.

Lúc ấy Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy thực hành và tụng đọc pháp không nghe và nghe này, và phải diễn giảng cho chư thiên và người đời nghe ý nghĩa của pháp ấy.

Vì Tỳ-kheo Đạt-ni, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các trưởng giả họ Thích còn cất giảng đường có kích thước hợp pháp, cửa chính quay về hướng Đông. Người đời còn vậy, hướng là Đạt-ni, ở trong pháp của Ta không được phép mà lại cất nhà bằng gôm.

Do việc ấy và muốn có đầy đủ mười công đức, Thế Tôn liền kiết giới cho các Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào tự ý làm nhà gôm như Đạt-ni-ca thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Tự làm, tự làm chủ thì phải đúng lượng. Hạn lượng của nhà ấy là: Dài mười hai khuỷu tay (một khuỷu tay bằng một gang tay của Như Lai). Rộng bảy khuỷu tay. Khi làm, cần phải mời Tỳ-kheo biết pháp đến. Tỳ-kheo biết pháp cần phải dùng pháp để đo lường, không được dùng dâm, nô, si để đo lường. Nếu dùng dâm, nô, si để đo lường thì không được làm nhà.

Tỳ-kheo nào tự tìm xin để cất thất; tự làm, tự làm chủ, không mời Tỳ-kheo biết pháp đến, lại làm quá hạn lượng thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

(Phần trên là tự làm, phần dưới là lời ngăn chặn những việc phi kinh luật).

Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc La-duyệt-kỳ.

Lúc ấy, có một Tỳ-kheo vô tri chặt cây bạch dương lớn ở ngã tư đường để làm giảng đường. Vị thần sống ở cây ấy cũng con trai, con gái cả thấy ba người đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát đất, đứng qua một phía, bạch Thế Tôn rằng:

- Ở chỗ Thế Tôn có Tỳ-kheo vô tri đã chặt cây lớn ở ngã tư đường. Cây ấy là nhà của chúng con. Bây giờ sắp đến mùa lạnh, lá cây trong vườn Trúc rụng hết, những đứa con này sẽ sống ở đâu?

Thế Tôn dùng tâm từ bi bảo một vị thiên dẫn gia đình vị thần cây ấy đến nơi an ổn thích hợp để họ sống qua mùa lạnh. Người dân nước ấy không ai là không biết và đều rao truyền với nhau là Tỳ-kheo vô tri đã chặt cây đại thọ ở ngã tư đường để làm nhà. Nghe vậy, các trưởng giả đều hờn trách việc làm của Tỳ-kheo ấy rằng:

- Các Tỳ-kheo Thích tử đều tự nói là tinh tấn, không quấy nhiễu người. Vậy mà đã chặt cây bạch dương lớn đó để làm giảng đường, chẳng khác gì người thế tục chúng ta.

Nghe lời nói không tốt ấy, các Sa-môn đầu-đà đến bạch với Thế Tôn. Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi Tỳ-kheo vô tri ấy:

- Có thật ông đã chặt cây ấy không?

Tỳ-kheo vô tri ấy bên trong thì hổ thẹn, bên ngoài thì ngượng ngùng, quỳ gối phải sát đất, chấp tay bạch Thế Tôn rằng:

- Đúng vậy, thưa Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Ông là Tỳ-kheo, phải thường có lòng từ. Vậy vì sao lại chặt cây lớn có thân sống ở ngã tư đường để làm giảng đường?

Thế Tôn dùng vô số phương tiện để quở trách, dạy dỗ Tỳ-kheo ấy rồi tập hợp chúng Tăng, vì muốn đủ mười công đức nên kiết giới cho các Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào vô tri xây cất giảng đường lớn, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu muốn xây cất giảng đường thì phải mời Tỳ-kheo biết pháp và mời đàn-việt đến. Tỳ-kheo biết pháp phải đến nói rõ kích thước, đừng cho tăng giảm. Nếu Tỳ-kheo vô tri làm nhà lớn, không mời Tỳ-kheo biết pháp và đàn-việt mà tự ý làm thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

(Kích thước tùy theo đàn-việt)

Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyet.

Lúc ấy, vua Tần-bà-sa-la bảo người đánh xe:

- Khanh hãy chuẩn bị xe ngựa báu. Ta muốn đến chỗ Thế Tôn để đánh lễ Ngài.

Người đánh xe liền chuẩn bị xe ngựa rồi đến tâu với vua rằng:

- Vua ra lệnh chuẩn bị xe, giờ xe đã được chuẩn bị xong.

Vua Tần-bà-sa-la liền cỡi xe báu ra khỏi thành La-duyệt, đến núi Kỳ-xà-quật. Khi đến chỗ Thế Tôn, nhà vua xuống xe và đi lên núi, tháo bỏ năm oai nghi của vua Sát-lợi như: tháo kiếm, hạ lọng, cởi mũ ngọc châu, bỏ phát trần có chuỗi bằng ngọc, cởi đôi giày nam vàng, bỏ tùy tùng lại, chỉ dẫn theo vài người đến chỗ Phật, đánh lễ sát đất rồi ngồi qua một phía.

Những người đi theo vua, có người lạy Phật, có người vái chào, có người chấp tay cung kính, có người đứng chiêm ngưỡng Phật.

Lúc ấy, Thế Tôn thuyết pháp cho vua nghe. Mọi người im lặng không có một tiếng động. Nghe Phật thuyết pháp xong, vua Tần-bà-sa-la liền đứng dậy, quỳ gối phải sát đất, bày vai phải, chấp tay bạch Phật rằng:

- Ngày mai con sẽ chuẩn bị ít thức ăn thanh tịnh. Cúi xin Thế Tôn và chúng Tăng đến thọ nhận.

Thế Tôn im lặng trong giây lát để nhận lời thỉnh của vua Tần-bà-sa-la.

Thấy Thế Tôn im lặng chấp nhận, vua liền đứng dậy, đánh lễ sát đất, nhiễu Phật ba vòng rồi ra đi.

Khi đã về đến chỗ, ngay đêm ấy, vua cho chuẩn bị đầy đủ đồ ăn uống, tọa cụ tốt rồi bảo với cận thân:

- Khanh hãy đến chỗ Thế Tôn, nhân danh ta thăm hỏi Thế Tôn rồi thưa: “Đồ ăn uống đã được chuẩn bị xong. Xin thỉnh Thế Tôn và đại chúng đến”.

Vâng lệnh vua, vị quan ấy liền đến chỗ Phật, đánh lễ sát đất, bạch Thế Tôn rằng:

- Đồ ăn uống đã được chuẩn bị xong. Xin thỉnh Thế Tôn đến thọ nhận.

Thế Tôn liền đáp y mang bát, cùng chúng Tăng đến cung vua, ngồi theo thứ lớp. Thấy Phật và chúng Tăng đã ngồi yên, vua Tần-bà-sa-la tự đi rót nước, kê đồ dâng các đồ ăn uống và tự tay châm đồ ăn, không chút mệt nhọc.

Sau khi đại chúng thọ thực xong, vua ngồi qua một bên trong chốc lát rồi đứng dậy chấp tay bạch Thế Tôn rằng:

- Xin Phật và chúng Tăng nhận sự cúng dường của con trong cả kỳ kiết-hạ này. Ở thành La-duyet-kỳ chúng con sẽ cất cho Thế Tôn một giảng đường có kích thước đúng pháp, cửa xoay về hướng Đông, vách phía Tây có cánh cửa lớn, kín đáo, ngay thẳng. Lại cất năm trăm phòng cho chúng Tăng, cung cấp năm trăm giường, năm trăm chiếu cói, năm trăm cái gối đầu... Các vật được dâng cúng đều là loại tốt, như lúa gạo thơm, thuốc trị bệnh trong kho của vua. Tất cả đều được dâng cúng cho Phật và Tăng.

Thế Tôn im lặng chấp nhận lời vua nói. Lúc ấy, Thế Tôn nói lời chúc phúc cho nhà vua:

- Phạm chí thờ lửa (Suốt cả cuộc đời không tìm cầu nơi người khác) Không để cho tắt (Lửa là cửa cổng là phương hướng, là mặt trước, là đầu)

Bốn bộ sách Phạm

Đứng đầu các sách

Trong các người dân

Vua là đứng đầu

Trong các sông suối

Biển là rộng nhất

Sao trên không trung

Mặt trăng đứng đầu

Trong các súc nóng

Mặt trời hơn hết

Bốn phương trên dưới

Cùng khắp mọi phương

Trời người hai chân

Phật là đứng đầu.

Sau khi chúc phúc xong, Thế Tôn trở về. Nhân việc ấy, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng hòa hợp mà dạy rằng:

- Nay các Tỳ-kheo! Vua là người đứng đầu tất cả, cai trị một vùng rộng lớn, lo làm việc nước, có thể lực lớn, còn không dám chặt cây có thân cư ngụ ở ngã tư đường để làm giăng đường, chỉ làm giăng đường không quá lượng, đúng kích thước, cửa nằm ở hướng Đông, vách chắn ở phía Tây, có cửa sổ và cửa chính ngay ngắn. Vậy, vì sao Tỳ-kheo lại làm nhà không đúng lượng?

Phật ở vườn Trúc Ca-lan-đà, thuộc La-duyệt-kỳ.

Lúc ấy, tôn giả Đà-tạ-mạc-lộ-tử coi việc phân chia nơi thọ thực ở thành Vương-xá, coi việc phân chia giường nằm, phân phát thức ăn cho các Tỳ-kheo, không phân biệt thân quen hay xa lạ, không chọn tốt xấu, không lo sợ, không nghi ngờ, không trái thứ lớp, trên dưới, trước sau.

Lúc ấy có một Tỳ-kheo tên Mật-đồ-lộ-địa theo thứ lớp được phân đến nhà nghèo thọ thực. Tỳ-kheo ấy phải ăn thức ăn dở nên suy nghĩ: “Ta bị khổ sở, bị tai nạn, bị khốn đốn nên bị Mạc-lộ-tử phân cho ta đi nhận thức ăn dở. Ta phải làm gì để trả oán thù này? Ta phải tìm cách hủy báng ông ta bằng pháp Ba-la-di không căn cứ”.

Lúc ấy, Tỳ-kheo đó có người em là Tỳ-kheo ni Mật-đồ-lộ (họ). Khi Tỳ-kheo ni nọ đến chỗ Tỳ-kheo ấy đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một phía. Tỳ-kheo ấy không thềm nói chuyện, không mời ngồi. Tỳ-kheo ni nọ liền suy nghĩ: “Ta không có xâm phạm các thầy ấy, không có gây sự, không có lỗi gì. Vậy mà hôm nay các thầy ấy không nói chuyện với ta, không mời ta ngồi”.

Các Tỳ-kheo nói:

- Nay cô em! Cô không biết sao? Bọn ta đã bị Mạc-lộ-tử bắt nhận thức ăn dở để xúc phạm ta. Vậy mà cô không giúp đỡ. Vì vậy tôi không nói chuyện với cô, không mời cô ngồi.

Tỳ-kheo ni đáp:

- Tôi phải làm sao?

Tỳ-kheo ấy nói:

- Cô phải đến chỗ Thế Tôn nói rằng: “Thưa Thế Tôn! Ở đây có gì là bình đẳng, có gì là đáng quý?! Đà-tạ-mạc-lộ-tử đã cùng con làm hạnh bất tịnh, phạm Ba-la-di”.

Tỳ-kheo ni đáp:

- Làm sao tôi phải hủy báng vị Tỳ-kheo thật sự thanh tịnh bằng pháp Ba-la-di không căn cứ?!

Tỳ-kheo đáp:

- Nếu cô không đến bạch với Phật, tôi sẽ không ngồi nói chuyện với cô.

Tỳ-kheo ni đáp:

- Có thể nói lời ấy nhưng thật khó có cơ hội.

Tỳ-kheo đáp:

- Cô từ từ đến sau, để chúng tôi đến chỗ Phật trước, sau đó cô mới đến.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đến chỗ Phật đánh lễ sát đất rồi ngồi qua một phía. Họ ngồi được một lát thì Tỳ-kheo ni đến đánh lễ sát chân Phật rồi đứng qua một phía, bạch Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ở đây có gì bình đẳng, có gì đáng quý! Tỳ-kheo Đà-tạ đã cùng con làm việc bất tịnh, phạm Ba-la-di.

Lúc ấy các Tỳ-kheo kia đồng tình bạch Thế Tôn rằng:

- Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đúng như lời Tỳ-kheo ni nói, chúng con đều biết hết.

Lúc ấy, tôn giả Đà-tạ đang cầm phát trần phát qua phát lại sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn quay lại hỏi Tỳ-kheo Đà-tạ:

- Ông có gì để nói không? Tỳ-kheo ni Mật-đồ-lộ đã nói: “Có gì bình đẳng, có gì đáng quý! Tỳ-kheo Đà-tạ đã cùng con làm việc bất tịnh, phạm Ba-la-di”.

Tỳ-kheo Đà-tạ bạch:

- Việc ấy chỉ có Như Lai biết, chỉ có Thế Tôn biết.

Thế Tôn bảo:

- Này Đà-tạ! Ông không nên lấy ta làm chứng. Không nên nói rằng chỉ có Như Lai biết, chỉ có Thế Tôn biết. Nếu ông nhớ là có làm thì nói là đã làm, nếu nhớ không có làm thì nói là không có làm.

Tỳ-kheo ấy bạch Phật:

- Con không nhớ, thưa Thế Tôn. Con không nhớ, thưa Như Lai.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo rằng:

- Theo lời bạch của Tỳ-kheo Đà-tạ và theo lời thưa của Tỳ-kheo Mật-đồ-lộ, nếu đúng như vậy thì phạm Ba-la-di.

Nói xong, Thế Tôn đứng dậy, trở vào tịnh thất.

Thế Tôn vừa đi được một lát, các Tỳ-kheo liền gạn hỏi Tỳ-kheo ni Mật đồ lộ, gạn hỏi luôn các Tỳ-kheo đồng tình rằng:

- Các vị có thấy lỗi của Tỳ-kheo Đà-tạ không? Thấy lúc nào? Thấy làm sao? Nghe theo ai mà nói thấy?

Các Tỳ-kheo liên tục quở trách và hỏi rõ sự thật. Các Tỳ-kheo đã đồng tình đáp:

- Do sân hận, ngu si nên chúng tôi nói vậy. Thật sự phạm hạnh của Tỳ-kheo Đà-tạ hoàn toàn trong sạch.

Các Tỳ-kheo nói:

- Vì sao các ông đem ý sân hận, ngu si phỉ báng vị ấy, rồi giờ lại nói Tỳ-kheo ấy thanh tịnh?

Họ trách các Tỳ-kheo đồng tình bằng lời như vậy đến ba lần.

(Các Tỳ-kheo kia liền thuật lại sự việc như sau)

Bấy giờ, Phật ở vườn Trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt-kỳ.

Lúc ấy, tôn giả Đà-tạ giữ nhiệm vụ phân chia cơm và ghé ngồi, giường chiếu cho các Tỳ-kheo. Vị ấy không có ý riêng tư, không sân hận, không ngu si, phân chia theo thứ lớp từ trên đến dưới, hoặc từ dưới lên trên không có trái oai nghi.

Lúc ấy, có Tỳ-kheo nọ được phân trúng nhà nghèo khổ, phải nhận thức ăn dở, liền sanh ý nghĩ này: “Ta thật khổ kịch liệt, thật nguy ách. Tỳ-kheo Đà-tạ đã gây cho chúng ta nỗi khổ này. Chúng ta phải cho ông ta mắc lỗi Ba-la-di không căn cứ”.

Thưa các thầy, vì lý do đó, vì sân hận, si mê nên chúng tôi đã nói lời như vậy. Thật ra thì phạm hạnh của Tỳ-kheo Đà-tạ hoàn toàn thanh tịnh.

Lúc ấy, Thế Tôn từ tịnh thất trở lại giảng đường, ngồi trước các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo chấp tay bạch Phật:

- Lúc nãy, khi Như Lai vào trong thất được một lát, chúng con gạn hỏi Tỳ-kheo Mật-đổ-lộ-địa rằng: “Các ông thấy làm sao? Thấy lúc nào? Nghe theo ai mà nói là thấy?”, thì Mật-đổ-lộ-địa nói là do sân hận ngu si mà nói lời ấy.

Thế Tôn bảo:

- Vì sao vậy, các Tỳ-kheo?! Chẳng phải Ta đã từng nói nghĩa này sao? Lời bạch của Tỳ-kheo Đà-tạ và lời Tỳ-kheo Mật-đổ-lộ tự nói, nếu đúng như vậy thì phạm Ba-la-di.

Nhơn việc này và để đầy đủ mười công đức, Phật liền kiết-giới cho các Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào vì giận hờn, ganh ghét nên đối với Tỳ-kheo thanh tịnh không phạm Ba-la-di lại phỉ báng bằng pháp Ba-la-di không căn cứ để hủy hoại

phạm hạnh của vị ấy. Về sau, khi bị gạn hỏi nhiều lần, việc ấy được biết là không căn cứ, Tỳ-kheo đã hủy báng không chịu hồi cải thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt.

Lúc ấy, tôn giả Đà-tạ cư trú trong một cái thất bằng đá. Các Tỳ-kheo thay nhau giáo huấn Tỳ-kheo ni. Lúc đó đến lượt Tỳ-kheo Đà-tạ phải giáo huấn Tỳ-kheo ni. Các Tỳ-kheo ni đến chỗ Tỳ-kheo Đà-tạ. Do việc thù oán về đồ ăn uống trước đây, các Tỳ-kheo đồng tình của Tỳ-kheo Mật-đổ-lộ-địa thường rình tìm lỗi lầm của Tỳ-kheo Đà-tạ. Họ ngồi rình ở hốc đá trong tịnh thất. Trông thấy các Tỳ-kheo ni ra vào căn thất bằng đá, các Tỳ-kheo ấy suy nghĩ: “Các Tỳ-kheo ni này chọt ra chọt vào, chắc chắn là Tỳ-kheo Đà-tạ đã níu kéo và nói chuyện riêng tư với các cô ấy”.

Họ cùng nói với nhau: “Chắc chắn như vậy, không còn nghi ngờ”, và lập tức thông báo với các Tỳ-kheo về việc ấy. Nghe lời này, các Tỳ-kheo khờ khạo liền tin ngay. Các Tỳ-kheo đầu-đà nghe việc ấy xong đều không vui, liền đến bạch đầy đủ với Thế Tôn. Do việc ấy, Thế Tôn liền tập hợp chúng Tăng hòa hợp đủ mười công đức để kiết giới cho các Tỳ-kheo:

Tỳ-kheo nào vì giận hờn, ganh ghét đối với Tỳ-kheo thanh tịnh, lại vu khống đã phạm hạnh bất tịnh, rình tìm từng lỗi nhỏ, không phạm Ba-la-di lại nói là phạm Ba-la-di. Về sau, khi bị gạn hỏi nhiều lần mà hồi hận trở lại thì tốt, nếu không hồi hận mà cố rình tìm những lỗi nhỏ khác để diễn thành lỗi lớn thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt.

Vào sáng sớm, lúc ấy tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đắp y mang bát đi từ núi Kỳ-xà-quật vào thành La-duyệt. Trên đường chọt gặp mưa lớn, họ liền vào hang đá tránh mưa. Có một cô gái chăn bò đã vào trong ấy tránh mưa từ trước, nằm mộng xuất tinh. Thấy vậy, Xá-lợi-phất liền đi trở ra.

Lúc ấy, thấy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đi ra, Tỳ-kheo Cù-bà-ly - đệ tử của Điều-đạt - liền vào hang đá và thấy người nữ ấy, liền suy nghĩ: “Chắc chắn Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã làm việc bất tịnh hạnh với người nữ này”.

Cù-bà-ly liền vào thành nói với các Tỳ-kheo:

- Các thầy thường nói Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên thanh tịnh, nay họ đã làm dơ hạnh thanh tịnh ấy. Vừa rồi, tôi đã thấy rõ việc này.

Các Tỳ-kheo không biết trả lời thế nào liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Kẻ ngu si này mắc tội rất nặng, đã vu khống Tỳ-kheo thanh tịnh bằng pháp Ba-la-di không căn cứ. Kẻ ngu si này sẽ phải đọa địa ngục, chịu khổ trong thời gian lâu dài.

Lúc ấy, Tỳ-kheo Cù-bà-ly đến chỗ Phật, đánh lễ sát đất rồi ngồi qua một phía. Thế Tôn bảo Cù-bà-ly:

- Nay Tỳ-kheo Cù-bà-ly! Ông phải lập tức sám hối với Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Vì sao vậy? - Các thầy ấy đầy đủ phạm hạnh.

Cù-bà-ly bạch Phật:

- Con biết Như Lai tin người ấy thanh tịnh, nhưng chính mắt con thấy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên làm ác.

Thế Tôn lại bảo Cù-bà-ly:

- Nay Cù-bà-ly! Ông phải lập tức sám hối với Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Vì sao vậy? - Các thầy ấy đầy đủ phạm hạnh.

Cù-bà-ly bạch Phật:

- Con biết Như Lai tin Xá-lợi-phất.... nhưng chính mắt con thấy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên làm ác.

Phật lại nói với Cù-bà-ly lần thứ ba:

- Ông phải sám hối với Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Vì sao vậy? - Các thầy ấy hoàn toàn đầy đủ phạm hạnh.

Cù-bà-ly lại bạch Phật:

- Con biết Như Lai tin các thầy ấy trong sạch, nhưng chính mắt con đã thấy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên làm ác.

Phật nói ba lần, Tỳ-kheo Cù-bà-ly vẫn không nghe và lập tức đứng dậy bỏ đi.

Sau khi đi không được bao lâu, khắp thân thể ông ta liền sanh mụn ghẻ giống như hạt cải. Mụn ấy lớn dần lên như hạt đậu ve, rồi như hạt đậu nành, rồi lớn như hạt đậu thur (giống hạt táo), rồi lớn như quả A-ma-lặc, rồi như quả Lạc-lộ, rồi thối rữa, vỡ tung, máu mủ tuôn trào khắp thân thể.

Ngay đêm ấy, Tỳ-kheo Cù-bà-ly qua đời, đọa xuống địa ngục Bà-đàm-mộ. Ngay đêm ấy, có một vị thiên đên chỗ Phật, đánh lễ sát đất rồi đứng qua một phía, bạch Thế Tôn rằng:

- Tỳ-kheo Cù-bà-ly phát sanh ý ác, vu khống Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên phạm phạm-hạnh nên bị đọa vào địa ngục Bà-đàm-mộ.

Sau khi bạch xong, vị thiên ấy đánh lễ Thế Tôn rồi trở về cõi trời.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Đêm qua có một vị thiên đến chỗ Ta, đánh lễ sát chân Ta rồi đứng qua một phía, bạch với Ta rằng: “Tỳ-kheo Cù-bà-ly phát sanh ý ác, phỉ báng Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên phạm phạm-hạnh nên chết đọa vào địa ngục Bà-đàm-mộ. Tỳ-kheo ấy chỉ nhân việc nhỏ mà phỉ báng các Tỳ-kheo có phạm hạnh thanh tịnh. Tỳ-kheo nào phỉ báng như vậy, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các vị có muốn nghe thọ mạng của chúng sanh ở địa ngục lớn Bà-đàm-mộ dài ngắn thế nào không?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin Thế Tôn hãy nói về địa ngục lớn Bà-đàm-mộ ngay lúc này. Nghe xong các Tỳ-kheo sẽ ghi nhớ phụng hành.

Thế Tôn nói:

- Nay các Tỳ-kheo! Ví như có cái đấu rất lớn có sức chứa mười hai hộc, được đựng đầy hạt mè đến nỗi vun thành ngọn. Có người cứ một trăm năm

đến lấy một hạt mè, này các Tỳ-kheo, thời gian mà người ấy lấy hết số hạt mè trong đấu ấy còn có thể tính biết được, tuổi thọ của người ở trong địa ngục A-phù thì không thể tính được. Như hai mươi lần tuổi thọ ở địa ngục Vô-thật không bằng một tuổi thọ của địa ngục Không-vô-thật. Hai mươi địa ngục Không-vô-thật không bằng một địa ngục Kêu gào. Hai mươi địa ngục Kêu gào không bằng một địa ngục Xử-bà. Hai mươi địa ngục Xử-bà không bằng một địa ngục Tu-càn-đề. Hai mươi địa ngục Tu-càn-đề không bằng một địa ngục Ma-đầu. Hai mươi địa ngục Ma-đầu không bằng một địa ngục Ưu-ba-la. Hai mươi địa ngục Ưu-ba-la không bằng một địa ngục Câu-vật-đầu. Hai mươi địa ngục Câu-vật-đầu không bằng một địa ngục Phân-đà-ly. Hai mươi địa ngục Phân-đà-ly không bằng một địa ngục Bà-đàm-mộ.

Tỳ-kheo Cù-bà-ly - đệ tử của Điều-đạt - sanh vào địa ngục này vì tội phi báng Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.

TỶ NẠI DA

Hết quyển bốn

--- o0o ---

Quyển thứ năm

Phần thứ ba của pháp TĂNG-TÀN

Nói về giới PHÁ TĂNG

Phật ở tại vườn Trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyet.

Điều-đạt nhận sự cúng dường y áo, thức ăn, giường nằm, thuốc chữa bệnh, được thái-tử A-xà-thế quý trọng, tùy thời cung cấp, mỗi ngày cung cấp năm trăm nồi cơm, chuẩn bị năm trăm cỗ xe nối nhau chở đồ đạc đến chỗ Điều-đạt suốt ngày.

Lúc đầu có một trăm người đi theo Điều-đạt, dần dần lên đến hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm người làm mê hoặc nhà vua. Vì muốn phá hoại, gây rối loạn chúng Tăng, dụ dỗ các Tỳ-kheo, khi ngồi ăn, Điều-đạt cho họ y

bát, ống khóa, ống đựng kim, giày da, chén sắt loại lớn, nhỏ và mười vật khác.

Điều-đạt bảo các Tỳ-kheo:

- Kia là Thích chủng Cù-Đàm. Ta cũng là Thích chủng Cù-Đàm. Dòng tộc của mẹ vị kia hoàn hảo, dòng tộc của mẹ ta cũng hoàn hảo. Kia sanh trong nhà họ Thích, ta cũng sanh trong nhà họ Thích. Dòng họ của người kia với ta không khác.

Lúc ấy, trong nước đói kém, khát thực khó được, nhiều Tỳ-kheo đắp y mang bát vào thành La-duyet-kỳ khát thực. Khi khát thực, họ nghe tin Điều-đạt muốn phá hoại gây rối chúng Tăng, dụ dỗ các Tỳ-kheo bằng cách cho họ y, bát, khóa cửa, ống đựng kim, giày da, chén loại lớn, chén loại nhỏ và mười vật khác. Vì tham y áo và các thứ ấy, các đệ tử của Điều-đạt liền đi theo trợ giúp ông ta.

Sau khi khát thực xong, các Tỳ-kheo ra khỏi thành La-duyet, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát đất, ngồi qua một phía, bạch với Thế Tôn rằng:

- Vừa rồi, khi vào thành khát thực, chúng con nghe nói Điều-đạt muốn phá hoại, gây rối loạn chúng Tăng. Các Tỳ-kheo tham y bát, ổ khóa, ống đựng kim, giày da, chén loại lớn, chén loại nhỏ và mười vật khác nên đi theo ông ta.

Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo các ông chớ có nhận sự cúng dường của Điều-đạt. Vì sao vậy? - Các Tỳ-kheo thà tự uống thuốc độc mà chết, chứ không nên nhận sự cúng dường của Điều-đạt. Điều-đạt đã tự uống thuốc độc, lại đưa người khác uống.

Này các Tỳ-kheo! Giống như có người dùng gậy đập gãy mũi con chó dữ, con chó dữ đó có bớt dữ không vậy?

- Vẫn còn hung dữ, thưa Thế Tôn!

- Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Kẻ dữ ấy sẽ chịu khổ vô cùng trong thời gian rất dài. Ta cũng biết Điều-đạt sẽ chính thức phá hoại chúng Tăng và phá hoại sự hòa hợp Tăng vào buổi sáng.

Thường pháp của chư Phật là sự hòa hợp Tăng bị phá hỏng vào buổi sáng thì đến chiều sẽ hòa hợp trở lại.

Trong thời gian ấy, không được hành đạo, không được truyền giới Tỳ-kheo, không được thuyết giới Tỳ-kheo, không được thuyết giới Thức-xoa-ma-ni, không được truyền giới Sa-di, không được truyền giới Sa-di ni, không được thực hành tám giới, không được truyền giới Ưu-bà-tắc, không được truyền giới Ưu-bà-di, không ai đăc đạo quả, không ai phát tâm quy y Tam bảo. Lúc ấy trời đất tối tăm, trời người mù mịt. Đến chiều tối, trong pháp Như Lai, Tăng sẽ được hòa hợp trở lại, nếu không hòa hợp, trời đất sẽ nghiêng ngửa.

Nghe tin Điều-đạt phá hoại sự hòa hợp Tăng, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên liền đến gặp Thế Tôn, đánh lễ sát đất, ngồi qua một phía, bạch Thế Tôn rằng:

- Điều-đạt đã phá hòa hợp Tăng, chúng con muốn đến chỗ Điều-đạt để làm Tăng hòa hợp trở lại.

Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên:

- Hãy đi mau đi, đã đúng thời rồi đó.

Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên liền đứng dậy, đánh lễ sát đất, nhiễu Phật ba vòng rồi đến chỗ Điều-đạt.

Trông thấy Điều-đạt đang ngồi trên tòa cao thuyết pháp giống như Như Lai, có các Tỳ-kheo vây xung quanh, bên phải có Khiên-đà, Đà-bà; bên trái có Ca-lưu, La-đề-thi (bốn người này là đệ tử thân cận của Điều-đạt). Hải Nghĩa cầm phát trần đứng phía sau Điều-đạt.

Trông thấy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đến, Điều-đạt hết sức vui mừng, không thể tự kiềm chế suy nghĩ: “Đệ tử đứng đầu của Sa-môn Cù-đàm đang đến chỗ ta”.

Như Thế Tôn thấy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên thì nói rằng: “Thiện lai Tỳ-kheo!”, Điều-đạt cũng nói:

- Thiện lai Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên!

Ông ta bảo Khiên-đà đứng dậy và mời Xá-lợi-phất ngồi thế vào ở bên phải, bảo Ca-lưu-đà đứng dậy và mời Mục-kiền-liên ngồi thế vào ở bên trái.

Như Thế Tôn bảo: “Tôn giả Xá-lợi-phất hãy nói pháp cho các Tỳ-kheo, Ta bị đau lưng, muốn nghỉ ngơi chốc lát.”, Điều-đạt cũng bảo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên:

- Hãy nói pháp cho các Tỳ-kheo. Ta đang đau lưng, muốn nghỉ chốc lát.

Như Thế Tôn xếp y thượng thành bốn lớp trải trên giường, nằm nghiêng về hông phải, gối đầu lên Tăng-già-lê, chân duỗi thẳng giống như sư tử, chú tâm niệm ánh sáng cho đến sáng, Điều-đạt cũng bắt chước như vậy.

Lúc Điều-đạt ngủ, vị thiên Thủ-đà-hội đến đè lên thân ông ta, làm cho ông ấy rất muốn dậy, nhưng cố hết sức vẫn không dậy được, hơi thở hào hển, nói mơ sảng, quơ tay múa chân, quơ quào bốn phía, làm đủ các động tác vẫn không thể dậy được.

Lúc ấy, tôn giả Xá-lợi-phất ca ngợi Phật pháp và chúng Tăng. Mục-kiền-liên thì biến hóa đủ cách như: biến mất ở phía Đông, xuất hiện ở phía Tây; biến mất ở phía Nam, xuất hiện ở phía Bắc; ngồi, nằm trên hư không, hoặc ngồi thiền định, ở trong thiền định phóng ra các loại ánh sáng hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc đen, hoặc màu lưu ly; phía dưới thân phát lửa, bên trên thân phun nước; bên trên thân phát lửa, dưới thân phun nước, biến hóa đủ cách ở các phương Tây, Nam, trên, dưới, không có bị ngăn ngại, phóng ánh sáng chiếu khắp mọi nơi.

Thấy Mục-kiền-liên hiện các biến hóa, năm trăm Tỳ-kheo đều cùng nhau nói:

- Phải chăng chúng ta bị rơi vào tà kiến nên đã bỏ Như Lai mà nương tựa Điều-đạt?!”.

Họ lại suy nghĩ: “Việc ấy hiển nhiên rồi, không còn gì nghi ngờ nữa.”.

Sau khi nghe tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên thuyết pháp xong, họ liền được tâm khai ý giải, phát sanh lòng từ, hướng về Như Lai sám hối việc làm trước đây.

Lúc ấy, Xá-lợi-phát, Mục-kiền-liên và năm trăm Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn. Ở chỗ Điều-đạt không còn một ai, chỉ còn có Điều-đạt và bốn đệ tử Tỳ-kheo. Khiên-trà-đà-bà dùng chân trái đạp Điều-đạt để đánh thức ông ta dậy và nói rằng:

- Xá-lợi-phát và Mục-kiền-liên dẫn năm trăm người đi hết rồi.

Điều-đạt tỉnh dậy, thấy trên tòa trống rỗng, không còn một người, liền ngã lăn từ trên tòa xuống đất. Đệ tử ông ta lấy nước vẩy lên mặt ông ta rồi cho ngồi lên ghế trở lại.

Lúc ấy, Thế Tôn rời tịnh thất, ra giảng đường bên ngoài, trải tọa cụ trên sàn và ngồi kiết-già. Trông thấy Như Lai đang ngồi kiết-già trên giảng đường, năm trăm Tỳ-kheo trong lòng hổ thẹn, bên ngoài thì ngượng ngùng, liền tiến đến chỗ Như Lai. Như Lai cũng thấy năm trăm Tỳ-kheo đến nên quay lại nói với A-Nan:

- Nếu ta không nói thì miệng họ sẽ trào máu nóng.

Lúc ấy do tâm đại bi muốn độ những người ấy, Như Lai liền nói:

- Thiện lai Tỳ-kheo! Khó gặp Như Lai, nhiều đời mới có. Tuy Như Lai xuất thế; nghe pháp cũng khó, muốn cầu diệt độ thì càng khó hơn. Muốn vào Niết-bàn phải thực hành pháp này:

Do si, hành sanh.

Do hành, thức sanh.

Do thức, danh sắc sanh.

Do danh sắc, lục nhập sanh.

Do lục nhập, xúc sanh.

Do xúc, thọ sanh.

Do thọ, ái sanh.

Do ái, thủ sanh.

Do thủ, hữu sanh.

Do hữu, sanh sanh.

Do sanh, lão - bệnh - tử phát sanh.

Do lão - bệnh tử, sầu bi - khổ não sanh.

Như vậy liền thành nổi khổ năm ám.

Si diệt thì hành diệt.

Hành diệt thì thức diệt.

Thức diệt thì danh sắc diệt.

Danh sắc diệt thì lục nhập diệt.

Lục nhập diệt thì xúc diệt.

Xúc diệt thì thọ diệt.

Thọ diệt thì ái diệt.

Ái diệt thì thủ diệt.

Thủ diệt thì hữu diệt.

Hữu diệt thì sanh diệt.

Sanh diệt thì già - bệnh - chết diệt.

Già, bệnh, chết diệt thì sầu bi, khổ não và nổi khổ năm ám cũng không còn.

Khi Phật nói pháp mười hai nhân duyên xong, năm trăm Tỳ-kheo đều đắc đạo A-la-hán, tám triệu thiên nữ được pháp nhãn thanh tịnh.

Lúc ấy, vì muốn đầy đủ mười công đức, Thế Tôn liền kiết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào gây rối, phá hoại sự hòa hợp Tăng thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Điều-đạt vi phạm việc đó, nhập vào địa ngục, không ai cứu được.

Phật ở tại hang đá lớn - nơi Dược-xoa Kim-tỳ-la cư trú - tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương-xá.

Lúc ấy, Điều-đạt muốn hại Thế Tôn, dùng bốn ngàn lượng vàng thuê bốn lực sĩ và cùng bốn người đó lên núi Kỳ-xà-quật, ôm tảng đá lớn, đứng bên trên hang đá, đợi Như Lai đi ra.

Khi Phật ra khỏi hang đá để kinh hành, Điều-đạt cùng bốn người kia liền thả đá từ trên núi xuống để đè Như Lai. Lúc ấy, Dược-xoa Kim-tỳ-la đang đứng phía sau Như Lai. Trông thấy tảng đá đang rơi xuống, Dược-xoa liền đưa hai tay đỡ nó và quăng qua núi phía Nam. Tảng đá đó vỡ tan. Có một mảnh nhỏ - kích thước khoảng bảy mươi bộ - văng về phía Thế Tôn.

Vì muốn cho chúng sanh thấy nghiệp báo đời trước nên Như Lai liền ngồi thiền bay lên hư không. Hòn đá liền đuổi theo sau, mọi người đều thấy rõ.

Như Lai bay qua các phương Tây, Nam, Bắc, hòn đá đều đuổi theo sau.

Như Lai đi vào lòng đại dương, hòn đá cũng đuổi theo sau.

Như Lai bay lên đỉnh núi Tu-di, hòn đá cũng theo sau.

Như Lai vào cung trời trên núi Tứ-vương-ny-da, hòn đá cũng đuổi theo.

Như Lai lên các cõi trời Tam-thập-tam, Diệm-ma, Đâu-suất, Niết-ma-la, Na-đề-ba-la, Ni-mật-bà-xá, Bát-đề-phạm, Già-di-phạm, Phước-lâu-hê-đà, Ba-lật-đa, Bà-a-bà, Tối-la-a-nam, Tề-phát-như, Bát-tu-đa, Tỳ-pha-la, Túc-ha-túc-ha, A-thi-na-túc-ha, Ngật-túc-ra, A-ca-ny-tra... hòn đá cũng đều đuổi theo sau.

Thế Tôn dùng lực thần túc trở vào trong hang đá, tảng đá đè lên bàn chân phải của Thế Tôn làm chân bị thương, chảy máu. Điều-đạt và bốn lực sĩ bị mắc tội, không ai cứu được.

Lúc ấy, Thế Tôn bị đau đớn nơi chân, liền nói kệ:

Dù trốn ở hư không

Giữa biển sâu, núi đá

Không ở đâu thoát được

Tội báo ở đời trước.

Lúc ấy, nhiều Tỳ-kheo thoát ngồi, thoát đi ở hai bên hang đá vì sợ Điều-đạt hại Như Lai. Thấy vậy, Như Lai biết mà vẫn hỏi A-Nan:

- Các Tỳ-kheo ấy đang làm gì ngoài hang đá mà thoát đi, thoát ngồi vậy?

A-Nan bạch Phật:

- Trông chừng Như Lai, vì sợ Điều-đạt làm hại Như Lai nên họ thoát đi, thoát ngồi.

Thế Tôn bảo A-Nan:

- Điều-đạt rất cuộc không thể hại được Như Lai Thế Tôn. Ông có từng nghe Như Lai bị người khác làm hại không?

- Không, thưa Thế Tôn.

Lúc ấy, Thế Tôn ngược mặt nhìn lên. Thấy Như Lai nhìn, bốn lực sĩ sợ hãi dựng tóc gáy, định chạy nhưng không nhấc chân lên được.

Các Sa-môn liền bắt từng người đem đến chỗ Phật.

Như Lai bảo bốn lực sĩ:

- Xin chào các cậu. Ta sẽ nói pháp cho các cậu nghe.

Bốn lực sĩ đánh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một phía.

Lúc ấy, Thế Tôn nói pháp ngữ để làm họ hoan hỷ. Sau khi nói pháp, Như Lai dạy:

- Các cậu hãy trở về nhà, chớ đi theo hướng lúc này đã đi.

Thấy bốn người đó đi lâu quá không trở lại, Điều-đạt dùng tám ngàn lượng vàng, thuê tám lực sĩ đi giết bốn người ấy. Trông thấy tám lực sĩ đến, Thế Tôn bảo:

- Lành thay, xin chào các cậu. Ta sẽ nói pháp cho các cậu.

Tám lực sĩ liền đánh lễ sát đất và ngồi qua một phía. Thế Tôn liền nói pháp làm cho họ đều hoan hỷ và bảo:

- Các cậu hãy trở về nhà, chớ có đi theo con đường lúc này đã đi.

Thấy tám người này đi quá lâu không trở lại, Điều-đạt lại dùng mười sáu ngàn lượng vàng, thuê mười sáu lực sĩ đi giết tám người kia.

Trông thấy mười sáu người đến, Thế Tôn bảo:

- Xin chào các cậu, Ta sẽ nói pháp cho các cậu nghe.

Mười sáu người ấy đánh lễ sát đất, ngồi qua một phía. Thế Tôn nói pháp làm cho họ đều hoan hỷ rồi bảo:

- Các cậu hãy trở về nhà, chớ có đi theo hướng lúc này đã đến.

Thấy mười sáu người ấy không trở về đúng hẹn, Điều-đạt lại thuê ba mươi hai lực sĩ đi giết mười sáu người kia.

Trông thấy ba mươi hai người đến, Thế Tôn bảo:

- Xin chào các cậu. ta sẽ nói pháp cho nghe.

Ba mươi hai người ấy đánh lễ Thế Tôn và ngồi qua một bên.

Thế Tôn thuyết pháp làm họ đều hoan hỷ và bảo:

- Các cậu hãy trở về nhà mình theo lối đi thích hợp.

Vâng lời Thế Tôn, ba mươi hai người ấy đứng dậy, đánh lễ sát đất rồi đi.

Thấy ba mươi hai người ấy đi được một lát, Thế Tôn quay lại hỏi A-Nan:

- Ông hãy vào thành La-duyệt, đến các ngã tư đường và các chợ lớn thông báo rằng: “Tất cả lời nói, ý nghĩ, hành động của Điều-đạt đều không phải là do Phật, Pháp, Tăng dạy” cho đệ tử thân tín của ông ta biết.

A-Nan bạch Phật:

- Trước đây, khen ngợi Điều-đạt, nay lại nói xấu ông ta. Nếu có ai chê trách thì phải nói làm sao?

Thế Tôn bảo A-Nan:

- Hãy nói như vậy: “Tuy trước đây làm tốt nhưng nay lại làm ác, có gì là quái lạ?!”.

A-Nan liền dẫn theo một Tỷ-kheo đến thành La-duyệt, đứng ở các chợ lớn, các ngã tư đường thông báo rằng: “Tất cả lời nói, ý nghĩ, hành động của Điều-đạt đều không phải là do Phật, Pháp, Tăng dạy” cho đệ tử thân tín của ông ta biết.

Nghe tiếng xấu của Điều-đạt, thái tử A-xà-thế và cận thần của ông ta, những người đang theo Điều-đạt trở về, nói với nhau:

- Sa-môn Cù-đàm vì ganh ghét nên phỉ báng Điều-đạt hiền lương. Điều-đạt nào có lỗi gì nơi thân, miệng đâu.

Khi Điều-đạt nghe tin Sa-môn Cù-đàm sai người thân tín vào thành La-duyệt, đứng ở các chợ lớn, các ngã tư đường thông báo rằng: “Tất cả lời nói, ý nghĩ, hành động của Điều-đạt đều không phải là do Phật, Pháp, Tăng dạy” cho đệ tử thân tín của ông ta biết. Nghe tin ấy xong, Điều-đạt càng thêm tức giận, liền đến chỗ thái tử A-xà-thế bảo rằng:

- Anh hãy giết cha, còn tôi giết Sa-môn Cù-đàm. Anh làm vua xứ Ma-kiệt, còn tôi làm Phật. Ở nước Ma-kiệt này sẽ có vua mới và Phật mới, chẳng phải vui sao?!

- Anh hãy giết cha, còn tôi giết Sa-môn Cù-đàm. Anh làm vua xứ Ma-kiệt, còn tôi làm Phật. Ở nước Ma-kiệt này sẽ có vua mới và Phật mới, chẳng phải vui sao?!

- Anh hãy giết cha, còn tôi giết Sa-môn Cù-đàm. Anh làm vua xứ Ma-kiệt, còn tôi làm Phật. Ở nước Ma-kiệt này sẽ có vua mới và Phật mới, chẳng phải vui sao?!

Nghe lời ấy, thái-tử rất vui mừng.

Lúc đó, vua Tần-bà-sa-la cỡi xe lông báu đến vườn ngự uyển để tham quan. Thái-tử A-xà-thế đeo kiếm bén ở thắt lưng, ẩn mình gần cổng để đợi vua cha.

Sau một ngày vui đùa, vua lên xe tứ mã để về cung. Khi vua vừa vào cổng, thái-tử rút kiếm bén phóng tới, làm con ngựa sợ hãi nhưng không trúng vua. Thái tử liền bỏ chạy, các cận thần đuổi theo bắt được. Cận thần đó hỏi:

- Thái tử định làm gì?

Thái tử đáp:

- Ta muốn giết vua.

Cận thần lại hỏi:

- Có ai là phe đảng không?

- Đó là thầy Điều-đạt và bốn đệ tử.

Bốn người ấy bàn luận:

- Nếu thật vậy thì phải bắt giết hết Sa-môn Thích tử.

Có người lại bàn:

- Hãy để yên cho Sa-môn Thích tử. chỉ bắt Điều-đạt và đồng bọn đem giết thôi.

Lại có người bàn:

- Chớ có giết Sa-môn Thích tử. Cũng chớ có giết Điều-đạt và đồng bọn. Vì sao vậy? - Vua Tần-bà-sa-la rất hiền lành, thường tha thứ cho những người mắc tội tử hình đang bị nhốt trong ngục, huống là Sa-môn Thích tử và Điều-đạt cùng đồng bọn. Chúng ta chỉ nên đến tâu với vua, vua sẽ tự phán xử. Việc gì chúng ta tự gây thù oán.

Họ liền đến tâu với vua.

Sáng hôm sau vua ra khỏi cung điện, lên trên tòa, sai người thân tín đi gọi thái tử A-xà-thế. Thái tử đến, vua liền hỏi:

- Con định làm gì vậy?

- Tôi muốn giết vua.

- Vì sao con muốn giết ta?

Thái tử nói:

- Vua có trông đưa đón, tôi không có trông đưa đón. Vua có lọng che, tôi không có lọng che. Vua có nghi vệ, tôi không có nghi vệ.

Vua bảo thái tử:

- Con hãy thay ta sử dụng trông, lọng, nghi vệ, những thứ ấy đều thuộc về con hết.

Lúc ấy, trông đưa đón, lọng, nghi vệ đều theo sau thái tử.

Những cận thần xiểm nịnh của thái tử nói rằng:

- Nếu thật vậy thì thái tử đã lên ngôi. Đã lên ngôi thì hãy bắt vua đem giết đi để được tự do.

Thái tử liền chấp thuận lời ấy, sai Chiên-đà-la đến bắt vua cha nhốt trong ngục. Chiên-đà-la liền bắt vua nhốt vào ngục.

Vì vua vốn nhân từ với dân nên hàng vạn người dân thường đem thức ăn đến nuôi vua.

A-xà-thế hỏi cận thần:

- Vua cha còn sống không?

Đáp:

- Còn sống.

- Vì sao vậy?

Đáp:

- Nhân dân mang thức ăn đến đãi nên vua còn sống.

Thái tử bảo:

- Không cho người dân đến.

Các phu nhân lại đem thức ăn đến cho vua.

A-xà-thế hỏi:

- Vua cha vẫn còn sống chứ?

Đáp:

- Còn sống.

Thái tử lại ra lệnh:

- Dừng cho các phu nhân vào thăm vua.

Lúc ấy hoàng hậu lấy thức ăn bôi lên thân rồi mặc áo che bên ngoài, không cho phát hiện, rồi vào thăm vua để vua dùng thức ăn trên thân ấy.

Thái tử lại hỏi:

- Vua cha còn sống không?

Đáp:

- Còn sống.

Thái tử ra lệnh:

- Nhốt luôn hoàng hậu vào ngục.

Vua cha hướng về núi Kỳ-xà-quật, trông thấy Thế Tôn và các Tỳ-kheo như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, A-na-lân-đà, Nan-đề, Kim-tỳ-la lên núi, xuống núi...

Vốn đã đặc sơ quả nên khi thấy chúng Tăng, vua liền hoan hỷ, không còn ý tưởng đói khát.

A-xà-thế lại hỏi cận thần:

- Vua cha còn sống không?

Đáp:

- Vua cha còn sống.

Thái tử hỏi:

- Vì sao còn sống?

Cận thần ganh ghét đáp:

- Hằng ngày vua hướng về Như Lai mà lễ bái nên vẫn còn sống.

Thái tử bảo:

- Ông hãy đốc thúc đắp vách tường cao che trước ngực, đừng cho thấy núi Kỳ-xà-quật.

Họ liền đắp tường ngăn không cho thấy Phật.

Thường pháp của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại là: khi muốn vào thành thì có các điếm lành ứng hiện như voi ngược mặt cật vùi lên rống, ngựa đều hí, bò rống; chim le, nhạn, uyên ương, công, anh vũ (bồ-câu trắng), ngỗng trắng, thiên thu, chim... đều hót vang. Đàn không hầu, đàn tranh, trống, đàn tỳ-bà, đàn, ống sáo,... không đánh tự phát âm nhạc. Vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não trong kho các trưởng giả không ai đụng chạm mà tự phát ra tiếng. Người mù được sáng mắt, người điếc được nghe. Các nỗi đau khổ, bệnh tật như: mù lòa, què, khoèo chân, bấu cổ đều chấm dứt. Những kho tàng ẩn kín tự hiện ra.

Thế Tôn vào thành thì có những điềm lành như vậy xuất hiện.

Biết Phật vào thành, vua Tần-bà-sa-la hết sức vui mừng, dòm qua khe hở ở trong ngục để chiêm ngưỡng Phật và chúng Tăng. Vốn đã đắc sớ quả nên khi thấy Thế Tôn vua liền hết ý tưởng đối khát.

A-xà-thế hỏi các cận thần:

- Vua cha còn sống không?

Đáp:

- Còn sống.

Hỏi:

- Vì sao còn sống?

Các bề tôi ganh ghét tâu:

- Vua cha dòm qua khe hở ở trong ngục để chiêm ngưỡng Thế Tôn khi Thế Tôn vào thành nên vẫn còn sống.

Thái tử nói:

- Khanh hãy đến đó lấy kiếm bén cắt lòng bàn chân để ông ấy không còn đi được, rồi cùm chân lại.

Cận thần liền đến cắt lòng bàn chân vua và cùm lại làm vua ngày càng gầy ốm.

Khi ấy, A-xà-thế vào cung ăn cơm với phu nhân. A-xà-thế có một đứa con nhỏ đang chơi đá gà ở bên ngoài. A-xà-thế hỏi phu nhân:

- Con đang ở đâu?

Đáp:

- Đang chơi đá gà ở bên ngoài.

Vua bảo phu nhân:

- Hãy gọi vào đây cùng ăn.

Cậu con liền ôm gà vào mà không chịu ăn.

Vua hỏi:

- Vì sao không ăn?

Đáp:

- Nếu con gà này không ăn thì con quyết không ăn.

A-xà-thế bảo phu nhân rằng:

- Làm sao mà chịu được đứa bé này, dám bắt đại vương như ta ăn cơm chung với gà.

Phu nhân đáp:

- Có gì mà vua hiềm trách vậy? Có người vì con mà ăn cả máu mủ thì sao. Vua có nghe thái hậu kể lại sự khổ nhục của phụ vương khi xưa hay chưa?

Vua hỏi phu nhân:

- Có gì là khổ?

Phu nhân đáp:

- Lúc vua còn nhỏ, ngón cái ở tay trái bị nhọt, đau đớn suốt đêm không thể ngủ được. Lúc ấy vua cha ẵm vua đặt lên đùi, ngậm ngón tay đau của vua trong miệng, ngón tay bứt đau và vua chớp mắt. Lúc đó, các mụn nhọt ở ngón tay vỡ ra, tuôn mủ trong miệng vua cha. Vua cha suy nghĩ: “Nếu ta rút ngón tay để nhổ mủ thì sợ rằng con ta sẽ bị đau”. Thế là vua cha liền nuốt mủ mà không rút ngón tay ra. Cha của vua có sự khổ nhục như vậy, nhưng không hề nói cho ai biết. Xin vua hãy suy xét, chớ có giết vua cha.

Nghe lời ấy xong, vua im lặng không nói. Lúc ấy phu nhân cho là vua đã tha vua cha, liền ra ngoài nói rằng:

- Vua cha được tha rồi!

Lời ấy được lan truyền từ trong thành cho đến nhà giam, làm hàng vạn người đều hoan hỷ kêu lên:

- Lành thay! Lành thay!

Và đều chạy đến nhà giam, vừa chạy vừa nói:

- Vua đã được tha! Vua đã được tha!

Vua cha nghe lời ấy liền suy nghĩ: “Con ta hung ác, bất hiếu, chẳng biết còn định gây thêm cho ta nỗi khổ gì nữa đây?”

Nghĩ xong, vua cha liền lao mình từ trên giường xuống đất chết lập tức.

Lúc ấy, vua A-xà-thế giết cha, mắc tội không ai cứu được.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Trước đây Ta đã sai A-Nan nói rõ hành vi thân khẩu ý của Điều-đạt ở chợ chính là vì sự cố ngày nay. Người giết cha không thể đắc đạo, không được mặc pháp phục làm Tỳ-kheo, không được làm Tỳ-kheo ni, không được làm Ưu-bà-tắc, không được làm Ưu-bà-di, không được thọ bát quan trai. Vì sao vậy? - Người ấy không thể đắc Dự-lưu, không thể chứng quả.

Không chỉ giết cha, giết mẹ cũng vậy.

Tỳ-kheo nào biết mà cho họ vào đạo thì cũng giống như phá hoại Tăng vậy.

Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo ở núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương-xá.

Lúc ấy, Điều-đạt muốn phá hoại, gây rối chúng Tăng, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đến thuyết phục Điều-đạt:

- Chớ có phá hoại chúng Tăng. Vì sao vậy? - Vì Tăng phải hòa hợp như nước với sữa và học cùng một thầy.

Đệ tử của Điều-đạt là Khiên-đà, Đà-bà, Ca-lưu, La-đề-thi, Tam-môn-đà, La-hê-đầu bảo với Xá-lợi-phất:

- Các thầy chớ có nói với Điều-đạt bằng lời như vậy. Vì sao vậy? - Điều-đạt hướng về sự chơn chánh, đúng như pháp. Lời Điều-đạt nói, chúng tôi đều phụng hành.

Xá-lợi-phất nói với Khiên-đà, Đà-bà.... rằng:

- Chớ có nói rằng: “Điều-đạt đúng pháp, đúng luật”. Các thầy chớ có theo lời của Điều-đạt mà gây rối loạn chúng Tăng. Chớ có trợ giúp việc gây rối loạn ấy. Vì sao vậy? - Tăng phải hòa hợp như nước với sữa và cùng học một thầy. Vì vậy chớ có phá hoại, gây rối loạn Tăng, chớ có trợ giúp người làm việc ấy.

Tuy được khuyên can như vậy, nhưng các Tỳ-kheo ấy không nghe và vẫn làm theo sự chỉ dạy của Điều-đạt. Xá-lợi-phất không biết làm sao, liền đến bạch Thế Tôn. Nhân việc đó, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng, vì muốn đầy đủ mười công đức nên kiết giới cho các Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào trợ giúp cho người phá hoại, gây rối loạn chúng Tăng thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương-xá.

Lúc ấy Thế Tôn đắp y mang bát đi từ núi Kỳ-xà-quật vào thành Vương-xá khát thực. Khất thực xong, Ngài trở về núi Kỳ-xà-quật, ngồi kiết-già trong hang đá suốt bảy ngày, nhập vào các chánh định.

Qua bảy ngày, Ngài đắp y mang bát từ núi Kỳ-xà-quật vào thành Vương-xá khát thực. Điều-đạt nghe tin Sa-môn Cù-đàm đang ở núi Kỳ-xà-quật, thành Vương-xá. Vào giờ ăn, Sa-môn Cù-đàm cùng năm trăm đệ tử đắp y mang bát từ núi Kỳ-xà-quật vào thành Vương-xá khát thực. Khất thực xong lại trở về hang đá ngồi kiết-già, bảy ngày mới đứng dậy. Vua A-xà-thế có một con voi tên Vọng-già-bà mạnh bạo, hung dữ, vua các nước xung quanh không có con voi nào dữ như con Vọng-già-bà của vua A-xà-thế.

Lúc ấy, Điều-đạt mang năm trăm lượng vàng đến gặp người dạy con voi Vọng-già-bà, bảo với ông ta rằng:

- Ông có biết rằng ta rất có uy tín đối với vua A-xà-thế không?

Đáp:

- Biết.

- Người có tin rằng ta có thể làm người giàu có hay không?

- Có thể.

Điều-đạt liền đưa năm trăm lượng vàng và nói:

- Số tiền này ta dùng để thuê ông giúp ta làm việc này. Ta cũng sẽ nói vua cho ông ruộng vườn, chức tước.

- Việc gì vậy?

Điều-đạt nói:

- Sa-môn Cù-đàm cùng năm trăm đệ tử đang ở núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương-xá. Đến giờ ăn, họ đắp y mang bát vào thành Vương xá khát thực. Khát thực xong, họ trở về núi Kỳ-xà-quật ngồi kiết-già bảy ngày mới đứng dậy. Khi họ vào thành La-duyệt-kỳ, ông hãy cho con voi Vọng-già-bà này uống rượu mạnh, cỡi cái cùm bằng thép, thả cho nó đến giết Sa-môn Cù-đàm.

Người dạy voi nói:

- Đó là việc nhỏ, không cần phải bận tâm. Khi việc ấy hoàn tất, xin đừng thất hứa.

Hàng ngày, người quản tượng co ngón tay đếm cho đến bảy ngày.

Khi ngày thứ bảy đã đến, ông ta đem rượu trắng mạnh cho con voi Vọng-già-bà uống, dùng cùm sắt cùm cho đứng yên, ẩn trong cửa thành để đợi Như Lai.

Thường pháp của chư Phật khi sắp vào thành thì có các điềm lành xuất hiện như: voi cất vòi lên rống, ngựa hí, bò rống; chim le, chim nhận, uyên ương, chim công, vẹt, ngỗng trắng, thiên thu, chim hạc... đều hót. Đàn không hầu,

đàn tranh, trống, đàn tỳ-bà, đàn, sáo,... không đánh tự phát ra âm nhạc. Trong kho của các trưởng giả, các thứ như vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, san hô, hô phách, xà-cừ, mã não... không đung tự phát ra âm thanh. Người mù được sáng, người điếc được nghe, mù lòa què quặt, khoèo chân, bấu cổ và đủ các thứ bệnh khổ khác đều chấm dứt. Kho tàng đang ẩn tự xuất hiện.

Khi Thế Tôn vào thành có những điềm lành như vậy.

Biết Phật sắp vào cửa thành, người quản tượng liền cởi cùm sắt thả voi ra. Hàng ngàn vạn người đều bỏ chạy để tìm chỗ yên ổn. Nhân dân sợ hãi, hoặc chạy vào nhà, hoặc leo lên lầu.

Voi chạy đến chỗ Như Lai, nhân dân nhìn theo kinh ngạc. Những người không tin Phật thì nói:

- Hãy giết Sa-môn ấy đi!

Người tin Phật thì nói:

- Con voi nhỏ này làm gì được Phật!

Có một trưởng giả trông thấy voi chạy, liền cởi con voi khác, đến chỗ Phật trước, đánh lễ sát đất, ngồi qua một phía, bạch Thế Tôn rằng:

- Voi Vọng-già-bà được cho uống rượu trắng say mềm và được cởi cùm sắt để hại Thế Tôn. Xin Thế Tôn hãy vào nhà này để tránh. Nếu đi trở ra khỏi thành con voi say đó sẽ làm hại Như Lai.

Thế Tôn bảo:

- Con voi này không thể hại ta. Không ai có thể giết được Thế Tôn.

Trông thấy Như Lai và các Tỳ-kheo, con voi nổi sân dậm đất, gầm rống, giương ngà, căng rộng hai tai, cất cao vòi, cụp đuôi, chạy gấp đến chỗ Như Lai.

Các Tỳ-kheo thấy voi chạy đến đều dựng tóc gáy, chạy tránh xa Như Lai, chỉ còn một mình A-Nan không chạy. Lúc ấy, voi đến trước Như Lai, Thế Tôn dùng tâm nhưn từ hướng về voi làm voi hết say và không còn sân hận

nữa, quỳ hai chân xuống đất, dùng vòi liếm chân Như Lai. Thế Tôn đưa cánh tay màu vàng ròng xoa đầu voi mà nói kệ như cha nói với con:

- Con chó sanh sân hận Muốn làm hại Như Lai

Ai nổi sân với Phật

Không được sanh đường lành

Voi Y-la-bát-na

Ở trong hai cung trời

Cạnh ngọn núi Tu-di

Nơi các voi chúa ở

Trên đỉnh núi Linh-sơn

Voi chúa A-nậu-đạt

Đều đánh lễ Chánh giác

Còn người định hại Phật

Các voi tu hạnh lành

Nên được ở nơi ấy

Người say rượu hại Phật

Sao sanh nơi ấy được!

Lúc ấy, voi Vọng-già-bà buồn rầu rơi lệ, đánh lễ sát đất rồi đi, suốt bảy ngày không ăn cỏ mà chết, sanh lên cõi trời Tứ thiên vương.

Hàng ngàn vạn người thấy sự biến hóa này của Như Lai đều đến chỗ Phật. Lúc ấy, Thế Tôn quay lại bảo A-Nan:

- Ông hãy đi chuẩn bị giường và nước, Ta muốn rửa chân.

Vâng lệnh Phật, A-Nan liền đi trải giường, múc nước. Kê đó, A-Nan quỳ chân phải sát đất, bạch Thế Tôn rằng:

- Sàn và nước đã được chuẩn bị xong, xin Thế Tôn hãy đi rửa chân.

Rửa chân xong, Thế Tôn ngồi thiền định hiện các loại biến hóa: biến mất ở phương Đông, xuất hiện ở phương Tây. Biến mất ở phương Bắc, hiện ra ở phương Nam. Ngồi, nằm trên hư không. Thân phóng ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hoặc màu lưu ly. Dưới chân phát ra lửa, trên thân phun ra nước. Trên thân phát ra lửa, dưới thân phun ra nước...

Sau khi biến hóa đủ cách, Ngài trở về chỗ cũ ngồi kiết-già.

Thấy Thế Tôn biến hóa, nhân dân liền được khai mở tâm ý.

Lúc ấy, Thế Tôn quán sát tâm ý của chúng sanh và thuyết đủ các pháp để thỏa ý nguyện của họ. Trong số những người ấy, có người phát sanh ý thần túc, có người phát tín căn, có người phát sanh pháp nhãn, có người đắc quả Dự-lưu, Nhất-lai, Bất-hoàn, hoặc phát tâm Vô thượng Chánh chơn đạo, tâm Thanh văn, Bích Chi Phật, cả trăm vạn người đều được độ thoát.

Lúc ấy Thế Tôn sợ không kịp giờ ăn nên dùng cánh tay phải xốc nách A-Nan bay về núi Kỳ-xà-quật.

Lúc đó, năm trăm Tỳ-kheo đều đã chạy đến các hang núi, xin thức ăn của những người địa phương. Khát thực xong, họ trở về tinh xá, cất y và đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát đất, ngồi qua một phía. Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Thật là kỳ lạ! Thấy con voi lớn đến, A-Nan vẫn không rời bỏ Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Không chỉ ngày nay mà trước kia cũng vậy. Hãy chú ý, Ta sẽ kể cho nghe.

Ngày xưa, cách đây lâu lắm, có một con nai chúa tên Thất-lợi-mạt cùng năm trăm con nai sinh sống ở núi Tuyết.

Lúc ấy có một người thợ săn, giăng một cái bẫy dây lớn dưới lớp cỏ. Nai chúa đi trước bị vướng chân trái vào bẫy. Nai chúa nghĩ: “Nếu nói với các con nai là ta dính bẫy thì các con nai sẽ không ăn được”.

Khi các con nai đã ăn no, nai chúa liền nói:

- Ta đã bị mắc bẫy.

Nghe nói vậy, các con nai đều bỏ chạy, chỉ có một con nai là không bỏ nai chúa Thất-lợi-mạt. Con nai ấy tâu với nai chúa rằng:

- Hãy cố gắng thoát thân. Thợ săn đang đến.

Đáp:

- Ta đã kiệt sức, sợi dây siết chặt vào thịt, không thể thoát được, chẳng biết làm sao đây.

Khi thợ săn đến, con nai nọ nói:

- Hãy cầm dao giết tôi trước rồi mới giết nai chúa.

Thợ săn suy nghĩ: “Lời này thật kỳ lạ! Cầm thú mà lại biết chết thay cho người khác”.

Thợ săn bèn nói với nai:

- Ta không giết ngươi, cũng không giết chúa của ngươi. Ta sẽ tháo bẫy thả chúa ngươi đi.

Nói xong, thợ săn liền tháo bẫy thả nai.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nai chúa lúc ấy chính là Ta. Năm trăm con nai nay là năm trăm Tỳ-kheo. Lúc ấy chúng bỏ ta, nay lại bỏ ta. Thợ săn lúc ấy nay là voi Vọng-già-bà, xưa kia không đụng đến Ta và nay cũng vậy. Con nai ở lại lúc ấy nay là A-Nan, xưa không bỏ Ta, nay cũng không bỏ Ta.

Nhân việc đó, Thế Tôn lại kể chuyện túc sanh khác:

- Cách thành Ba-la-nại-tư không xa, có ao nước tên Kiết-vũ, đầy ắp nước, có nhiều cá, ba-ba, nhiều nhạn, uyên ương... Có con nhạn chúa tên Đê-đê-lại-trú, dẫn theo năm trăm con nhạn đến vui đùa ở ao ấy. Lúc ấy, có thợ săn giăng lưới bắt nhạn. Nhạn chúa bị mắc lưới, liền nghĩ: “Nếu ta nói ta dính lưới thì các con nhạn không ăn được”. Khi các con nhạn ăn xong, nhạn chúa liền nói:

- Ta bị mắc lưới.

Nghe vậy, các con nhạn đều kinh hoảng bay mất, chỉ có một con nhạn tên Tu-mặc ở lại không đi.

Nhạn chúa bảo Tu-mặc:

- Ta đã bị mắc lưới, khanh hãy thay ta làm vua.

Tu-mặc đáp:

- Thần không thể thay vua.

Vua hỏi:

- Vì sao không thể thay thế?

Tu-mặc nói kệ đáp:

- Thà cùng chết với vua

Hơn sống không có vua

Sống chết phải có nhau
Không dám thoát một mình.

Nhạn chúa tìm cách thoát thân nhưng không được. Thợ săn đã đến. Tu-mặc nói với thợ săn bài kệ:

- Máu thịt nhạn chúa

Chẳng khác gì tôi

Hãy giết tôi trước

Tha cho nạn chúa.

Thợ săn liền suy nghĩ: “Chim nạn này thật là kỳ lạ mới có ý muốn chết thay người khác”. Ông ta nói kẻ đáp:

- Người mang hình chim thú

Dám chết thay cho chủ

Nay ta không giết người

Cũng không hại chủ người

Ta sẽ mở lưới thả

Cho người bay tự do.

Thợ săn liền mở lưới thả chim. Lúc ấy, nạn chúa lùi lại bàn với nạn tùy tùng:

- Người này rất hơn từ, đã cứu ta khỏi chỗ chết. Nếu người ấy giết thì ai sẽ đến cứu ta?

Thợ săn đến hỏi:

- Các người nói gì? Ta đã thả sao các người không mau bay đi?

Đáp:

- Chúng tôi không thể đi. Chúng tôi đang bàn cách báo ơn ông.

Thợ săn hỏi:

- Người là chim thú, làm sao báo ân?

Nạn chúa đáp:

- Hãy mang chúng tôi đến chỗ vua Phạm-ma-đạt ở thành Ba-la-nại. Đến nơi ấy chúng tôi sẽ báo ơn.

Thợ săn hỏi:

- Đến đó, nếu bị họ làm tổn thương, các người sẽ làm cách nào?

Nhạn đáp:

- Việc đó không đáng lo. Cứ việc mang chúng tôi đi đi.

Thợ săn liền bế các con nạn vào thành, đi từ chợ đến cửa cung vua. Trên đường đi, các thương nơn thấy con nạn đáng yêu, liền đem năm tiền, mười tiền, hoặc hai mươi tiền biếu cho thợ săn. Khi gần đến cửa cung vua thì thợ săn đã nhận được hàng ngàn tiền.

Lúc đó, thợ săn ẵm con nạn thả ở cửa cung vua. Nạn chúa bảo người giữ cổng:

- Nạn chúa Đề-đề-lại-tra đang ở cổng, xin cầu kiến.

Người gác cổng vào tâu vua. Vua bảo:

- Cho vào.

Lúc ấy, vua Phạm-ma-đạt bày giường vàng cho nạn chúa ngồi. Tu-mặc theo hầu phía sau. Nạn chúa nói kệ hỏi thăm vua có được yên ổn không, có mạnh khỏe không, binh mã trong nước có hùng mạnh không, nhân dân có dễ cai trị không?

Vua Phạm-ma-đạt nói kệ đáp lời:

- Khanh từ xa đến đây, vượt biển, vượt núi, trải qua một hành trình dài có mệt mỏi không?

Lúc ấy, hai vua cùng nhau nói năm trăm bài kệ, còn con nạn Tu-mặc thì im lặng không nói.

Vua Phạm-ma-đạt hỏi:

- Vì sao Khanh im lặng vậy?

Tu-mặc đáp:

- Một là vua loài người, một là vua loài nhạn. Hai vua cùng nói chuyện nên thần không dám xen vào.

Vua Phạm-ma-đạt bảo nhạn chúa rằng:

- Xin hãy nhận lời ta. Hãy cư trú trong vườn cây, ao nước ở nơi này. Ta sẽ cung cấp đồ ăn uống.

Nhạn chúa không dám nhận lời mời đó.

Phạm-ma-đạt hỏi:

- Vì sao không nhận?

Nhạn chúa đáp:

- Vua uống rượu say, sai đầu bếp giết nhạn. Nếu không có con nào khác thì họ sẽ bắt chúng tôi giết. Vì vậy chúng tôi không dám ở lại.

Nghe tin nhạn chúa ở chỗ vua Phạm-ma-đạt, năm trăm con nhạn liền dẫn nhau đến bay liệng trên cung. Vua hỏi:

- Đó là nhạn gì?

Nhạn chúa đáp:

- Đó là đồ chúng của tôi.

Vua hỏi:

- Khanh thật sự muốn đi phải không?

Đáp:

- Thật sự.

- Khanh có cần gì không?

Nhạn chúa nói:

- Tôi không cần gì. Chỉ có người kia đã ôm tôi đến đây. Xin vua hãy ban cho anh ta vàng bạc, thức ăn uống, châu báu và các thứ cần dùng.

Nói xong, nạn liền bay lên cao.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Lúc ấy, nạn chúa Đề-đề-lại-tra chính là Ta. Năm trăm con nạn bỏ ta mà đi, nay là năm trăm Tỳ-kheo đã bỏ chạy. Vua Phạm-ma-đạt lúc ấy, nay là Thâu-đâu-đàn-thích, khi ấy đã thả Ta đi, nay lại cho Ta xuất gia. Thợ săn lúc ấy, nay là voi Vọng-già-bà, lúc ấy đã không hại Ta, nay cũng không động đến Ta. Nạn Tu-mặc theo hầu Ta lúc ấy, nay là A-Nan, xưa đã không bỏ Ta, nay cũng không rời Ta.

Các Tỳ-kheo hãy nghe tiếp:

- Cách đây rất lâu, có con sư tử chúa dẫn theo năm trăm sư tử đi ở trên núi Tuyết, sư tử chúa đã già, các căn rã rời, mắt lòa không thấy đường.

Lúc ấy, sư tử chúa đi trước bầy sư tử và bị rơi xuống một cái giếng trống rỗng. Năm trăm con sư tử đều bỏ đi.

Cách giếng không xa có một con cáo, thấy sư tử rơi xuống giếng liền suy nghĩ: “Lúc có vị vua này, ta thường được no đủ. Ta phải nghĩ cách giúp ông ấy ra khỏi giếng”.

Cách giếng không xa có một con sông lớn. Cáo liền đào hang dẫn nước vào giếng. Nước mỗi lúc một nhiều và nâng sư tử lên. Cuối cùng sư tử cũng được ra khỏi giếng. Thần núi liền nói kệ khen:

- Người nào có bạn bè

Không cần chọn mạnh yếu

Như con cáo bé nhỏ

Cứu sư tử khỏi giếng.

Nói bài kệ này xong, vị thần biến mất.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Sư tử lúc ấy nay chính là Ta. Năm trăm sư tử bỏ đi lúc ấy, nay là năm trăm Tỳ-kheo. Con cáo lúc ấy nay là A-Nan. Đó là người bố thí, tinh tấn, không làm việc ác. Người nào phát tâm hướng đạo thì sanh ở đâu cũng không gặp việc ác.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, Tỳ-kheo Mã-sư, Phất-na-bạt du hành ở vườn Ca-la, thuộc nước Na-kiệt-đề và cư trú ở trong nhà bạch y, làm các việc xấu. Những người ở các làng gần đấy không ai không nghe.

Lúc ấy, Phật sai tôn giả A-Nan đến nước Kế-thi khát thực, du hóa trong sáu mươi ngày. Sau khi A-Nan đi, Phật bay lên trời thuyết pháp cho mẹ suốt bốn tháng.

Lúc ấy, tôn giả A-Nan đi du hóa khát thực trong sáu mươi ngày, dần dần đến nước Na-kiệt-đề. Vào sáng sớm, vị ấy đắp y mang bát vào thành khát thực nhưng không được gì, phải trở về với chiếc bát không.

Lúc ấy Ưu-bà-tắc tên Kiếp-phủ vào trong thành. Trông thấy tôn giả A-Nan ra khỏi thành, ông ta liền đánh lễ sát chân A-Nan, chấp tay bạch A-Nan rằng:

- Lâu lắm mới gặp lại Ngài. Ngài du hành giáo hóa có mệt nhọc không? Đến đây khi nào vậy?

Tôn giả A-Nan đáp lời Ưu-bà-tắc Kiếp-phủ:

- Hiền giả biết không? Buổi sáng, tôi đắp y mang bát vào đây khát thực, nhưng không được gì. Hay là ở đây có Thích tử nào đã làm mất lòng tin của Ưu-bà-tắc, làm việc chằng phải của Sa-môn, vi phạm các nghiệp thân, miệng, ý, phải không?

Ưu-bà-tắc đáp:

- Trong vườn Ca-la, ở đây có hai Tỳ-kheo là Mã-sur và Phất-na-bạt, thường đến ngủ ở nhà bạch y, làm các việc xấu. Những người ở những làng gần đây không ai là không nghe thấy. Họ cùng với phụ nữ ngồi chung một giường chiếu, ăn chung một bát, uống chung một ly, xếp Tăng-già-lê cất trên giá, rồi cùng phụ nữ ca, múa, chơi đàn cầm, khảy đàn tỳ-bà, tát má, vuốt miệng, đeo vòng hoa, cắm hoa trên tóc mai, hoặc đeo chuỗi anh lạc thơm, đắp y lụa ngũ sắc, cùng nhau đến nhà dâm nữ, mai mối nam nữ, hoặc mặc áo quần thể tục, chơi đùa với năm loại binh, hoặc chơi bắn cung tên, quăng ném, nỉu kéo, xôc nhau ném lên bàn, hoặc cùng nhau chạy, hoặc cỡi voi, ngựa ra vào vườn, chẳng lúc nào ngưng... Giờ ăn đã đến, xin thỉnh đại đức đến nhà con thọ thực.

Tôn giả A-Nan im lặng nhận thỉnh.

Khi tôn giả A-Nan đã đến nhà, ngồi vào bàn, Ưu-bà-tắc ấy tự tay dâng nước rửa tay, dọn đồ ăn uống.

Khi đã ăn xong, A-Nan rửa tay, rửa mặt rồi thuyết pháp cho Kiếp-phủ nghe. Sau đó, vị ấy rời khỏi chỗ ngồi, đi du hành dần dần đến vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc ở nước Xá-vệ, đem việc ấy bạch đầy đủ với Thế Tôn.

Do việc ấy, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng, vì muốn đủ mười công đức nên kiết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào ở tại nhà bạch y, làm các việc xấu như trên... phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, Tỳ-kheo Xiển-nộ chấp chặt, ngoan cố, rất khó giáo hóa. Ông ấy nói với các Tỳ-kheo:

- Các thầy chớ có nói với tôi điều gì tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với các thầy điều gì tốt hoặc xấu.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bảo Xiển-nộ:

- Tuy thầy không nói việc tốt việc xấu của tôi. Tôi cũng không nói việc tốt việc xấu của thầy. Nhưng thầy phải nói pháp lành và luật mà thầy biết cho

các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo cũng nói pháp và luật cho thầy nghe. Có như vậy thì hạt giống Phật mới được tăng trưởng.

Các Tỳ-kheo thay nhau dạy dỗ, khuyên răn:

- Thầy là người làm việc xấu, chớ có chấp chặt ý thầy, chớ có giữ tâm ấy.

Nhưng Tỳ-kheo Xiển-nộ không nghe theo. Các Tỳ-kheo nói:

- Xiển-nộ này thật khó giáo hóa!

Các Tỳ-kheo không biết làm sao, liền đến bạch Thế Tôn:

- Nhân việc ấy, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng, vì muốn đầy đủ công đức nên kết giới cho các Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào ngoan cố không nhận lời can ngăn, dạy dỗ như Tỳ-kheo Xiển-nộ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Sau khi Ta Niết-bàn thì Tỳ-kheo Xiển-nộ sẽ nhận sự giáo hóa.

Ưu-ba-ly hỏi Thế Tôn:

- Thế nào là Tăng-già-bà-thi-sa?

- Tăng-già-bà-thi-sa là có lo sợ đối với chúng Tăng, có lo sợ đối với Thánh đạo, có ước mong chứng quả, có lo sợ về sự hối lỗi. Khi hối lỗi phải tập hợp hai mươi vị Tăng, phải tự hối lỗi sáu đêm, lễ lạy năm vóc sát đất, không được che giấu việc đã phạm, để Tăng quyết đoán. Do như vậy nên gọi là Tăng-già-bà-thi-sa.

TỶ NẠI DA

Hết quyển năm

--- o0o ---

Quyển thứ sáu

Hai pháp BẤT ĐỊNH VÀ Ba Mươi Pháp XẢ ĐỌA

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, tôn giả Ca-lưu-đà-di thường đến nhà Ưu-bà-di Phù-đới và cùng cô ta ngồi ở nơi kín đáo. Ưu-bà-di Phù-đà (đới) muốn làm việc bất tịnh nên cùng ngồi chung một chỗ. Ca-lưu-đà-di cũng đồng ý nhưng sợ phạm giới nên không dám làm.

Thấy vậy, các trưởng giả ở nhà bên cạnh nói với nhau:

- Sa-mô Thích chúng tự ca ngợi mình tinh tấn, độc thân, nay lại cùng phụ nữ ngồi ở chỗ kín, ắt là có lý do.

Các Tỳ-kheo đầu-đà đến bạch với Thế Tôn đầy đủ việc ấy. Thế Tôn biết mà vẫn hỏi Ưu-đà-di:

- Việc ấy có thật không?

Ưu-đà-di bạch Phật:

- Đúng vậy, thưa Thế Tôn:

- Nhân việc đó, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng hòa hợp, đủ mười công đức để kiết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào cùng người nữ ngồi ở chỗ kín, có người nữ nói, phạm một trong ba pháp Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa và Ba-dật-đề; và Tỳ-kheo ấy chấp nhận đã phạm ba pháp ấy, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề. Đó là phạm Bất định.

Lúc ấy, Ca-lưu-đà-di lại đến nhà Ưu-bà-di Phù-đới, đem ghé ra cùng ngồi nơi đất trống. Ở nơi trống trải ấy, Ưu-bà-di ấy định ôm thân của Ca-lưu-đà-di kéo lại cùng ngồi một chỗ. Ca-lưu-đà-di muốn làm theo nhưng lại sợ phạm giới.

Các trưởng giả thấy vậy liền nói với nhau: - Sa-môn Thích tử thường tự ca ngợi là tinh tấn, độc thân mà nay lại cùng người nữ ngồi nói chuyện ở nơi đất trống, ắt là có lý do.

Nghe vậy, các Tỳ-kheo đầu-đà đến bạch đầy đủ với Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào cùng phụ nữ mang ghé cùng ngồi ở đất trống, có phụ nữ nói, phạm hai pháp Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề và Tỳ-kheo ấy chấp nhận đã phạm hai pháp ấy. Đó là pháp Bất định.

Thế Tôn ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, Thích tử Bạt-nan-đà tích chứa y áo, để lâu đến độ hư mục, bị trùng, mọt, chuột gặm nhấm. Thấy vậy, các trưởng giả đều hiềm hận, tự nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử lẽ ra nên tiết kiệm y áo, nay lại tích chứa y áo lâu đến độ bị hư mục, bị trùng, mọt, chuột gặm nhấm.

Thấy vậy, các trưởng giả bảo với các Tỳ-kheo đầu-đà, các Tỳ-kheo không biết trả lời làm sao, liền đến bạch đầy đủ với Thế Tôn. Nhân việc đó, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng hòa hợp, đủ mười công đức kiết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào có ba y và y công đức đã hết thời hạn thì phải trì giữ cho đến hết đời. Nếu nhận quá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Phật ở tại vườn Trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương-xá.

Lúc ấy Ma-ha-kế-diệp ở núi Kỳ-xà-quật. Vì một việc nhỏ của Tăng, Ma-ha-kế-diệp không đáp y Tăng-già-lê mà đến vườn Trúc. Lúc ấy, trời mưa dầm nên vị ấy không trở về núi Kỳ-xà-quật được. Đến sáng, vị ấy mới trở về hang đá. Vị ấy phân vân không biết mình có bị mất Tăng-già-lê không, liền đến bạch với Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Nếu Tỳ-kheo không đáp ba y và y công đức đã hết thời hạn mà đến ngủ đêm ở nhà người khác, không mang theo Tăng-già-lê, y thượng, y hạ - trừ khi được Tăng cho phép - thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy có Tỳ-kheo ni Đạt-mộ-đề-na cùng các Tỳ-kheo ni kiết hạ ở Xá-vệ. Những người binh sĩ của vua Ba-tư-nặc cư trú trong vườn, gần chỗ các Tỳ-kheo ni. Những binh sĩ này nhận lương của vua Ba-tư-nặc, ngày ngày đánh bạc, tiêu dùng phung phí nên không đủ nuôi thân và các bà vợ không đủ áo che thân. Hàng ngày, các Tỳ-kheo ni đều nghe họ đùa giỡn.

Một buổi sáng nọ, Tỳ-kheo ni Đạt-mộ-đề-na liền đến nhà vợ các binh sĩ, hỏi các cô ấy:

- Vì sao y áo xấu và không đủ che thân vậy?

Các cô ấy đáp:

- Bông lọc chỉ đủ ăn, không đủ sắm y áo.

Tỳ-kheo ni nói:

- Lương bông nhận được hãy dùng một nửa để sắm y và thức ăn, một nửa đem bố thí.

Các phụ nữ đáp:

- Xin vâng theo lời dạy của Như Lai.

Lúc ấy, khi nhận được lương bông, họ để dành một nửa để sắm y áo và thức ăn, một nửa đem bố thí. Nhờ thế, nhà các binh sĩ dần dần giàu có, y áo và đồ ăn dồi dào, y áo họ mặc khác hẳn mọi người.

Các phụ nữ liền nói với nhau:

- Tiền của mà chúng ta có ngày nay là nhờ ơn của Tỳ-kheo ni Đạt-mộ-đề-na. Chúng ta phải cùng nhau báo ân.

Các phụ nữ liền nói với chồng mình:

- Chúng ta giàu có là nhờ Tỳ-kheo ni Đạt-mộ-đề-na. Tôi muốn xin cúng dường các cô ấy trong bốn tháng hạ các món ăn ngon, tinh khiết.

Chồng bảo vợ:

- Rất tốt!

Các binh sĩ đó liền đến chỗ Tỳ-kheo ni Đạt-mộ-đề-na, đánh lễ sát đất ngồi qua một phía. Tỳ-kheo ni liền thuyết pháp cho họ. Sau khi thuyết pháp xong, cô ấy im lặng không nói. Lúc ấy, các binh sĩ rời khỏi chỗ ngồi, quỳ xuống, chấp tay bạch với các Tỳ-kheo ni rằng:

- Từ nay trở đi, chúng con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, nguyện làm Ưu-bà-tắc trọn đời không sát sanh. Nguyện các sư cô nhận sự cúng dường của chúng con trong bốn tháng hạ.

Các Tỳ-kheo ni đáp:

- Phật đang ở tại Kỳ-hoàn, hãy đến thỉnh Phật trước, rồi chúng tôi mới dám nhận lời.

Các binh sĩ đáp:

- Chúng con sẽ đến thỉnh.

Các binh sĩ liền đến vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, đánh lễ sát đất rồi ngồi qua một phía. Thế Tôn nói cho họ nghe đủ các pháp. Sau khi nghe thuyết pháp, họ bạch Thế Tôn rằng:

- Xin Thế Tôn và chúng Tăng cho chúng con được cúng dường trong bốn tháng hạ ở vườn này.

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Thấy Thế Tôn im lặng nhận lời, các binh sĩ rời khỏi chỗ ngồi, đánh lễ sát đất, nhiễu Phật ba vòng rồi trở về nhà, chuẩn bị đồ ăn uống cho các Tỳ-kheo trong bốn tháng.

Biết đã sắp đến ngày kiết hạ, Thế Tôn liền dẫn các Tỳ-kheo đến nơi ấy kiết hạ bốn tháng. Các binh sĩ cúng dường Phật và chúng Tăng y áo, đồ ăn uống, thuốc trị bệnh trong bốn tháng.

Biết Phật không uống nước chưa lọc, các binh sĩ thường mang dụng cụ lọc nước treo cạnh túi đựng cung tên.

Lúc ấy, ở biên giới của vua Ba-tư-nặc có quân phản nghịch. Vua cho triệu tập các binh sĩ và bảo:

- Các khanh hãy công phạt quân phản nghịch ấy.

Các binh sĩ đáp:

- Xin vâng lệnh vua.

Lúc ấy các đại thần tâu với vua rằng:

- Vua sai các binh sĩ ấy đi công phạt, chắc là không xong.

Vua hỏi:

- Vì sao không xong?

Bề tôi đáp:

- Các binh sĩ ấy chẳng dám uống nước chưa lọc, trùng nhỏ còn không giết thì làm sao có thể công phạt.

Vua hỏi các binh sĩ:

- Các ông chắc không làm hồng việc của ta chứ?

Binh sĩ đáp:

- Chẳng biết có việc gì vậy, thưa đại vương?

Vua hỏi:

- Nghe nói các khanh không dám uống nước chưa lọc. Trùng nhỏ còn vậy thì làm sao có thể công phạt sinh mạng lớn?

Các binh sĩ đáp:

- Trùng nhỏ ấy không có lỗi đối với vua. Nếu chúng phạm phép vua thì chúng thần cũng giết không tha.

Lúc ấy, vua liền suy nghĩ: “Những người này thật là sạch sẽ nên không uống nước chưa lọc”.

Lúc đó các binh sĩ bảo với nhau:

- Đã cúng dường Thế Tôn và chúng Tăng mọi thứ nhưng chưa cúng dường y. Sợ rằng đi chinh chiến bị chết không trở về được, chúng ta hãy cúng dường y ngay bây giờ.

Họ liền đánh kiền-chùy để tập hợp các Tỳ-kheo, chỉ có Phật không đến. Các binh sĩ liền đem y cúng dường cho chúng Tăng nhưng chúng Tăng không nhận vì sợ phạm lỗi chứa y dư. Các binh sĩ ép họ phải nhận. Các Tỳ-kheo không biết làm sao, liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Được nhận y bằng lòng từ bi.

Nhân việc ấy, Thế Tôn kiết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào đã có ba y và y công đức đã hết thời hạn mà được y dư thì được phép nhận và cất chứa trong một tháng. Quá một tháng phải cho người khác. Nếu cất chứa quá một tháng thì phạm Ny-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Lúc ấy các binh sĩ đã đạt được tâm từ, liền đi chinh phạt. Khi hai bên giao đấu, họ liền nhập vào tam muội từ bi, quân địch liền thối lui vì người nhập vào tam muội từ bi thì lửa không thể đốt, dao chém không đứt, uống thuốc độc không chết, không ai có thể giết được.

Nghe tin các binh sĩ đã chinh phạt xong quân phản nghịch, vua Ba-tư-nặc liền tăng thêm ruộng vườn, bổng lộc lên gấp bội.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào sáng sớm, Tỳ-kheo ni A-la-tì đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khát thực xong, cô ấy ra khỏi thành, cất y bát, rửa chân, đặt tọa cụ lên vai, đến núi An-đà-bà trái tọa cụ dưới một gốc cây và ngồi kiết-già.

Lúc ấy có bọn cướp vừa cướp được của cải và trốn lên núi này. Tên cầm đầu bọn cướp tin tưởng Phật, Pháp, Tăng, trông thấy Tỳ-kheo ni ngồi tọa thiền dưới gốc cây, nhan sắc xinh đẹp, các căn lặng lẽ, tướng cướp ấy hết sức vui mừng, liền mang một miếng thịt đến cúng dường Tỳ-kheo ni.

Tỳ-kheo ni đáp:

- Tôi chỉ ăn ngày một bữa, quá giờ không ăn nữa.

Tướng cướp càng thêm vui nên lấy một tấm vải trắng mịn gói miếng thịt ấy treo trên cây và nói rằng:

- Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào nhận thì xin cúng toàn bộ.

Nói xong, họ ra khỏi núi.

Tỳ-kheo ni suy nghĩ: “Tướng cướp nói lời ấy và để lại vải và miếng thịt là vì ta”.

Sáng sớm hôm sau, Tỳ-kheo ni mang miếng thịt ấy vào vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, cúng miếng thịt ấy cho nhà bếp để nấu cho các Tỳ-kheo dùng, rồi vắt tấm vải trên vai mà đi ra. Thấy vậy, Thích tử Bạt-nan-đà hỏi:

- Này chị! Từ đâu mà có được tấm vải xinh đẹp sạch sẽ như vậy? Chị có thể để lại cho tôi không?

Tỳ-kheo ni không dám trái lời, liền trao tấm vải cho Thích tử Bạt-nan-đà. Bạt-nan-đà bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo ni ấy cho tôi tấm vải này.

Lúc ấy, Tỳ-kheo ni suy nghĩ: “Đã vào thành mà chẳng thăm Thế Tôn đã vội trở về thì chẳng có lễ phép”. Cô ấy liền đến chỗ Thế Tôn với y áo rách nát.

Thấy Tỳ-kheo ni ấy đến, Thế Tôn quay lại bảo A-Nan:

- Ông hãy lấy một tấm y dư cho Tỳ-kheo ni này.

A-Nan liền lấy tấm y đã xả trao cho Tỳ-kheo ni. Tỳ-kheo ni đắp y vào rồi đến chỗ Phật, đánh lễ sát đất, đứng qua một phía. Thế Tôn liền nói pháp cho cô ấy nghe. Nói pháp xong, Thế Tôn bảo:

- Cô hãy trở về đi.

Cô ấy liền đánh lễ Thế Tôn rồi ra đi.

Tỳ-kheo ni vừa ra đi, Phật liền hỏi A-Nan:

- Vì sao Tỳ-kheo ni này mặc y áo rách rưới như vậy?

A-Nan bạch Phật:

- Tỳ-kheo ni này vừa có một tấm vải nhưng đã bị Bạt-nan-đà đoạt lấy.

Nhân việc ấy, Thế Tôn liền tập hợp chúng Tăng và bảo các Tỳ-kheo:

- Vì sao y của Tỳ-kheo ni đã hư rách mà Tỳ-kheo lại đoạt y mới của cô ấy?

Sau khi dùng vô số phương tiện dạy dỗ, quở trách các Tỳ-kheo, Thế Tôn liền kết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào đoạt lấy hoặc theo xin y của Tỳ-kheo ni không bà con - trừ trao đổi - thì phạm Ny-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Thế Tôn ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Ca-lưu-đà-di kết thân với Tỳ-kheo ni Quật-đa. Ca-lưu-đà-di đi du hóa hai tháng. Sau hai tháng du hóa, vị ấy trở về Xá-vệ.

Nghe tin Ca-lưu-đà-di đã du hóa xong và trở về Xá-vệ, Tỳ-kheo ni Quật-đa liền tắm rửa sạch sẽ, lấy dầu thơm thoa lên đầu, lại bôi phấn sáp trang điểm mặt, đánh răng thật trắng, đắp y mới rồi đến chỗ Ca-lưu-đà-di, đánh lễ sát đất rồi ngồi trước vị ấy, nhìn chăm chú Ca-lưu-đà-di. Ca-lưu-đà-di cũng nhìn chăm chú Tỳ-kheo ni.

Ca-lưu-đà-di rời khỏi chỗ ngồi, chỉ mặc y hạ và đi phía trước. Tỳ-kheo ni cũng chỉ đắp một y và đi theo sau Ca-lưu-đà-di, nhưng không để cho thân đụng nhau vì sợ phạm giới.

Ca-lưu-đà-di phát sanh ý dâm dục quá mạnh, liền xuất tinh làm dơ y hạ. Biết Tỳ-kheo ấy bị xuất tinh, Tỳ-kheo ni liền lấy một tấm y hạ đưa cho Tỳ-kheo ấy thay. Thay y xong, Ca-lưu-đà-di liền đưa y dơ cho Tỳ-kheo ni giặt.

Tỳ-kheo ni đem y đến nơi vắng để giặt, lấy giọt tinh dịch uống một nửa, còn một nửa rưới vào âm đạo. Sau đó cô ấy liền mang thai và bụng càng ngày càng lớn. Các Tỳ-kheo ni mắng:

- Nay Tỳ-kheo ni xấu xa kia! Cô chẳng phải mới làm Tỳ-kheo ni, cô đã vào đạo từ nhỏ, vậy do đâu mà mang thai?

Các Tỳ-kheo ni liên tục trách mắng cô ấy. Tỳ-kheo ni Quật-đa liền thuật lại đầu đuôi câu chuyện. Các Tỳ-kheo ni không biết phải làm sao, liền đến bạch đầy đủ với Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Các cô chớ có cho rằng Tỳ-kheo ni Quật-đa đã phạm giới. Vì sao vậy? - Phạm hạnh cô ấy hoàn toàn trong sạch. Chớ có nghĩ xấu Tỳ-kheo ni Quật-đa.

Sau tám chín tháng, cô ấy sanh được một cậu con trai nhan sắc xinh đẹp. Nghe tin cô ấy sanh con trai, các Tỳ-kheo ni đến bạch đầy đủ với Thế Tôn. Nhân việc ấy, Thế Tôn kiết giới cho các Tỳ-kheo ni:

- Tỳ-kheo ni không được ngủ đêm một mình. Hai Tỳ-kheo ni thì được. Không được ngủ đêm với người nam. Được phép ngủ chung phòng với Tỳ-kheo ni Quật-đa.

Các Tỳ-kheo ni bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vừa rồi Ngài dạy không được phép ngủ chung phòng với người nam. Nay cô ấy có con trai thì làm sao ngủ chung được?

Thế Tôn đáp:

- Trẻ con chưa dứt sữa thì được ngủ chung. Sau khi dứt sữa thì không được ngủ chung.

Các Tỳ-kheo ni thọ giáo xong liền trở về.

Nhân việc ấy, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng hòa hợp để kiết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào nhờ Tỳ-kheo ni không phải thân quyến giặt y dơ, hoặc nhuộm, hoặc ủi cho mới thì phạm Ny-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo thường đến nhà trưởng giả xin y. Các trưởng giả hiềm trách, phiền muộn nên nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử tự nói mình tinh tấn, vậy mà trước đây ta chưa hứa cho y, nhưng họ cứ tới xin y mãi.

Nghe vậy, các Tỳ-kheo giữ mười hai hạnh đầu-đà đến bạch với Phật, Phật bảo:

- Tỳ-kheo nào nài xin y từ trưởng giả hoặc vợ trưởng giả, chẳng phải bà thì con mắc tội Xả-đọa, trừ khi y bị cướp, bị mất, bị cháy, bị mục nát, bị vua lấy thì được phép đến nhà trưởng giả, vợ trưởng giả xin lại số y đã mất. Nếu nhận dư y thì phạm tội Xả-đọa.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có người vợ trưởng giả may y cho Thích tử Bạt-nan-đà.

Nghe tin vợ trưởng giả ấy may y cho mình, Bạt-nan-đà liền đến nhà ấy nói rằng:

- Cô hãy may y cho thật đẹp để đem cúng dường cho tôi.

Trưởng giả liền may y thật tốt cúng dường vị ấy.

Về đến phòng, vị ấy khoe với các Tỳ-kheo:

- Trưởng giả ấy đã may cho tôi cái y tốt này.

Các Tỳ-kheo im lặng, không biết làm sao, liền đến bạch đầy đủ với Thế Tôn. Thế Tôn đáp:

- Tỳ-kheo nào nghe người khác may y cho mình, trước không được yêu cầu tùy ý mà đến nhà ấy bảo phải may cho thật tốt và nhận y đó thì phạm Xả-đọa.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có hai nhà trưởng giả may y cho Bạt-nan-đà. Nghe tin hai nhà trưởng giả may y cho mình, Bạt-nan-đà liền đến hai nhà ấy nói rằng:

- Lành thay, trưởng giả! Nếu không đủ tiền may y cho tôi thì hãy hùn chung lại may một cái cho đẹp.

Hai trưởng giả liền gom lại may thành một y cho vị ấy. Về đến nhà, vị ấy huênh hoang nói với các Tỳ-kheo:

- Hai nhà ấy đã gom hai y thành một y, cúng cho tôi.

Các Tỳ-kheo không biết làm sao, liền đến bạch với Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào trước chưa được sự yêu cầu tùy ý mà đi đến hai nhà trưởng giả chẳng phải bà con đang may y cho mình bảo gom hai cái thành một và nhận y ấy thì phạm Xả-đọa.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Nghe tin các Tỳ-kheo thiếu y, vua Ưu-điền liền cho người mang tiền sắm y đến Xá-vệ cúng cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không nhận và nói:

- Thế Tôn không cho nhận tiền sắm y, để khi nào may thành y rồi sẽ nhận.

Sứ giả hỏi:

- Có ai có thể mua y cho các thầy không?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Không ai cả.

Các Tỳ-kheo không biết làm sao, liền đến bạch với Thế Tôn. Nhân việc ấy, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng hòa hợp, đủ mười công đức, kiết giới cho Sa-môn. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo muốn mua y thì phải mượn người quen thân, người giữ vườn, hoặc tịnh nhân giữ năm giới. Tỳ-kheo ấy nói với sứ giả rằng: “Đây là người mua y, đây chẳng phải người mua y”. Sứ giả đưa tiền mua y cho người ấy

đến chợ mua y. Người ấy đến chợ, hoặc dùng tiền, hoặc dùng vàng, hoặc dùng đồng, thiếc, hoặc dùng tơ lụa để đổi y. Khi người ấy trở về, Tỳ-kheo phải đến đứng im lặng trước người ấy bốn, năm, sáu lần. Nếu nhận được y thì tốt. Nếu đến quá sáu lần thì phạm Xả-đọa. Nếu không được y thì phải tự đi, hoặc cho người mang tin đến nhà người cho tiền sắm y nhắn tin rằng: “Tỳ-kheo ấy rất cuộc không nhận được y, chớ nghĩ rằng vị ấy đã nhận được. Hãy đi đòi lại, đừng để tổn phí”.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo lấy vải dệt bằng tơ làm ngọa cụ mới. Thấy vậy, các trưởng giả nói:

- Sa-môn Thích tử tự nói không tham tốt mà lấy vải tơ làm ngọa cụ, có khác gì vua hay trưởng giả.

Nghe vậy, các Tỳ-kheo giữ mười hai hạnh đầu-đà đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào dùng vải tơ làm ngọa cụ thì phạm Xả-đọa.

Nhóm sáu Tỳ-kheo dùng toàn lông dê đen làm ngọa cụ mới. Thế Tôn bảo:

- Không được dùng toàn lông dê đen làm ngọa cụ. Ai làm thì phạm Xả-đọa.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lại dùng toàn lông dê trắng làm ngọa cụ. Thế Tôn bảo:

- Không được dùng toàn lông dê trắng làm ngọa cụ. Nếu làm ngọa cụ thì phải dùng hai phần lông dê đen, phần thứ ba lông dê trắng và phần thứ tư màu xám. Nếu không làm đúng vậy thì phạm Xả-đọa.

Nhóm sáu Tỳ-kheo bỏ ngọa cụ cũ, sắm ngọa cụ mới. Các Tỳ-kheo thực hành mười hai hạnh đầu-đà nghe vậy, liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào làm ngọa cụ mới phải dùng cho đủ sáu năm. Nếu chưa đủ sáu năm đã xả bỏ và làm cái mới thì phạm Xả-đọa. Nếu đã quá hư rách thì phải bạch chúng, chúng cho phép thì được làm, nếu không cho phép mà làm thì phạm Xả-đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, Thích tử Bạt-nan-đà làm tọa cụ mới và vứt bỏ cái cũ. Thấy vậy, các Tỳ-kheo liền đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào làm tọa cụ mới phải lấy lại của cái cũ đắp lên bốn bên của cái mới để làm hoại sắc. Nếu không làm như vậy thì phạm Xả-đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, Ưu-đà-di cùng nhiều Tỳ-kheo đi từ Câu-tát-la đến nước Xá-vệ. Trên đường đi, họ gặp các lái buôn điều khiển xe ngựa chở rất nhiều lông thú đến nước Xá-vệ. Khi ấy, đường đi có rất nhiều trộm cướp, các Tỳ-kheo bảo với các lái buôn:

- Chúng tôi muốn làm bạn đồng hành với các ông để cùng đến Xá-vệ.

Các lái buôn đáp:

- Chúng tôi cũng thích kết bạn.

Các Tỳ-kheo sợ bụi đất dính thân thể nên thường đi ở sau. Có một lái buôn, xe bị gãy trục nên bảo các bạn đồng hành:

- Mỗi người các ông hãy chở giúp tôi một ít lông thú.

Các người đồng hành nói:

- Phần của chúng tôi, chúng tôi chở còn không hết, làm sao có thể chắt thêm phần của anh.

Nói xong, họ liền bỏ đi trước. Lái buôn ấy ngồi đối diện với xe lông mà rầu rĩ. Một lát sau, các Tỳ-kheo đến. Lái buôn lấy lông thú cúng dường cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo phân chia ra và mang đi. Con đường đi xuyên qua một thành phố, nhân dân ở cạnh đường hỏi các Tỳ-kheo rằng:

- Lông này giá bao nhiêu? Lông ấy mắc hay rẻ? Cần đổi vật gì? Gánh nặng như vậy thu được lợi gì?

Nghe vậy, các Tỳ-kheo thực hành mười hai hạnh đầu-đà không biết đáp làm sao, liền đến Xá-vệ, bạch rõ với Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào trên đường đi được cúng dường lông dê thì được mang đi ba do-tuần. Nếu quá thì phạm Xả-đọa.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vê.

Ca-lưu-đà-di nhận được lông dê liền nhờ các Tỳ-kheo ni giặt, nhuộm và lựa chọn lông dê. Ca-lưu-đà-di vốn là bạn của vua Ba-tư-nặc, là thầy của Mạt-lợi phu nhân. Vì vậy các Tỳ-kheo ni không dám trái lời. Họ lo giặt, nhuộm, chọn lựa lông dê nên phớt bỏ việc tụng kinh, học tập.

Đại Ái Đạo Cồ-đàm-di liền đến bạch đầy đủ với đức Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào nhờ Tỳ-kheo ni - chẳng phải bà con - giặt nhuộm, chọn lựa lông dê thì phạm Xả-đọa.

Phật ở vườn Thạch-đài, tại sông Di-hầu, thuộc thành Tỳ-xá-ly.

Vào sáng sớm, Thích tử Bạt-nan-đà đắp y, mang bát vào Tỳ-xá-ly khát thực. Lúc ấy, trong thành Tỳ-xá-ly có các thanh niên đứng ở ngã tư đường. Trông thấy Thích tử Bạt-nan-đà đến, các cậu ấy nói với nhau:

- Bạt-nan-đà là Tỳ-kheo hung ác, Chúng ta hãy đem vàng bạc giả vờ đặt ở đầu đường. Nếu ông ấy nhặt thì chúng ta sẽ bắt dẫn đến gặp các vị trưởng lão.

Lúc đó, Thích tử Bạt-nan-đà đi đến nơi ấy và lập tức nhặt lấy vàng bạc. Các thanh niên liền chạy đến bắt giữ vị ấy và nói:

- Ông là Tỳ-kheo, vì sao lấy vàng bạc không được cho?

Bạt-nan-đà đáp:

- Chúng rơi trên đất nên ta lượm, chứ ta đâu có ăn trộm.

Họ liền dẫn nhau đến gặp quan huyện. Các thanh niên nói với quan huyện:

- Tỳ-kheo này ăn trộm vàng bạc của tôi.

Các quan rất tin Phật, Pháp, Tăng nên bảo với các thanh niên:

- Chắc chắn Sa-môn Thích tử này không có ăn trộm vàng bạc của các anh.

Ông ấy lại bảo Bạt-nan-đà:

- Thầy hãy về tịnh xá, chớ có làm lại việc này nữa.

Bạt-nan-đà liền trở về, kể cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không biết làm sao liền đến bạch đầy đủ với Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào tự tay cầm vàng bạc hoặc dạy người khác cầm thì phạm Xả-đọa.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Thích tử Bạt-ban-đà mua bán vàng bạc để kiếm lời. Các trưởng giả hiềm trách, nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử này tự ngồi mua bán vàng bạc để kiếm lời thì có khác gì con buôn!

Nghe vậy, các Sa-môn thực hành mười hai pháp đến bạch với Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào mua bán vàng bạc để cầu lợi, không khác gì người đời thì phạm tội Xả-đọa.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-Cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, Thích tử Bạt-nan-đà đem các loại đồ vật phân thành loại một, loại hai... để mua bán. Thấy vậy, các trưởng giả nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử này tự xưng tinh tấn mà lại đi mua bán các loại hàng hóa để nuôi ai vậy?

Tỳ-kheo thực hành mười hai pháp, liền đến bạch với Thế Tôn. Nhân việc ấy, Thế Tôn liền tập hợp chúng Tăng vì muốn đủ mười công đức và kiết giới cho các Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào mang các loại đồ vật đến chợ để mua bán thì phạm Xả-đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, Thích tử Bạt-nan-đà làm quen với một chú bé bán hương. Trên sạp cậu ấy có một chiếc bát bằng ma-ni. Thích tử Bạt-nan-đà trông thấy liền bảo với chú bé:

- Chiếc bát này đẹp quá! Hãy cho tôi đi.

Chú bé ấy liền đựng cơm đầy bát rồi đem cúng dường. Bạt-nan-đà đem bát ấy đến Kỳ-hoàn nói với các Tỳ-kheo:

- Mỗi lần tôi đi đều được thu lợi. Khi qua chỗ bán hương, có một cậu bé đã đem chiếc bát này cúng dường cho tôi.

Nghe vậy, các Tỳ-kheo nói:

- Vì sao Tỳ-kheo lại chứa bát dư?

Họ liền đến bạch rõ với Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Tỳ-kheo nào được bát dư, không được chứa quá mười đêm. Nếu chứa quá mười đêm không xả thì phạm Xả-đọa.

Phật ở vườn Trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Xá-vệ.

Bấy giờ trưởng giả Thọ-đề cho con em vào biển tìm châu báu, nhặt được một cây ngưu-đầu chiên-đàn. Khi về đến nhà, họ suy nghĩ: “Chúng ta nên đem hiến cho trưởng giả Thọ-đề”, và lập tức đem đi hiến.

Trong kho trưởng giả có rất nhiều chiên-đàn. Tuy được khúc chiên-đàn này, trưởng giả cũng không thích lắm. Trưởng giả liền cho thợ khéo tiện làm cái bát bằng chiên-đàn, dựng một cây cao cách đất mười nhạ (một nhạ bằng 7,8 m) đem bát đặt trên ngọn cây ấy và phát tâm rằng:

- Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào không dùng thang mà lấy được chiếc bát thì nó thuộc về người ấy.

Nghe tin trưởng giả Thọ-đề làm bát chiên-đàn cho mình, Phú-lan-ca-diếp liền đến nhà ấy, nói với trưởng giả Thọ-đề:

- Có thật ông làm bát chiên-đàn cúng dường cho tôi không?

Trưởng giả đáp:

- Tôi không làm vì một người. Tôi đã dựng một cây cao mười nhận, treo bát trên ấy. Sa-môn, Bà-la-môn nào không dùng thang mà có thể lấy được thì chiếc bát thuộc vị ấy.

Phú-lan-ca-diếp suy nghĩ: “Mình không có thần túc để lấy bát ấy” và lập tức đứng dậy bỏ đi.

Tiếp đó, Ma-ha-ly, Cù-da-lâu-a-di, Thoan-ba, Huru-ca-chiên, Tiên-tỳ-lô, Tri-ni-càn-phát đến nhà trưởng giả Thọ-đề bảo trưởng giả rằng:

- Chắc là ông làm bát chiên-đàn cho tôi phải không?

Trưởng giả đáp:

- Tôi không làm vì một người. Tôi đã dựng cây cao mười nhận, treo bát trên ấy. Có Sa-môn, Bà-la-môn nào không cần dùng thang mà lấy được thì bát thuộc người ấy.

Nhóm sáu Tỳ-kheo suy nghĩ: “Ta không có thần túc để lấy bát ấy”. Họ lập tức đứng dậy bỏ đi.

Lúc ấy, tôn giả Tân-đầu-lô nghe tin trưởng giả Thọ-đề làm bát chiên-đàn đặt trên ngọn cây cao mười nhận và phát nguyện nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào không dùng thang mà có thể lấy được thì chiếc bát thuộc vị ấy; tôn giả Tân-đầu-lô liền đến chỗ Mục-kiền-liên đánh lễ sát đất, ngồi qua một phía.

Tân-đầu-lô nói:

- Mục-kiền-liên nên biết, trưởng giả Thọ-đề tạo bát chiên-đàn treo trên ngọn cây cao mười nhận. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào không dùng thang mà lấy được thì bát thuộc người ấy. Thế Tôn thường ca ngợi Mục-kiền-liên có thần thông đứng đầu các Thanh văn. Vậy hãy đến đó lấy bát.

Mục-liên đáp:

- Chỉ vì chiếc bát gỗ mà hiện thần tức sao? Ta không đi lấy đâu.

Tôn giả Tân-đầu-lô liền trở về phòng.

Sáng sớm hôm sau, vị ấy đắp y mang bát, trên dưới chỉnh tề, không quay ngó hai bên, giống như đang ôm một bát dầu, ý niệm không tán loạn, giữ gìn năm căn, như con bò bị đóng vào xe, đi đến nhà trưởng giả Thọ-đề.

Trưởng giả trông thấy tôn giả Tân-đầu-lô bước đi thong thả, đắp Tăng-già-lê, mang bát, chống gậy, liền đứng dậy ra nghinh đón, chấp tay bạch rằng:

- Lành thay, Đại đức Tân-đầu-lô! Sao lâu quá mới đến vậy? Thánh thể có nhẹ nhàng khỏe mạnh không? Xin mời ngài ngồi đây.

Tôn giả Tân-đầu-lô liền ngồi. Trưởng giả Thọ-đề đánh lễ sát đất rồi ngồi qua một bên. Tân-đầu-lô hỏi trưởng giả:

- Nghe nói ngài làm bát chiêm-đàn, treo bát trên ngọn cây cao. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào không dùng thang mà lấy được thì bát thuộc người ấy, việc đó có thật không?

Trưởng giả đáp:

- Thật có việc ấy.

Lúc ấy, Tân-đầu-lô không rời chỗ ngồi, duỗi tay lấy bát.

Thấy việc thần biến này, trưởng giả hết sức vui mừng, liền thưa rằng:

- Xin cho mượn bát để vào nhà lấy cơm.

Trưởng giả liền vào nhà đựng cơm canh đầy bát rồi đem ra trao cho Tân-đầu-lô. Tân-đầu-lô liền đứng dậy, đến vườn Trúc Ca-lan-đà nói với các Tỳ-kheo:

- Tôi vừa đến nhà trưởng giả Thọ-đề lấy chiếc bát ở trên ngọn cây cao.

Nghe vậy, các Tỳ-kheo không biết trả lời ra sao, liền đến bạch đầy đủ với Thế Tôn. Thế Tôn biết mà vẫn hỏi Tân-đầu-lô:

- Có thật ông đã làm việc ấy không?

- Thật vậy, thưa Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Vì sao Tỳ-kheo chỉ vì chiếc bát nhỏ mà tự hiện thần túc? Nay Tân-đầu-lô! Nay Ta đuổi ông. Trọn đời không được nhập Niết-bàn, không được đến Diêm-phù-đề.

Lúc ấy, tôn giả Tân-đầu-lô bị Thế Tôn đuổi liền rời khỏi chỗ ngồi, đánh lễ sát đất, nhiễu Phật ba vòng rồi ra đi. Khi Tân-đầu-lô đi được một lát, Thế Tôn liền tập hợp chúng Tăng để kiết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào có bát thường dùng bị nứt dưới năm chỗ thì phải vá lại mà dùng. Nếu tìm thêm cái mới thì phạm Xả-đọa. Tỳ-kheo được bát mới thì phải giữ bát cũ, trao lại cho chúng Tăng cái mới. Chúng Tăng đem bát mới trao cho Tỳ-kheo này thọ trì suốt đời, đến khi nào hỏng mới thôi.

Lúc ấy, Tân-đầu-lô trở về phòng, thu xếp mười vật rồi nhập thiền, rời khỏi Diêm-phù-đề, hiện đến Câu-da-ni và kiết hạ ở đó, truyền giới cho năm trăm Ưu-bà-tắc, năm trăm Ưu-bà-di. Vị ấy có năm trăm đệ tử thọ giới Cụ túc, xây năm trăm ngôi tháp, năm trăm phòng có đủ năm trăm giường, chiếu, gối. Tân-đầu-lô làm Phật sự ở tại Câu-da-ni.

Phật ở vườn Ni-câu-đà, thành Ca-duy-la-vệ, thuộc nước Thích-ky-sáu.

Lúc ấy, những người dòng họ Thích có thợ dệt riêng. Nhóm sáu Tỳ-kheo theo các trưởng giả xin chỉ sợi rồi đến nhà họ Thích thân quen nhờ họ bảo những người thợ dệt dệt y cho mình. Lúc ấy nhưng người thợ dệt đã không được nhận tiền, lại không được thức ăn nên đều oán hận, nói:

- Sa-môn Thích tử dùng sức cưỡng ép bắt ta dệt y.

Tỳ-kheo thực hành mười hai pháp liền đến bạch đầy đủ với Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào đến nhà trưởng giả xin chỉ sợi và cưỡng ép thợ dệt chẳng phải bà con may y thì phạm Xả-đọa.

Phật ở vườn Ni-câu-đà, thành Ca-duy-la-vệ, nước Thích-ky-sầu.

Lúc ấy dòng họ Thích ở Ca-duy-la-vệ dệt y cho Bạt-nan-đà. Nghe tin dòng họ Thích dệt y cho mình, Bạt-nan-đà liền đến chỗ thợ dệt bảo với thợ dệt rằng:

- Ông hãy dệt y này thật đẹp cho tôi. Tôi sẽ đi khát thực cho ông ít nhiều thức ăn.

Bạt-nan-đà kể với các Tỳ-kheo việc ấy. Các Tỳ-kheo không biết đáp làm sao, liền đến bạch đầy đủ với đức Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào trước chưa được chấp thuận mà lên đến chỗ thợ dệt bảo thợ dệt: “Hãy dệt y thật tốt và đẹp cho tôi, tôi sẽ khát thực cho ông ít nhiều thức ăn” và nêu được y thì phạm Xả-đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, Bạt-nan-đà có một đệ tử đầy đủ giới hạnh. Bạt-nan-đà vốn có bản tánh thích mua bán để sinh sống nên suy nghĩ: “Đệ tử này có thể giúp ta một tay để làm việc ấy”.

Ông ta liền lấy một tấm y cho đệ tử ấy.

Lúc ấy vừa kiết hạ xong, Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đắp y, mang bát đi du hóa khắp nơi. Đệ tử của Bạt-nan-đà cũng từ giã thầy để theo Phật, nhưng thầy không cho đi.

Đệ tử nói:

- Dù đúng hay sai con cũng sẽ đi.

Bạt-nan-đà bảo đệ tử:

- Sở dĩ ta cho ngươi tấm y là vì cần người giúp một tay. Nếu muốn đi thì hãy để tấm y này lại.

Nói xong, ông ta liền đoạt lại tấm y. Người đệ tử khóc lóc, chạy đến chỗ Như Lai, đánh lễ sát chân Ngài rồi bạch Thế Tôn đầy đủ việc ấy. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào cho Tỳ-kheo khác y, sau vì tức giận nên dùng sức cưỡng đoạt lại, hoặc dạy người khác đoạt lại, nói với Tỳ-kheo ấy rằng: “Hãy đem y đó lại đây, ta không có cho ông”. Nếu Tỳ-kheo đó trả y lại và Tỳ-kheo này nhận y thì phạm Xả-đọa.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc thành Xá-vệ.

Lúc ấy, Thế Tôn và chúng Tăng kiết hạ ở Xá-vệ. Trong mùa an cư có người cúng y, các Tỳ-kheo không dám nhận nên đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Trong mùa an cư, nếu có người cúng dường y, Tỳ-kheo nên dùng thiện ý để thọ nhận, chớ có làm Phật lòng đản-việt.

Nhân việc đó, Phật chế giới cho các Sa-môn:

- Còn mười ngày nữa mới mãn hạ, Tỳ-kheo được cúng y thì hãy nhận. Nếu được y mới thì phải cất cho đến mãn hạ. Khi cất quá mười ngày phải tịnh thí cho người khác. Nếu cố giữ thì phạm Xả-đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy tôn giả Bà-phú thường để lại y Tăng-già-lê ở nơi hoang vắng khi đi vào thành Xá-vệ. Đến khi trở về thì bị mất y Tăng-già-lê. Vị ấy nói với các Tỳ-kheo:

- Sau khi tôi vào thành Xá-vệ thì bị mất y Tăng-già-lê.

Các Tỳ-kheo không biết làm sao, liền đến bạch đầy đủ với Phật. Thế Tôn nói:

- Vào tháng cuối của mùa hạ, Tỳ-kheo sống ở nơi hoang vắng, muốn đi đâu mà đường đi có cọp, sói, giặc cướp thì có thể đem ba y gói trong thành. Sau khi gói y, Tỳ-kheo được phép lìa ba y trong sáu đêm. nếu quá sáu đêm thì phạm Xả-đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, Tỳ-xá-khur - mẹ của Vô-di-la - thỉnh Phật và các Tỳ-kheo thọ thực. Ngay đêm ấy, cô ấy chuẩn bị đồ ăn uống. Sáng sớm hôm sau, cô ấy trải tọa

cụ rồi sai người đến vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc bạch với Phật và chúng Tăng rằng: “Thức ăn đã chuẩn bị xong, xin thỉnh Phật và chư Tăng đến”.

Sứ giả liền đến Kỳ-hoàn, thấy các Tỳ-kheo đang tắm nơi đất trống, giống như Ni-kiền-tử. Sứ giả suy nghĩ: “Ở đây không có Sa-môn Thích tử, chỉ có Ni-kiền-tử đầy khắp Kỳ-hoàn”. Sứ giả liền trở về báo cáo với chủ:

- Nơi ấy không có Sa-môn Thích tử, chỉ có toàn Ni-kiền-tử đầy khắp Kỳ-hoàn.

Tỳ-xá-khur vốn là người thông minh, đã đắc sơ quả, liền suy nghĩ: “Chắc là chúng Tăng đang tắm nơi đất trống”. Cô ấy lại sai người đến bạch Phật và chúng Tăng: “Đồ ăn đã được chuẩn bị xong, xin thỉnh Phật và Tăng đến thọ thực”.

Sứ giả liền đến bạch Phật. Thế Tôn dẫn năm trăm Tỳ-kheo đến nhà Tỳ-xá-khur, ngồi theo thứ lớp. Khi Phật và chúng Tăng đã ngồi yên, cô ấy tự tay rót nước và dâng các loại thức ăn.

Khi chúng Tăng thọ thực xong, cô ấy lại rót nước, rồi ngồi ở một phía, đem việc ban nẫy bạch lại với Phật và xin Thế Tôn cho phép cúng áo tắm mưa cho các Tỳ-kheo. Thế Tôn liền cho phép. Kế đó, Phật đọc kệ chúc phúc rồi về Kỳ-hoàn.

Nhân việc ấy Phật kiết giới cho các Tỳ-kheo:

- Còn một tháng là hết mùa Xuân, Tỳ-kheo phải sắm y tắm mưa, còn lại nửa tháng thì được dùng, nếu quá hạn thì phạm Xả-đọa.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, tôn giả Dạ-xá cùng chúng Tăng du hành đến biên giới nước Câu-tát-la. Trưởng giả, Bà-la-môn đều biết Dạ-xá nên cúng dường cho chúng Tăng cơm, bánh, đồ ăn ngon, vải lụa và được chúng Tăng nói pháp cho nghe. Các vật nhận được ấy, Dạ-xá đều gom hết về phần mình. Thấy vậy, các Tỳ-kheo nói với nhau:

- Vì sao Tỳ-kheo này lấy vật của chúng Tăng?

Họ liền đến bạch Phật, Phật bảo:

- Tỳ-kheo nào biết đó là vật của chúng Tăng mà lấy làm của riêng, hoặc lấy những thứ đàn-việt cúng cho Tăng làm của mình thì phạm Xả-đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, tôn giả Tất-lãng-già-bà-thái bị đau hai mắt. Các trưởng giả, Bà-la-môn dâng cúng đồ ăn, đồ dùng, bốn loại thuốc, bơ, mè, dầu, mật, đường tán, đường phen. Vị ấy tích trữ để dùng hàng ngày.

Thấy vậy, các Tỳ-kheo đến bạch với Thế Tôn. Nhân việc ấy, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng, vì muốn đủ mười công đức nên kiết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào tích trữ bốn loại thuốc thì không được để quá bảy ngày. Nếu quá, phạm Xả-đọa.

Ưu-ba-ly bạch Phật:

- Thế nào gọi là Ny-tát-kỳ?

Thế Tôn nói:

- Nếu ba y đã bị phạm Xả-đọa thì không được nhận lại, không được mặc, không được trao đổi, không được cho người. Đó gọi là Ny-tát-kỳ-ba-dật-đề. Đó cũng gọi là thiêu gốc thành đạo, thiêu đốt người, không đạt được tam muội. Đó gọi là Xả-đọa.

TỶ NẠI DA

Hết quyển sáu

--- o0o ---

Quyển thứ bảy

Phần một: pháp BA-DẬT-ĐỀ

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, tôn giả La-vân nói dối, trêu chọc mọi người. Các Tỳ-kheo liền quở trách:

- Ông là con Phật, vì sao lại nói dối?

Các Tỳ-kheo đem việc ấy bạch đầy đủ với Phật. Thế Tôn bảo La-vân:

- Vì sao ông lại nói dối để vui đùa?

Phật nói kệ quở trách La-vân:

- Nói dối gần địa ngục

Làm mà nói chẳng làm

Hai tội sau đều chịu

Bị nghiệp dẫn dắt đi.

Pháp y mặc trên thân

Làm ác không biết mệt

Người nào làm việc ác

Khi chết đọa địa ngục

Không giới, nhận cúng dường

Khất thực không hổ thẹn

Chết nuốt hòn sắt nóng

Lửa cháy đỏ rất nóng.

Sau khi quở trách xong, Thế Tôn kiết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào nói dối đùa giỡn, phạm Ba-dật-đề.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo mạ nhục các Tỳ-kheo bằng các chủng loại. Các Tỳ-kheo đến bạch với Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Tỳ-kheo nào dùng các chủng loại hủy nhục các Tỳ-kheo thì phạm Ba-dật-đề.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo thường tranh cãi với nhóm mười bảy Tỳ-kheo. Có Tỳ-kheo nghe nhóm này có việc gì liền đến nói với bên kia, nghe bên kia có việc gì liền nói với bên này. Nghe vậy, các Tỳ-kheo liền đến bạch với Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Tỳ-kheo nào đùa cợt nói lời hai lưỡi, gây rối loạn hai bên thì phạm Ba-dật-đề.

Phật ở vườn Cù-sur-la, thuộc nước Câu-xá-di.

Tỳ-kheo ở Câu-xá-di thích đấu tranh, sự việc đã được các vị trượng giả giải quyết như pháp ở giữa chúng, nhóm sáu Tỳ-kheo lại khơi dậy việc cũ và nói rằng:

- Việc tranh chấp đó vì sao không để chúng tôi dẹp trừ?

Nghe tin nhóm sáu Tỳ-kheo khơi dậy lại sự việc đã được giải quyết xong, các Tỳ-kheo liền đến bạch đầy đủ với Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào việc tranh chấp đã được giải quyết xong như pháp mà lại khơi dậy thì phạm Ba-dật-đề.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, Ca-lưu-đà-di vào trong cung một mình để thuyết pháp cho Mạt-lợi phu nhân. Các đại thần của vua nói với nhau:

- Vì sao Tỳ-kheo vào cung thuyết pháp một mình vậy?

Tỳ-kheo hành mười hai pháp liền đến bạch với Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Tỳ-kheo nào một mình thuyết pháp cho người nữ thì không được quá năm sáu lời (trừ khi có người). Nếu quá thì phạm Ba-dật-đề.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo đem luật Tỳ-kheo nói với Sa-di. Thấy vậy các Tỳ-kheo nói:

- Vì sao lại đem luật Tỳ-kheo nói với người chưa thọ đại giới?

Họ liền đến bạch đầy đủ với Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Tỳ-kheo nào nói một câu giới pháp với người chưa thọ đại giới thì phạm Ba-dật-đề.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy có một Tỳ-kheo vào trong chúng Sa-di tự khen ngợi rằng:

- Tôi đã đắc sơ thiên, nhị, tam, tứ thiên, từ, bi, hỷ, xả. Thấy vậy, các Tỳ-kheo liền đến trách mắng:

- Vì sao Tỳ-kheo lại khoe với người chưa thọ đại giới rằng mình đắc thiên?.

Họ liền đến bạch với Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Tỳ-kheo nào tự ca ngợi với người chưa thọ đại giới rằng: “Tôi biết việc ấy, thấy như thật việc ấy” thì phạm Ba-dật-đề.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo nói với người chưa thọ đại giới:

- Tỳ-kheo ấy phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề.

Nghe việc ấy, các Tỳ-kheo liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Tỳ-kheo nào nói với người chưa thọ đại giới rằng: “Tỳ-kheo ấy phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề” (trừ khi được Tăng sai) thì phạm Ba-dật-đề.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy các trưởng giả đến tham quan vườn tược, phòng ốc. Đến khi trở về thì đói không chịu nổi. Họ liền nói với Tỳ-kheo thực hành mười hai pháp:

- Sa-môn Thích tử thường thọ nhận thức ăn của người vậy mà về tịnh xá không hề đãi khách.

Các Tỳ-kheo nói với nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Các trưởng giả đến thăm tịnh xá, đến lúc về đói không chịu nổi. Xin các vị cho ít gạo để đãi khách.

Nhóm sáu Tỳ-kheo nói:

- Được thôi.

Sau đó, các Tỳ-kheo lấy nhiều lúa gạo để đãi khách. Nhóm sáu Tỳ-kheo nói:

- Ai cho các thầy phụng phí tiền của chúng Tăng, lấy lúa gạo đãi khách?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Chính thầy đã cho phép.

Nhóm sáu Tỳ-kheo nói:

- Tôi đâu có cho.

Các Tỳ-kheo không biết trả lời làm sao, liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Tỳ-kheo nào trước đã cùng nhau thỏa thuận, sau đó nói rằng: “Ông đã xài phí phạm của cải của chúng Tăng”, trái với sự thỏa thuận lúc trước thì phạm Ba-dật-đề.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy vào ngày mười lăm, kiền chùy được đánh để tập hợp chúng Tăng lại thuyết giới. Tôn giả Xiển-nộ nói với các Tỳ-kheo:

- Cứ nửa tháng lại nói những giới vụn vặt đó làm gì! Chỉ khiến cho các Tỳ-kheo buồn rầu, bối rối, không thể hành đạo.

Nghe vậy, các Tỳ-kheo liền bạch Thế Tôn. Nhân việc ấy, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng, vì muốn đủ mười công đức nên kết giới cho Sa-môn:

- Vào ngày thuyết giới, Tỳ-kheo nào nói rằng: “Cứ nửa tháng lại nói những giới vụn vặt đó làm gì”, vì khinh chê giới thì phạm Ba-dật-đề.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo chặt cây làm giường. Thân cây tức giận, đến nói với Tỳ-kheo hành mười hai pháp rằng:

- Nhà tôi đang ở đã bị chặt phá sạch.

Các Tỳ-kheo đến bạch với Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Có thần nương ở rễ cây, có thần nương ở cành cây, có thần nương ở bên trong nhánh cây, có thần nương bên trong vỏ cây, có thần nương ở chỗ nứt trên vỏ cây, có thần nương ở nụ hoa, có thần nương ở lá cây, có thần nương ở hoa đã nở, có thần nương nơi quả... Tất cả cây cỏ đều có thần. Lý do thần nương nơi đó là để thọ hưởng mùi hương của nó. Tỳ-kheo nào tự chặt cây, hoặc dạy người chặt thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo thường tranh cãi với nhóm mười bảy Tỳ-kheo. Nhóm mười bảy Tỳ-kheo không thể chịu đựng được, lập tức nổi sân. Nghe vậy, các Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch với Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào nổi sân thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo quấy nhiễu, kích động các Tỳ-kheo ở A-lan-nhã:

- Các thầy đã đắc sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, tu phạm hạnh, chấm dứt sanh tử.

Nghe vậy, các Tỳ-kheo đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào kích động làm người khác nổi sân thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo bày ghế, giường, chiếu, gối ở đất trống, ngồi nói chuyện rồi đứng dậy bỏ đi. Lúc ấy trời mưa to, ướt hết tọa cụ, giường, chiếu, gối... Thấy vậy, các trưởng giả nổi giận nói với nhau:

- Chúng ta giảm bớt phần của con cháu để cúng cho chúng Tăng. Thế mà các Tỳ-kheo không biết xấu hổ khi nhận của tín thí đã để cho mưa làm mục nát.

Tỳ-kheo thực hành mười hai pháp đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào bày giường, chiếu, gối... ở đất trống để ngồi hoặc nằm, khi đứng dậy không chịu dọn cát, không dạy người khác dọn cát thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo bày tọa cụ ở trong phòng. Sau khi đi không chịu dọn ất, làm tọa cụ bị trùng ăn hư nát. Các trưởng giả vào phòng thấy vậy liền nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử này nằm ngủ rồi không chịu dọn cát tọa cụ để trung mồi ăn hư nát.

Nghe vậy, các Tỳ-kheo hành mười hai pháp đến bạch với Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào bày tọa cụ, tọa cụ của chúng Tăng ở trong phòng để ngồi hoặc nằm, sau khi đứng dậy không tự dọn cát hoặc bảo người dọn cát thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy tôn giả Da-xá dẫn năm trăm đệ tử đi từ Câu-tát-la đến nước Xá-vệ. Nhóm sáu Tỳ-kheo nói với nhau:

- Chúng ta hãy tránh một lát để các Tỳ-kheo quét dọn phòng ốc, trải tọa cụ xong, chúng ta sẽ đến hỏi tuổi tác, họ sẽ nói họ bao nhiêu tuổi, chúng ta sẽ nói chúng ta lớn hơn và bảo họ ra khỏi phòng. Nếu họ không ra thì chúng ta sẽ cưỡng ép họ ra.

Khi ấy, các Tỳ-kheo đã quét dọn phòng ốc, trải tọa cụ, họ liền đến hỏi:

- Thầy bao nhiêu tuổi?

Đáp: Tôi chừng đó tuổi.

Nhóm sáu Tỳ-kheo nói:

- Tôi lớn tuổi hơn. Các thầy hãy đi đi, không được ở đây.

Các Tỳ-kheo không biết làm sao, liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào giả vờ sân hận đuổi Tỳ-kheo khác ra khỏi phòng, hoặc sai người đuổi thì phạm đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào ban đêm có nhiều Tỳ-kheo trải tọa cụ ở trước giảng đường để tọa thiền hoặc nằm nghỉ. Ca-lưu-đà-di đến sau cũng trải tọa cụ để nằm. Ca-lưu-đà-di giả vờ nói sảng, thờ ơ, ngáy, kêu la, quơ tay chân loạn xạ làm phiền nhiễu các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo đang tọa thiền không trụ thiền được, đều thu tọa cụ tránh đi nơi khác.

Nghe việc ấy, các Tỳ-kheo hành mười hai pháp liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào, ở trong phòng đã có trải sẵn tọa cụ, mình đến sau, lại cưỡng ép trải thêm tọa cụ và nghĩ rằng: “Nếu không ưa ta thì họ sẽ tự động đi ra”, đồng thời gây rối loạn, phiền hà các Tỳ-kheo thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Lúc ấy có căn gác mới được tạo thành, trên gác có đặt một chiếc giường chân nhọn. Dưới gác có Tỳ-kheo đang tọa thiền. Thích tử Bạt-nan-đà ở trên gác buông mình ngồi phịch xuống giường làm chân giường đâm xuyên qua sàn gác rơi xuống đất làm té đầu Tỳ-kheo đang tọa thiền, vị ấy kêu la thất thanh. Các Tỳ-kheo chạy đến hỏi:

- Vì sao đầu thầy bị té?

Tỳ-kheo ấy trình bày đầy đủ lý do. Các Tỳ-kheo không biết làm sao, liền đến bạch với Phật. Thế Tôn nói:

- Tỳ-kheo nào buông mình nằm hoặc ngồi phịch xuống giường có chân nhọn đặt ở trên gác thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt.

Tôn giả Xiển-nô lấy nước có trùng rưới lên đất bùn. Các Tỳ-kheo bảo Xiển-nô:

- Thầy không được đổ nước có trùng lên đất bùn.

Xiển-nô bướng bỉnh không chịu nghe lời can gián. Các Tỳ-kheo không biết làm sao, liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào biết nước có trùng mà rưới lên đất, hoặc dạy người rưới, hoặc tự trộn với bùn, hoặc dạy người trộn thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một Tỳ-kheo vô tri nhận của đàn-việt trăm ngàn lượng vàng làm giảng đường lớn. Một ngày nọ, ông ấy cho trét nhiều lớp bùn trên nóc nhà nên ngay đêm ấy căn nhà bị sụp đổ. Nghe tin ấy, vị trưởng giả rất buồn rầu và kinh ngạc, nghĩ rằng: “Tốn bao nhiêu đó tiền mà rốt cuộc không thành giảng đường”.

Ông ấy liền đến bạch Phật. Nhân việc ấy, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng hòa hợp, đủ mười công đức để kết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào làm giảng đường lớn, trước tiên phải làm ngưỡng cửa, cửa sổ cho ánh sáng mặt trời chiếu vào, dùng bùn đất mịn trét lên ba lớp (lại lấy cỏ phủ lên). Nếu quá ba lớp thì phạm Ba-dật-đề.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo chưa đến lượt thuyết pháp cho Tỳ-kheo ni nhưng tự đến thuyết pháp. Nghe vậy, các Tỳ-kheo hành mười hai pháp liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào chưa được Tăng sai mà tự đi thuyết pháp cho Tỳ-kheo ni thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Các Tỳ-kheo theo thứ lớp thuyết pháp cho Tỳ-kheo ni. Đến lượt tôn giả Nan-đà, vị ấy không chịu đi. Đại Ái Đạo Cù-đàm-di dẫn năm trăm Tỳ-kheo ni đến chỗ Như Lai, đánh lễ sát đất rồi đứng qua một phía. Thế Tôn liền nói cho Đại Ái Đạo và năm trăm Tỳ-kheo ni nghe pháp vi diệu. Thuyết pháp xong, Thế Tôn nói:

- Đã đến giờ, hãy trở về đi.

Đại Ái Đạo và năm trăm Tỳ-kheo ni đánh lễ sát đất, nhiễu ba vòng theo chiều phải rồi ra đi.

Khi họ đi được một lát, Thế Tôn quay lại hỏi A-Nan:

- Lần này đến lượt ai thuyết pháp cho Tỳ-kheo ni?

A-Nan bạch Phật:

- Chúng Tăng đã đi giáp vòng, nay đến lượt Nan-đà, nhưng thầy ấy không chịu đi.

Lúc ấy, Nan-đà cũng đang ở trong giảng đường. Thế Tôn bảo Nan-đà:

- Ông phải đến thuyết pháp cho Tỳ-kheo ni. Vì sao vậy? - Việc thuyết pháp của Ta và việc thuyết pháp của ông có gì khác nhau đâu?

Nghe Phật dạy, Nan-đà im lặng vâng lời.

Vào sáng sớm, tôn giả Nan-đà đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khát thực xong, vị ấy đi ra khỏi thành, cất y bát, vắt tọa cụ lên vai, vào phòng ngồi thiền.

Nghe tin đến lượt Na-đà thuyết pháp, các Tỳ-kheo ni nói với nhau:

- Nan-đà học một bài kệ suốt bốn tháng hạ không thuộc thì làm sao nói pháp cho Tỳ-kheo ni nghe được?

Nan-đà ra khỏi phòng, trải tọa cụ trước sân, ngồi kiết già.

Lúc ấy, Đại Ái Đạo và năm trăm Tỳ-kheo ni đến chỗ Nan-đà, đánh lễ sát đất, ngồi qua một phía. Tôn giả Nan-đà liền nhập thiền, dùng sức tam muội biến mất ở phía Đông và vọt lên ở phía Tây, biến mất ở phía Tây vọt lên ở phía Đông, ngồi nằm trên hư không, thân phóng ra các loại ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hoặc màu lưu ly; dưới thân phun lửa, trên thân phun nước; trên thân phát lửa, dưới thân phun nước... biến hóa đủ cách như vậy rồi trở về ngồi kiết-già trên tòa.

Nan-đà bảo các Tỳ-kheo ni:

- Ta nói pháp, cá cô hãy chú ý lắng nghe.

Này các cô, mắt là thường hay vô thường?

Đáp:

- Vô thường.

Nan-đà hỏi:

- Nếu vô thường, vậy khô hay không khô?

Đáp:

- Là khô.

Nan-đà hỏi:

- Nếu là pháp vô thường, khổ, biến đổi, vậy bậc kiến đế có nói rằng đó là của ta hay chẳng phải của ta hay không?

Đáp:

- Không, thưa tôn giả.

Nan-đà lại hỏi:

- Nay các cô, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm là thường hay vô thường?

Đáp:

- Vô thường.

Nan-đà hỏi:

- Nếu là vô thường, vậy là khổ hay vui?

Đáp:

- Là khổ.

Nan-đà hỏi:

- Nếu là pháp vô thường, khổ, biến đổi, vậy có bậc kiến đế nào nói rằng đó là của ta hoặc chẳng phải của ta không?

Đáp:

- Không, thưa tôn giả.

Nan-đà nói:

- Vì sao vậy? Như những bậc kiến đế với trí tuệ biết mắt là vô thường, sự khổ vui của nhãn thức cũng vô thường. Cũng vậy, như tai, mũi, lưỡi, thân, tâm vô thường, sự khổ vui, không khổ, không vui của nhĩ thức..... ý thức cũng vô thường.

Lành thay, này các cô! Như lời các cô nói: mắt vô thường, sự khổ vui mà mắt cảm nhận cũng vô thường. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm vô thường, sự khổ vui, không khổ, không vui do nhĩ thức.... ý thức cảm nhận cũng vô thường.

Này các cô! Do mắt mà có thức, vậy nhĩ thức ấy là thường hay vô thường?

Đáp:

- Vô thường.

Nan-đà hỏi:

- Nếu là vô thường, vậy là khổ hay vui?

Đáp:

- Là khổ.

Nan-đà hỏi:

- Nếu là pháp vô thường, khổ, biến đổi, vậy bậc kiến đế có nói rằng đó là của ta hay chẳng phải của ta hay không?

Đáp:

- Không, thừa tôn giả.

Nan-đà hỏi:

- Do tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà có thức phát sanh, vậy nhĩ thức,... ý thức là thường hay vô thường?

Đáp:

- Vô thường.

Nan-đà hỏi:

- Nếu là vô thường, vậy là khổ hay vui?

Đáp:

- Là khổ.

Nan-đà hỏi:

- Nếu là pháp vô thường, khổ, biến đổi, vậy bậc kiến đế có nói rằng đó là của ta hoặc chẳng phải của ta hay không?

Đáp:

- Không, thừa tôn giả.

Nan-đà nói:

- Vì sao vậy? - Như bậc kiến đế với trí tuệ biết mắt vô thường, sắc trần vô thường, khổ vui do nhãn thức phát sanh cũng vô thường. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm thức vô thường. Sự khổ vui, không khổ, không vui do tâm thức làm duyên phát sanh ra cũng vô thường.

Lành thay! Lành thay! Nay các cô, như các cô đã nói: mắt vô thường, sắc do nhãn thức nhận biết cũng vô thường. Sự khổ vui, không khổ, không vui do nhãn thức làm duyên sanh ra cũng vô thường. Tai, mũi, lưỡi, thân, tâm và pháp do tâm thức nhận biết được cũng vô thường. Sự khổ vui, không khổ, không vui do tâm thức làm duyên sanh ra cũng vô thường.

Này các cô, mắt làm duyên cho sắc, sắc làm duyên cho thức. Ba pháp ấy hợp lại nên có xúc. Nay các cô, xúc ấy là thường hay vô thường?

Đáp:

- Vô thường.

Nan-đà hỏi:

- Nếu là vô thường, vậy là khổ hay vui?

Đáp:

- Là khổ.

Nan-đà hỏi:

- Nếu là pháp vô thường, khổ, biến đổi thì bậc kiến đế có nói rằng: đó là của ta hoặc chẳng phải của ta hay không?

Đáp:

- Không, thừa tôn giả.

Nan-đà hỏi:

- Như vậy, xúc do tai, mũi, lưỡi, thân, tâm đối với pháp và tâm thức làm duyên tạo ra thì xúc ấy là thường hay vô thường?

Đáp:

- Vô thường.

Nan-đà hỏi:

- Nếu là vô thường, vậy khổ hay vui?

Đáp:

- Khổ.

Nan-đà hỏi:

- Nếu là pháp vô thường, khổ, biến đổi, vậy bậc kiến đế có nói rằng: đó là của ta hoặc chẳng phải của ta hay không?

Đáp:

- Không, thừa tôn giả.

Nan-đà nói:

- Vì sao vậy? - Như bậc kiến đế với trí tuệ thấy mắt vô thường, sắc do mắt nhận biết, nhãn thức, sự xúc chạm, sự khổ vui, không khổ, không vui do nhãn xúc làm duyên sanh ra cũng vô thường. Như vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm, pháp, tâm thức làm duyên sanh xúc thì sự xúc chạm, sự khổ vui,, không khổ không vui do sự xúc chạm ấy phát sanh ra cũng vô thường.

Lành thay, này các cô! Như lời các cô nói: mắt vô thường, sắc, nhãn xúc, nhãn thức làm duyên sanh ra xúc, khởi ra tưởng khổ vui, không khổ, không vui cũng vô thường. Như vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm, pháp, tâm thức làm duyên sanh xúc, khởi ra tưởng khổ vui, không khổ, không vui cũng vô thường.

Này các cô! Mắt là duyên của sắc, sắc là duyên của thức. ba pháp ấy hợp thành xúc. Xúc làm duyên cho thọ. Cảm thọ do xúc phát sanh ấy là thường hay vô thường?

Đáp:

- Vô thường.

Nan-đà hỏi:

- Nếu vô thường, vậy là khổ hay vui.

Đáp:

- Khổ.

Nan-đà hỏi:

- Nếu là pháp vô thường, khổ, biến đổi thì bậc kiến đế có nói rằng: đó là câu ta hay chẳng phải của ta không?

Đáp:

- Không, thưa tôn giả.

Nan-đà hỏi:

- Như vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm, pháp, tâm thức àm duyên phát sanh ra xúc, xúc làm duyên phát sanh thọ, thì thọ ấy là thường hay vô thường?

Đáp:

- Vô thường.

Nan-đà hỏi:

- Nếu là vô thường, vậy là khổ hay vui?

Đáp:

- Khổ.

Nan-đà hỏi:

- Nếu là pháp vô thường, khổ, biến đổi thì bậc kiến đế có nói rằng: đó là của ta hoặc chẳng phải của ta hay không?

Đáp:

- Không, thừa tôn giả.

Nan-đà nói:

- Vì sao vậy? - Như bậc kiến đế với trí tuệ thấy mắt vô thường, sắc do nhãn thức nhận biết, nhãn thức, xúc chạm của mắt, sự cảm thọ do nhãn xúc phát sanh, tưởng do cảm thọ phát sanh, sự khổ vui, không không khổ, không vui do thọ phát sanh cũng đều vô thường. Như vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm, pháp do tâm nhận biết, tâm thức, xúc chạm do tâm sanh, thọ do sự xúc chạm của tâm sanh cũng đều vô thường, tưởng do thọ phát sanh, sự khổ vui, không khổ, không vui do thọ ấy phát sanh cũng đều vô thường.

Lành thay! Này các cô! Như lời các cô nói: mắt vô thường, sắc do nhãn thức nhận biết, nhãn thức, sự xúc chạm của mắt, cảm thọ do nhãn xúc phát sanh, sự khổ vui, không khổ, không vui do thọ phát sanh cũng vô thường. Như vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm, pháp được tâm nhận biết, tâm thức; xúc chạm do tâm sanh; thọ do tâm xúc chạm pháp phát sanh; sự khổ vui, không khổ, không vui do thọ làm duyên phát sanh cũng vô thường.

Này các cô! Mắt là duyên của sắc, sắc là duyên của thức, thức là duyên của xúc, xúc là duyên của thọ, thọ là duyên của ái. Ái do mắt phát sanh là thường hay vô thường?

Đáp:

- Vô thường.

Nan-đà hỏi:

- Nếu là vô thường, vậy là khổ hay vui?

Đáp:

- Là khổ.

Nan-đà hỏi:

- Nếu là pháp vô thường, khổ, biến đổi, vậy người đã thấy được hơn lý có nói rằng: đó là của ta hay chẳng phải của ta hay không?

Đáp:

- Không, thừa tôn giả.

Nan-đà nói:

- Như vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm, pháp do tâm nhận biết, tâm thức, sự xúc chạm của tâm, thọ do tâm xúc chạm phát sanh, ái do cảm thọ ấy phát sanh, vậy ái đó là thường hay vô thường?

Đáp:

- Vô thường.

Nan-đà nói:

- Nếu là vô thường, vậy khổ hay vui?

Đáp:

- Là khô.

Nan-đà hỏi:

- Nếu là pháp vô thường, khô, biến đổi thì người thấy chơn lý có nói rằng: đó là của ta hoặc chẳng phải của ta hay không?

Đáp:

- Không, thưa thôn giả.

Nan-đà nói:

- Vì sao vậy! - Như bậc thầy chơn lý quán thấy các pháp tự sanh, các pháp tự diệt.

Lành thay, này các cô! Các pháp ấy tự sanh, các pháp ấy tự diệt. Như vậy, này các cô! Sự khổ vui, không khổ, không vui do sáu tình làm duyên phát sanh ra cũng lại vô thường.

Này các cô! Giống như người mổ trâu - hoặc học trò của ông ta - cầm dao bén giết trâu, lột da, lấy gân, thịt, cắt thành từng miếng rồi đem bỏ ở một chỗ, lại lấy da ấy phủ lên, thì này các cô, đồng thịt da ấy có thành con trâu trở lại không?

Tỳ-kheo ni đáp:

- Không, thưa tôn giả.

Nan-đà nói:

- Vì sao vậy? - Trâu đã bị cắt xẻ thì không thể trở lại giống như cũ. Lý do tôi đưa ra ví dụ này là để giải thích ý nghĩa này.

Này các cô! Trâu là dụ cho sáu căn sum họp, nhân đó phát sanh tưởng cho là khổ vui, không khổ, không vui, thường trụ, không diệt, là pháp không biến đổi. Ai thấy được như vậy thì có thể đắc đạo. Vì sao vậy? - Như bậc kiến đế không lệ thuộc các pháp khi thấy các pháp sanh và diệt. Lý do đưa ra ví dụ

này là để quán sát sự nhóm họp của ý. áu căn không khác con trâu, sáu trần chính là giống như gân, thịt... Dao bén chính là trí tuệ. Vì sao vậy?

Này các cô! Dao trí tuệ có thể chặt đứt tất cả dây trói sanh tử, không còn sanh lại nơi này nơi kia.

Lành thay, này các cô! Các cô phải học như vậy, không dính mắc vào các pháp dễ dính mắc, phải muốn dứt bỏ các pháp ràng buộc, tâm không chạy theo sân hận, ngu si. Kế đó phải học bốn ý chỉ, bảy giác ý, tám thánh đạo, tám cửa giải thoát.

Này các cô! Các vị Như Lai Đẳng Chánh Giác đều từ các pháp ấy mà ra. Vô số pháp lành đều từ ba mươi bảy phẩm phát sanh ra. Phải thường trau dồi thân tâm theo các pháp ấy, đừng cho gián đoạn,

Lúc Nan-đà nói pháp ấy, năm trăm Tỳ-kheo ni đắc đạo A-la-hán.

Lúc mới xem biến hóa, hai trăm năm mươi Tỳ-kheo ni đắc đạo A-la-hán..

Vào thời Phật Ca-diếp, hai trăm năm mươi Tỳ-kheo ni ấy đã nghe pháp này, nay lại nghe pháp ấy, liền được chứng quả.

Nan-đà nói:

- Đến giờ rồi, các cô hãy về đi.

Đại Ái Đạo và năm trăm Tỳ-kheo ni liền đánh lễ sát đất rồi ra về.

Sáng hôm sau, Đại Ái Đạo và năm trăm Tỳ-kheo đắp y mang bát đến chỗ Như Lai, đàn lễ sát đất rồi lui lại đứng qua một phía. Thế Tôn quán sát và thấy các Tỳ-kheo ni đều đã đắc đạo.

Phật bảo các Tỳ-kheo ni:

- Đến giờ rồi, hãy trở về đi.

Các Tỳ-kheo ni liền đánh lễ rồi trở về.

Thế Tôn bảo Nan-đà:

- Nay mai hãy thuyết pháp cho Tỳ-kheo ni nghe lần nữa.

Nan-đà im lặng vâng lời.

Ngày hôm sau, Nan-đà đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khất thực xong, vị ấy trở ra ngoài thành, cất y bát, rửa tay chân, vắt tọa cụ lên vai, vào phòng ngồi thiền, sau đó ra khỏi phòng, trải tọa cụ trước giảng đường, ngồi kiết-già.

Đái Ái Đạo Cù-đàm-di dẫn năm trăm Tỳ-kheo ni đến chỗ Nan-đà, đánh lễ sát đất rồi ngồi qua một phía. Tôn giả Nan-đà giảng cho họ nghe các loại pháp vi diệu. Thuyết pháp xong, Nan-đà nói:

- Đến giờ rồi, các cô hãy về đi.

Các Tỳ-kheo ni liền đánh lễ sát đất rồi ra về.

Lúc ấy mặt trời đã lặn, cửa thành đã đóng. Các Tỳ-kheo ni hoặc nghỉ đêm dưới gốc cây, hoặc nghỉ đêm cạnh núi đất, hoặc trên bờ sông, bờ ao, hoặc trên bờ suối, hoặc nghỉ trên hào nước đào quanh thành.

Sáng hôm sau, khi cửa thành mở, các Tỳ-kheo ni vào thành. Nhưng người giữ thành nói với nhau:

- Các Tỳ-kheo ni là vợ của các Sa-môn nên ngủ đêm chung với nhau ở ngoài thành và sáng sớm thì vào trở lại.

Tỳ-kheo thực hành mười hai pháp nghe vậy liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo theo thứ lớp thuyết pháp cho Tỳ-kheo ni, k được thuyết giảng đến tối mới cho về. Ai thuyết giảng đến tối thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo đi chung đường với Tỳ-kheo ni. Thấy vậy, các trưởng giả nói với nhau:

- Các Sa-môn Thích tử này đi chung đường với các Tỳ-kheo ni, chắc các cô ấy là vợ của Sa-môn. Nếu chẳng phải vợ thì vì sao đi chung đường?

Nghe vậy, các Tỳ-kheo thực hành mười hai pháp đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào đi chung đường với Tỳ-kheo ni từ một thôn đến một thôn thì phạm tội đọa. Trường hợp có thể đi chung là đi với lái buôn, hoặc phía trước có hổ, sói, giặc cướp... thì được đi chung.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo đi từ nước Câu-tát-la đến Xá-vệ. Khi đó muốn qua sông A-chỉ-la thì phải đi thuyền. Nhóm sáu Tỳ-kheo đi thuyền chung với các Tỳ-kheo ni, hoặc chèo ngược dòng, hoặc chèo xuôi dòng, cho đến khi mặt trời lặn mới chịu qua sông rồi mạnh ai nấy đi.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo ni bị giặc cướp, liền đem việc đó bạch đầy đủ với Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào đi cùng thuyền với Tỳ-kheo ni, hoặc đi ngược dòng, hoặc đi xuôi dòng, trừ khi đi ngang, thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy Ca-lưu-đà-di cho Tỳ-kheo ni Quật-đa tẩm y. Các Tỳ-kheo ni hỏi:

- Do đâu mà được y này?

Đáp:

- Ca-lưu-đà-di cho.

Các Tỳ-kheo ni đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào đem y cho Tỳ-kheo ni chẳng phải bà con thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy Ca-lưu-đà-di sai Tỳ-kheo ni Quật-đa may y. Các Tỳ-kheo ni hỏi:

- Cô may y cho ai?

Đáp:

- May y cho Ca-luru-đà-di.

Các Tỳ-kheo ni không biết làm sao, liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào sai Tỳ-kheo ni chẳng phải bà con may y thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, Ca-luru-đà-di cùng Tỳ-kheo ni Quật-đa ngồi ở chỗ kín. Thấy vậy, các Tỳ-kheo ni đến bạch Thế Tôn, Phật liền chế giới:

- Tỳ-kheo nào ngồi một mình với Tỳ-kheo ni tại chỗ kín thì phạm tội đọa.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy Ca-luru-đà-di cùng Ưu-bà-di Phật-đa ngồi nơi đất trống. Thấy vậy, các trưởng giả nói với nhau:

- Vì sao Sa-môn Thích tử lại cùng người nữ ngồi nơi đất trống?

Nghe vậy, các Tỳ-kheo thực hành mười hai pháp đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn liền chế giới:

- Tỳ-kheo nào ngồi một mình với người nữ tại nơi đất trống thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một Ưu-bà-di thính Ma-ha Ca-diếp, Xá-lợi-phát, Mục-kiền-liên, A-na-luật. Lúc ấy vợ trưởng giả soạn đủ loại đồ ăn uống, bày tọa cụ đẹp. Tỳ-kheo ni Thâu-la-nan-đà vốn đã quen biết với vợ trưởng giả, vào sáng sớm, cô ấy đắp y mang bát đến nhà trưởng giả đó. Thấy vợ trưởng giả soạn đủ loại đồ ăn uống và bày tọa cụ đẹp, cô ấy liền hỏi vợ trưởng giả:

- Định thính ai mà làm đủ món đồ ăn uống ngon lành và trải tọa cụ vậy?

Vợ trưởng giả đáp:

- Thỉnh Ma-ha Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, A-na-luật.

Tỳ-kheo ni nói:

- Bỏ voi lớn mà đi thỉnh la lừa.

Vợ trưởng giả hỏi:

- Ai là voi lớn?

Tỳ-kheo ni đáp:

- Tôn giả Điều-đạt, Khiên-đà-đạt, Bà-ca-lưu-la, Đề-thi-tam-văn, Đà-hệ-đầu.
Đó là các bậc thượng nhân.

Ca-diếp là vị vào nhà trước tiên.

Thấy trưởng giả vào, Tỳ-kheo ni nói với vợ trưởng giả:

- Lành thay, này Ưu-đà-di! Bậc được gọi là voi lớn đã đến.

Các trưởng giả đều nghe lời này, liền nói rằng:

- Này Tỳ-kheo ni xấu xa! Lúc nãy nói vị ấy là la, lừa, sao giờ lại nói là voi lớn? Hãy đuổi Tỳ-kheo ni xấu xa ấy đi đi, đừng cho vào nhà trở lại nữa.

Thấy tôn giả đã ngồi yên, trưởng giả liền tự đi dâng nước, bày các loại đồ ăn uống. Ăn uống xong, trưởng giả lại đi dâng nước, rồi ngồi ở một phía để nghe lời chúc phúc. Sau khi nói lời chúc phúc xong, Ma-ha Ca-diếp liền đứng dậy, đến chỗ Như Lai đánh lễ sát đất rồi ngồi qua một phía, đem việc ấy bạch đầy đủ với Thế Tôn.

Nhân việc ấy, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng, vì muốn đủ mười công đức nên kết giới hco Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào biết Tỳ-kheo ni khen một Tỳ-kheo này, chê một Tỳ-kheo khác mà đến đó dùng cơm thì phạm Ba-dật-đề.

Phật ở vườn Trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương-xá.

Lúc ấy, nhân dân đói kém, khát thực khó được. Các trưởng giả hoặc thỉnh một Tỳ-kheo, hoặc thỉnh hai Tỳ-kheo. Những người không được thỉnh cũng đi theo bốn hoặc năm người. Thấy vậy các trưởng giả nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử không biết đủ, không biết xấu hổ, thỉnh một người mà năm ba người kéo đến.

Nghe vậy, Tỳ-kheo hành lười hai pháp đến bạch với Thế Tôn, Thế Tôn nói:

- Tỳ-kheo nào không thỉnh mà tự đến thì phạm tội đọa, trừ khi có việc cần, bệnh, hoặc làm việc cho Tăng, hoặc may y thì được phép tự đến thọ thực.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Ở biên giới Câu-tát-la có một trưởng giả xây dựng nhà dành cho Tăng bốn phương. Nếu có Tỳ-kheo đến thì được ở và thọ thực một ngày.

Tôn giả Xá-lợi-phất mắc bệnh phải đi từ nước Câu-tát-la đến nước Xá-vệ, ngang qua nhà Tăng này, nghỉ và ăn ở đó ba đêm. Sau đó, Xá-lợi-phất lên đường đến vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc ở nước Xá-vệ, liền hoài nghi không biết mình có ăn quá phần thức ăn dành cho Tăng bốn phương hay không, nên liền đến bạch với Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Tỳ-kheo nào không bệnh thì được phép ở và thọ thực một đêm. Nếu thọ thực nhiều hơn thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có nhiều Tỳ-kheo đi từ Câu-tát-la đến nước Xá-vệ, giữa đường có trưởng giả cúng dường cơm và nhiều bơ, cao, sữa. Nhóm sáu Tỳ-kheo nhận đầy hai, ba bát. Các Tỳ-kheo đi sau không được nhận. Thấy vậy, các trưởng giả nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử này nhận chõng chất hai, ba bát; còn các Tỳ-kheo đi sau thì không được nhận.

Các Tỳ-kheo liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào được thỉnh vào nhà, trưởng giả dọn thức ăn ngon chứa đầy bọ, cao, sữa thì không được nhận hai ba bát. nếu phạm thì mắc tội đọa. Nếu nhận hai ba bát thì khi ra khỏi nhà ấy phải phân chia cho các Tỳ-kheo không được nhận.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy nước Xá-vệ có một trưởng giả bị tiêu gia bại sản, chỉ còn có một cậu con trai nhỏ tuổi nổi dãi. Cậu con trai này nghe nói cúng dường Phật và chúng Tăng thì được sanh lên tầng trời thứ nhì ở cõi trời Tam thập tam nên liền suy nghĩ: “Ta phải dùng hết sức lực kiếm tiền của để cúng dường Phật và chúng Tăng”.

Cậu ấy liền đến nhà bên cạnh nói với trưởng giả rằng:

- Tôi muốn làm thuê, có được không?

Trưởng giả đáp:

- Cậu cần vật gì?

Cậu thiếu niên nói:

- Cho tôi năm trăm lượng vàng, tôi sẽ đem hết sức ra phục vụ ngài.

Trưởng giả suy nghĩ: “Lúc này đói kém, khát thực khó được. Xin một bữa cơm còn không được, huống là bấy nhiêu lượng vàng”.

Trưởng giả hỏi:

- Cậu có thể làm được những việc gì?

Cậu thiếu niên đáp:

- Có thể ngồi bán vàng, bạc, đồng, thiếc, tơ lụa vải vóc... Tôi không nhận tiền công liền bây giờ. Đợi làm đủ mười tháng rồi sẽ nhận.

Trưởng giả suy nghĩ: “Có người đòi tiền công trước, sau đó mới làm mướn. Cậu bé này lại làm mướn trước rồi mới lấy tiền công sau”.

Trưởng giả liền cho cậu ấy trông coi việc bán vàng bạc.

Cậu ấy vốn có phước đức. Người thường bán hàng được lời gấp đôi, còn cậu ấy bán thì lời gấp tám, gấp mười. Trưởng giả suy nghĩ: “Có được cậu bé này đó là sự may mắn của ta. Người thường ngồi bán chỉ lời gấp đôi, cậu bé này ngồi bán thì lời gấp tám, gấp mười”.

Kê đó, trưởng giả cho cậu ấy trông coi tiệm bán đồng, thiếc, vải vóc tơ lụa... thì đều được lợi như vậy. Trưởng giả lại cho cậu ấy trông coi ruộng vườn. Người thường gieo trồng, cày cấy chỉ được lời gấp đôi, cậu ấy thì lời gấp tám, gấp mười.

Kỳ hạn mười tháng chấm dứt, cậu ấy liền gặp trưởng giả xin tiền công. Trưởng giả không muốn đưa vì sợ nếu đưa thì cậu ấy sẽ ra đi. Cậu ấy lại đòi thêm hai, ba lần nữa:

- Xin hãy trả tiền công cho tôi.

Trưởng giả hỏi:

- Cậu dùng số vàng này làm những việc gì?

Cậu thiếu niên đáp:

- Tôi nghe nói dâng cơm cho Phật và Tăng thì được sanh lên cõi trời thứ Ba mươi ba. Vì vậy tôi làm mướn để kiếm tiền dâng cơm cho Phật và Tăng. Xin ông hãy giao cho tôi.

Trưởng giả suy nghĩ: “Thật lạ! Cậu bé này đã làm việc rất siêng năng là vì Phật và chúng Tăng”.

Trưởng giả hỏi:

- Cậu định cúng dường cơm cho Phật hay sao?

Đáp:

- Dâng cơm cho Phật.

Trưởng giả nói:

- Ở đây đã có sẵn củi, củ, nồi, bếp, chén, bát và nhân lực. Hãy cúng Phật và Tăng ở đây để cả hai người đều được phước.

Cậu thiếu niên đáp:

- Như vậy cũng được.

Trưởng giả nói:

- Ông hãy tự đến thỉnh Phật và chúng Tăng.

Cậu ấy liền đến chỗ Phật, đánh lễ sát đất, ngồi qua một phía. Thế Tôn liền thuyết pháp cho cậu ấy. Thuyết pháp xong, Thế Tôn im lặng. Cậu thiếu niên liền đứng dậy sửa áo bày vai phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay bạch Thế Tôn rằng:

- Con muốn cúng dường, xin Phật và chúng Tăng hạ cô đến thọ nhận.

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Thầy Như Lai im lặng chấp nhận, cậu thiếu niên liền đứng dậy đánh lễ sát đất rồi ra về.

Ngay đêm ấy, cậu thiếu niên chuẩn bị các loại thức ăn, trải các tọa cụ đẹp, rồi đến bạch Thế Tôn:

- Đồ ăn uống đã được chuẩn bị xong, đã đến giờ, xin thỉnh Thế Tôn đi thọ thực.

Thế Tôn cho chúng Tăng đi thọ thực, còn Thế Tôn ở lại tịnh xá đợi thị giả mang cơm về.

Chúng Tăng đến nhà trưởng giả và ngồi theo thứ lớp. Khi chúng Tăng đã ngồi yên, cậu ấy liền đích thân đi rót nước, dọn các loại đồ ăn. Hôm đó là ngày mồng tám. Vào ngày này, ở nơi đó có tục lệ cúng thức ăn cho những người đã quá cố, phần còn lại họ đem cúng cho chúng Tăng. Các Tỳ-kheo ăn thức ăn ấy đã no nên khi đến nhà cậu ấy họ chỉ ăn qua loa rồi đồng thanh bảo người dọn thức ăn hãy dọn xuống.

Thấy đồ ăn uống còn nguyên vẹn, cậu thiếu niên suy nghĩ: “Tỳ-kheo Tăng không ăn, chắc ta không được sanh lên cõi trời Tam thập tam”. Cậu ấy liền khóc than và chạy đến chỗ Như Lai, bạch Thế Tôn rằng:

- Chúng Tăng chỉ ăn qua loa, con không được sanh lên cõi trời Ba mươi ba.

Thế Tôn bảo:

- Chỉ cần ông cúng chút ít thức ăn thì chắc chắn sẽ được sanh lên cõi trời Ba mươi ba, không còn nghi ngờ.

Cậu thiếu niên suy nghĩ: “Như Lai dùng lưỡi dài rộng để nói thì chắc chắn ta được sanh lên trời Tam thập tam”. Cậu ấy hết sức vui mừng, không thể tự kiềm chế, liền đánh lễ sát đất, nhiễu Phật ba vòng rồi đi đến chỗ chúng Tăng.

Khi chúng Tăng ăn xong, cậu ấy lại đi rót nước rồi quỳ phía trước nhận lời chú nguyện. Vị Thượng tọa chú nguyện xong, liền cùng chúng Tăng ra về.

Ngay hôm ấy có năm trăm lái buôn vào biển trở về. Người cầm đầu vào thành tìm thức ăn. Ông ta hỏi người đi đường:

- Nhà nào có bán thức ăn?

Người đi đường đáp:

- Nhà trưởng giả ấy hôm nay cúng dường cơm cho Phật và chúng Tăng, chắc là có đồ ăn uống.

Người cầm đầu liền đến nhà ấy, bảo người giữ cửa rằng:

- Nhờ anh vào thưa với trưởng giả, bên ngoài có người cầm đầu những người vào biển muốn gặp.

Người giữ cửa liền vào thưa trưởng giả. Trưởng giả liền ra đón, thăm hỏi nhau rồi dẫn vào trong nhà. Ngồi chơi được một lát, người lái buôn hỏi trưởng giả:

- Anh còn đồ ăn uống xin hãy bán cho tôi.

Lúc ấy, cậu thiếu niên đang ngồi ở một bên. Trưởng giả chỉ cậu ấy mà nói:

- Đó chẳng phải là thức ăn của tôi mà là thức ăn của đàn-việt này.

Lái buôn lại hỏi cậu ấy:

- Có thức ăn xin hãy để lại cho tôi, tôi sẽ gởi tiền cho.

Đáp:

- Thức ăn ấy tôi không bán, Nếu cần thì mời ngồi vào, tôi sẽ đãi chứ không lấy tiền.

Lái buôn liền gọi các lái buôn bạn vào ngồi. Cậu thiếu niên tự tay rót nước, dọn các loại thức ăn. Khi các lái buôn ăn xong, cậu ấy trở về chỗ ngồi. Cách chỗ cậu ấy không xa có chiếc bát bằng mã-não Câu-tát-la, người cầm đầu nhóm nói với các lái buôn:

- Thiếu niên ấy đã đãi cơm cho chúng ta ăn no nê, chúng ta phải cùng báo ân cậu ấy.

Các thương nhân đều cho là phải. Người cầm đầu bảo cậu ấy:

- Nhờ cậu đem chiếc bát kia lại đây.

Cậu ấy liền đem chiếc bát lại. Người cầm đầu liền mở khăn lấy viên ngọc trị giá trăm ngàn lượng vàng đặt vào bát. Các thương nhân khác đặt vào bát các viên ngọc trị giá chín mươi ngàn lượng vàng, hoặc tám mươi, bảy mươi, sáu mươi, năm mươi, bốn mươi, ba mươi, hai mươi, cho đến mười ngàn lượng vàng đầy tràn bát. Họ đem bát ấy biếu cho cậu thiếu niên. Cậu thiếu niên không nhận và nói rằng:

- Chút ít thức ăn tôi không bán mà chỉ đãi cho các vị.

Người cầm đầu nói:

- Số ngọc này có giá nhiều gấp trăm ngàn vạn lần giá của thức ăn ấy, chúng tôi muốn tặng cho cậu. Xin đừng từ chối.

Cậu ấy liền suy nghĩ: “Nếu ta nhận số ngọc này thì sợ rằng sẽ không được sanh lên cõi trời Ba mươi ba”. Cậu ấy nói:

- Đợi ở đây một lát để tôi đến hỏi Thế Tôn”.

Cậu ấy liền trở lại chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát đất, ngồi qua một phía, đem việc ấy bạch đầy đủ với Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Ông cứ việc nhận đi. Đó chỉ là hoa báo. Thật báo sẽ đến sau.

Cậu ấy hết sức vui mừng, không thể kèm chế được, liền đánh lễ sát đất rồi ra đi. Một lát sau, Phật kiết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào đã nhận thọ thực rồi lại đi thọ thực chỗ khác nữa thì phạm tội đọa.

Lúc ấy trưởng giả đến gặp người vợ, nói rằng:

Nhà cửa, dòng họ của cậu thiếu niên này không thua gì dòng họ ta, giá của một viên ngọc cũng bằng giá ruộng vườn của ta. Ta hãy gả con gái cho cậu ấy.

Người vợ nói:

- Tốt quá.

Họ liền gả con gái cho cậu thiếu niên. Đột nhiên vợ chồng trưởng giả đều qua đời. Nghe tin trưởng giả ấy chết, vua Ba-tư-nặc hỏi cận thần:

- Ông ấy còn anh em, con cái gì không?

Đáp:

- Không, chỉ còn một cô con gái và người chồng của cô ấy.

Vua ra lệnh mời họ đến. Họ liền được mời đến. Thấy dung mạo cậu ấy, vua rất vui và kính mến, liền phong cho một ngàn nhà và trông coi khắp thành. Khi mặt trời mọc, cậu ấy lên nhận chức vị nên có tên là Tướng quốc Mặt trời mọc.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc thành Xá-vệ. Các Tỳ-kheo đi từ thành Xá-vệ đến biên giới Câu-tát-la. Đệ tử của Bạt-nan-đà - kết bạn đi chung với các Tỳ-kheo đến Câu-tát-la - đến từ già Bạt-nan-đà:

- Hôm nay các Tỳ-kheo lên đường, con muốn đi chung.

Bạt-nan-đà nhớ lại nỗi bực mình lúc trước nên nói:

- Ông hãy nán lại một lát để thọ thực.

Đệ tử nói:

- Con đã ăn rồi.

Bạt-nan-đà nói:

- Ta biết ông đã ăn rồi nhưng ta muốn ông ăn nữa rồi đi.

Hai người nói chuyện không dứt. Các Tỳ-kheo đã đi hết. Đệ tử của Bạt-nan-đà đi sau, không đuổi kịp bạn nên bị giặc cướp cướp sạch, liền đến bạch đầy đủ với Thế Tôn. Thế Tôn liền chế giới:

- Tỳ-kheo nào biết Tỳ-kheo khác đã ăn no mà cưỡng ép, khuyến khích ăn nữa thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, trưởng giả Thất-lê-quật thờ ngoại đạo và thường nghi ngờ không biết Thế Tôn là Phật hay chẳng phải Phật, là Pháp hay phi pháp, là chúng Tăng hay chẳng phải chúng Tăng. Ông ta nghĩ: “Ta phải bày đồ ăn và đến thỉnh Phật để thử xem”.

Ông ta liền đến chỗ Thế Tôn, vòng tay thăm hỏi rồi ngồi ở một phía. Thế Tôn nói cho ông ta nghe pháp vi diệu. Thuyết pháp xong,, Phật ngồi im lặng. Trưởng giả Thất-lê-quật bạch Phật rằng:

- Con muốn thỉnh Sa-môn Cù-đàm và chúng Tăng.

Phật im lặng chấp nhận.

Thất-lê-quật rời khỏi chỗ ngồi, vòng tay mà lui ra.

Về nhà, ở trong sân trước, ông cho đào hố đựng đầy lửa than, không có khói và ánh lửa, dùng một lớp cát mỏng che lên trên và suy nghĩ như vậy: “Sa-môn Cù-đàm có Nhất thiết trí, biết tất cả các việc chưa xảy ra, sẽ tự biết việc này. Nếu không có Nhất thiết trí thì ông ấy sẽ rơi vào lửa cùng với chúng Sa-môn”.

Ở nhà trên, ông ta bày giường dây không có dây buộc và trải tọa cụ ở bên trên để nguy trang. Ông ta suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm có Nhất thiết trí sẽ tự biết. Nếu không có trí Nhất thiết trí thì sẽ cùng chúng Tăng rớt từ trên giường xuống đất và bị mọi người chê cười”.

Ông ta lại bày thứ ăn có thuốc độc và nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-đàm có Nhất thiết trí thì sẽ tự biết. Nếu không có Nhất thiết trí sẽ ăn cơm này mà chết cùng với các Sa-môn”.

Ông ta liền đến bạch Phật:

- Thức ăn đã được dọn xong, đã đến giờ, xin thỉnh Phật và chúng Tăng thọ trai.

Thế Tôn đáp y mang bát cùng các Tỳ-kheo đến nhà Thất-lê-quật. Thế Tôn quay lại bảo A-nan:

- Ông đến bảo các Tỳ-kheo không được vào nhà Thất-lê-quật trước Như Lai.

A-Nan liền đi nói với các Tỳ-kheo:

- Không được vào nhà Thất-lê-quật trước Như Lai.

Khi chân Như Lai đạp lên hố lửa, hố lửa tự nhiên biến thành ao tắm, bên trong sanh các loại hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, chim le le, chim nhạn, uyên ương đua nhau hót líu lo.

Lúc ấy, Thế Tôn bước chân lên hoa sen vào nhà Thất-lê-quật. Hoa có màu lưu ly hoặc màu ngọc bích, Như Lai có màu vàng ròng, các màu đỏ hòa vào nhau thật đẹp. Giường dây giả tự nhiên biến thành giường châu báu.

Thấy hai việc biến hóa ấy, tâm ý trưởng giả liền được khai mở, ông ta chấp tay bạch Thế Tôn rằng:

- Thức ăn này có chất độc, xin chờ một lát, con sẽ dọn thức ăn ngon.

Thế Tôn bảo:

- Cứ dọn thức ăn này, không có gì đáng lo cả.

Thất-lê-quạt tự đi rót nước, dọn các loại thức ăn.

Phật bảo A-Nan:

- Tất cả các Tỳ-kheo không được ăn ở đây, phải đến chỗ A-nậu-đạt.

Lúc ấy, Thế Tôn nói cho những người nam nữ của Thất-lê-quạt nghe pháp bố thí, trì giới, tu thập thiện, sanh thiên; tham dâm thì đọa đường ác, xuất gia thì đắc đạo. Thế Tôn lại nói pháp khô, tập, diệt, đạo. Thất-lê-quạt liền chứng sơ quả, như tấm vải trắng dễ nhuộm màu. Thất-lê-quạt đứng dậy, đánh lễ sát đất và nói:

- Từ nay trở đi, con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, làm người Ưu-bà-tắc, suốt đời không sát sanh.

Thế Tôn và năm trăm A-la-hán đựng cơm đầy bát rồi nhập tam muội, từ cửa ngõ nhà Thất-lê-quạt bay hết lên hư không, đến cung A-nậu-đạt. Biết Như Lai đến, A-nậu-đạt liền hóa ra năm trăm hoa sen lớn như bánh xe. Lại hóa ra một bông hoa hết sức vi diệu cho Như Lai ngồi. Năm trăm vị A-la-hán đều ngồi theo thứ lớp.

Như Lai cùng chúng Tăng gồm năm trăm A-la-hán thọ thực xong, liền giảng rộng kinh A-nậu-đạt. Sau đó, Như Lai cùng chúng Tăng nhập thiền, từ cung A-nậu-đạt trở về Kỳ-hoàn.

Nghe tin Phật và năm trăm A-la-hán nhận lời thỉnh của Thất-lê-quạt, đến A-nậu-đạt thọ thực, giảng rộng kinh A-nậu-đạt, nay đã trở lại Xá-vệ, Tỳ-xá-khư - mẹ của Vô-di-la - suy nghĩ: “Ta phải thỉnh Phật và năm trăm A-la-hán”.

Bà ấy liền đến chỗ Như Lai đánh lễ sát đất và đứng qua một phía. Thế Tôn liền thuyết pháp cho Tỳ-xá-khư nghe. Khi Phật thuyết pháp xong, Tỳ-xá-khư liền quỳ xuống thỉnh Phật và năm trăm A-la-hán. Thế Tôn im lặng nhận lời. Tỳ-xá-khư đánh lễ sát đất rồi ra đi.

Ngay đêm ấy, bà ấy chuẩn bị đầy đủ thức ăn ngon, bày tọa cụ đẹp, mở rộng cửa, rồi bà ấy đến chỗ Phật, tay bưng lư hương, chắp tay bái và bạch rằng:

- Đồ ăn uống đã được chuẩn bị xong, xin thỉnh Phật và Tăng.

Các Tỳ-kheo đến đó, hoặc từ dưới đất vọt lên, hoặc xuyên qua vách mà vào, hoặc từ trên không xuống. Chỉ có Như Lai ở lại tịnh xá.

Tỳ-xá-khư xới thức ăn để riêng cho Phật. Thấy các Tỳ-kheo đã ngồi yên, Tỳ-xá-khư tự tay dâng nước, dọn các loại thức ăn. Khi chúng Tăng ăn xong, bà ấy đi dâng nước rồi quỳ phía trước để nhận lời chú nguyện. Chú nguyện xong, Thượng tọa ra về. A-Nan đến nhận phần thức ăn của Phật.

Thế Tôn biết mà vẫn hỏi A-Nan:

- Có bao nhiêu Tỳ-kheo đến nhà Tỳ-xá-khư thọ thực?

A-Nan bạch Phật:

- Năm trăm A-la-hán trước đây đã đến thọ thực ở cung A-nậu-đạt đều đến thọ thực ở nhà Tỳ-xá-khư.

Thế Tôn bảo:

- Nay A-Nan, có Tỳ-kheo nào được chúng Tỳ-kheo sai đi không?

- Không, thưa Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Thật đáng tiếc cho Tỳ-xá-khư đã không thu được trọn vẹn phước. Vì sao lại không dâng thức ăn cho Tỳ-kheo như thế? A-Nan! Nếu Tỳ-xá-khư cúng thức ăn cho Tỳ-kheo như vậy sẽ được phước lớn, được quả báo lớn.

Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào không thông báo trong chúng mà tự đi thọ trai thì phạm tội đọa. Trường hợp được phép là: hoặc đi trên đường, hoặc đi thuyền, hoặc lễ hội lớn, hoặc hội chung của Sa-môn.

Lúc ấy người dân trong nước ai cũng đều nghe Phật nói cúng dường cơm cho một Tỳ-kheo như vậy thì được phước nhiều hơn cúng dường cơm cho năm trăm vị A-la-hán; trưởng giả, bà-la-môn đều tin Phật và kính trọng chúng Tăng.

TỠ NẠI DA

Hết quyển bảy

--- o0o ---

Quyển thứ tám

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy Thế Tôn chưa kiết giới không ăn quá giờ ngọ.

Vào lúc xẩm tối, tôn giả Ca-lưu-đà-di đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khát thực. Lúc ấy mây dày đặc, trời âm u tối đen, nổi sấm sét ùng ùng, chớp lóe sáng rực. Có một phụ nữ mang thai đi ra ngoài lấy nước. Tôn giả Ca-lưu-đà-di đến cửa đình vào khát thực, chợt thấy Ca-lưu-đà-di trong ánh chớp, phụ nữ nọ kinh sợ quá độ, liền kêu thất thanh:

- Quý Tỳ-xá-chi !

Ca-lưu-đà-di đáp:

- Ta là Sa-môn chứ không phải quý.

Phụ nữ ấy nói:

- Này Sa-môn ! Tôi không giết cha hại mẹ ông, sao ông làm hại thai tôi?

Phụ nữ ấy liền đi nói với Tỳ-kheo thực hành mười hai pháp. Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào ăn quá giờ Ngọ thì phạm tội đọa.

Lúc ấy tôn giả Bà-đặc-bà-lê nghe Thế Tôn kiết giới không ăn quá giờ Ngọ, liền nói:

- Trong hai bữa ăn, bữa ăn chiều là bữa ăn ngon nhất, vậy mà Sa-môn Cù-đàm cắt mất bữa ăn đó.

Nghe vậy, các Tỳ-kheo đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Ngày xưa ông ấy cũng đã tham đắm vị, chứ chẳng phải chỉ có ngày nay. Các vị hãy nghe ta kể:

Ngày xưa, cách đây vô số kiếp, vào kiếp tận thế, trời đất tan rã. Sau đó, đất có lớp mỡ rất ngon ngọt, như cục đường phèn. Có một thiên tử A-bà-tôi-la hạ xuống đất ấy, dùng ngón tay ném lớp mỡ ngon ngọt trên đất, ý sanh ưa thích, liền trở lên trời nói với các thiên tử và dẫn các thiên tử xuống để ném mỡ đất. Đến ngày thứ ba, thân họ nặng nề không thể bay được nữa. Mỡ đất từ từ lặn mất, đất sanh chất mặn. Về sau, tự nhiên gạo tẻ xuất hiện. Họ liền ăn gạo đó. Lúc ấy người này tham đắm vị, ngày nay lại đắm vị.

Phật đến vườn Kỳ-thọ Cá-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Tôn giả Tất-lăng-lệ-bạt bị đau mắt. Các trưởng giả Bà-la-môn đem đến bơ, dầu, mật, đường đen, đường phèn và các thức ăn tươi. Các đệ tử thường để thức ăn lại qua đêm mà ăn, Tỳ-kheo mười hai pháp liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn chế giới:

- Tỳ-kheo nào không bệnh mà giữ thức ăn lại qua đêm để ăn thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo dùng nước và thức ăn không được trao nhận. Thấy vậy, Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào đưa vào miệng thuốc và thức ăn không được trao nhận - trừ nước và tắm - thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo vào thôn xóm thấy cao, sữa, bơ, thịt, cá, nem... liền tự động vào xin. Thấy vậy, các trưởng giả nói với nhau:

- Thích tử xin nhiều cá, nem để làm gì?

Họ liền đến thưa Tỳ-kheo mười hai pháp. Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn tập hợp chúng Tăng hòa hợp đủ mười công đức, kiết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào biết làng ấy có bơ, sữa, cao sữa, cá, thịt, nem... Nếu không bệnh mà đến xin thì phạm Ba-dật-đề.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy có hai Tỳ-kheo ở trong núi sâu, tại biên giới nước Câu-tát-la, chưa từng thấy Phật, thường trông mong được gặp Phật.

Hai người cùng bàn bạc rồi lên đường đi gặp Thế Tôn. Lúc ấy là cuối mùa Xuân, trời rất nóng, quang nắng giống như nước. Mặt trời đã đứng bóng, ở giữa nơi hoang vắng không có một chút nước, thân thể khát cháy. Hai người tìm nước khắp nơi nhưng chỉ gặp một vũng nước nhỏ, nước ít mà trùng nhiều.

Một Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo kia rằng:

- Uống nước có trùng này để đủ sức vượt qua nơi hoang vắng này và được chiêm ngưỡng Như Lai.

Tỳ-kheo kia đáp:

- Đã thọ giới của Thế Tôn, làm sao phá hoại được.

Lúc ấy một người uống, một người không uống.

Người không uống qua đời, sanh lên trời Tam thập tam, đội mũ làm bằng trăm thứ châu báu, đến gặp Thế Tôn, đánh lễ sát đất rồi đứng qua một phía. Thế Tôn thuyết pháp, vị ấy liền kiến đế.

Sau đó người uống nước mới đến. Thấy Tỳ-kheo ấy đến, Thế Tôn cười y thượng, bày thân vàng ròng và nói:

- Ông là người ngu nên mới chiêm ngưỡng thân bốn đại, là nơi chứa đầy chất hôi hám. Ai thấy pháp thì thấy thân Ta.

Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào biết nước có trùng mà lấy uống thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một trưởng giả thỉnh Phật và chúng Tăng. Nhóm sáu Tỳ-kheo đến nhà bếp trước và nghỉ ở đó. Thấy vậy, các trưởng giả nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử đến đây trước, làm trở ngại việc nấu thức ăn.

Nghe vậy, Tỳ-kheo mười hai pháp bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào đến quá sớm nơi nhà đã thỉnh chúng Tăng và ngồi hoặc nằm, đùa với trẻ con thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một trưởng giả thỉnh chúng Tăng. Trưởng giả ra đi không có ở nhà, một mình vợ trưởng giả làm thức ăn ở phía sau.

Lúc ấy, tôn giả Ca-lưu-đà-di đến sớm, ngồi ở nhà trưởng giả. Thấy vậy, các trưởng giả nói với nhau:

- Vì sao Tỳ-kheo Thích tử lại cùng phụ nữ ngồi chung một chỗ?

Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào đến nhà thỉnh chúng Tăng trước và cùng với phụ nữ ngồi chung một chỗ thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ cùng với năm trăm Tỳ-kheo.

Lúc ấy, thôn Tỳ-la-nhiên có Bà-la-môn tên A-kỳ-đạt-đâu, rất giàu tiền của, ruộng vườn sung túc. Ông ta đến Xá-vệ, ở nhà một trưởng giả, nói với trưởng giả ấy rằng:

- Ở đây có Sa-môn, Bà-la-môn nào thông minh trí tuệ, là thầy dẫn dắt đồ chúng không? Nếu có người ấy thì tôi muốn thường xuyên đến lễ lạy, thăm hỏi người ấy để tâm ý tôi được khai mở.

Trưởng giả đáp:

- Ở đây có Sa-môn Cù-đàm, thuộc dòng họ Thích, xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, nay đã chứng quả Vô thượng Bồ-đề. Nếu muốn đi gặp thì đã đến lúc rồi. Hãy đến đó thăm hỏi.

Bà-la-môn hỏi:

- Cù-đàm đang ở đâu? Tôi muốn đi thăm hỏi.

Trưởng giả đáp:

- Thế Tôn đang ở nước Xá-vệ, tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc. Muốn đi thì đi.

Sáng sớm, Bà-la-môn A-kỳ-đạt-đâu ra khỏi thành Xá-vệ, đến tịnh xá Kỳ-hoàn.

Lúc ấy, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số trăm ngàn người. Trông thấy Thế Tôn trang nghiêm không ai bằng, các căn đầy đủ, thân màu vàng ròng, Bà-la-môn A-kỳ-đạt-đâu liền đến chỗ Phật, vòng tay chào rồi ngòai qua một phía.

Thế Tôn nói đủ loại pháp vi diệu. Nói pháp xong, Thế Tôn đứng im lặng. Bà-la-môn bạch Thế Tôn rằng:

- Xin Xa-môn Cù-đàm và chúng Tăng nhận lời thỉnh của con trong chín mươi ngày kiết hạ.

Lúc ấy Thế Tôn nhớ lại nghiệp báo trước kia, không thể tránh, liền im lặng nhận lời thỉnh của Bà-la-môn. Bà-la-môn liền đứng dậy, vòng tay từ giả.

Khi từ Xá-vệ đến Tỳ-la-nhiên, ông ta chuẩn bị đủ loại thức ăn cho bốn tháng Hạ.

Khi đến mùa hạ, ông ta dặn người giữ cửa:

- Trong bốn tháng này, ta ở trong đây, không muốn ra ngoài. Chớ có cho ai vào. Dù có các việc khổ, vui, lành, dữ cũng chớ có vào thưa với ta.

Người giữ cửa liền vâng lệnh.

Khi đến mùa Hạ, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng hòa hợp, Thế Tôn bảo:

- Các vị phải thu dọn y bát để đến thôn Tỳ-la-nhiên.

Năm trăm Tỳ-kheo liền đáp y, mang bát theo Thế Tôn đến Tỳ-la-nhiên.

Lúc ấy ở Tỳ-la-nhiên không có tịnh xá, phía Bắc có núi Đại-thất-lợi-sa. Hang núi rộng lớn, cây cỏ sum suê, có đủ loại hoa, đủ loại chim... Lúc ấy Thế Tôn và chúng Tăng nghỉ đêm ở núi ấy.

Khi đó, Tỳ-la-nhiên toàn là Bà-la-môn, nhân dân đói kém, khát thực khó được. Ngay đêm ấy, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng, bảo các Tỳ-kheo:

- Các Tỳ-kheo nên biết, Tỳ-la-nhiên này toàn là Bà-la-môn, nhân dân đói kém, khát thực khó được. Tỳ-kheo nào muốn ở đây kiết hạ thì ở lại, ai không muốn thì đi đâu tùy ý.

Xá-lợi-phất liền lên đỉnh núi A-mậu-ha nhận sự cúng dường của vợ Thích Đề Hoàn Nhon Tu-di-a-tu-luân và ăn cơm cõi trời trong bốn tháng.

Thế Tôn cùng bốn trăm chín mươi chín Tỳ-kheo kiết-hạ ở Tỳ-la-nhiên.

Các trưởng giả Bà-la-môn tin Phật, hoặc cúng bốn bữa ăn, năm bữa ăn, hoặc sáu bữa ăn rồi ngừng. Các Tỳ-kheo khát thực không được.

Tôn giả Mục-kiền-liên bạch Phật:

- Sở dĩ gọi là Diêm-phù-đề là vì quả Diêm-phù-đề cách đây vô số ngàn dặm về phía Đông. Để con đi lấy quả Diêm-phù-đề về cho các Tỳ-kheo ăn. Cách nơi ấy không xa có vườn Ha-lê-lặc, A-ma-lặc, hoặc là đến Uất-đan-việt lấy loại gạo mọc tự nhiên, đến trời Tam-thập-tam lấy cam lồ cõi trời cho các Tỳ-kheo ăn, hoặc lấy chất béo bổ của quả đất, dùng tay trái lật lên, tay phải lấy mỡ đất cho các Tỳ-kheo ăn.

Thế Tôn bảo Mục-kiền-liên:

- Ta biết ông có thần thông, nhưng nghiệp báo đời trước của các Tỳ-kheo đã đến, sẽ đem đi ở đâu?

Thế Tôn không chấp nhận đề nghị ấy.

Ở Tỳ-la-nhiên có nhiều cỏ mềm và nước. Có người buôn ngựa thả ngựa ở đó. Thấy các Tỳ-kheo khát thực không được gì, ông ta bảo các Tỳ-kheo:

- Ở đây thóc lúa mắc, khát thực khó được. Tôi không có thức ăn chín, bột gạo rang hay cơm khô, chỉ có lúa mạch. Nếu các vị cần tôi sẽ cúng.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thế Tôn chưa cho phép ăn lúa mạch của ngựa.

Họ đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tuy biết là lúa mạch dành cho ngựa, nhưng hãy tùy thời ngâm nước cho nứt mộng thì có thể lấy ăn.

Lúc ấy, bảy ngựa gồm năm trăm con, chúng Tăng còn thiếu một người là đủ năm trăm vị. Mỗi con ngựa một ngày ăn một đấu lúa mạch, người chăn ngựa mỗi ngày ăn hai đấu. Người buôn ngựa liền phân đều mỗi người ngựa là nửa đấu một ngày và đem cúng cho Phật và chúng Tăng.

A-Nan đem phần của Thế Tôn và phần mình vào Tỳ-la-nhiên để nhờ người nấu. Gặp một phụ nữ, A-Nan ca ngợi công đức của Phật:

- Thế Tôn có giới - định - tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, có ba mươi hai tướng đại trượng phu, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân thể. Ánh sáng bao quanh thân trong phạm vi bảy thước (tính luôn ánh sáng bao quanh hai tay,

hai Phật thì hơn bảy thước). Thân có màu vàng ròng, nhìn không biết chán, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, xuất gia học đạo, đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cứu chúng sanh thoát khỏi nguy ách, độ người chưa được độ, giải thoát người chưa giải thoát, giúp người chưa nhập Niết-bàn được nhập Niết-bàn, không còn sanh - già - bệnh - chết, buồn rầu khổ não. Nếu không xuất gia học đạo, vị ấy sẽ làm vua Chuyển luân có đủ bảy báu là: bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, ngọc nữ báu, trưởng giả báu và quan cầm binh báu. Vị ấy sẽ có ngàn người con cường tráng, mạnh mẽ, thống lãnh khắp bốn phương, không cần dùng đao gậy... Tôi và các cô đều là bề tôi của vị ấy. Hôm nay vị ấy nhận thỉnh, đến kiết-hạ ở Tỳ-la-nhiên, chị có thể đem lúa mạch này làm bột gạo rang giúp không?

Phụ nữ đáp:

- Nhà tôi có nhiều việc gấp. Việc của mình làm còn không xuê, làm sao giúp người khác được !

Cách đó không xa, có một phụ nữ nghe A-Nan khen ngợi công đức của Phật thật là kỳ lạ, cô ta liền suy nghĩ: “Thế gian lại có người như vậy sao?”. Cô ấy liền bảo A-Nan:

- Đem lúa mạch đến đây tôi làm bột gạo cho. Từ nay trở đi, Phật, A-Nan và những người tu phạm hạnh khác cứ đem lúa mạch đến, tôi sẽ làm bột gạo giúp cho.

Phụ nữ ấy liền xay lúa mạch rồi trao cho A-Nan.

A-Nan đem bột đến chỗ Phật, dâng nước rửa tay chân rồi trao bột cho Phật. Phật liền ăn bột ấy. Thấy Phật ăn bột, A-Nan buồn rơi lệ, suy nghĩ: “Phật là con của quốc vương, thường ăn thức ăn ngon, chưa từng ăn thức ăn dở. Hôm nay lại ăn bột lúa mạch làm sao có sức khỏe được?!”.

Biết được ý nghĩ ấy, Thế Tôn bảo A-Nan:

- Ông có thể ăn bột này không?

Đáp:

- Có thể.

Thế Tôn liền trao một bọm cho A-Nan ăn. A-Nan thấy có vị như cam lồ cõi trời. A-Nan lại suy nghĩ: “Thế Tôn ăn thức ăn này chắc có sức khỏe”.

Khi Thế Tôn ăn xong, A-Nan rửa bát, rót nước rồi bạch Phật:

- Vừa rồi con nhờ một phụ nữ làm bột nhưng cô ấy không làm. Có một phụ nữ không cần nhờ mà tự nhận làm. Xin Thế Tôn nói ý nghĩa việc ấy.

Thế Tôn bảo:

- Người không chịu làm, nếu chịu làm thì sẽ được làm đệ nhất phu nhân của Chuyển luân Thánh vương. Người không nhờ mà làm sẽ thu được công đức lớn. Tuy không làm thêm việc phước nào nữa, nhưng cũng đã gây nhân Vô thượng Chánh đẳng giác.

Không bao lâu mọi người đều nghe tin Phật và chúng Tăng phải ăn lúa mạch. Có thiên ma Ba-tuần hóa làm chúng Tăng, quấy túi đựng cơm khô, đường phèn, tay mang chín trăm tấm bánh, đi đến ngã tư đường. Các trưởng giả hỏi các Tỳ-kheo ấy:

- Các vị từ đâu đến?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Từ Tỳ-la-nhiên đến.

Hỏi:

- Phật và Tỳ-kheo Tăng không có thiếu thốn sao?

Các Tỳ-kheo giả đáp:

- Đồ ăn uống dồi dào, không thể ăn hết. Chúng tôi đang mang phần còn dư đến Xá-vệ.

Lúc ấy, mười sáu nước lớn đều hay tin Phật và chúng Tăng, trong ba tháng an cư ở Tỳ-la-nhiên chỉ ăn toàn lúa mạch. Các trưởng giả, Bà-la-môn đem lượng của cải có giá trị một ức tiền đến nghinh đón Thế Tôn và chúng Tăng.

Còn bảy ngày nữa là hết hạ, Phật biết mà vẫn hỏi A-Nan:

- Còn bao nhiêu ngày nữa nữa hạ?

A-Nan bạch Phật:

- Còn có bảy ngày.

Phật bảo A-Nan:

- Dẫn hai Tỳ-kheo vào thôn Tỳ-la-nhiên, bảo với Bà-la-môn A-kỳ-đạt-đâu rằng: “Phật đã nhận lời thỉnh của ông trong chín mươi ngày, nay đã hết hạn, phải đi du hóa trong nhơn gian”.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- A-kỳ-đạt-đâu không có ý cúng Phật một bữa cơm nào, thì việc gì phải cáo biệt?

Thế Tôn đáp:

- Tuy không dọn cơm đãi, nhưng là người đã thỉnh nên phải đến cáo biệt.

Vâng lời Phật dạy, A-Nan dẫn hai Tỳ-kheo vào Tỳ-la-nhiên, đứng ở cửa nhà A-kỳ-đạt-đâu, nói với người giữ cửa:

- Anh vào thưa với chủ rằng: A-Nan đang ở ngoài, muốn vào gặp.

Lúc ấy A-kỳ-đạt-đâu đang ở sân trước gọi đầu, mặc áo trắng ngồi trên giường dây. Người giữ cửa liền thưa như trên. Trưởng giả đáp:

- Mời vị ấy vào.

A-Nan liền vào, từ từ đến chỗ ngồi và im lặng trong chốc lát. Bà-la-môn hỏi:

- Thầy đến có việc gì?

A-Nan đáp:

- Thế Tôn bảo đã nhận lời thỉnh của ông trong chín mươi ngày, nay Ngài sắp đi du hóa nhơn gian.

Bà-la-môn hỏi:

- Thưa thầy A-Nan, Cù-đàm đã kiết hạ ở đây sao?

A-Nan đáp:

- Trước đây ông đã tỉnh mà lại quên sao?

Bà-la-môn hỏi:

- Trong chín mươi ngày, các vị đã lấy gì ăn?

A-Nan đáp:

- Rất là nguy khốn. Thế Tôn và chúng Tăng đã ăn lúa mạch của ngựa trong ba tháng.

Bà-la-môn nhớ là mình đã tỉnh Phật và chúng Tăng, chuẩn bị tọa cụ, ra lệnh người giữ cửa đừng cho ai vào. Bà-la-môn A-kỳ-đạt-đâu lại suy nghĩ: “Bốn phương xa gần đều đã nghe tin ta làm việc ác này: A-kỳ-đạt-đâu tỉnh Phật và chúng Tăng mà không hề cúng dường”.

Ông ta lại hỏi A-Nan:

- Có thể lưu giữ Sa-môn Cù-đàm lại để tôi được sám hối không?

A-Nan đáp:

- Không thể lưu được.

Nghe vậy, A-kỳ-đạt-đâu buồn rầu áo não, ngã nhào xuống đất. Những người nhà liền lấy nước rưới lên mặt, ông ta mới ngồi dậy được.

Người nhà nói với A-kỳ-đạt-đâu:

- Ông chớ có buồn rầu. Chúng tôi sẽ cùng ông đến sám hối Sa-môn Cù-đàm. Nếu Phật không chịu ở lại thì hãy cho người mang các đồ ăn uống này đi theo sau xem Ngài có thiếu thốn gì thì cúng dường.

Lúc ấy, A-Nan cùng Bà-la-môn và người nhà ông ta đến nhà Bà-la-môn để sám hối. Trông thấy họ đến, Thế Tôn suy nghĩ: “Nếu Ta không ở lại thì ông ấy sẽ học máu miệng”.

Do từ bi, Thế Tôn lại ở thêm bảy ngày. Trưởng giả liền cho chở tất cả đồ ăn uống đã chuẩn bị cho bốn tháng đến chất đầy ngạp.

Nghe tin sáu mươi ngày tới, Thế Tôn sẽ du hóa khắp nơi, nhân dân Bạt-thị đều chuẩn bị các món cúng dường để đãi Như Lai.

Lúc ấy Thế Tôn may vá y ở Tỳ-la-nhiên.

Vào ngày y đã được may vá xong, Ngài đắp y, mang bát đến nước Bạt-thị. A-kỳ-đạt-đâu cũng cho chở đồ ăn uống đi theo sau Như Lai để xem Ngài có thiếu gì thì liền cung cấp đầy đủ.

Biết được nơi Như Lai sắp dừng chân, ông ta liền đến đó trước, chuẩn bị và nói rằng:

- Ngày nay và ngày mai tôi đã tỉnh Phật.

Nghe tin A-kỳ-đạt-đâu chở đồ ăn uống đi theo sau Như Lai, nhân dân Bạt-thị nghĩ: “Như vậy chắc chắn sẽ trở ngại cho việc cúng dường Phật của chúng ta”. Họ liền tập hợp lại để tìm cách hạn chế không cho Bà-la-môn ấy nấu cơm dâng Phật, hoặc nấu ít lại, hoặc chỉ làm nước mật. Họ nói với nhau:

- Dừng cho Bà-la-môn ấy làm cơm dâng Phật.

Người nào thấy A-kỳ-đạt-đâu liền mắng rằng:

- Bà-la-môn ác độc kia ! Ngươi cho Phật và chúng Tăng ăn lúa mạch suốt chín mươi ngày, nay lại chở đồ ăn theo Phật, làm trở ngại việc cúng dường của người khác

Bà-la-môn ấy buồn rầu, đứng ở một phía để xem nhân dân cúng thiếu món gì thì cúng thêm cho đủ và thấy chỉ thiếu món cháo đậu. Ông ta liền lấy hạt mè, tía tô, đậu, giã A-ma-lặc, Tỳ-hê-lặc, lá lốt, gừng để nấu cháo dâng cho Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Hãy phân chia cho chúng Tăng.

Chúng Tăng không nhận, vì Thế Tôn chưa cho phép ăn loại cháo này. Bà-la-môn liền đến bạch Thế Tôn:

- Các Tỳ-kheo không chịu nhận cháo.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay trở đi, dù có bệnh hay không có bệnh cũng thường ăn cháo này, vì nó có năm lợi ích là: trừ đói khát, không bị trúng gió, thương hàn, đường tiêu hóa được thông suốt và không bị các bệnh do thức ăn gây ra.

A-kỳ-đạt-đâu lại suy nghĩ: “Đủ loại thức ăn được chuẩn bị cho bốn tháng hạ, ta đã chở đến đây, lại không được dâng cho Phật và chúng Tăng. Ta phải làm như pháp tế thần là trải thức ăn dưới đất cho các Tỳ-kheo bước qua. Như vậy là họ đã thọ nhận của ta”.

Thế Tôn bảo:

- Đó chẳng phải là vật để dùng chân bước qua. Đó là vật được ăn bằng miệng.

Thế Tôn liền thuyết pháp cho Bà-la-môn. Nghe pháp xong, Bà-la-môn liền trở về.

Lúc ấy, Thế Tôn đắp y, mang bát trở về nước Xá-vệ. Có một ngoại đạo Phạm chí thân thể béo phì đi theo sau Thế Tôn.

Có một Bà-la-môn mộ đạo đến hỏi Phạm chí ấy rằng:

- Ở đây có nhận được đồ ăn uống không?

Đáp:

- Nhận được.

Lại hỏi:

- Do đâu mà được?

Đáp:

- Từ trường giả trọc đầu mà được.

Bà-la-môn nói:

- Hãy đi ngay đi. Ông đã nói lời nói xấu xa. Ông được mập mập là nhờ Sa-môn Cù-đàm mà lại mắng ông ấy. Nếu nghe được, Sa-môn Cù-đàm sẽ kiết giới là không được cho ngoại đạo đồ ăn uống.

Các Tỳ-kheo đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Ngoại đạo ấy đã quen thói điên đảo từ lâu. Nếu ông ta bị trúng độc thì sẽ báo với quan là bị Sa-môn Cù-đàm hạ độc.

Lúc ấy Thế Tôn chưa kiết giới cho Sa-môn mà đi thẳng đến nước Xá-vệ. Trường giả ở nước Xá-vệ làm bánh bơ và một trăm tám bánh xốp cúng cho Phật và chúng Tăng.

Thường pháp của chư Phật Thế Tôn là khi ăn uống chưa đủ thì không đứng dậy, phải đợi đến lúc ăn no. Nếu đàn-việt cúng thiếu thì nhờ Phật lực, tất cả đều được đầy đủ.

Có hai phụ nữ Bà-la-môn đến xin tôn giả A-Nan ít bánh. Tôn giả lấy cho người này hai cái và người kia một cái bánh.

Người được một cái hỏi người kia:

- Chị được mấy cái?

Đáp:

- Được hai cái.

Người kia hỏi ngược lại:

- Còn chị được mấy cái?

Đáp:

- Được một cái. Chị được dư một cái, vậy hãy chia bớt cho tôi.

Đáp:

- Ai có phần này, tôi không chia đâu.

Người nọ nói:

- Chắc A-Nan là chồng của chị.

Hai người cãi lộn nhau rất lớn. Thế Tôn biết mà vẫn hỏi A-Nan: - Vì sao hai người ấy cãi nhau?

A-Nan bạch đầy đủ việc trên với Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào đích thân đem bánh cho Bà-la-môn và vợ Bà-la-môn thì phạm tội đọa.

Thức ăn có năm loại:

Một là thức ăn rễ củ. Thức ăn rễ là: ngó sen, rau cải, hệ-bà-đà (loại rễ nhỏ mà ngọt).

Hai là thức ăn bằng thân, như: mía, thúc-cơ và các thân cây có thể ăn được.

Ba là thức ăn bằng lá cây: là các loại lá có thể ăn được.

Bốn là thức ăn bằng hoa như: hoa bà-bà, la-lê.

Năm là thức ăn bằng quả như: nho, cam, quýt...

Lại có năm loại thức ăn là: bắp, gạo nát, lúa mạch xanh, đậu oản, gạo tẻ.

Khi đang ăn các loại thức ăn này, nếu có Bà-la-môn đến xin thì phải nói đó chẳng phải là thức ăn của tôi.

Có ai xin nước thì nói đó chẳng phải nước của tôi.

Xin trái cây thì nói chẳng phải trái cây của tôi.

Không được cho bất cứ thứ gì, trừ khi đó là cha mẹ, hoặc bệnh nhân.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vua Ba-tư-nặc và A-xà-thế thường gây chiến nhau, đem binh đánh nhau. Nhóm sáu Tỳ-kheo bảo nhau cùng đến xem quân mã và lập tức đi xem.

Thấy vậy, các trưởng giả nói với nhau: “Sa-môn Thích tử xuất gia học đạo mà lại đi xem quân mã”, rồi đem việc ấy bạch lại với Phật. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào khi quân mã sắp ra trận mà đi xem thì phạm tội đọa.

TỠ NẠI DA

Hết quyển tám

--- oOo ---

Quyển thứ chín

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đại thần của vua Ba-tư-nặc như: Y-sa-đa, Phú-lan-na, Hấp-bạt-đề, là những bậc kiến đế, dẫn các Tỳ-kheo đi xem quân mã. Các Tỳ-kheo cũng có bà con nên ở lại trong doanh trại quân mã đến ba ngày. Thấy vậy các trưởng giả nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử xuất gia học đạo mà sao ở mãi trong quân đội?

Tỳ-kheo mười hai pháp nghe vậy, liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo không được ở trong quân đội quá hai đêm. Nếu quá thì phạm tội đọa.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la cho quân đội diễn tập. Các Tỳ-kheo đến xem. Thấy vậy, các trưởng giả nói với nhau:

- Chẳng phải là công việc của mình mà các Sa-môn Thích tử lại đến xem.

Nghe vậy, Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào xem quân đội diễn tập, xem nghi vệ, cờ chỉ huy của quân đội... thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo thường tranh cãi với nhóm mười bảy Tỳ-kheo. Nhóm sáu Tỳ-kheo tự ý vào dòng họ cao sang nên đánh nhóm mười bảy Tỳ-kheo. Thấy vậy các trưởng giả nói với nhau:

- Vì sao các Tỳ-kheo lại đánh nhau?

Nghe vậy, Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào sân hận đánh Tỳ-kheo khác thì phạm tội đọa.

Nhóm sáu Tỳ-kheo nổi giận, dùng gậy đe dọa nhau, dùng tay đánh nhau. Thấy vậy, nhóm mười hai Tỳ-kheo đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào dùng gậy đe dọa nhau, dùng tay đánh nhau thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, Nan-Đà - em của Bạt-nan-đà - bảo với đệ tử của Bạt-nan-đà rằng:

- Tôi muốn đến nơi ấy, hãy cùng đi với tôi.

Họ liền cùng nhau đi.

Giữa đường gặp một người nữ, Nan-đà liền dẫn cô ấy đến nơi kín đáo làm việc bất tịnh. Thấy vậy, đệ tử của Bạt-nan-đà trở về nói với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Nhân việc ấy, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng, vì muốn đủ mười công đức nên kết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào thấy Tỳ-kheo khác phạm tội mà che giấu qua đêm thì phạm Ba-dật-đề.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Thích tử Bạt-nan-đà suy nghĩ: “Đệ tử này đã làm nhục em út ta. Hôm nay ta sẽ báo thù”.

Ông ta liền nói với đệ tử:

- Ta muốn đến nơi ấy, ông hãy đắp y mang bát đi theo ta. Ta cũng sẽ bảo đàn-việt cúng dường cho ông thức ăn ngon.

Họ liền dẫn nhau đi từ nơi này đến nơi khác, từ nhà này đến nhà khác. Thấy mặt trời sắp đứng bóng, giờ đánh kiền-chùy đã qua, Bạt-nan-đà liền bảo đệ tử:

- Ông hãy trở về Xá-vệ, ta không thích cùng đi với ông.

Người đệ tử liền trở về Kỳ-hoàn. Lúc ấy đã quá Ngọ, các Tỳ-kheo đã thọ thực xong. Họ liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào nói với Tỳ-kheo rằng: “Tôi muốn đến nơi ấy. Hãy cùng đi với tôi. Tôi sẽ bảo đàn-việt cúng cho ông thức ăn ngon”. Sau khi dẫn đi, Tỳ-kheo đã rủ lại nói với Tỳ-kheo kia rằng: “Ông hãy đi đi. Tôi không thích đi với ông. Tôi thích đi một mình”. Tỳ-kheo nào nói lời giả dối như vậy thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật đi từ Xá-vệ đến biên giới Câu-tát-la. Giữa đường, không có làng xóm nên Ngài nghỉ đêm ở một ngọn núi.

Có một Tỳ-kheo vô trí vác một khúc cây mục lớn đến định đốt lửa. Chợt có con rắn hổ-mang từ trong bọng cây bò ra. Tỳ-kheo ấy lo sợ, liền kêu la thất thanh. Nghe vậy, các Tỳ-kheo liền cho là vị ấy bị cướp, liền đến hỏi:

- Vì sao lại kêu la kinh hoàng vậy?

Tỳ-kheo ấy liền kể lại sự việc.

Các Tỳ-kheo đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Tỳ-kheo nào không bệnh mà gom cỏ, củi, phân bò, vỏ trấu, lá cây... để đốt lửa nơi đất trống, hoặc tự đốt, hoặc dạy người khác đốt thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, tôn giả Xá-lợi-phất đến từ giả Phật và chúng Tăng để đi khất thực khắp nơi trong sáu mươi ngày.

Nghe tin Xá-lợi-phất định đi du hóa, khất thực khắp nơi trong sáu mươi ngày, Tỳ-kheo Ca-la-dàn-đề liền đến chỗ Phật, đánh lễ sát đất, ngồi qua một phía rồi bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Xá-lợi-phất giải đãi, ngã mạn, không từ biệt Thế Tôn và chúng Tăng mà định đi khất thực khắp nơi gian.

Thế Tôn liền dạy một Tỳ-kheo đến chỗ Xá-lợi-phất, gọi vị ấy đến gặp Thế Tôn. Tỳ-kheo ấy liền rời khỏi chỗ ngồi, đánh lễ sát đất rồi đến chỗ Xá-lợi-phất nói rằng:

- Thế Tôn bảo tôi gọi ngài đến gặp Thế Tôn.

Xá-lợi-phất cùng Tỳ-kheo ấy đến chỗ Như Lai, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một phía.

Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

- Vừa rồi, khi ông đi được một lát thì có Tỳ-kheo này đến nói rằng: “Xá-lợi-phất không từ giả Phật và chúng Tăng mà định đi khất thực trong nơi gian”.

Xá-lợi-phất bạch với Phật rằng:

- Con đến nơi nào cũng đều đúng ý chỉ của Phật, và bao giờ cũng từ giả chúng rồi mới đi. Việc Tỳ-kheo này bạch với Phật là sự nhầm lẫn. Giống như con bò hiền lành đã bị chặt hai sừng, được dắt đi trong nơi gian thì không phiền ai cả; cũng vậy, con chưa từng biếng nhác, ngã mạn không từ giả đại chúng mà đi. Giống như mặt đất này chứa đựng cả những chất dơ bẩn, lớn nhỏ, mặt đất không nói sẽ chở vật này, không chở vật kia; con cũng vậy, không khác gì mặt đất thì làm sao có thể lười biếng, ngã mạn không từ giả Tăng chúng mà đi!

Tỳ-kheo Ca-lan-đà liền rời khỏi chỗ, đánh lễ sát chân Xá-lợi-phất để sám hối:

- Thưa tôn giả Xá-lợi-phất, xin hãy tha thứ cho tôi. Tôi như người ngu si không biết gì. Vì sao tôi lại phỉ báng tịnh hạnh của ngài. Tôi đã phạm tội vọng ngữ. Xin Xá-lợi-phất hãy nhận sự sám hối của tôi.

Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

- Hãy nhận sự sám hối đó, đừng để đầu Tỳ-kheo ấy bị vỡ thành bảy mảnh ngay tại chỗ ngồi này.

Vâng lời Phật dạy, Xá-lợi-phất liền nhận sự sám hối ấy.

Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào theo thường pháp, từ già chúng Tăng và được Tăng cho phép ra đi, sau đó có Tỳ-kheo nói rằng: “Tỳ-kheo đó không từ già chúng Tăng đúng như pháp”. Tỳ-kheo nói trái với sự thật như vậy thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, Sa-di La-vân - đệ tử của Xá-lợi-phất - không được phép ngủ trong phòng thầy vào ban đêm. Đến các phòng khác cũng đều bị từ chối, chỉ còn phòng dành cho khách Tăng là không có người, La-vân liền ngủ trong ấy. Ngủ được một lát lại có một Tỳ-kheo khách đến, nói:

- Ông là Sa-di, hãy đi tránh chỗ khác để đại Sa-môn như ta ở.

Ông ta liền kéo La-vân ra. Lúc ấy La-vân rơi nước mắt, đi đến nhà xí của Như Lai, vào trong nhà xí, gối đầu lên đôi giày của Như Lai mà ngủ.

Có một con rắn độc thường ở trong nhà xí, đã đi ra ngoài tìm thức ăn. Giữa đêm, mưa to gió lớn, rắn bò về nhà xí.

Thường pháp của chư Phật là một đêm ba thời, quán sát chúng sanh xem ai đáng được cứu độ và thấy La-vân sắp bị rắn độc làm hại, cần được cứu, Thế Tôn liền dùng lực tam muội, đến nhà xí, khảy móng tay ba lần để đánh thức La-vân. Thế Tôn hỏi:

- Ông là Sa-di nào?

Đáp:

- Là La-vân.

Thế Tôn hỏi:

- Vì sao ngủ ở đây?

La-vân bạch đầy đủ với Thế Tôn. Lúc ấy, Như Lai dùng khuỷu tay trái ôm La-vân, dẫn vào hang đá.

Sáng hôm sau, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng, bảo các Tỳ-kheo rằng:

- Sa-di này không cha không mẹ, chỉ trông cậy vào Hòa-thượng, A-xà-lê tùy thời trông nom. Nếu hai vị ấy không trông nom thì ai sẽ trông nom? Từ nay trở đi cho phép Sa-di được ngủ với Tỳ-kheo hai đêm. Nếu quá thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, Tỳ-kheo Xiển-nộ sanh ra ý nghĩ xấu xa này: “Xét theo pháp Như Lai đã nói thì tôi biết là phạm, nhưng ác pháp này chưa đủ để thành tội”.

Các Tỳ-kheo nghe tin Tỳ-kheo Xiển-nộ sanh ý nghĩ xấu xa: “Xét theo pháp Như Lai đã nói thì tôi biết mình đã phạm, nhưng ác pháp này chưa đủ để thành tội”. Các Tỳ-kheo liền đến chỗ Tỳ-kheo Xiển-nộ, bảo Tỳ-kheo Xiển-nộ rằng:

- Có thật thầy đã nói rằng: “Xét theo pháp Như Lai nói thì tôi đã phạm, nhưng ác pháp ấy không đủ thành tội”?

Tỳ-kheo Xiển-nộ đáp:

- Việc ấy đúng vậy. Theo pháp Thế Tôn nói thì tôi đã phạm nhưng ác pháp này không đủ thành tội.

Các Tỳ-kheo bảo:

- Hãy thôi đi, này Xiển-nộ! Chớ có nói như vậy. Chớ có phỉ báng Như Lai. Người phỉ báng Như Lai thì sẽ không được tốt đẹp trong hiện đời. Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện để nói đó là tội ác. Này Xiển-nộ! Thầy hãy xả bỏ kiến thức điên đảo ấy đi.

Tuy được các Tỳ-kheo khuyên răn, nhưng Xiển-nộ không chịu nghe theo. Các Tỳ-kheo không biết làm sao, liền đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào phát sanh niệm ác này: “Xét theo pháp Phật dạy thì tôi đã phạm, nhưng việc ác ấy không đủ thành tội”. Các Tỳ-kheo hiền thiện can gián Tỳ-kheo ấy đến ba lần, nếu nghe thì tốt, nếu không nghe thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy Tỳ-kheo Xiển-nộ vẫn làm theo thói xấu, không thân cận với chúng Tăng mà kết bạn với nhóm sáu Tỳ-kheo và nhận sự dạy bảo của họ. Các Tỳ-kheo thấy vậy, liền đến bạch với Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào làm theo thói xấu, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc nói chuyện với người đã bị tẩn xuất thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, tôn giả Mục-kiền-liên có hai đệ tử Sa-di không giữ giới và làm theo pháp ác. Họ thường làm việc xấu xa ở bên ngoài Kỳ-hoàn. Thấy vậy, các Tỳ-kheo báo với Sa-di ấy rằng:

- Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói sự bất tịnh của dâm dục, của việc hướng về dâm, nghĩ về dâm, sự thiêu đốt của dâm, sự dơ bẩn của dâm. Vậy mà vì sao các chú vẫn làm theo việc bất tịnh này?

Sa-di đáp:

- Chúng tôi đã từng nghe Như Lai dạy rằng: “Người làm việc dâm dục không có tội”.

Các Tỳ-kheo nói:

- Ông là Sa-di, chớ có nói rằng: “Thế Tôn dạy: làm việc dâm dục không có tội”. Chớ có phỉ báng Như Lai. Ai phỉ báng Như Lai thì hiện đời không được tốt đẹp. Nay Sa-di! Ông hãy xả bỏ ác kiến này ngay lập tức.

Lúc đó, Sa-di ấy không nghe lời can gián của Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không biết làm sao, liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Sa-di nào nói rằng:

“Như Lai dạy làm việc dâm dục không có tội”.

Các Tỳ-kheo can gián:

“Này Sa-di, ông chớ có nói: Thế Tôn dạy: làm việc dâm dục không có tội. Chớ có phỉ báng Như Lai. Ai phỉ báng Như Lai thì hiện đời không được tốt đẹp”.

Nếu Sa-di ấy nghe theo lời can gián thì tốt. Nếu không nghe theo thì Tỳ-kheo phải nói với Sa-di rằng: “Từ nay trở đi, ông không được đánh lễ Như Lai, không được đi theo Tỳ-kheo. Các Sa-di được ngủ chung phòng với Tỳ-kheo trong hai đêm, riêng ông không được như vậy. Ông hãy đi đi! Không được ở lại đây”.

Tỳ-kheo nào biết Sa-di này đã bị đuổi mà dẫn về để sai bảo hoặc ngủ cùng phòng qua đêm thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy Tỳ-xá-khur - mẹ của Vô-di-la - đeo sợi dây chuyền trị giá trăm ngàn lượng vàng, đến chỗ Thế Tôn. Giữa đường, cô ấy suy nghĩ: “Đến gặp Thế Tôn mà đeo sợi dây chuyền thì chẳng có lễ phép”. Cô ấy liền cởi sợi dây chuyền, gói trong tấm vải rồi giao cho một nàng hầu.

Lúc ấy, mẹ của Vô-di-la lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một phía. Thế Tôn giảng cho cô ấy nghe các pháp vi diệu. Nghe pháp xong, cô ấy rời khỏi chỗ ngồi, đánh lễ Phật mà đi.

Lúc ấy nàng hầu bỏ quên sợi dây chuyền vàng. A-Nan thấy, liền nhặt lên rồi phân vân không biết mình có phạm tội đọa không, liền bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào cầm nắm chuỗi anh lạc bằng vàng, châu báu hoặc dạy người cầm thì phạm tội đọa, trừ khi nhặt được vàng, châu báu trong khuôn viên của Tăng, phải thông báo khắp. Nếu không ai nhận thì lưu lại chín mươi ngày. Sau chín mươi ngày lại thông báo, nếu không ai nhận thì lưu lại ba năm. Sau ba năm lại thông báo. Nếu không ai nhận thì đem cúng cho Tăng. Nếu sau ba năm có chủ đến tìm thì lấy vật của Tăng để trả lại. Đó là trường hợp được phép lấy.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo đắp y mới chưa nhuộm. Các trưởng giả thấy vậy, liền nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử này không chịu nhuộm y mà đắp vào thì có khác gì người đời?

Nghe vậy, Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào nhận được y mới thì phải nhuộm một trong ba màu: xanh, đen, mộc-lan. Tỳ-kheo nào không nhuộm một trong ba màu ấy thì phạm tội đọa.

Phật ở tại vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vua Ba-tư-nặc làm một nhà tắm riêng và hỏi các Tỳ-kheo:

- Hôm nay các vị có cần tắm không?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Cần.

Vua bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tắm trong nhà tắm của tôi.

Các Tỳ-kheo hoặc tắm buổi sáng, hoặc tắm buổi chiều, hoặc tắm buổi tối.

Vào buổi tối, vua Ba-tu-nặc đến định tắm, nhưng các Tỳ-kheo đang tắm nên vua phải đợi đến gần sáng mới được tắm. Vua suy nghĩ: “Nếu không gặp Như Lai mà vội trở vào thành thì chẳng phải là phép tắc của ta”.

Vua Ba-tu-nặc liền đến chỗ Phật, đánh lễ sát đất, ngồi qua một phía. Phật biết nhưng vẫn hỏi vua:

- Trời còn tối, vua đi đâu mà ghé đây vậy?

Vua liền bạch đầy đủ với Thế Tôn. Thế Tôn liền nói cho vua nghe đủ loại pháp rồi im lặng.

Nghe thuyết pháp xong, vua rời khỏi chỗ ngồi, đánh lễ sát chân Phật rồi ra đi.

Khi vua đi được một lát, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng, vì muốn đủ mười công đức nên kết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nửa tháng tắm một lần, nếu quá phạm Ba-dật-đề. Trừ thời gian thích hợp: một tháng rưỡi cuối mùa xuân, một tháng trước khi mãn hạ, đó là thời gian được tắm thường xuyên. Hoặc khi trời nóng, trời gió, mưa, làm việc cho Tăng, đi đường cũng được tắm thường xuyên.

Phật ở Thạch-thất, trên sông Di-hầu, thuộc Tỳ-xá-ly.

Lúc ấy, các thiếu niên Tỳ-xá-ly chơi bắn tên ở cửa thành, các mũi tên nối đuôi nhau.

Vào sáng sớm, tôn giả Ca-lưu-đà-di đắp y mang bát vào Tỳ-xá-ly khát thực. Thấy các thiếu niên chơi bắn tên, các mũi tên nối đuôi nhau, vị ấy liền đến chỗ bắn tên bảo với các thiếu niên rằng:

- Các cậu bắn tuy thật giỏi nhưng cũng không bằng ta.

Các thiếu niên liền trao cung tên cho Ca-lưu-đà-di. Ca-lưu-đà-di hỏi:

- Các cậu muốn tôi bắn vật gì?

Lúc ấy có một con diều hâu bay trên không, các thiếu niên bảo:

- Hãy bắn con chim này.

Ca-luu-đà-di liền dùng mũi tên có bốn cạnh bắn chim, làm cho nó đứng yên trên không trung, không thể bay được.

Cậu thiếu niên nói:

- Không giết nổi con chim này thì có gì là giỏi!

Ca-luu-đà-di hỏi:

- Muốn bắn vào chỗ nào?

Thiếu niên nói:

- Bắn vào mắt bên phải.

Ca-luu-đà-di liền bắn vào mắt bên phải làm chim rơi xuống đất mà chết.

Các thiếu niên đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào cắt đứt mạng sống của chúng sanh thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo thường cùng nhóm mười bảy Tỳ-kheo tranh cãi. Hai nhóm cùng đi đường. Nhóm sáu Tỳ-kheo bảo nhóm mười bảy Tỳ-kheo:

- Các thầy đi trước đập chết côn trùng, phạm Ba-dật-đề. Hãy đến sám hối với ta.

Nhóm mười bảy Tỳ-kheo liền đến sám hối. Nghe vậy, các Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn liền chế giới:

- Có Tỳ-kheo không giết trùng. Tỳ-kheo nào vu khống Tỳ-kheo ấy đã giết trùng thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Các Tỳ-kheo ngồi thiền trong phòng. Khi ấy, trời rất nóng, làm mọi người đều buồn ngủ. Các Tỳ-kheo dùng ngón tay khảy nhau để cảnh tỉnh lẫn nhau. Kế đó, họ lại dùng ngón tay ngoáy trong miệng. Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Các Tỳ-kheo tọa thiền, Tỳ-kheo nào dùng ngón tay nhịp nhịp để làm tỉnh ngủ, kế đó lại dùng ngón tay ngoáy trong miệng thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy các Tỳ-kheo ngồi thiền trong phòng. Trời rất nóng làm mọi người đều buồn ngủ. Các Tỳ-kheo lấy nước rưới nhau để làm tỉnh ngủ nhau. Các Tỳ-kheo đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo không được dùng nước rưới nhau để cảnh tỉnh khi ngồi thiền. Ai làm thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy tôn giả A-na-luật kiết hạ ở biên giới Câu-tát-la. Kiết-hạ xong, vị ấy đắp y mang bát đến nước Xá-vệ khát thực. Khi đi qua một ngôi làng, vị ấy hỏi mọi người:

- Ở đây có chỗ nào nghỉ đêm được không?

Mọi người chỉ đến nhà một quả phụ và bảo:

- Có thể nghỉ trong ấy.

Tôn giả A-na-luật liền đến nhà đó và bảo:

- Nay chị, tôi có thể ở đây được không?

A-na-luật có diện mạo xinh đẹp, người phụ nữ trông thấy liền phát sanh ý dâm nên đáp:

- Có thể nghỉ đêm ở đây.

Cô ấy liền quét dọn phòng, trải giường cho ngồi ở bên trong và chuẩn bị các món đồ ăn uống.

Khi trời sắp tối, cô ấy đem nước đến cho A-na-luật rửa tay, rồi mang thức ăn đến và mời:

- Sa-môn hãy ăn đi.

A-na-luật đáp:

- Tôi chỉ ăn mỗi ngày một lần, không có ăn chiều.

Quả phụ suy nghĩ: “Tuy không ăn, nhưng tối chắc sẽ nằm chung với ta”.

Cô ấy lại trải giường tốt cho nằm.

Quả phụ ăn xong, đốt đèn dầu rồi đứng ở đầu giường, níu kéo y áo của A-na-luật, định làm việc bất tịnh.

A-na-luật nói:

- Phạm hạnh ta trong sạch, không thể làm theo ý cô. Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói về sự bất tịnh của dâm, của việc hương dâm, niệm dâm, sự thiêu đốt của dâm.

Suốt đêm, quả phụ quấy nhiễu A-na-luật nhưng không được, liền suy nghĩ: “Đây ắt là Sa-môn thanh tịnh, chẳng phải là hạng bất tịnh”.

Tâm ý cô ta liền được khai mở và tin tưởng A-na-luật. A-na-luật giảng cho cô ấy nghe pháp vi diệu. Quả phụ lập tức dẹp bỏ hai mươi ức tà kiến và chứng quả Tu-đà-hoàn. Cô ấy liền đứng dậy đánh lễ sát chân A-na-luật và nói:

- Từ nay trở đi, con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, xin làm Ưu-bà-di, suốt đời không sát sanh. Xin tôn giả A-na-luật nhận lời thỉnh của con, hàng ngày đến thọ thực ở đây.

A-na-luật im lặng nhận lời.

Quả phụ liền vào trong chuẩn bị các loại thức ăn, dâng nước sạch, tự tay dâng thức ăn. Khi tôn giả ăn xong, cô ấy dâng nước rồi quỳ phía trước, bạch A-na-luật rằng:

- Xin hãy nhận y áo, đồ ăn uống, giường nằm, thuốc chữa bệnh của con đến trọn đời.

A-na-luật im lặng nhận lời.

A-na-luật thuyết pháp xong liền đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn ở nước Xá-vệ, đánh lễ sát đất rồi ngồi qua một phía. Phật hỏi A-na-luật:

- Trong hạ có thiếu thốn gì không?

A-na-luật bạch Phật:

- Không có thiếu gì cả.

A-na-luật đem việc ấy bạch đầy đủ với Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- A-na-luật! Giống như có bốn con rắn ở trong một phòng, thà ở cùng một chỗ với rắn độc, chứ không ngồi chung giường với người nữ.

Giống như có một người sáng suốt, vua ra lệnh cho người này coi giữ bốn con rắn ấy, cho ăn uống điều độ và bảo: “Nếu một con rắn nổi giận thì sẽ giết ông ngay. Ông hãy làm theo những gì ông thấy là đúng”. Người ấy liền bỏ đi và lại gặp năm tên cướp cầm đao định giết ông ấy. Nay A-na-luật! Người này sợ bốn con rắn nên trốn đi, lại gặp năm tên cướp, lại tránh khỏi chúng, lại gặp sáu kẻ thù thường rình tìm cách hại người ấy. Hễ gặp nhau là họ sẽ giết ông ấy ngay. Ông ta lại thoát khỏi nạn đó.

Phía trước có căn nhà trống, ông ấy muốn vào trốn trong đó. Thấy nhà trống rỗng, ông ta đập vào bốn vách thì gặp một cái bình trống rỗng. Có một người đến bảo người này rằng:

“Có giặc đang đến, hãy trốn ngay đi!”

Vừa ra công, ông ta đã gặp giặc và lại trốn thoát.

Phía trước có núi, sông, nước chảy rất xiết, có vô số người đã rơi xuống nước chết. Nơi ông ấy đang đứng lại có hồ, sói định đến làm hại ông ta. Ông ta muốn vượt sông nhưng không có ghe, thuyền. Ông ta suy nghĩ: “Ta phải làm cách nào để vượt dòng sông này?”

Ông ta liền gom cây, cỏ buộc lại làm chiếc bè, dùng tay chân bơi trong nước và qua đến bờ bên kia, thoát khỏi bốn con rắn, năm tên cướp, sáu kẻ thù, tên giặc nơi nhà trống, núi, sông, hồ, sỏi... Bà-la-môn ấy đã được sống sót.

Phật bảo A-na-luật:

- Lý do ta đưa ra ví dụ này là để giải thích ý nghĩa này:

Nơi rắn ở là dụ cho thân này.

Thân mập, trắng, xinh đẹp này nhờ cha mẹ mà được lớn.

Thân này vô thường, là pháp hư hoại.

Bốn con rắn là bốn đại: địa, thủy, hỏa, phong. Mỗi đại mà tăng lên thì chết ngay.

Năm tên giặc là năm ám: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Sáu kẻ thù là dụ cho sáu nhập.

Nhà trống là dụ cho sáu căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Quán sát mắt thì thấy mắt rỗng không, quán sát tai, mũi, lưỡi, thân, ý thì thấy....ý rỗng không.

Ra cửa gặp giặc là dụ cho sáu trần bên ngoài.

Núi sông là dụ cho bốn sử ở Dục giới, đó là: dục sử, bất khả sử, nghi sử, kiến sử.

Nước sông là ba ái, đó là: dục ái, sắc ái và vô sắc ái.

Hồ, sỏi ở nơi cư trú là năm đường sanh tử.

Vượt qua bờ kia là Niết-bàn.

Bè là tám đường chánh.

Tay chân bơi trong nước là sự dũng mãnh tinh tấn.

Bà-la-môn được thoát là Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Phật bảo A-na-luật:

- Ta cùng ông khổ nhọc tinh cần học đạo chính là như vậy. Vì vậy phải thường ngồi thiền ở nơi vắng vẻ, dưới gốc cây, chớ có lười biếng.

Nhân việc ấy, Thế Tôn kiết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào ngủ đêm chung phòng với người nữ thì phạm tội đọa.

Phật ở núi Bạch Thiện.

Giữa đêm, Phật dậy đi kinh hành trước thất. Lúc ấy Tỳ-kheo Tu-na-sát-đa, con của người đóng kịch, dùng y trùm kín lại, đến dọa Thế Tôn rằng:

- Ta là đại thần của trời đất, ông hãy tránh xa ta.

Thế Tôn bảo:

- Mươi tám ức ma đến đe dọa cũng không thể làm động một sợi lông của Ta, huống gì một người trùm kín áo như người mà dọa được ta sao?

Sáng hôm sau, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo nào tự hù nhát người khác, hoặc bảo người hù dọa thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lấy y bát của nhóm mười bảy Tỳ-kheo đem giấu. Khi kiền chùy được đánh, chúng Tăng vào chỗ ngồi, nhóm mười bảy Tỳ-kheo tìm y bát không biết ở đâu. Khi chúng Tăng đã giải tán, họ mới được trả y bát. Nhóm mười bảy Tỳ-kheo nói:

- Ông là Sa-môn, vì sao lại trộm y bát của người?

Nhóm sáu Tỳ-kheo nói:

- Chỉ đùa thôi chứ đâu có trộm.

Nghe vậy, các Tỳ-kheo đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào đùa giỡn giấu y bát, ống khóa, ống đựng kim, giày da... và các vật khác, tự giấu hoặc dạy người khác giấu thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Thích tử Bạt-nan-đa bán chịu y cho Tỳ-kheo ni. Sau đó mượn để mặc. Khi mặc y đó đã rách, Tỳ-kheo ấy lại theo cô ni nợ đòi tiền y.

Nghe vậy, Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào bán chịu y cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Thức xoa ma ni, Sa-di, Sa-di ni, lại mượn mặc. Khi mặc rách lại đòi tiền y thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Tôn giả Ma-ha-câu-chí-la từ nước Câu-tát-la đến nước Xá-vệ. Dọc đường vị ấy ngủ ở làng khác. Lúc ấy trong làng có hai vợ chồng cãi lộn, người vợ bỏ trốn.

Vào sáng sớm, tôn giả Ma-ha-câu-chí-la đắp y mang bát ra khỏi thôn này, đến nước Xá-vệ. Trên đường gặp người phụ nữ này, phụ nữ ấy hỏi Sa-môn:

- Thầy định đi về đâu?

Đáp:

- Đến nước Xá-vệ.

Phụ nữ đó nói với Sa-môn:

- Xin làm bạn đường để cùng đến nước Xá-vệ.

Đáp:

- Tùy ý.

Lúc đó người chồng tìm vợ không thấy, gặp một người đi đường liền hỏi:

- Trên đường có thấy một người phụ nữ đi về phía Tây không?

Người ấy đáp:

- Có một phụ nữ cùng đi về phía Tây với Sa-môn.

Người chồng nổi giận, đuổi theo bắt được Sa-môn, liền hỏi:

- Ông là Tỳ-kheo, định dắt vợ tôi đi đâu vậy?

Tỳ-kheo đáp:

- Tôi không có dắt đi. Cô ấy tự đi theo.

Người chồng liền đánh Sa-môn như tử rồi thả đi.

Đến nước Xá-vệ, người chồng nói với các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo bạch với Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào đi chung đường với phụ nữ từ một làng đến một làng thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương-xá.

Tỳ-kheo Từ-địa vu khống tôn giả Đạp-bà phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nghe vậy, các Tỳ-kheo đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn liền tập hợp chúng Tăng, vì muốn đủ mười công đức nên kết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào vu khống Tỳ-kheo khác phạm Tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ thì phạm Ba-dật-đề.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một Tỳ-kheo từ Câu-tát-la đến nước Xá-vệ. Giữa đường, đến vườn Âm-la thì gặp bọn cướp. Vị ấy hỏi bọn cướp:

- Các anh đi đâu vậy?

Đáp:

- Đến nước Xá-vệ.

Sa-môn liền xin làm bạn đường và bọn cướp đồng ý.

Đến nước Xá-vệ, bọn cướp không dám đi đường lớn và bị đội cảnh vệ bắt gọn. Cảnh vệ hỏi bọn cướp rằng:

- Sa-môn này cũng làm cướp sao?

Đáp:

- Là người cầm đầu bọn cướp.

Họ liền dẫn đến gặp quan và trình bày đầy đủ sự việc. Quan ấy có tâm đạo rất tốt nên nói:

- Sa-môn Thích tử quyết không làm cướp. Hãy đi đi và đừng có tái phạm nữa.

Tỳ-kheo ấy đến nước Xá-vệ, nói với các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào biết mà đi chung với bọn cướp từ một làng đến một làng thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương-xá.

Lúc ấy, tôn giả Đại Mục-kiền-liên dẫn hơn mười thiếu niên ở thành La-duyet vào đạo. Vị ấy tập hợp bảy tám chục Sa-di tuổi trẻ chưa đủ hai mươi tuổi và lần lượt truyền giới Cụ túc. Ở bên ngoài vườn Trúc, các Sa-di ấy thiếu sức khỏe, đói bụng quá nên kêu gào đòi ăn.

Thế Tôn biết mà vẫn hỏi A-Nan:

- Ai đang kêu gào than khóc vậy?

A-Nan bạch Phật:

- Tôn giả Mục-kiền-liên truyền giới Cụ túc cho bảy tám chục Sa-di ở bên ngoài. Vì đói không được ăn nên họ kêu khóc.

Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi Mục-kiền-liên:

- Ông đã truyền giới Cụ túc cho người chưa đủ hai mươi tuổi, phải không?

Đáp:

- Đúng vậy, thưa Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Chưa đủ hai mươi tuổi, không thể chịu nổi nóng lạnh, đói khát, cũng không thể hành đạo. Người đủ hai mươi tuổi mới có thể chịu được đói khát, nóng lạnh, lại có thể hành đạo. Tỳ-kheo nào truyền giới Cụ túc cho Sa-di chưa đủ hai mươi tuổi thì phạm tội đọa. Nếu truyền giới Cụ túc thì chẳng đắc giới. Các Sa-môn truyền giới thì phạm tội tầm quý.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo tự tay đào đất, rồi dạy người đào đất. Thấy vậy, các trưởng giả nói với nhau:

- Vì sao Sa-môn Thích tử tự tay đào đất, lại dạy người đào đất, có khác gì người cày ruộng?!

Nghe vậy, Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào tự tay đào đất, hoặc dạy người đào thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một trưởng giả thỉnh Phật và chúng Tăng trong bốn tháng hạ cúng dường cung cấp y áo, đồ ăn uống, thuốc trị bệnh. Các Tỳ-kheo đến chỗ trưởng giả xin thuốc trị bệnh trong bốn tháng. Có Tỳ-kheo xin quá bốn tháng. Thấy vậy, các trưởng giả nói với nhau:

- Chúng ta chỉ hứa cung cấp cho Tỳ-kheo đủ bốn tháng chứ không có hơn.

Nghe vậy các Tỳ-kheo mười hai pháp liền đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo được thỉnh trong bốn tháng hạ thì chỉ đến xin y áo, thuốc trị bệnh trong bốn tháng, trừ khi họ thỉnh thêm, hoặc có lúc thỉnh riêng, hoặc thỉnh một ngày. Tỳ-kheo nào xin quá hạn thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào ngày mười lăm, kiền chùy được đánh để tập hợp chúng Tăng lại thuyết giới. Tôn giả Xiển-nộ bảo các Tỳ-kheo:

- Tôi không học giới ấy, phải hỏi Luật sư học rộng trước, xem giới này có nghĩa gì.

Các Tỳ-kheo không biết trả lời làm sao, liền đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Vào ngày thuyết giới, Tỳ-kheo nào nói rằng: “Tôi không học giới ấy, phải hỏi Luật sư học rộng trước, xem giới này có nghĩa gì” thì phạm tội đọa.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu không hiểu giới, phải hỏi Luật sư học rộng thì không phạm.

Phật ở vườn Cù-sur-la, thuộc Câu-xá-di.

Tỳ-kheo ở Câu-xá-di thích tranh cãi, chửi mắng, phỉ báng nhau. Nhóm sáu Tỳ-kheo bảo nhau:

- Các Tỳ-kheo ấy chửi mắng, phỉ báng nhau. Chúng ta cứ việc tụng kinh rồi mai sẽ nói với họ.

Nghe vậy, Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào nghe Tỳ-kheo khác tranh cãi mà lặng lẽ tụng kinh, để sáng hôm sau mới nói thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Cù-sur-la, thuộc Câu-xá-di.

Lúc ấy, Tỳ-kheo Cù-sur-la tập hợp hai mươi vị Tăng để tác pháp sám hối. Nhóm sáu Tỳ-kheo bảo nhau: “Chúng ta hãy lặng lẽ đi ra cho họ không thể sám hối được”, và lập tức rời khỏi chỗ, đi ra ngoài.

Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào khi Tăng đoán sự mà lặng lẽ bỏ đi, không nói với Tỳ-kheo ngồi bên cạnh thì phạm tội đọa.

Phật ở núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương-xá.

Ở trong đại chúng, nhóm sáu Tỳ-kheo kêu gào lớn tiếng làm phiền chúng Tăng. Nghe vậy, Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào kêu gào lớn tiếng làm nhiễu loạn chúng Tăng thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy tôn giả Hải từ Câu-tát-la đến nước Âm-kiệt-đa. Cách nước Âm-kiệt-đa không xa có con rồng tên A-mạc-đề-thổ rất hung ác, bạo ngược cư trú, không ai được đến nơi ấy. Voi, ngựa, lạc đà, bò, lừa đều không được đến. Chim cũng không được bay bên trên.

Vào sáng sớm, tôn giả Âm-kiệt-đó (Hải) đắp y mang bát vào nước Âm-kiệt-đa khát thực và nghe nói cách thành không xa có con rồng tên A-mạc-đề-thổ hung ác bạo ngược, người không được đến nơi ấy. Voi, ngựa, lạc đà, lừa, bò đều không được đến nơi ấy. Chim cũng không được bay bên trên.

Khát thực xong, tôn giả trở ra khỏi thành, cất y bát, rửa chân, vắt tọa cụ lên vai, đến chỗ con rồng ấy.

Trước tiên làm rung động gốc cây ba lần rồi trải tọa cụ ngồi kiết-già.

Nghe mùi cà-sa, rồng A-mạc-đề-thổ nổi giận chạy đến. Tôn giả Hải liền nhập tam muội. Rồng tuôn mưa và sấm sét. Tôn giả Hải biến mưa và sấm sét thành các loại hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng... Rồng lại tuôn mưa rần, bọ cạp, rùa, ba-ba... Tôn giả Hải hóa rần thành hoa sen xanh để đeo làm đồ trang sức; hóa bọ cạp thành tràng hoa chiêm-bạc; hóa rùa, ba-ba thành tràng

hoa trăm cánh. Rồng lại tuôn mưa giáo, dao, kích; tôn giả Hải hóa chúng thành mía, đường phèn, nho và lầy ăn.

Rồng suy nghĩ: “Đây chắc là đại thần tiên muốn độ ta nên đến ngồi ở đây”. Rồng liền được khai mở tâm ý, không còn sân hận, hóa thành một Bà-la-môn, đến trước tôn giả Hải đánh lễ sát đất, chấp tay thưa rằng:

- Con xin quy y ngài.

Tôn giả Hải đáp:

- Ông chớ có quy y tôi. Như tôi quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, ông cũng nên quy y Phật, Pháp, Tăng.

Rồng liền chấp tay vâng lời, chính thức quy y Phật, Pháp, Tăng, xin làm Ưu-bà-tắc, từ nay cho đến trọn đời không sát sanh.

Người trong nước đều nghe tin tôn giả Hải đã chế phục được rồng dữ. Nghe vậy, trưởng giả, Bà-la-môn tranh nhau đến cúng dường.

Tôn giả Hải đi dần đến vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Có một Ưu-bà-di nghe tôn giả Hải đến, liền thỉnh cúng dường riêng một ngày.

Vào sáng sớm, tôn giả Hải đắp y mang bát đến nhà Ưu-bà-di ấy. Thấy tôn giả đã ngồi yên, Ưu-bà-di liền đánh lễ sát đất, dâng nước sạch, tạy tay dâng các loại thức ăn.

Tôn giả Hải bảo Ưu-bà-di rằng:

- Này chị, tôi đi đường khát quá, có nước trái cây để uống không?

Ưu-bà-di suy nghĩ: “Nếu dâng nước đường đen, đường phèn, nước nho, rượu đắng thì sợ uống vào bị no hơi”.

Cô ấy liền dâng loại rượu giống như nước, có vị cũng như nước. Tôn giả Hải không nếm mà uống ngay. Ưu-bà-di dâng nước xong, liền ngồi ở phía trước nghe pháp.

Tôn giả Hải nói pháp xong liền ra đi.

Khi đến cửa cổng Kỳ-hoàn, hơi rượu mới phát làm vị ấy say mềm, không thể đi được và nằm bên lề đường; ba y, bình bát, túi đựng bát, tích trượng nằm một đồng.

Phật biết nhưng vẫn hỏi A-Nan:

- Ông hãy đáp y và cùng Ta ra cổng Kỳ-hoàn xem xét.

Thế Tôn dẫn A-Nan ra cổng Kỳ-hoàn và thấy tôn giả Hải say rượu nằm cạnh đường; ba y, bình bát, túi đựng bát, tích trượng đều nằm ở một chỗ. Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi A-Nan:

- Đó là ai vậy?

A-Nan bạch Phật:

- Đó là tôn giả Hải.

Thế Tôn bảo A-Nan:

- Ông hãy trở về Kỳ-hoàn bảo các Tỳ-kheo ra đây hết.

Vâng lời Phật, A-Nan liền vào Kỳ-hoàn mời các Tỳ-kheo ra ngoài cổng. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các Tỳ-kheo có từng thấy, nghe, biết tôn giả Hải chế phục rồng dữ hay không?

Người thấy đáp thấy, người nghe đáp nghe. Thế Tôn bảo:

- Nay các Tỳ-kheo! Bây giờ ông ấy có thể chế phục nổi một con ếch ương không? Huống gì là chế phục rồng dữ?!

Các Tỳ-kheo đáp:

- Không thể, thưa Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Như vậy đó, này các Tỳ-kheo! Uống rượu là một lỗi lớn. Từ nay trở đi, các Tỳ-kheo không được uống rượu, nếm rượu. Người nào uống rượu, nếm rượu thì phạm tội đọa.

Nước uống có tám loại: nước nho, nước mía, nước thị, nước lê, nước quả nài, nước lúa mạch nấu chín, nước bột gạo (rượu đắng), nước hoa.

Tóm lại mà nói, nước ấy giống như rượu, có vị như rượu, uống vào thì say, Thế Tôn nói đều không được uống.

Loại nước giống như rượu, vị cũng như rượu nhưng uống không say thì Thế Tôn cho phép uống.

Loại nước không giống rượu nhưng uống vào say, Thế Tôn cũng không cho uống.

Loại nước không giống rượu, có vị cũng không giống rượu nhưng uống vào không say thì Thế Tôn cho phép uống.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Ca-lưu-đà-di đã đắc đạo A-la-hán, liền suy nghĩ: “Khi chưa đắc đạo, ta đã cùng nhóm sáu Tỳ-kheo gây phiền não rất nhiều cho những gia đình trưởng giả ở thành Xá-vệ này và đã phạm nhiều việc. Ta phải đi giáo hóa để chuộc lỗi trước đây”.

Vị ấy liền giáo hóa chín trăm chín mươi chín gia đình ở Xá-vệ, còn thiếu một nhà nữa là đủ ngàn nhà. Số gia đình có vợ đắc đạo, nhưng chồng chưa đắc đạo thì không được tính. Số nhà có chồng đắc đạo, nhưng vợ chưa đắc cũng không được tính. Số gia đình vợ chồng và vợ đều đắc đạo mới được tính.

Có một Bà-la-môn vợ chồng có duyên được đắc đạo nhờ Ca-lưu-đà-di. Vào sáng sớm, Ca-lưu-đà-di đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực đúng thứ lớp.

Khi đến nhà Bà-la-môn ấy thì Bà-la-môn đã đi khỏi, không có ở nhà. Vợ Bà-la-môn đóng cửa, làm thức ăn ở trong. Ca-lưu-đà-di liền nhập vào chánh định, từ mặt đất trước bếp vọt ra. Thấy vậy, vợ người Bà-la-môn liền suy

nghĩ: “Người này chắc theo ta xin ăn đây. Nếu ông ấy treo ngược trên không trung ta cũng không cho”.

Ca-luu-đà-di liền treo ngược lên không trung. Vợ Bà-la-môn lại suy nghĩ: “Mặt lớn như miệng nồi ta cũng không cho”.

Mặt Ca-luu-đà-di liền lớn như miệng nồi. Vợ Bà-la-môn lại suy nghĩ: “Nếu treo miệng treo trên trán ta cũng không cho”.

Ca-luu-đà-di liền treo miệng treo trên trán. Vợ Bà-la-môn lại suy nghĩ: “Dù cho ngã chết trước mặt ta, ta cũng không cho thức ăn”.

Ca-luu-đà-di liền ngã ra chết. Vợ Bà-la-môn sợ quá, liền suy nghĩ: “Sa-môn Thích tử này có nhiều bạn bè, là bạn của vua Ba-tư-nặc, thầy của Mạc-lợi phu nhân. Nghe tin vị ấy chết ở nhà Bà-la-môn này, gia tộc ta chắc sẽ bị giết hết. Nếu vị ấy sống lại, ta sẽ theo ý vị ấy không dám trái nghịch”.

Lúc ấy Ca-luu-đà-di uôn người ngồi dậy. Thấy vậy, vợ Bà-la-môn suy nghĩ: “Ta phải lấy cơm cháy trong nồi cho ông ấy ăn”. Cô ta liền lấy muỗng xới tìm nhưng không có cơm cháy, chỉ có cơm ngon. Lúc ấy cơm trong nồi tự chảy vào trong bát.

Thấy việc biến hóa này, vợ Bà-la-môn được khai mở tâm ý, nghĩ rằng: “Người có thần thông lớn này đến đây là vì muốn độ ta, chẳng phải đến xin ăn”. Cô ấy liền bung bát cơm dâng cho vị thầy (Ca-luu-đà-di). Vị thầy nói:

- Cô không dùng cơm này thì hãy đem cúng cho chúng Tăng.

Vợ Bà-la-môn vốn đã gieo trồng căn lành nơi vị Phật trước nên bảo với Ca-luu-đà-di:

- Hãy cùng đi. Tôi muốn đem nồi cơm này dâng cúng hết cho chúng Tăng.

Vị thầy nói:

- Tùy ý.

Lúc ấy, vợ Bà-la-môn vác nồi cơm ấy đến Kỳ-hoàn, đánh kiền chùy tập hợp chúng Tăng, đem cơm dâng cúng cho chúng Tăng, đánh lễ Ca-luu-đà-di rồi

ngồi qua một phía. Vị thầy liền nói các loại pháp, phá hai mươi ức thân kiến, đắc quả Tu-đà-hoàn.

Sau khi được kiến đế, phụ nữ ấy đánh lễ vị thầy, nguyện từ nay trở đi quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, xin làm Ưu-bà-di, suốt đời không sát sanh.

Phụ nữ ấy đánh lễ Ca-lưu-đà-di rồi trở về nhà nói với Bà-la-môn rằng:

- Tôn giả Ca-lưu-đà-di đã đến đây khát thực, làm bao nhiêu pháp biến hóa, tôi liền cúng dường nôi cơm cho chúng Tăng và được nghe thuyết pháp, nay đã đắc đạo Tu-đà-hoàn. Ông hãy mau đến đó nghe pháp.

Bà-la-môn ấy vốn đã trông căn lành nơi vị Phật nên lập tức đến chỗ Ca-lưu-đà-di, đánh lễ sát đất rồi ngồi ở phía trước. Ca-lưu-đà-di nói pháp phá hai mươi ức thân kiến làm cho Bà-la-môn ấy đắc đạo Tu-đà-hoàn.

Sau khi được kiến đế, Bà-la-môn liền đứng dậy đánh lễ sát đất, nguyện từ nay trở đi quy y Phật, Pháp, Tăng, làm Ưu-bà-tắc, suốt đời không sát sanh.

Nghe thuyết pháp xong, Ưu-bà-tắc liền đứng dậy đánh lễ rồi đi.

Về đến nhà, ông ta bảo vợ rằng:

- Ca-lưu-đà-di là thiện tri thức cao quý nhất của chúng ta, đã cắt đứt gốc sanh tử của chúng ta, đóng kín cửa địa ngục, vượt qua bờ bên kia. Hãy mời ngài đến đây nhận tất cả các thứ cần dùng như: y, áo, cơm ăn, thuốc trị bệnh.

Người vợ bảo Bà-la-môn:

- Ông hãy đến thỉnh đi.

Bà-la-môn liền đến gặp Ca-lưu-đà-di, đánh lễ sát đất, quỳ ở phía trước, bạch rằng:

- Xin hãy đến nhà con nhận các thứ cần dùng như: y, áo, cơm ăn, thuốc trị bệnh. Chớ có nghi ngại.

Ca-lưu-đà-di im lặng nhận lời. Vị ấy thường đến đó nhận các thứ cần dùng.

Bà-la-môn này chỉ có một người con. Họ cưới vợ cho con và gọi hai vợ chồng người con đến dạy rằng:

- Sau khi cha mẹ qua đời, các con phải chăm nom Ca-luu-đà-di như khi cha mẹ còn sống vậy.

Người con quỳ xuống đáp:

- Xin vâng.

Sau đó, cha mẹ lần lượt qua đời. Sau bảy ngày, người con tắm rửa, mặc áo, đến chỗ Ca-luu-đà-di đánh lễ sát đất rồi ngồi qua một phía, bạch vị thầy rằng:

- Ca-luu-đà-di chính là cha mẹ của con. Xin hãy đến nhà con nhận các thứ cần dùng như: y, áo, cơm ăn, thuốc trị bệnh.

Ca-luu-đà-di có cần thứ gì thường đến đó lấy.

Lúc ấy con của Bà-la-môn đi khỏi, không có ở nhà. Có năm trăm tên cướp vừa cướp của ở bên ngoài, đang đem của cải vào thành Xá-vệ. Người cầm đầu nhóm cướp có tướng mạo rất xinh đẹp. Ở trên lầu, nàng dâu của người Bà-la-môn trông thấy liền sai một nàng hầu đến, bảo:

- Xin hãy tạm dừng chân, hạ cố vào thăm tệt xá này.

Tướng cướp liền vào nhà cùng con dâu của Bà-la-môn làm việc bất tịnh.

Tôn giả Ca-luu-đà-di cũng vừa đến nhà, đến chỗ ngồi ngồi xuống. Cô ta liền dâng nước sạch, bày các loại thức ăn.

Khi tôn giả ăn xong, cô ta lại dâng nước sạch và ngồi ở phía trước để nghe pháp. Tôn giả liền nói sự dơ bẩn của dâm, phạm giới đọa đường ác, trì giới sanh thiên.

Dâu của Bà-la-môn suy nghĩ: “Sa-môn này đến sau, lại nói về sự bất tịnh của dâm, trì giới sanh thiên; chắc là đã thấy ta làm việc bất tịnh, lại là người thân tín nhất của chồng ta. Nếu ông ấy nói việc này thì tội ta chẳng phải nhỏ”.

Sau khi Ca-luru-đà-di đi, cô ấy bảo tướng cướp:

- Sa-môn này đến sau, chỉ nói về dâm dục. Chắc ông ấy đã thấy ta làm việc bất tịnh, ông ấy lại là người thân tín nhất của chồng em. Nếu ông ta nói việc này thì tội của em chẳng phải nhỏ.

Tướng cướp hỏi:

- Vậy phải làm sao?

Dâu của Bà-la-môn đáp:

- Phải bắt giết.

Tướng cướp đáp:

- Không thể giết được.

Nàng dâu nói:

- Vì sao không giết được?

Tướng cướp đáp:

- Đó là con của dòng họ lớn, bạn của vua Ba-tư-nặc, thầy của Mạt-lợi phu nhân, vì vậy không thể giết được.

Nàng dâu nói:

- Cần phải tìm cách.

Cô ta liền giả bệnh và đưa thư mời Ca-luru-đà-di đến.

Vào buổi chiều, Ca-luru-đà-di đắp y mang bát đến nhà ấy. Nàng dâu đánh lễ sát đất, ngồi qua một phía. Ca-luru-đà-di liền nói pháp cho cô ấy nghe. Nói pháp xong, vị ấy định ra đi. Dâu của Bà-la-môn bạch rằng:

- Hãy ở lại thêm một lát, chớ có đi. Nhờ nghe pháp của ngài mà bệnh con đã giảm chút ít.

Ca-luu-đà-di lại thuyết pháp.

Khi mặt trời lặn, tướng cướp liền cầm dao đứng ở phía sau chặt đầu, vị ấy liền qua đời. Họ đem xác vị ấy giấu dưới hố phân ngựa ở sau nhà.

Hôm ấy là ngày rằm, chúng Tăng đánh kiền chùy để tập họp chúng Tăng thuyết giới. Khi phát thẻ xong thì dư một thẻ. Bạc Thượng tọa hỏi:

- Ai không vào thuyết giới?

Người bên cạnh nói:

- Tôn giả Ca-luu-đà-di không đến.

Thượng tọa hỏi:

- Vị ấy có dặn gì không?

Đáp:

- Không.

Thượng tọa không biết làm sao, liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Các Tỳ-kheo hãy thuyết giới đi. Ca-luu-đà-di đã nhập Niết-bàn. Còn thiếu một người nữa mới đủ năm trăm người.

Vị Thượng tọa nói:

- Bạch Thế Tôn! Ca-luu-đà-di là bạn thân của con, nay vị ấy đã từ biệt con rồi!

Lúc ấy, vào sáng sớm Thế Tôn đắp y mang bát cùng chúng Tăng vào nước Xá-vệ.

Đến hố phân ngựa, do sức Phật, thân Ca-luu-đà-di trôi lên khỏi mặt đất bảy trượng. Các Tỳ-kheo đưa giường lên đỡ, thân ấy liền hạ xuống nằm trên giường.

Các Tỳ-kheo đưa xác vị ấy ra ngoài thành, đến nghĩa địa, cúng dường các loại hoa hương, dựng tràng phan, bảo cái xung quanh, thổi các loại âm nhạc, rưới dầu thơm lên thân vị ấy để làm lễ trà-tỳ rồi dựng tháp thờ.

Nghe tin tôn giả Ca-lưu-đà-di bị Bà-la-môn ấy giết, vua Ba-tư-nặc liền cho giết gia đình Bà-la-môn. Bề tôi đi giết mười tám gia đình, bắt năm trăm tên cướp, chặt hết tay chân quăng xuống hào ở Kỳ-hoàn.

Nhân việc này, Thế Tôn tập hợp chúng Tăng, vì muốn đủ mười công đức nên kết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào không dẫn Tỳ-kheo ở gần mà vào làng phi thời thì phạm Ba-dật-đề.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Tôn giả Ca-lưu-đà-di đã tạo nghiệp ác gì mà nay chúng quả A-la-hán rồi còn bị gia đình Bà-la-môn ấy giết?

Thế Tôn bảo:

- Xưa kia Ca-lưu-đà-di làm chủ việc tế trời. Có năm trăm tên cướp, cướp được của cải đem vào nước Xá-vệ. Năm trăm tên cướp chặt bốn chân của con dê đem đến chỗ tế trời. Ông chủ đền tế trời liền giết con dê ấy. Năm trăm tên cướp chặt bốn chân dê lúc ấy, nay là năm trăm tên cướp ở Kỳ-hoàn. Chủ đền tế trời giết con dê, nay là Ca-lưu-đà-di. Tuy đắc A-la-hán nhưng không thoát khỏi nghiệp báo đời trước. Con dê lúc ấy nay là dâu của người Bà-la-môn.

Sau khi Thế Tôn nói chuyện đời trước của Ca-lưu-đà-di xong, các Tỳ-kheo hoan hỷ đánh lễ mà lui ra.

TỶ NẠI DA

Hết quyển chín

--- o0o ---

Quyển thứ mười

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào sáng sớm, nhóm sáu Tỳ-kheo đến nhà đã thỉnh Phật và chúng Tăng ngồi đũa giỡn với trẻ con.

Lúc ấy trời rất nóng, vợ trưởng giả muốn coi bột y phục để làm thức ăn cho chúng Tăng nhưng xấu hổ với nhóm sáu Tỳ-kheo.

Thấy vậy, các trưởng giả nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử này không có điều gì cấm kỵ cả. Chúng Tăng chưa đến mà đã đến trước, làm trở ngại việc làm thức ăn của người.

Nghe vậy, Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Có gia đình thỉnh ăn sáng hoặc ăn Ngọ, Tỳ-kheo nào đến ngồi ở nhà ấy trước đại chúng để đũa giỡn với trẻ em thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo tự ý thuộc dòng dõi nhà vua nên vào cung khi gà chưa gáy. Thấy vậy, các trưởng giả nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử này tự ý thuộc dòng dõi nhà vua nên vào cung khi gà chưa gáy.

Nghe vậy, Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào khi trời chưa sáng, cửa báu chưa được đem cất, vua chưa mặc y phục mà bước qua ngưỡng cửa thành - trừ khi bị quan gọi gấp - thì phạm tội đọa.

Có mười lý do không nên vào cung vua:

- Nếu Tỳ-kheo vào cung vua, đệ nhất phu nhân bước ra mỉm cười, đánh lễ Sa-môn, Tỳ-kheo cũng mỉm cười đáp lại. Vua thấy liền sanh ác ý, nghĩ rằng: “Sa-môn này tư thông với vợ mình”. Đó là lý do đầu tiên của việc Tỳ-kheo không nên vào cung vua.

- Hoặc có lúc vua cùng phu nhân ngủ chung, sau đó quên là đã ngủ chung mà phu nhân có thai. Tỳ-kheo vào cung, vua liền sanh ác tâm, nghĩ rằng: “Sa-môn này thường vào cung, chắc là đã tư thông với vợ ta”. Đó là lý do thứ hai của việc Tỳ-kheo không nên vào cung vua.

- Hoặc có lúc cung vua mất châu báu, thấy Tỳ-kheo vào cung, vua liền sanh ác tâm, nghĩ rằng: “Sa-môn này thường vào cung, chắc là đã ăn trộm châu báu mang đi”. Đó là lý do thứ ba của việc Tỳ-kheo không nên vào cung vua.

- Hoặc có lúc vua bàn luận định giết thái tử và những người thân. Vua chưa ra sắc lệnh thì sự việc bị tiết lộ. Tỳ-kheo vào cung, vua liền sanh ác niệm, nghĩ rằng: “Không còn ai khác, chính Tỳ-kheo đã tiết lộ việc này”. Đó là lý do thứ tư Tỳ-kheo không nên vào cung vua.

- Hoặc có lúc thái tử mưu tính giết vua. Tỳ-kheo vào cung ngồi nói chuyện với thái tử, vua liền sanh ác niệm, nghĩ rằng: “Tỳ-kheo này thường đến chỗ thái tử, chắc là đồng mưu với thái tử”. Đó là lý do thứ năm Tỳ-kheo không nên vào cung vua.

- Hoặc có lúc vua muốn giết đại thần. Vua chưa có sắc lệnh mà đã bị tiết lộ ra ngoài. Tỳ-kheo vào cung, vua liền sanh ác niệm, nghĩ rằng: “Không còn ai khác, chắc chắn Tỳ-kheo ấy đã tiết lộ việc này”. Đó là lý do thứ sáu Tỳ-kheo không nên vào cung vua.

- Hoặc có lúc vua muốn đưa người hạ tiện lên làm đại thần. Vua chưa có sắc lệnh thì tiếng đồn đã vang ra ngoài. Tỳ-kheo vào cung vua, vua liền sanh ác niệm, nghĩ rằng: “Tỳ-kheo ấy đã tiết lộ việc này”. Đó là lý do thứ bảy Tỳ-kheo không nên vào cung vua.

- Hoặc có lúc vua muốn công phạt nước khác. Phi nhân, Dược-xoa truyền tin ấy đi. Tỳ-kheo vào cung, vua liền sanh ác niệm: “Chắc chắn Tỳ-kheo tiết lộ tin này”. Đó là lý do thứ tám Tỳ-kheo không nên vào cung vua.

- Hoặc có lúc vua và đại thần không thích gặp Tỳ-kheo, Tỳ-kheo vào cung, đại thần không thích gặp. Đó là lý do thứ chín Tỳ-kheo không được vào cung vua.

- Hoặc là Tỳ-kheo thường vào cung vua, bị giữ ở lại đêm trong ấy, trở ngại không thể ngồi thiền, tụng kinh, giảng dạy. Đó là lý do thứ mười Tỳ-kheo không nên vào cung vua.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào ngày mười lăm, kiền chùy được đánh để tập hợp chúng Tăng thuyết giới. Lúc ấy Tỳ-kheo Xiển-nộ nói rằng:

- Các giới luật ấy tôi đã thông thuộc hết”, và các Tỳ-kheo cho là Tỳ-kheo Xiển-nộ đã thông thuộc. Các Tỳ-kheo đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Khi thuyết giới, Tỳ-kheo nào nói rằng: “Tôi đã biết pháp này, việc gì cứ nửa tháng lại phải đến thuyết giới. Tôi đã hiểu pháp ấy”. Các Tỳ-kheo cho rằng Tỳ-kheo ấy thường xuyên đến nghe, đã từng nghe giới này, hoặc đã nghe ở nhiều nơi khác. Tỳ-kheo nào như vậy thì phải nên sám hối như pháp và dạy bảo họ phải chuyên chú nghe giới. Tỳ-kheo nào không hiểu mà nói hiểu thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Các Tỳ-kheo lấy ngà voi, xương, sừng làm ống đựng kim. Thấy vậy các trưởng giả nói với nhau:

- Nếu Sa-môn Thích tử không tham đồ tốt thì việc gì phải lấy ngà voi, xương, sừng làm ống đựng kim?!

Nghe vậy, Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào dùng ngà voi, xương, sừng làm ống đựng kim thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Các Tỳ-kheo không biết pháp làm giường nên làm loại giường có chân rất cao. Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn dạy:

- Tỳ-kheo nào làm giường có chân cao quá tám ngón tay của Như Lai, trừ phần diềm ráp vào thành giường thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo thu lượm sợi bông và cỏ Bồ-đài để dành làm ngoại cụ. Chỉ vài ngày sau liền sanh trùng. Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào cắt sợi bông và cỏ Bồ-đài để nhồi ngoại cụ thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo làm y tắm mưa nhưng không biết kích cỡ. Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Phật, Phật bảo:

- Tỳ-kheo nào làm y tắm mưa dài quá sáu khuỷu tay, rộng quá hai khuỷu rưỡi thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Y áo các Tỳ-kheo mỏng, thưa, Thế Tôn cho phép mặc y lót. Các Tỳ-kheo không biết may dài ngắn thế nào, liền đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào may y lót dài quá bốn khuỷu tay, rộng quá hai khuỷu tay thì phạm tội đọa.

Thế Tôn ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Thế Tôn cho phép làm tọa cụ, các Tỳ-kheo không biết làm thế nào, liền đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào làm tọa cụ dài quá hai khuỷu tay, rộng quá một khuỷu tay rưỡi (trừ phần biên) thì phạm tội đọa.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Tỳ-kheo Nan-đà là em con mẹ kế của Thế Tôn, có thân hình xinh đẹp không ai bằng. Phật có ba mươi hai tướng tốt, Nan-đà có ba mươi tướng. Nan-đà đắp y có kích thước bằng y của Như Lai đắp. Trông thấy Nan-đà đến, các Tỳ-kheo trưởng lão cho là Như Lai nên đều đứng dậy nghinh đón. Khi Nan-đà đến gần, họ mới biết là Nan-đà, chẳng phải là Phật nên đều xấu hổ, ngồi xuống trở lại.

Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn liền tập hợp chúng Tăng, vì muốn đầy đủ mười công đức nên kiết giới cho Sa-môn:

- Tỳ-kheo nào may ba y bằng kích thước của y Như Lai thì phạm Ba-dật-đề. Y Như Lai dài chín khuỷu tay, rộng sáu khuỷu tay. (Y Tỳ-kheo dùng có kích thước là: rộng ba khuỷu tay, dài năm khuỷu tay)

--- o0o ---

Pháp BA-LA-ĐỀ-ĐỀ-XÁ-NI

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy trời hạn hán, thóc lúa quý hiếm, khát thực khó được. Các Tỳ-kheo có nhan sắc tiêu tụy.

Tỳ-kheo ni Cồ-đàm-di-đề-thứ có bạn bè rộng rãi, có thể xin mọi thứ theo ý thích, luôn được các trưởng giả giúp đỡ.

Thấy các Tỳ-kheo có nhan sắc tiêu tụy, có bao nhiêu thức ăn xin được, cô ấy đều cúng hết cho các Tỳ-kheo, còn mình thì nhịn đói, không ăn liên tiếp ba bốn ngày.

Vào sáng sớm, cô ấy muốn vào thành nhưng khi đến cửa thành thì bị ngất xỉu, nằm cạnh đường. Có một Ưu-bà-tắc trông thấy, liền vào nhà sai tỳ nữ đến đỡ Tỳ-kheo ni ấy vào nhà. Tỳ nữ liền đỡ Tỳ-kheo ni đó vào nhà, nấu cháo cho cô ấy ăn.

Ưu-bà-tắc hỏi ni cô:

- Cô bị bệnh gì mà nằm ở cạnh đường vậy?

Tỳ-kheo ni nói đầy đủ việc ấy, nghe vậy, các trưởng giả nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử này không biết đủ mới để cho Tỳ-kheo ni Đề-thứ nhịn đói ba bốn ngày rất là khổ sở.

Nghe vậy, Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Phật, Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào không bệnh mà vào làng nhận thức ăn từ Tỳ-kheo ni không bà con thì Tỳ-kheo ấy phải sám hối với một Tỳ-kheo có giới hạnh rằng: “Tôi đã làm việc đáng nhục nhã, cần phải sám hối như pháp”. Đó là pháp hồi quá.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một trưởng giả bày thức ăn, thỉnh nhiều Tỳ-kheo. Tỳ-kheo ni Thỏ-la-nan-đa cũng thọ thực ở nhà ấy. Cô ta lớn tiếng kêu xin để mong được lợi ích. Các trưởng giả thấy vậy liền nói với nhau:

- Ở giữa đại chúng, vì sao Tỳ-kheo ni này lại kêu la lớn tiếng như vậy?

Nghe vậy, Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Khi Tỳ-kheo ngồi ăn, nếu có Tỳ-kheo ni nào lớn tiếng xin thức ăn thì Tỳ-kheo không được ăn, mà phải ngồi yên. Các Tỳ-kheo phải bảo Tỳ-kheo ni rằng: “Này cô! Hãy thôi, để yên cho các Tỳ-kheo thọ thực”. Nếu trong chúng không có Tỳ-kheo nào bảo với Tỳ-kheo ni như vậy thì các Tỳ-kheo này phải sám hối với các Tỳ-kheo rằng: “Tôi đã làm việc đáng hổ thẹn. Cần phải sám hối như pháp.”. Đó là pháp hồi quá.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy Thất-lê-yết-nộ - đại thần của vua Ba-tư-nặc - giàu có vô hạn, ruộng vườn rất nhiều, trị giới tinh tấn, thông minh trí tuệ, đã đắc quả kiến đế. Vị ấy thỉnh Phật và chúng Tăng xin cung cấp y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc chữa bệnh, cúng dường làm phước không biết mỏi mệt. Sau đó vị ấy nghèo dần, vợ con tôi tớ không đủ y áo để che thân. Thấy vậy các trưởng giả nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử không hề biết đủ. Cứ đến nhà Thất-lê-yết-nộ mãi, làm ông ấy lấy phần của vợ con cho Tỳ-kheo ăn đến nỗi vợ con không có áo quần để mặc.

Nghe vậy, Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Nhà của người đã kiến đế thỉnh thì không được cứ đến nhà ấy thọ thực mãi. Đồi với nhà của người đã kiến đế, tuy họ đã thỉnh trước nhưng Tỳ-kheo

không được ở đó quá một đêm. Tỳ-kheo nào đến đó, tự tay nhận đồ ăn uống quá một lần thì phải sám hối với Tỳ-kheo có giới hạnh rằng: “Tôi thật đáng xấu hổ, phải sám hối như pháp”. Đó là pháp hồi quá.

Phật ở vườn Ni-câu-loại của dòng họ Thích, ở Ca-duy-la-vệ.

Dòng họ Thích ở Ca-duy-la-vệ thường để riêng đồ ăn uống để cúng Phật và Tăng, sau đó mới tự ăn.

Lúc ấy các phụ nữ họ Thích mang thức ăn đến tịnh xá cúng dường Phật và Tăng, khi sắp đến nơi thì bị bọn cướp cướp sạch. Nghe tin các phụ nữ họ Thích bị bọn cướp cướp sạch, nhóm sáu Tỳ-kheo bảo nhau rằng:

- Chúng ta hãy cùng đến trêu đùa chơi.

Họ liền đến bảo các phụ nữ rằng:

- Đồ ăn uống đâu rồi? Hãy cho chúng tôi một ít đi!

Các phụ nữ đều mất hết quần áo nên xấu hổ nói rằng:

- Bị giặc cướp hết rồi.

Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi A-Nan:

- Ai nói chuyện lớn tiếng ngoài vườn vậy?

A-Nan bạch Phật:

- Các phụ nữ họ Thích mang đồ ăn uống đến, bị giặc cướp đoạt, lại bị nhóm sáu Tỳ-kheo đến trêu ghẹo, vì vậy gây ồn ào.

Thế Tôn bảo A-Nan:

- Ông hãy đi lấy vải dư đem cho họ đắp.

Vâng lệnh Phật, A-Nan liền lấy vải dư cho họ đắp. Các phụ nữ dòng họ Thích liền đắp vải ấy rồi đến chỗ Phật, đánh lễ sát đất, ngồi qua một phía. Thế Tôn liền nói pháp cho các cô ấy nghe. Thuyết pháp xong, Ngài im lặng. Thấy Phật im lặng, các phụ nữ đứng dậy đánh lễ Phật rồi đi.

Khi các phụ nữ ấy đi được một lát, nhân việc ấy Thế Tôn liền tập hợp chúng Tăng, vì muốn đủ mười công đức nên kiết giới cho Sa-môn:

- Có tịnh xá nằm ở nơi hoang vắng, xa đường cái, có tai nạn nguy hiểm, có nhiều giặc cướp; Tỳ-kheo nào biết chỗ mình ở, ở nơi hoang vắng, xa đường cái, có nhiều tai nạn nguy hiểm, có nhiều giặc cướp, trước không được Tăng sai ra ngoài và đã thọ thực ở bên trong, hoặc ngoài vườn mà lại ra ngoài xin thức ăn uống thì Tỳ-kheo ấy phải sám hối với Tỳ-kheo có đức hạnh rằng: “Tôi đã làm việc đáng hổ thẹn, phải sám hối như pháp”. Đó là pháp hối quá.

--- o0o ---

Pháp XOA-KẾ-LẠI-NI (Pháp Chúng học)

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo mặc y hạ lưng thụng quét đất. Thấy vậy, các trưởng giả nói rằng:

- Sa-môn Thích tử mặc y hạ kéo lê lét không khác gì phụ nữ.

Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Mặc y hạ không được để lưng thụng quét đất. Tỳ-kheo nào để lưng thụng quét đất thì phạm pháp Chúng học.

Nhóm sáu Tỳ-kheo đắp y hạ quá cao. Thấy vậy, các trưởng giả nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử đắp y hạ quá cao, khác gì đàn bà!

Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Không được đắp y hạ quá cao. Ai đắp cao thì không thích hợp với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo đắp y hạ lệch qua một bên. Thấy vậy, các trưởng giả nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử đắp y hạ lệch qua một bên.

Thế Tôn bảo:

- Đắp y hạ không được để lệch qua một bên. Ai đắp y hạ lệch qua một bên thì không hợp giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo đắp y hạ quần thật nhuỷ, tạo thành những nếp nhăn thồng từ trên xuống giống như cái búa, hoặc như mũi nhọn. Thấy vậy, các trưởng giả bảo nhau:

- Sa-môn Thích tử đắp y hạ quần thật nhuỷ thành những nếp nhăn thồng từ trên xuống.

Thế Tôn bảo:

- Đắp y hạ không được quần thật nhuỷ thành những nếp nhăn cho thồng từ trên xuống. Ai làm như vậy thì không hợp giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo đắp y hạ thành hình giống như lá cây Đa-lặc. Các trưởng giả nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử đắp y hạ giống như lá cây Đa-lặc.

Thế Tôn bảo:

- Không được đắp y hạ tạo thành hình giống như lá cây Đa-lặc. Ai đắp như vậy thì không hợp giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo đắp y hạ thành hình giống như vôi vôi. Thấy vậy, các trưởng giả nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử đắp y hạ giống như vôi vôi.

Thế Tôn bảo:

- Không được đắp y hạ giống như vôi vôi. Ai đắp như vậy thì không hợp giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo đắp y hạ giống như vắt com lúa mạch. Các trưởng giả nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử đắp y hạ giống như vắt com lúa mạch.

Thế Tôn bảo:

- Không được đắp y hạ giống như vắt com lúa mạch. Ai làm như vậy thì không hợp giới hạnh. (Kéo lệch một góc rồi luồn vào bên trên, không có buộc thắt lưng)

Nhóm sáu Tỳ-kheo đắp y hạ giống như tấm lưới bằng len. Các trưởng giả nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử đắp y hạ như tấm lưới bằng len.

Thế Tôn bảo:

- Không được đắp y hạ giống như tấm lưới bằng len. Ai đắp như vậy thì không hợp giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo ủi y hạ bóng láng để đắp. Các trưởng giả nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử này ủi y hạ láng bóng để đắp.

Thế Tôn bảo:

- Không được ủi y hạ cho láng bóng để đắp. Ai làm như vậy thì không hợp giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo túm đầu y hạ lại mà đắp. Các trưởng giả nói rằng:

- Sa-môn Thích tử này túm đầu y hạ lại mà đắp.

Thế Tôn bảo:

- Không được túm đầu y hạ lại để đắp. Ai làm như vậy thì không hợp giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo đắp đắp y hạ làm bằng tơ mịn. Các trưởng giả nói với nhau:

- Sa-môn Thích tử này đắp y hạ làm bằng tơ mịn.

Thế Tôn bảo:

- Không được đắp y hạ làm bằng tơ mịn. Ai vi phạm thì không hợp giới hạnh.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Phải đắp y hạ cho tề chỉnh. Ai đắp y hạ không tề chỉnh thì không hợp giới hạnh.

Phật ở vườn Kỳ thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo đắp ba y, để một góc y kéo lê trên đất. Thế Tôn bảo:

- Không được đắp ba y mà để một góc y rủ xuống kéo lê trên đất. Ai làm vậy thì không hợp giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo đắp ba y quá cao. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được đắp ba y quá cao. Ai đắp cao thì không hợp giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo buông một góc của ba y ở phía trước. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được buông một góc của ba y ở phía trước. Ai làm như vậy thì không hợp giới hạnh. (Không được vắt ngược y lên vai rồi buông nó xuống cánh tay trước khuỷu tay)

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Phải đắp ba y cho tề chỉnh. Ai đắp không tề chỉnh thì không hợp giới hạnh.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo không giữ yên tĩnh khi đi vào nhà. Thấy vậy Thế Tôn bảo:

- Phải giữ yên tĩnh khi đi vào nhà. Ai vi phạm thì không hợp giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo không giữ yên tĩnh khi ngồi trong nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Phải giữ yên tĩnh khi ngồi trong nhà. Ai không giữ yên tĩnh khi ngồi trong nhà thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo không chú ý khi vào nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Phải chú ý khi đi vào nhà. Ai không chú ý thì không hợp giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo không chú ý khi ngồi trong nhà. Thế Tôn bảo:

- Phải chú ý khi ngồi trong nhà. Ai không chú ý khi ngồi trong nhà thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo trợn mắt khi đi vào nhà. Thế Tôn bảo:

- Không được trợn mắt khi đi vào nhà. Ai làm vậy thì không hợp giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo trợn mắt khi ngồi trong nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được trợn mắt khi vào ngồi trong nhà. Ai trợn mắt khi vào ngồi trong nhà thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo ngược đầu đi vào trong nhà. Thế Tôn bảo:

- Không được ngược đầu đi vào nhà. Ai làm vậy thì không hợp giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo ngẩng cao đầu ngồi trong nhà. Thế Tôn bảo:

- Không được ngược đầu ngồi trong nhà. Ai làm vậy thì trái giới hạnh (giống như tự đại).

Nhóm sáu Tỳ-kheo kêu gọi nhau khi đi vào nhà. Thế Tôn bảo:

- Không được kêu gọi nhau khi đi vào nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo kêu gọi nhau khi ngồi trong nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được kêu gọi nhau khi ngồi trong nhà. Ai làm vậy thì không hợp giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo kêu la lớn tiếng khi đi vào nhà. Thế Tôn bảo:

- Không được kêu la lớn tiếng khi đi vào nhà. Ai làm vậy thì không hợp giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo kêu la lớn tiếng khi ngồi trong nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được kêu la lớn tiếng khi ngồi trong nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo đi cà-nhót vào nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được đi cà-nhót vào nhà. Ai đi như vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi chồm hỏm trong nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được ngồi chồm hỏm trong nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lấy ba y trùm đầu mà đi vào nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được lấy ba y trùm đầu khi đi vào nhà y. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lấy ba y trùm đầu mà ngồi trong nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được lấy ba y che đầu mà ngồi trong nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo quấn ba y nơi cổ đi vào nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được quần ba y nơi cổ đi vào nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo quần ba y nơi cổ ngồi trong nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được quần ba y nơi cổ ngồi trong nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo đắp ba y để hở ngực đi vào nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được để hở ngực mà đi vào nhà. Ai làm vậy thì trái giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo đắp ba y để hở ngực mà ngồi trong nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được để hở ngực khi ngồi trong nhà. Ai làm vậy thì trái giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo rũ ba y che kín chân đi vào nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được rũ ba y che kín chân đi vào nhà. Ai làm vậy thì trái giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo rũ ba y che kín chân khi ngồi trong nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được rũ ba y che kín chân mà ngồi trong nhà. Ai làm vậy thì trái giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo vắt ngược phần y ở hai bên hông lên trên vai mà đi vào nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được vắt ngược phần y ở hai bên lên vai mà đi vào nhà. Ai làm vậy thì trái giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo vắt ngược phần y hai bên lên vai mà ngồi trong nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được vắt ngược phần y ở hai bên lên vai mà ngồi trong nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo vắt ngược ba y lên vai trái đi vào nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được vắt ngược ba y lên vai trái đi vào nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo vắt ngược ba y lên vai trái ngồi trong nhà. Thế Tôn bảo:

- Không được vắt ngược ba y lên vai trái ngồi trong nhà. Ai làm vậy thì không hợp giới hạnh.

(Thiếu giới bên phải)

Nhóm sáu Tỳ-kheo lắc hai tay ở trong ba y đi vào nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được lắc hai tay bên trong ba y mà đi vào nhà. Ai làm vậy thì trái giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lắc hai tay bên trong ba y khi ngồi trong nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được lắc lư cánh tay bên trong ba y khi ngồi trong nhà. Ai làm vậy thì trái giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo vẫy tay đi vào nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được vẫy tay đi vào nhà. Ai làm vậy thì trái giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo vẫy tay khi ngồi trong nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được vẫy tay khi ngồi trong nhà. Ai làm vậy thì không hợp giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lắc khuỷu tay đi vào nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được lắc khuỷu tay đi vào nhà. Ai lắc khuỷu tay đi vào nhà thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lắ khuyú tay khi ngòì trong nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được lắ khuyú tay khi ngòì trong nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lắ vai khi đi vào nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được lắ vai đi vào nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lắ vai khi ngòì trong nhà. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được lắ vai khi ngòì trong nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lắ lư đầu khi đi vào nhà. Thế Tôn bảo:

- Không được lắ lư đầu mà đi vào nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lắ lư đầu khi ngòì trong nhà. Thấy vậy Thế Tôn bảo:

- Không được lắ lư đầu khi ngòì trong nhà. Ai lắ lư đầu khi ngòì trong nhà thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lắ lư thân mình khi đi vào nhà. Thấy vậy Thế Tôn bảo:

- Không được lắ lư thân mình khi đi vào nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lắ lư thân mình khi ngòì trong nhà. Thế Tôn bảo:

- Không được lắ lư thân mình khi ngòì trong nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh. Nhóm sáu Tỳ-kheo nắm tay nhau đi vào nhà. Thấy vậy Thế Tôn bảo:

- Không được nắm tay nhau đi vào nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo nắm tay nhau ngòì trong nhà. Thấy vậy Thế Tôn bảo:

- Không được nắm tay nhau ngòì trong nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo co một chân lên nhảy lò cò vào nhà. Thấy vậy Thế Tôn bảo:

- Không được co một chân nhảy vào nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo co một chân ngồi trong nhà. Thấy vậy Thế Tôn bảo:

- Không được co một chân ngồi trong nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo chụm hai chân nhảy vào nhà. Thấy vậy Thế Tôn bảo:

- Không được chụm hai chân nhảy vào nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo chụm hai chân nhảy vào ngồi trong nhà. Thế Tôn bảo:

- Không được chụm hai chân nhảy vào ngồi trong nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh. Nhóm sáu Tỳ-kheo xếp bàn chân lên nhau ngồi trong nhà. Phật dạy:

- Không được xếp chân lên nhau ngồi trong nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo tréo chân ngồi trong nhà. Thấy vậy Thế Tôn bảo:

- Không được tréo chân ngồi trong nhà. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo chống cằm ngồi trong nhà cười đùa với nhau. Thấy vậy Thế Tôn bảo:

- Không được chống cằm ngồi trong nhà cười đùa với nhau. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một trưởng giả thỉnh Phật và chúng Tăng. Khi Phật và chúng Tăng đã an tọa, trưởng giả tự tay dâng nước và bày các loại đồ ăn uống. Vợ trưởng giả cũng đi dâng thức ăn. Nhóm sáu Tỳ-kheo mãi ngược nhìn vợ trưởng giả, làm đồ ăn uống không vào bát mà rơi hết ra ngoài. Thấy vậy, các trưởng giả nói

với nhau: - Vì sao Sa-môn lại nhìn nhan sắc của phụ nữ để cho đồ ăn uống bị đổ hết ra ngoài bát!

Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn bảo:

- Phải chú ý nhìn ngay thẳng khi nhận thức ăn. Ai không làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo không chú ý nhìn ngay thẳng khi nhận canh, đồ ăn. Thế Tôn bảo:

- Phải chú ý nhìn ngay thẳng khi nhận canh, đồ ăn. Ai không làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo nhận cơm đầy tràn bát. Thế Tôn bảo:

- Phải nhận cơm vừa ngang bát. Ai nhận cơm đầy tràn bát thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lựa thức ăn nằm trong cơm để ăn. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được lựa thức ăn nằm lẫn trong cơm để ăn. Ai làm vậy thì không hợp với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo xoay bát rồi dùng ngón tay moi thức ăn ở trong cơm mà ăn. Thế Tôn bảo:

- Không được xoay bát rồi dùng ngón tay cái moi thức ăn ở trong cơm ra mà ăn. Ai làm vậy thì không hợp với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo vò cơm thành vắt để ăn. Thế Tôn bảo:

- Không được vò cơm thành vắt để ăn. Ai vò cơm thành vắt để ăn thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lượm cơm rơi rớt để ăn. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được lượm cơm rơi rớt mà ăn. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo thun mũi lại mà ăn. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được thun mũi lại mà ăn. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo rảy tay mà ăn. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được rảy tay mà ăn. Ai làm vậy thì không hợp với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo hóp cơm mà ăn. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được hóp cơm mà ăn. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo dùng lưỡi liếm bàn tay mà ăn. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được dùng lưỡi liếm bàn tay mà ăn. Ai làm vậy thì không hợp với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo co ngón tay vết bát rồi liếm ăn. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được co ngón tay vết bát rồi liếm ăn. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo thè lưỡi mà ăn. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được thè lưỡi mà ăn. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo không nhai thức ăn mà nuốt. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được không nhai thức ăn mà nuốt. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo dùng ngón tay vuốt bát làm dơ bản rồi dùng tay dơ đó nhận nước uống. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được dùng tay dơ mà nhận nước uống. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo vắt nắm cơm lớn để vào lòng bàn tay rồi ép vào trong miệng. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được vắt nắm cơm lớn để vào lòng bàn tay rồi ép vào trong miệng. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo vò vắt cơm lớn hơn bốn ngón tay mà ăn. Thế Tôn bảo:

- Không được vò vắt cơm lớn hơn bốn ngón tay. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo há lớn miệng khi ăn. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được há lớn miệng khi ăn. Ai há lớn miệng thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo há lớn miệng đợi khi vắt cơm chưa đưa tới miệng. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được há lớn miệng đợi khi vắt cơm chưa đến miệng. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo ngậm cơm mà nói. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được ngậm cơm mà nói. Ai ngậm cơm mà nói thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo không bệnh mà xin cơm canh. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được xin cơm canh khi không bệnh. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lấy cơm che lên canh để xin canh. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được lấy cơm che lên canh để xin thêm canh. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo quay đầu nhìn vào bát cơm của Tỳ-kheo ngồi cạnh hai bên để xem cơm nhiều ít. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được quay đầu nhìn vào bát của người ngồi cạnh hai bên để xem cơm nhiều ít. Ai làm vậy thì không hợp với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo không nhìn vào bát khi ăn. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được không nhìn vào bát khi ăn. Ai không làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo chọn người để nhận thức ăn. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Không được chọn người để nhận thức ăn. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo rửa bát, thức ăn còn thừa không nói với thí chủ mà đem đổ. Thấy vậy, Thế Tôn bảo:

- Rửa bát xong, thức ăn còn thừa, nếu chủ nhà không đồng ý thì không được đổ. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vua Ba-tư-nặc tự ra quy định cho mình suốt đời.

Biết Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ, vua chọn ngày đến bái yết Thế Tôn. Vua nghĩ: “Nếu ta không đi thì phải giao cho đại thần năm trăm lượng vàng”.

Vua bảo các đại thần:

- Hôm nay ta muốn đến đánh lễ, chiêm ngưỡng Thế Tôn. Các khanh hãy đi quét dọn Kỳ-hoàn.

Tuy nghe vua ra lệnh nhưng các đại thần không làm theo. Vua lập lại đến ba lần:

- Hôm nay ta muốn đến lễ bái, chiêm ngưỡng Thế Tôn. Các khanh hãy đi quét dọn Kỳ-hoàn.

Tuy nghe vua ra lệnh, các bề tôi vẫn không nghe theo. Vua Ba-tư-nặc liền nổi giận, bảo các đại thần rằng:

- Ta bảo quét dọn Kỳ-hoàn, vì sao các khanh không nghe lời ta? Ai không nghe lời ta, không quét dọn Kỳ-hoàn thì sẽ bị chém đầu hết, bỏ lên đường cái rồi lấy chân hất đến cổng Kỳ-hoàn.

Nghe vậy, các bề tôi bảo nhau:

- Vua này hung bạo, không có lòng từ, có thể bắt giết chúng ta. Lúc ấy, họ liền đến quét dọn Kỳ-hoàn rồi trở về tâu với vua:

- Đã quét dọn xong, xin đại vương lên đường.

Vua Ba-tư-nặc liền bảo người đánh xe:

- Người hãy chuẩn bị xe “Vũ bão”, ta muốn đi lễ bái Thế Tôn.

Người đánh xe liền chuẩn bị xe cộ để sẵn ở ngoài cổng rồi vào tâu với vua:

- Xe đã được chuẩn bị xong. Đã đến giờ xuất hành, thưa đại vương.

Vua Ba-tư-nặc liền lên xe Vũ bão, đi từ thành Xá-vệ đến bên ngoài cổng Kỳ-hoàn thì xuống xe, cởi bỏ năm oai nghi như: bỏ lọng, tháo mũ, bỏ phát trần có chuỗi bằng châu báu, tháo giày được khắc chạm, cởi kiếm và đi bộ đến chỗ Như Lai, đánh lễ sát đất, ngồi qua một phía.

Vua Ba-tư-nặc chợt nghe mùi hương chẳng phải của nhơn gian, vì vậy tuy nghe Thế Tôn thuyết pháp nhưng vua không tiếp thu được, chỉ để ý đến mùi hương.

Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi vua Ba-tư-nặc:

- Vì sao hôm nay vua không chú ý nghe pháp mà lại bị tán tâm?

Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

- Từ nhỏ trẫm đã được sanh trưởng trong cung, tám tuổi đã biết việc vua. Các loại hương có trong tất cả các kho như: mộc mật, thanh mật, chiên đàn, miệt tiền, kê thiết... chỉ cần nghe qua là trẫm đều phân biệt được. Loại hương này chẳng phải là mùi hương của nhơn gian. Đó là hương gì vậy? Xin Thế Tôn nói cho trẫm biết.

Thế Tôn nói:

- Đại vương muốn thấy người phát ra mùi hương này sao?

- Dạ, muốn thấy.

Thế Tôn liền đưa cánh tay phải được trang nghiêm bằng trăm tướng, ấn bàn tay xuống đất, chợt có bộ hài cốt dài năm trượng sáu xuất hiện, bay lên hư không, ngồi, nằm, đi lại hoặc nhập thiền, phóng ra các loại ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hoặc màu lưu ly, vọt lên phía Đông, niền mát ở phía Tây, bốn phương đều như vậy. Dưới thân phun ra nước, trên thân phun ra lửa. Dưới thân phát lửa, trên thân phun nước... làm bao nhiêu biến hóa rồi lặn xuống đất.

Cả Kỳ-hoàn đều ngửi mùi hương của hài cốt ấy.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

- Đó là bộ xương của ai vậy?

Thế Tôn bảo:

- Đó là xương của vị Bích-chi Phật.

Vua lại bạch Thế Tôn:

- Xưa kia vị ấy đã tạo công đức gì mà có mùi hương vi diệu này?

Thế Tôn đáp:

- Cách đây vô số kiếp, khi con người thọ hai mươi ngàn tuổi, có vị Phật Ca-diếp Vô sở trước Đẳng chánh giác xuất thế, thuyết pháp cho chúng sanh một cách rộng rãi.

Khi Ngài nhập Niết-bàn, có vua Chấp Bì cho chở hương, hoa, cờ, lọng, loa, trống, tấu nhạc, cúng dường đủ cách để làm lễ trà tỳ.

Lúc ấy vua Chấp Bì suy nghĩ: “Ta phải dựng tháp thờ Phật Ca-diếp sao cho thật đẹp”.

Ở bốn cửa thánh có bốn con rồng lớn. Chúng ra khỏi nước, hóa thành Bà-la-môn, đến đứng trước vua, vòng tay thăm hỏi và ngồi ở một phía. Họ hỏi vua:

- Không biết đại vương định tạo tháp thờ Phật Ca-diếp bằng những vật gì?

Vua đáp:

- Sẽ đắp đất để làm.

Bốn người ấy tâu vua:

- Người thường chết thì đắp đất làm mộ, còn đây là Thế Tôn mà lại đắp đất sao?

Vua hỏi:

- Bốn người định làm ra sao?

Bốn người ấy đáp:

- Làm bằng bốn loại châu báu.

Vua hỏi:

- Đem cả Diêm-phù-đề bán không được một loại châu báu, thì lấy đâu ra bốn loại?

Bốn người liền suy nghĩ: “Chắc vua không biết ta là vua rỗng”. Họ liền tâu với vua:

- Chúng tôi là vua rỗng, chẳng phải là người phàm. Chúng tôi ở trong bốn cửa thành, có các cung điện bằng vàng, bạc, lưu ly, hoặc thủy tinh. Vua hãy sai thợ đào hào ở bốn cửa thành, nơi nào có vàng thì sẽ thành hào vàng. Nơi có bạc, thủy tinh, lưu ly đều thành hào bạc, thủy tinh, lưu ly.

Vua cho người đào hào ở bốn cửa thành và đều thành bốn cái hào dựng bốn loại châu báu. Vua cho lấy số châu báu đó dựng tháp thờ Phật Ca-diếp., dài một do-tuần, rộng một do-tuần, cao một do-tuần. Sau đó treo lọng cách nóc tháp một do-tuần.

Khi tháp thờ Phật Ca-diếp được làm xong thì trời đã tối mịt. Vua cho người lắc chuông trong thành thông báo cho những người bán hoa đem tất cả các loại hoa đến cửa cung và vua mua hết.

Có con của một trưởng giả thường đến nhà dâm nữ để mua dâm. Dâm nữ ấy bảo cô tớ gái ra xem, nếu con của trưởng giả có mang hoa đến thì mở cửa ngay, còn nếu không mang hoa đến thì đừng có mở cửa.

Khi con của trưởng giả đến cửa, nàng hầu hỏi:

- Ai đó?

Đáp:

- Con của trưởng giả.

Nàng hầu hỏi:

- Có mang hoa đến không?

Đáp:

- Không có hoa.

- Nếu không có hoa thì không được vào.

Con của trưởng giả liền suy nghĩ: “Trong thành này hoa rất quý hiếm, không thể tìm được, chỉ có hoa ở tháp Phật Ca-diếp là dễ được”. Anh ta liền vào tháp Phật Ca-diếp, đựng hoa đầy tám vải rồi trở ra. Lúc ấy trời đã tối, cửa thành đã đóng, anh ta theo cống thoát nước mà chui vào, đến gõ cửa nhà dâm nữ.

Nàng hầu hỏi:

- Ai vậy?

Đáp:

- Con của trưởng giả.

Nàng hầu hỏi:

- Có mang hoa đến không?

Đáp:

- Có.

Nàng hầu liền mở cửa mời anh ta vào. Anh ta vào, đưa hoa cho dâm nữ rồi cùng nhau giao hội suốt đêm.

Gần sáng, toàn thân thể anh ta đều sanh ghẻ lớn như hạt cải, dần dần lớn như hạt đậu bèo, rồi như hạt đậu lớn, rồi như quả A-ma-lặc, rồi như quả Tỳ-hê-lặc, rồi lớn như trái bầu tiểu bách tử, thân thể tuôn mủ, máu đen tuôn chảy.

Dâm phụ bảo nàng hầu:

- Hãy đem quặng vào hó.

Nàng hầu nói:

- Không được. Đề báo với cha anh ấy.

Nàng hầu liền đến báo với cha anh ta rằng:

- Con trai ông bị bệnh. Hãy đến chăm sóc.

Người cha liền dẫn theo bốn người nữa đến khiêng cậu ấy về nhà, mời thầy thuốc giỏi đến nói rằng:

- Cậu bé này bị bệnh nặng, phải trị bằng cách nào đây?

Thầy thuốc đáp:

- Cần phải có chín lạng ngư-đầu chiên-đàn

Người cha hỏi:

- Để làm gì?

Thầy thuốc đáp:

- Ba lạng để xoa thân, ba lạng uống vào bụng, ba lạng để xông y phục.

Người cha suy nghĩ: “Có bao nhiêu tiền đều đã giao hết cho nhà dâm phụ. Ngưu-đầu chiên-đàn có giá rất mắc, sợ rằng không thể mua nổi”. Ông ta liền nhờ bà con giúp đỡ và có được chín lạng ngưu-đầu chiên-đàn, đem mài trên đá ở trước bệnh nhân.

Người bệnh hỏi:

- Định làm gì vậy?

Người cha đáp:

- Để thoa lên mụn nhọt.

Người con nói với cha:

- Con phạm tội rất nặng. Dù có đặt con vào rùng chiên-đàn thì bệnh con cũng không khỏi.

Người cha hỏi:

- Tội gì mà nặng vậy?

Người con kể đầy đủ sự việc và xin chín lạng ngưu-đầu chiên-đàn đó. Người cha đưa chiên-đàn cho con. Người con nói:

- Xin cha hãy đem con đến chỗ tháp Phật Ca-diếp.

Bốn người liền khiêng cậu ấy đến chỗ tháp Phật. Cậu ta cầm ba lạng ngưu-đầu chiên-đàn và nói rằng:

- Vừa rồi con đã lấy trộm hoa của Phật Ca-diếp. Xin đem hương này để bồi thường số hoa đó. Sáu lạng còn lại thì xin dâng cho Phật Ca-diếp.

Cậu ấy phát nguyện rằng:

- Nhờ công đức này, xin cho con không đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chỉ sanh trong trời người và cuối cùng đạt được quả Bích-chi Phật mà nhập Niết-bàn.

Các mụn nhọt trên thân cậu ấy lành ngay lập tức. Khi đến đây phải khiêng, nhưng khi về thì cậu ấy tự đi bộ. Sau khi mạng chung, cậu ấy sanh lên cõi trời Ba mươi ba.

Vào ngày cậu ấy sanh lên trời, chư thiên đều nghe mùi hương chiên-đàn. Khi hết tuổi thọ ở cõi trời thì được sanh ở nhơn gian, mỗi lỗ chân lông đều có mùi hương chiên-đàn. Sau đó, cậu ấy xuất gia, học đạo và đắc quả Bích-chi Phật, nhập vào Niết-bàn Vô-dur.

Từ lúc vị ấy nhập Niết-bàn đến nay đã năm trăm năm, xương cốt không mục cho nên có mùi hương chẳng phải ở nhơn gian này, làm cho cả Kỳ-hoàn đều được ngửi thấy mùi hương đó.

(Lúc Phật nói lời này, hàng ngàn vạn người phát sanh ý Bích-chi Phật).

Này đại vương! Con của trưởng giả lúc ấy, nay chính là hài cốt của vị Bích-chi Phật.

Thế Tôn liền thuyết pháp cho vua nghe. Thuyết pháp xong, Thế Tôn im lặng.

Lúc ấy, vua Ba-tu-nặc đứng dậy đánh kẻ Phật rồi đi, cỡi xe Vũ bão trở về thành Xá-vệ.

Khi vua đang ngồi trên xe, nhóm sáu Tỳ-kheo thuyết pháp cho vua nghe. Thấy vậy, Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Phật. Thế Tôn bảo:

- Không được thuyết pháp cho người cỡi xe. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Vua ở phía trước, nhóm sáu Tỳ-kheo ở phía sau thuyết pháp. Thế Tôn bảo:

- Người ở phía trước, mình ở phía sau thì không được thuyết pháp. Ai thuyết pháp như vậy thì trái với giới hạnh.

Vua ở giữa đường, nhóm sáu Tỳ-kheo ở lề đường thuyết pháp cho vua nghe. Thế Tôn bảo:

- Người ở giữa đường, mình ở lề đường thì không được thuyết pháp. Ai thuyết pháp như vậy thì trái với giới hạnh.

Vua ngồi, nhóm sáu Tỳ-kheo đứng thuyết pháp cho vua. Thế Tôn bảo:

- Người ngồi, Tỳ-kheo đứng thì không được thuyết pháp. Ai thuyết pháp như vậy thì không hợp với giới hạnh.

Vua ngồi ở chỗ cao, nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi ở chỗ thấp thuyết pháp cho vua. Thế Tôn bảo:

- Người ngồi ở chỗ cao, mình ngồi ở chỗ thấp thì không nên thuyết pháp. Ai thuyết pháp như vậy thì không hợp với giới hạnh (trừ người bệnh).

Vua che đầu, nhóm sáu Tỳ-kheo thuyết pháp cho vua. Thế Tôn bảo:

- Không được thuyết pháp cho người che đầu. Ai thuyết pháp như vậy thì trái với giới hạnh.

Vua trùm đầu, nhóm sáu Tỳ-kheo thuyết pháp cho vua. Thế Tôn bảo:

- Không được thuyết pháp cho người trùm đầu. Ai thuyết pháp như vậy thì không hợp với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo thuyết pháp cho người lật ngược phần y hai bên. Thế Tôn bảo:

- Không được thuyết pháp cho người lật ngược phần y ở hai bên. Ai thuyết pháp như vậy thì không hợp với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo thuyết pháp cho người đắp ba y bị lệch một bên và xệ dưới đất. Thế Tôn bảo:

- Không được thuyết pháp cho người đắp ba y lệch một bên và xệ xuống đất. Ai thuyết pháp như vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo thuyết pháp cho người đắp ba y để rủ phần trên của y xuống một bên, hở ngực. Thế Tôn bảo:

- Không được thuyết pháp cho người đắp ba y để rủ phần trên của y xuống một bên, hở ngực. Ai thuyết pháp như vậy thì trái với giới hạnh (trừ người bệnh).

Nhóm sáu Tỳ-kheo thuyết pháp cho người vắt ngược ba y lên vai. Thế Tôn bảo:

- Không nên thuyết pháp cho người lật ngược ba y lên vai. Ai thuyết pháp như vậy thì trái với giới hạnh (trừ bệnh).

Nhóm sáu Tỳ-kheo thuyết pháp cho người vung vẩy hai cánh tay bên trong ba y. Thế Tôn bảo:

- Không được thuyết pháp cho người vung vẩy hai cánh tay trong ba y. Ai thuyết pháp như vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi thuyết pháp cho người nằm. Thế Tôn bảo:

- Người nằm, Tỳ-kheo ngồi thì không nên thuyết pháp. Ai thuyết pháp như vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo thuyết pháp cho người mang giày da. Thế Tôn bảo:

- Không được thuyết pháp cho người mang giày da. Ai thuyết pháp như vậy thì không hợp với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo thuyết pháp cho người mang guốc gỗ. Thế Tôn bảo:

- Không được thuyết pháp cho người mang guốc gỗ. Ai thuyết pháp như vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo thuyết pháp cho người cầm dù che thân. Thế Tôn bảo:

- Không được thuyết pháp cho người cầm dù che thân. Ai thuyết pháp như vậy thì không hợp với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo thuyết pháp cho người chống gậy. Thế Tôn bảo:

- Không được thuyết pháp cho người chống gậy. Ai thuyết pháp như vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo thuyết pháp cho người cầm dao. Thế Tôn bảo:

- Không được thuyết pháp cho người cầm dao. Ai thuyết pháp như vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo thuyết pháp cho người cầm kích, Thế Tôn bảo:

- Không được thuyết pháp cho người cầm kích. Ai thuyết pháp như vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo thuyết pháp cho người cầm búa. Thế Tôn bảo:

- Không được thuyết pháp cho người cầm búa. Ai thuyết pháp như vậy thì không hợp với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo đại tiểu tiện, khắc nhỏ lên rau cỏ ở trong vườn sạch. Thế Tôn bảo:

- Không được đại tiểu tiện, khắc nhỏ lên rau cỏ trong vườn sạch. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo đại tiểu tiện, khắc nhỏ trong nguồn nước mà trưởng giả dùng để ăn uống. Thế Tôn bảo:

- Không được khắc nhỏ, đại tiểu tiện trong nước sạch. Ai làm vậy thì trái với giới hạnh.

Nhóm sáu Tỳ-kheo đứng tiểu tiện. Thấy vậy, các trưởng giả bảo nhau:

- Sa-môn Thích tử này đứng tiểu tiện, có khác gì ngoại đạo Ni-kiền-tử.

Họ đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Không được đứng tiểu tiện. Ai đứng tiểu tiện thì trái với giới hạnh (trừ người bệnh).

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một trưởng giả thỉnh Phật và chúng Tăng. Lần đó đến phiên nhóm sáu Tỳ-kheo và nhóm mười bảy Tỳ-kheo ở lại giữ tịnh xá. Nhóm sáu Tỳ-kheo bảo nhóm mười bảy Tỳ-kheo ở lại giữ tịnh xá, còn họ sẽ đem phần cơm về cho.

Khi đi giữa đường, nhóm sáu Tỳ-kheo bảo nhau:

- Nếu nhận được cơm, chúng ta sẽ đi chậm rãi sau các Tỳ-kheo, đợi quá ngo mới mang thức ăn về.

Chúng Tăng ăn xong, nhóm sáu Tỳ-kheo nhận phần cơm của nhóm mười bảy Tỳ-kheo và đi từ từ phía sau các Tỳ-kheo. Khi đến bên ngoài cổng Kỳ-hoàn, họ đứng chân chờ ở dưới chân thành hoặc dưới gốc cây chứ không chịu vào.

Nhóm mười bảy Tỳ-kheo tuổi nhỏ, không chịu nổi cơn đói, liền ra ngoài cửa trông chừng nhưng không thấy, liền leo lên cây cao và ngó thấy nhóm sáu Tỳ-kheo đang ngồi dưới gốc cây hoặc ở dưới thành. Thấy các Tỳ-kheo ấy trèo cây, các trưởng giả liền đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Không được trèo lên cây cao quá đầu người. Ai trèo lên cây cao quá đầu người thì không hợp với giới hạnh (trừ khi sợ hổ, sói, trộm cướp).

--- o0o ---

Phật ở vườn Kỳ-thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy có Tỳ-kheo tên Tư-cừ, ưa thích đấu tranh, không biết tôn ty, đụng ai cũng mắng chửi. Các Tỳ-kheo mười hai pháp đến bạch Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

- Tha thứ cho Tỳ-kheo như tha thứ cho người si.

Có bảy pháp sám hối lỗi lầm:

- 1- Trước đó có lỗi, nên dạy sám hối lỗi ấy, là pháp thứ nhất.
- 2- Làm ngay thẳng, tâm ý của ông không để có lỗi lầm, là pháp thứ hai.
- 3- Nếu người ngu gây lỗi thì dạy cho yên lặng, là pháp thứ ba.
- 4- Người không biết pháp, dạy cho biết pháp, là pháp thứ tư.

5- Có phạm lỗi ở trong chúng Tỳ-kheo phải như cỏ che đất, sám hối rồi lại sám hối thêm nữa, là pháp thứ năm.

Tỳ-kheo trách phạt phải đủ năm pháp:

* Bản thân không có lỗi lầm, sau đó mới trách người kia. Mình đã không trong sạch, không thể tự làm trong sạch, thì trước hết phải tự làm trong sạch, sau đó mới làm trong sạch cho người. Đối với pháp thứ nhất, Tỳ-kheo trách phạt phải giữ tâm ý cho ngay thẳng, sau đó mới trách phạt người. Đó là pháp thứ nhất.

* Tỳ-kheo trách phạt ấy nếu có nói gì bất tịnh, riêng mình bất tịnh, không thể tự tịnh, trước hết phải tự làm sạch mình, sau đó mới làm sạch người. Đối với pháp thứ hai này, Tỳ-kheo trách phạt phải chuyên nhất tâm ý, sau đó mới trách phạt người. Đó là pháp thứ hai.

* Tỳ-kheo trách phạt ấy, nếu tâm mình bất tịnh, không thể tự làm sạch thì trước hết phải làm sạch tâm mình, sau đó mới làm sạch người. Đối với pháp thứ ba ấy, Tỳ-kheo trách phạt phải chuyên nhất tâm ý, sau đó mới trách phạt người kia. Đó là pháp thứ ba.

* Tỳ-kheo trách phạt đi lại vô độ, không thể tự kiềm chế thì trước tiên phải làm trong sạch mình, sau đó mới làm trong sạch người. Đối với pháp thứ tư này, Tỳ-kheo trách phạt phải chuyên nhất tâm ý, sau đó mới trách phạt người kia. Đó là pháp thứ tư.

* Tỳ-kheo trách phạt nếu không được nghe nhiều, không được thông minh, trước kia chưa được học hành thì trước hết phải siêng năng học, sau đó mới dạy người. Đối với pháp thứ năm này, Tỳ-kheo trách phạt phải chuyên nhất tâm ý, sau đó mới trách phạt người kia. Lại phải học năm pháp cung kính là: cung kính Thế Tôn, Pháp, chúng Tăng, giới, tịnh hạnh. Đó là năm pháp.

Nếu có phạm lỗi thì Tỳ-kheo Thượng tọa phải sám hối với Tỳ-kheo Hạ tọa, Tỳ-kheo Hạ tọa phải sám hối với Tỳ-kheo Thượng tọa. Phải tha thứ lỗi lầm cho nhau, không được để qua một đêm không sám hối tội lỗi. Nếu để qua một đêm không sám hối thì đối với pháp Tỳ-ni sẽ không đạt được pháp Tỳ-ni.

Nếu các Tỳ-kheo ý không được tốt, có phạm lỗi gì thì Tỳ-kheo Thượng tọa và Tỳ-kheo Hạ tọa phải cùng nhau sám hối để đạt được pháp Tỳ-ni nơi pháp Tỳ-ni, các Tỳ-kheo liền được yên thân hành đạo.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ai có lỗi không sám hối thì không hợp với giới hạnh.

(Trong bảy pháp thiếu mất hai pháp là trưởng lão và thiếu niên. Về sau, vị ấy phân năm pháp thành bảy pháp, tách pháp trên, dưới hướng về nhau sám hối ở năm pháp sau thành hai pháp nữa, thế là đủ bảy pháp).

Giới y hạ ở trong luật không giống nhau (luật nói quần nhuyễn, giới bên trên nói quần nhuyễn đầu y thành hình như vắt cơm lúa mạch nghĩa là cuốn ngược lên).

Trong phần liên quan đến ba y (bốn giới trước giống nhau, sáu giới sau thiếu một giới lật ngược y vắt lên vai phải mà đi vào hoặc ngồi trong nhà).

Thuyết pháp (mình ngồi ghế thấp, người ngồi ghế cao thì không được thuyết pháp).

Vẩy tay để lấy thức ăn (trong luật thiếu vẩy tay, vung vẩy hai chân).

Thọ thực: luật chỉ cho nhận cơm vừa ngang bát, không được há lớn miệng vét bát, thọc ngón tay cái vào cơm, không nhai mà nuốt, ăn vắt cơm lớn, dùng ngón tay lượm cơm bỏ vào miệng nhai.

Vào trong nhà (trong luật có trợn mắt, ngược đầu, kêu gọi lớn tiếng, ngược nhìn một cách tự đại như vậy).

TỠ NẠI DA

Hết quyển mười

(trọn bộ)

--- o0o ---

Hết